PHẦN BA: THỐNG KÊ

CHƯƠNG 9

DỮ LIỆU VÀ XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM

▷ Bài 38. DỮ LIỆU VÀ THU THẬP DỮ LIỆU

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Dữ liệu thống kê:

✍ Những thông tin thu thập được như: số, chữ, hình ảnh, … được gọi là dữ liệu

✓ Dữ liệu số: số liệu

✓ Dữ liệu không phải số

✍ Để đánh giá tính hợp lí của dữ liệu, ta cần đưa ra các tiêu chí đánh giá về dữ liệu như:

✓ Đúng định dạng

✓ Nằm trong phạm vi dự kiến

❷ Thu thập dữ liệu thống kê:

✍ Có nhiều cách:

✓ Quan sát

✓ Làm thí nghiệm

✓ Lập phiếu hỏi

✓ Thu thập từ những nguồn có sẵn như sách, báo, trang web

…

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Thu thập dữ liệu từ bảng có sẵn

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Thầy giáo theo dõi thời gian giải một bài toán của một nhóm 10 học sinh trong lớp và ghi lại trong bảng sau:

Tên học sinh	An	Bình	Chi	Duyên	Hà	Kiên	Linh	Mai	Nhi	Phương
Thời gian (phút)	8	5	7	9	7	8	7	9	5	6

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

◎ Bài 2: Một giáo viên thể dục đo chiều cao (tính theo cm) của một nhóm học sinh và ghi lại ở bảng sau:

Tên học sinh	Tú	Anh	Chi	Duy	Hoàng	Mai	Trang	Ly	Ngát
Chiều cao (cm)	138	141	145	145	139	138	140	139	145

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

◎ Bài 3: Điều tra số con trong 30 gia đình ở một khu vực dân cư người ta có bảng số liệu sau:

Số con	1	2	3	4	5	7	8
Số hộ gia đình	1	13	5	3	6	1	1

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

◎ Bài 4: Điều tra về sự tiêu thụ điện năng (tính theo kwh) của 20 gia đình ở một tổ dân phố, ta có kết quả sau:

Điện năng	0 - 65	66 - 99	100 - 149	150 - 200
Số hộ gia đình	8	4	6	2

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

◎ Bài 5: Số lỗi chính tả trong một bài kiểm tra môn Anh văn của học sinh lớp 6A được cô giáo ghi lại trong bảng dưới đây:

Số lỗi	2	3	4	5	6	9	10
Số học sinh	3	6	9	5	7	1	1

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

◎ Bài 6: Một nhà nghiên cứu giáo dục đến một ngôi trường Trung học và phát cho 8 học sinh một phiếu hỏi có nội dung sau:

PHIẾU HỎI

Trong thời gian rảnh em thích hoạt động nào nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước hoạt động em thích làm nhất)

A. Đọc sách B. Xem tivi C. Chơi game D. Hoạt động khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phiếu	1	2	3	4	5	6	7	8
Hoạt động	Đọc sách	Xem tivi	Xem tivi	Chơi game	Đọc sách	Hoạt động khác	Chơi game	Chơi game

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Bài 7: Bạn Nam muốn tìm hiểu môn thể thao yêu thích của các bạn trong tổ 1, bạn Nam phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong các môn thể thao, môn thể thao nào bạn yêu thích nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước môn thể thao yêu thích nhất.)

A. Bóng đá B. Cầu lông C. Bơi lội D. Bóng bàn

E. Môn thể thao khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Bạn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Môn thể thao	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Môn thể thao khác	Bóng đá	Bóng bàn	Bóng đá	Môn thể thao khác	Cầu lông	Bơi lội

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Bài 8: Trong cuộc thi olimpic, các thành viên đạt được huy chương như sau:

Thành viên	Nam	Trang	Hiếu	Chi	Tuấn	Đạt
Huy chương	Bạc	Đồng	Vàng	Bạc	Bạc	Đồng

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Bài 9: Con vật yêu thích của một nhóm 10 học sinh trong lớp và ghi lại trong bảng sau:

Tên học sinh	An	Bình	Chi	Duyên	Hà	Kiên	Linh	Mai	Nhi	Phương
Con vật yêu thích	Con mèo	Con thỏ	Con chó	Con mèo	Con mèo	Con khỉ	Con chó	Con vẹt	Con thỏ	Con mèo

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Bài 10: Bạn Bình muốn tìm hiểu môn học yêu thích của các bạn trong tổ 2, bạn Bình pát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong các môn học, môn học nào bạn yêu thích nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước môn học yêu thích nhất.)

A. Toán B. Văn C. Tiếng anh D. Môn hoc khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Thành viên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Môn học yêu thích	Toán	Văn	Văn	Môn học khác	Toán	Môn học khác	Toán	Môn học khác	Toán	Môn học khác

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Bài 11: Trong đợt bầu cử ban chấp hành chi đội, Lan được cử vào ban kiểm phiếu. Em hãy giúp Lan hoàn thành công việc.

Tên	Mạnh	My	Tùng	Nhi	Long
Kiểm đếm	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸
Số bạn chọn					

Điền dữ liệu vào cột Số bạn chọn giúp bạn Lan nhé.

a) Lan đang điều tra về vấn đề gì.

b) Bạn ấy thu thập được các loại dữ liệu gì?

c) Bạn nào được các bạn trong lớp bình chọn nhiều nhất.

d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Bài 12: Mai muốn tìm hiểu về món ăn sáng nay của các bạn trong lớp. Em hãy giúp Mai hoàn thành công việc.

Món ăn sáng	Kiểm đếm	Số bạn ăn
Bánh mì	𝍸	
Xôi	𝍷	
Bánh bao	𝍸	
Bún	𝍩	
Cơm tấm	𝍷	

Điền dữ liệu vào cột Số bạn ăn giúp bạn Mai nhé.

a) Mai đang điều tra về vấn đề gì.

b) Bạn ấy thu thập được các loại dữ liệu gì?

c) Món ăn sáng nào được các bạn trong lớp ăn nhiều nhất.

d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Bài 13: Thầy giáo thể dục muốn tìm hiểu môn thể thao được ưa thích của lớp 6A. Em hãy giúp thầy hoàn thành công việc.

Môn thể thao	Kiểm đếm	Số bạn ưa thích
Bóng đá	𝍸	
Cầu lông	𝍸	
Đá cầu	𝍷	
Bóng bàn	𝍸	
Bơi lội	𝍸	
Bóng chuyền	𝍷	
Trượt patin	𝍸	
Bóng rổ	𝍷	

Điền dữ liệu vào cột Số bạn ưa thích giúp thầy nhé.
a) Thầy giáo đang điều tra về vấn đề gì.
b) Thầy thu thập được các loại dữ liệu gì?
c) Môn thể thao nào được các bạn trong lớp ưa thích nhiều nhất.
d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Bài 14: Bạn An muốn tìm hiểu môn học yêu thích nhất của các bạn trong lớp. Em hãy giúp bạn An hoàn thành công việc.

Môn học	Kiểm đếm	Số bạn yêu thích
Toán	𝍸	
Văn	𝍸	
Tiếng anh	𝍸	
Địa lý	𝍸	
Lịch sử	𝍸	
Sinh học	𝍸	
Vật lý	𝍸	

Điền dữ liệu vào cột Số bạn yêu thích giúp bạn An nhé.
a) Bạn An đang điều tra về vấn đề gì.
b) Bạn An thu thập được các loại dữ liệu gì?
c) Môn học nào được các bạn trong lớp yêu thích nhiều nhất.
d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎ Bài 15: Bạn Hà muốn tìm hiểu số lượng con vật nuôi ở nhà của các bạn học sinh tổ 3 trong lớp. Em hãy giúp bạn Hà hoàn thành công việc

Tên	Các con vật được nuôi	Tổng số con vật
Nam	1 chó, 1 mèo, 5 cá	
Linh	2 chó, 1 chim	
Chi	1 mèo, 1 thỏ	
Hiếu	2 chó, 1 mèo	
Anh	1 chó, 1 mèo, 2 chim, 3 thỏ	
Trung	1 khỉ	
Quang	3 chó, 7 cá	
Giang	0	
Lâm	2 mèo	
Đức	1 chó, 2 chim, 1 thỏ	

Điền dữ liệu vào cột Tổng số con vật giúp bạn Hà nhé.
a) Bạn Hà đang điều tra về vấn đề gì.
b) Bạn Hà thu thập được các loại dữ liệu gì?
c) Nhà bạn nào trong tổ nuôi nhiều con vật nhất.
d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎ Bài 16: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Tên chất	**Carbon**	**Natri**	**Magie**	**Nhôm**	**Lưu huỳnh**
Khối lượng riêng	2,267	0,917	1,738	2,698	2,067

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎ Bài 17: Trường THCS Nguyễn Trãi thực hiện phong trào "Kế hoạch nhỏ" thu gom giấy của các khối lớp được cho trong bảng sau. Em hãy tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Khối lớp	**Khối 6**	**Khối 7**	**Khối 8**	**Khối 9**
Khối lượng (kg)	347,9	450,1	299,5	347,89

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Bài 18: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

STT	Mặt hàng	Tổng tiền bán được
1	Cam	1.246.000
2	Dưa	231.000
3	Lê	460.000
4	Ổi	7.888.000
5	Quýt	15.310.000

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Bài 19: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Tốc độ chạy trung bình của một số động vật	
Con vật	Tốc độ (km/h)
Chó sói	69
Ngựa vằn	65
Sơn dương	98
Thỏ	58
Hươu cao cổ	52
Báo gấm	115

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Bài 20: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Vùng	**Diện tích** *(nghìn ha)*
Đồng bằng sông Hồng	69
Trung du và miền núi Bắc Bộ	65
Tây Nguyên	98
Đông Nam Bộ	58
Đồng bằng sông Cửu Long	52

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎ Bài 21: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ thông tin sau:

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Dự báo thời tiết ngày 26 tháng 9 năm 2018			
Thành phố	Nhiệt độ cao nhất	Nhiệt độ thấp nhất	Nhiệt độ chênh lệch
Việt Trì	32	25	7

◎ Bài 22: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ thông tin sau:

TOKYO 2020 BẢNG HUY CHƯƠNG

Đội	Vàng	Màu bạc	Đồng
Argentina	-	1	2
Armenia	-	2	2
Châu Úc	17	7	22
Áo	1	1	5
Azerbaijan	-	3	4
Bahamas	2	-	-
Bahrain	-	1	-

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

TOKYO 2020 BẢNG HUY CHƯƠNG				
Đội	Vàng	Bạc	Bạc	Tổng số huy chương
Argentina	0	1	2	3

◎ Bài 23: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ đoạn văn bản lịch sử (theo Viện sử học) sau đây: Nhà Ngô: 939 – 965; Nhà Đinh: 968 – 980; Nhà Tiền Lê: 980 – 1009; Nhà Lý: 1009 – 1225; Nhà Trần: 1226 – 1400; Nhà Hồ 1400 – 1407; Nhà Hậu Lê: 1428 – 1788 ; Nhà Tây Sơn: 1788 – 1802; Nhà Nguyễn: 1802 – 1945

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Các triều đại phong kiến Việt Nam			
Triều đại	**Năm bắt đầu**	**Năm kết thúc**	**Thời gian tồn tại (năm)**
Nhà Ngô	939	965	26

PTHToan 6 - Vip

Bài 24: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ đoạn văn bản sau đây:

Top 8 các nhà văn nổi tiếng nhất Việt Nam: Tô Hoài (1920 – 2014); Tố Hữu (1920 – 2002); Xuân Diệu (1916 – 1985); Nam Cao (1915 – 1951); Nguyễn Minh Châu (1930 – 1989); Hoài Thanh (1909 – 1982); Bà Huyện Thanh Quan (1805 – 1848); Nguyễn Khuyến (1835 – 1909).

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Top 8 các nhà văn nổi tiếng nhất Việt Nam			
Nhà văn	**Năm sinh**	**Năm mất**	**Tuổi**
Tô Hoài	1920	2014	94

Bài 25: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ thông tin sau:

Tỷ lệ nhiễm HIV tại Việt Nam giai đoạn 1990 - 2015

STT	KHU VỰC	2011 - 2015
1	Hà Nội 1	0.56 ↘ 0.51
2	Hà Nội 2	0.14 ↘ 0.11
3	Hải Phòng	0.60 ↘ 0.57
4	Quảng Ninh	0.55 ↘ 0.51
5	Nghệ An	0.21 → 0.21
6	Thanh Hóa	0.15 → 0.15
7	Tây Bắc	1.23 ↗ 1.29
8	Đông Bắc	0.14 → 0.14
9	Miền núi phía Bắc	0.20 → 0.20
10	Thái Nguyên	0.60 ↗ 0.65
11	Châu thổ sông Hồng	0.14 ↘ 0.12
12	Bắc Trung Bộ	0.12 → 0.12
13	Duyên hải miền Trung	0.13 → 0.13
14	Khánh Hòa	0.17 ↘ 0.16
15	Tây Nguyên	0.07 → 0.07
16	Đông Nam	0.17 → 0.17
17	Châu thổ sông Mê Kông	0.14 ↘ 0.12
18	An Giang	0.31 → 0.31
19	Cần Thơ	0.43 ↗ 0.47
20	Thành phố Hồ Chí Minh	0.96 ↗ 1.09

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Tỷ lệ nhiễm HIV tại Việt Nâm giai đoạn 1990 - 2015			
Khu vực	**2011 - 2015**		
	Tăng	**Giảm**	**Không tăng giảm**
Hà Nội 1		0,05	

◎ Bài 26: Bản tin sau được trích từ trang web: https://covid19.gov.vn/ ngày 27/1/2022:

Tính từ 16h ngày 26/01 đến 16h ngày 27/01, trên Hệ thống Quốc gia quản lý ca bệnh COVID-19 ghi nhận 15.727 ca nhiễm mới, trong đó 55 ca nhập cảnh và 15.672 ca ghi nhận trong nước (giảm 213 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố (có 10.627 ca trong cộng đồng).

Các tỉnh, thành phố ghi nhận ca bệnh như sau: Hà Nội (2.907), Đà Nẵng (873), Bắc Ninh (794), Thanh Hóa (727), Hải Phòng (719), Quảng Nam (527), Nam Định (469), Vĩnh Phúc (462), Bình Định (437), Hải Dương (417), Hòa Bình (414), Đắk Lắk (378), Quảng Ngãi (374), Hưng Yên (372), Phú Thọ (347), Nghệ An (316), Bình Phước (293), Quảng Ninh (275), Bắc Giang (272), Lâm Đồng (235), Thừa Thiên Huế (220), Thái Bình (207), Gia Lai (183), Sơn La (170), TP. Hồ Chí Minh (168), Lạng Sơn (167), Cà Mau (165), Hà Giang (144), Hà Nam (139), Tây Ninh (135), Phú Yên (129), Quảng Bình (123), Ninh Bình (115), Khánh Hòa (113), Vĩnh Long (112), Thái Nguyên (111), Bến Tre (105), Tuyên Quang (100), Lào Cai (100), Quảng Trị (96), Đắk Nông (95), Bình Dương (92), Lai Châu (90), Trà Vinh (82), Điện Biên (81), Cao Bằng (80), Bình Thuận (66), Bạc Liêu (64), Yên Bái (63), Kon Tum (62), Bà Rịa - Vũng Tàu (57), Đồng Nai (55), Đồng Tháp (50), Hậu Giang (49), Hà Tĩnh (48), Long An (41), An Giang (40), Bắc Kạn (34), Kiên Giang (32), Ninh Thuận (26), Cần Thơ (26), Sóc Trăng (22), Tiền Giang (7).

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Diễn biến dịch bệnh ngày 27/01/2022	
Địa phương	**Số ca mắc covid**
Hà Nội	2907

◎ Bài 27: Bản tin sau được trích từ trang web: https://top-10.vn/ ngày 20/3/2021:

Top 10 tỉnh rộng nhất Việt Nam

- Nghệ An là tỉnh rộng nhất Việt Nam với diện tích 16.481 km². Tỉnh có dân số năm 2020 là 3.365.000 người, đông thứ 6 Việt Nam, mật độ dân cư 204 người/km².
- Tỉnh Gia Lai có diện tích 15.511 km², lớn thứ hai Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.542.000 người, đông thứ 18/63 tỉnh thành, mật độ dân cư 99 người/km².
- Tỉnh Sơn La có diện tích 14.174 km², lớn thứ ba Việt Nam. Tỉnh có dân số 1.271.000 người vào năm 2020, đông thứ 28/63 tỉnh thành, mật độ dân số 90 người/km².
- Tỉnh Đắk Lắk có diện tích 13.031 km², lớn thứ tư Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.887.000 người, đông thứ 10 Việt Nam, mật độ dân số 145 người/km².
- Tỉnh Thanh Hoá có diện tích 11.120 km², thuộc tốp 5 tỉnh rộng nhất cả nước. Tỉnh có dân số năm 2020 là 3.665.000 người, đông thứ 3 Việt Nam, mật độ dân số 330 người/km².
- Tỉnh Quảng Nam có diện tích 10.575 km², lớn thứ 6 Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.505.000 người, đông thứ 19/63 tỉnh thành, mật độ dân số 142 người/km².
- Tỉnh Lâm Đồng có diện tích 9.783 km², lớn thứ 7 Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.310.000 người, mật độ dân số 134 người/km².
- Kon Tum có diện tích 9.674 km², lớn thứ 8 Việt Nam. Dân số năm 2020 là 556 nghìn người, mật độ dân số 57 người/km².

- Điện Biên có diện tích 9.541 km², lớn thứ 9 Việt Nam. Dân số năm 2020 là 614 nghìn người, đông thứ 58/63 tỉnh thành. Tỉnh có mật độ dân số 64 người/km².
- Lai Châu có diện tích 9.070 km², lớn thứ 10 Việt Nam. Dân số năm 2020 là 460 nghìn người, đông thứ 62/63 tỉnh thành. Tỉnh có mật độ dân số 51 người/km².

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Top 10 tỉnh rộng nhất Việt Nam			
Tỉnh	**Diện tích** *(km²)*	**Dân số** *(nghìn người)*	**Mật độ dân số** *(người/km²)*
Nghệ An	16.481	3.365.000	204

◎ Bài 28: Bản tin sau được trích từ trang web: https://www.qdnd.vn/ ngày 24/12/2021:

Về kế hoạch năm 2022, mục tiêu phấn đấu của ngành thủy sản cơ bản duy trì ổn định tổng sản lượng thủy sản, trong đó điều chỉnh giảm dần sản lượng khai thác, tăng sản lượng nuôi trồng và triển khai mạnh các giải pháp để tăng giá trị đối với cả sản lượng nuôi và khai thác để tăng giá trị sản xuất đối với với sản phẩm thủy sản, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng.

Tổng sản lượng thủy sản phấn đấu đạt khoảng 8,73 triệu tấn, bằng 100,03% so với năm 2021. Trong đó, sản lượng khai thác khoảng 3,78 triệu tấn, bằng 96,4%; sản lượng nuôi trồng 4,95 triệu tấn, bằng 103% so với năm 2021.

Các sản phẩm thủy sản chủ lực thuộc mặt xuất khẩu quốc gia: Sản lượng cá tra 1,6 triệu tấn; tôm sú 275 nghìn tấn, tôm thẻ chân trắng 675 nghìn tấn. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 8,9 tỷ USD.

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Xuất khẩu thủy sản	
Sản phẩm	**Sản lượng**
Cá tra	1,6 triệu tấn

◎ Bài 29: Số lượng dụng cụ học tập của một lớp học như sau: bút bi 102 chiếc; thước thẳng 42 chiếc; compa 12 chiếc; ê-ke 23 chiếc; bút chì 45 chiếc; bút đỏ 24 chiếc; tẩy 39 chiếc; bút xóa 9 chiếc.

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Dụng cụ học tập	
Tên	**Số lượng**
Bút bi	102

◎ Bài 30: Sau khi kiểm tra sức khỏe, giáo viên yêu cầu mỗi học sinh thống kê số đo chiều cao, cân nặng của các bạn trong cùng tổ. Bạn Lan liệt kê số đo chiều cao, cân nặng của các bạn trong tổ như sau: Tuấn Anh 150 cm – 50 kg; Chi 153 cm – 47kg; Nam 163 cm – 54 kg; Thiên 157 cm – 57,3 kg; Quang 165 cm – 60,2 kg; Mai 142 cm – 42 kg; Uyên 139 cm – 40,5 kg; Thu 154 cm – 49kg.

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Tên	**Chiều cao** *(cm)*	**Cân nặng** *(kg)*
Tuấn Anh	150	50

◎ Dạng 2: Sự hợp lí và không hợp lí của dữ liệu

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Bảng số tuổi của các thành viên trong gia đình em

Thành viên	Ông	Bà	Bố	Mẹ	Con
Số tuổi	100	48	75	50	8

Bài 2: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Danh sách đội học sinh dự thi văn nghệ của lớp 6A6

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Văn Nam
2	Phạm Thị Ngát
3	Nguyễn Thị Ly
4	11233456
5	Phan Thanh Phương
6	Nguyễn Thu Hà
7	Nguyễn Xuân Việt
8	Nguyễn Năng Quang
9	Đặng Quang Anh
10	Vũ Hải Yến

Bài 3: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Bảng số học sinh nghỉ học trong HK I của các lớp khối 6 trường THCS Nguyễn Trãi.

6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6
43	58	61	-49	38	42

Bài 4: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Danh sách email của các bạn tổ 1

STT	Họ và tên	Email
1	Nguyễn Văn Nam	nvnam@gmail.com
2	Phạm Thị Ngát	ptngat@gmail.com
3	Nguyễn Thị Ly	ntly@gmail.com
4	Trần Công Hùng	tchung@gmail.com
5	Phan Thanh Phương	12/8 Phố Huế
6	Nguyễn Thu Hà	ntha@gmail.com
7	Nguyễn Xuân Việt	nxviet@gmail.com
8	Nguyễn Năng Quang	nnquang@gmail.com
9	Đặng Quang Anh	dqanh@gmail.com

Bài 5: Thân nhiệt (độ C) của một bệnh nhân trong 12 tiếng theo dõi được ghi lại trong bảng sau. Em hãy tìm kiếm các thông tin không hợp lí của bảng dữ liệu trên.

38	39	Nóng	40	41	45
38	37	36	Lạnh	37	37

Bài 6: An đun nước và đo nhiệt độ của nước tại một số thời điểm sau khi bắt đầu đun được kết quả như sau:

Số phút sau khi bắt đầu đun	5	6	7	8	9	10	11
Nhiệt độ $\left({}^{0}C\right)$	41	76	84	94	99	100	105

a) An đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu về nhiệt độ của nước mà An đo được. Giải thích?

Bài 7: Bạn Bình quan sát được số bàn, số ghế trong một phòng học (hình dưới). Em hãy giúp Bình hoàn thiện bảng sau:

Bàn giáo viên	Bàn	Ghế

a) Bạn Bình đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu về số bàn, số ghế mà Bình quan sát được. Giải thích?

Bài 8: Chi muốn tìm hiểu về thời gian rảnh của các bạn trong tổ, bạn Chi phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong thời gian rảnh bạn thích hoạt động nào nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước hoạt động bạn thích làm nhất)

A. Đọc sách B. Xem tivi C. Chơi game D. Hoạt động khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phiếu	1	2	3	4	5	6	7	8
Hoạt động	Đọc sách	Xem tivi	3	Chơi game	Đọc sách	Hoạt động khác	Chơi game	Chơi game

a) Chi đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu về hoạt động bạn thích làm nhất. Giải thích?

Bài 9: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Theo tổng cục môi trường Việt Nam có tổng số loài chim ghi nhận là 888 loài, trong đó có 72 loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu, 51 loài ít xuất hiện và hiếm gặp" – Theo tạp chí môi trường Việt Nam 4/2017.

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số loài
1	Việt Nam có tổng số loài chim là bao nhiêu?	
2	Việt Nam có tổng số loài chim bị đe dọa tuyệt chủng là bao nhiêu?	
3	Việt Nam có tổng số loài chim ít xuất hiện và hiếm gặp là bao nhiêu?	
4	Việt Nam có tổng số loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu và loài ít xuất hiện hiếm gặp là?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 10: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Tính đến ngày 05/12/2021, trên thế giới, số ca nhiễm lên đến 265.801.429 người, trong đó có 5.266.133 người tử vong và 239.516.661 người khỏi bệnh. Tại Việt Nam, số ca nhiễm 1.309.092 người, số người tử vong 26.260 người, số người được điều trị khỏi bệnh 1.009.227 người" – Theo nguồn từ Bộ Y tế Việt Nam

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số ca (người)
1	Trên thế giới số ca nhiễm tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
2	Tại Việt Nam số ca nhiễm tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
3	Trên thế giới số ca tử vong tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
4	Tại Việt Nam số ca khỏi bệnh tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
5	Tại Việt Nam tính đến ngày 05/12/2021 có …… người tử vong.	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 11: Thân nhiệt (độ C) của một bệnh nhân mắc Covid được đo tại một số thời điểm sau khi mắc được kết quả như sau:

Số giờ sau khi mắc	1	2	3	4	5
Nhiệt độ (^0C)	38	38,5	39,5	46	40

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 12: Hiếu muốn thu thập số liệu về số lượng học sinh nữ trong một lớp học để làm một dự án học tập (hình dưới). Em hãy giúp Hiếu hoàn thành bảng sau:

Số học sinh nam	
Số học sinh nữ	

a) Hiếu đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 13: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:

"Nạn phá rừng ở Việt Nam là một trong những vấn nạn ở Việt Nam. Theo báo cáo số liệu năm 2005 của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), Việt Nam là nước có tỉ lệ phá rừng nguyên sinh đứng thứ 2 trên thế giới, chỉ sau Nigeria. Tổng cục Lâm nghiệp thống kê khoảng 22.800 ha rừng bị thiệt hại giai đoạn 2011 - 2019, trong đó nguyên nhân cháy rừng gần 14.000 ha, phá rừng hơn 9.000 ha." – Theo nguồn từ Bách khoa toàn thư

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số rừng bị thiệt hại (ha)
1	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại?	
2	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại do cháy rừng?	
3	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại do phá rừng?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 14: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Đà Nẵng: Tội phạm ma túy tăng 12%. Theo báo cáo của Chủ tịch UBND TP Huỳnh Đức Thơ gửi HĐND TP Đà Nẵng, trong 6 tháng đầu năm 2020, tội phạm về ma túy bị phát hiện tăng 12,2% số đối tượng và tăng 39,2% số ma túy thu giữ so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu liên quan đến ma túy tổng hợp (chiếm 99,7%). Thành phần phạm tội trẻ hóa (từ 18-30 tuổi chiếm 77%).
Theo Công an TP, đã xuất hiện tình trạng mua bán cần sa và loại ma túy mới (tem giấy, bùa lưỡi có chứa chất LSD), đặc biệt có 2,7% sinh viên mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Tình hình sử dụng trái phép chất ma túy giảm 9,8%, nhưng số tái nghiện lại tăng 37%, số nghiện mới tăng 38,7%, số người sử dụng ma túy từ 16 đến dưới 18 tuổi tăng 169%, nữ tăng 56%.
Tính đến ngày 15-5 trên địa bàn TP có 2.060 người nghiện và 1.781 người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý". – Theo báo tuổi trẻ

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số người
1	Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/5 có bao nhiêu người nghiện ma túy?	
2	Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/5 có bao nhiêu người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý?	
3	Tổng số người nghiện ma túy và người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý là bao nhiêu?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 15: Mai thực hiện quan sát một xạ thủ bắn súng trong 6 lần bắn thu được kết quả như sau:

Lần	1	2	3	4	5	6
Điểm số	10	9	8	12	9	11

a) Mai đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 16: Chi chạy bộ và đo nhịp tim tại một số thời điểm sau khi bắt đầu chạy được kết quả như sau:

Số mét sau khi bắt đầu chạy	200	300	400	500	600	700	800
Nhịp tim (nhịp/phút)	80	94	102	648	155	160	550

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 17: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Ngày 23/5, Sở GD-ĐT Hà Nội công bố số lượng học sinh đăng ký dự thi vào lớp 10 của từng trường trung học phổ thông công lập năm học 2021-2022.
Theo đó, toàn thành phố có 93.362 học sinh đăng ký dự tuyển, số học sinh đăng ký nguyện vọng 1 là 93.254 em, còn lại 108 học sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào các lớp chuyên. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường trên địa bàn TP Hà Nội năm học 2021-2022 là 67.446 học sinh.
Căn cứ vào số lượng học sinh đăng ký dự tuyển và chỉ tiêu được giao, học sinh có thể biết được "tỷ lệ chọi" vào lớp 10 của từng trường trung học phổ thông công lập năm học 2021-2022. Học sinh không được thay đổi nguyện vọng dự tuyển.
Đây là năm đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội cho phép mỗi học sinh được đăng ký dự tuyển tối đa vào 3 trường trung học phổ thông công lập, xếp theo thứ tự nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 và nguyện vọng 3." – Trích từ Báo Việt Nam

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số hs
1	Toàn thành phố có bao nhiêu học sinh đăng kí dự tuyển?	
2	Số học sinh đăng kí nguyện vọng 1 là bao nhiêu?	
3	Số học sinh chỉ đăng kí dự tuyển vào lớp chuyên là bao nhiêu?	
4	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường trên địa bàn TP Hà Nội năm học 2021-2022 là bao nhiêu?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 18: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Hà Nội hiện có 642 trường THCS với hơn 508.000 học sinh. Theo đánh giá của Sở GD-ĐT Hà Nội, trong học kỳ đầu tiên của năm học 2020-2021, thầy trò các trường THCS trên địa bàn đã đạt được một số kết quả nổi bật, chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn đều có tiến bộ. Nền nếp, kỷ cương ở các nhà trường trên địa bàn thành phố được duy trì ổn định. Tỷ lệ học sinh xếp loại văn hóa giỏi đạt 35,5%. Chất lượng giáo dục đạo đức được giữ vững với 90,35% số học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt và 8,7% số học sinh xếp loại hạnh kiểm khá." – Trích từ Báo Nhân dân

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ học sinh (%)
1	Tỷ lệ học sinh xếp loai văn hóa giỏi đạt bao nhiêu phần trăm?	
2	Tỷ lệ học sinh xếp loai hạnh kiểm tốt đạt bao nhiêu phần trăm?	
3	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá đạt bao nhiêu phần trăm?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Bài 19: Bạn Bi muốn tìm hiểu vị kem yêu thích của các bạn trong tổ, bạn Bi phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong các vị kem, vị nào bạn yêu thích nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước vị kem yêu thích nhất.)

A. Vani B. Socola C. Dâu D. Một vị khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Vị kem	Vani	Socola	Dâu	Một vị khác
Số bạn yêu thích	x x x x	x x	x x x	x x

a) Bi đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích.

Bài 20: Quan sát hình dưới và hoàn thành bảng sau theo mẫu:

Biến trình nhiệt độ TP. Hà Nội 10 ngày	
Ngày	Nhiệt độ (^0C)
16/12	$21^0 - 27^0$

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

▷ Bài 39. BẢNG THỐNG KÊ VÀ BIỂU ĐỒ TRANH

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Bảng thống kê:

✍ Bảng thống kê là một cách trình bày dữ liệu chi tiết, bao gồm các hàng và các cột, thể hiện danh sách các đối tượng thống kê cùng với các dữ liệu của đối tượng đó:

✓ Đối tượng thống kê.

✓ Tiêu chí thống kê.

✓ Ứng với mỗi dối tượng thống kê có một số liệu thống kê theo tiêu chí.

❷ Biểu đồ tranh:

✍ Biểu đồ tranh sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng (hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng.

✍ Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, ta cần xác định một hình ảnh (biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh (biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng.

❸ Vẽ biểu đồ tranh:

✍ Để biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh, ta thực hiện các bước sau:

❀ Bước 1: Chuẩn bị:

✓ Chọn biểu tượng (hoặc hình ảnh) đại diện cho dữ liệu cần biểu diễn.

✓ Xác định mỗi biểu tượng (hoặc hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng.

❀ Bước 2: Vẽ biểu đồ tranh

✓ Biểu đồ tranh thường gồm hai cột:

+ Cột 1: Danh sách phân loại đối tượng thống kê.

+ Cột 2: Vẽ các biểu tượng thay thế đủ số lượng các đối tượng.

✓ Ghi tên biểu đồ và các chú thích số lượng tương ứng mỗi biểu tượng của biểu đồ tranh.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Đọc bảng thống kê

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Điều tra về màu sắc yêu thích của 43 thành viên trong lớp. Lớp trưởng đã thống kê được như sau:

Màu sắc	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng	Đen
Số bạn chọn	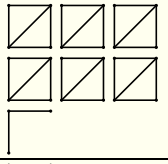	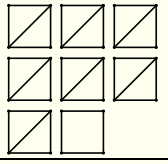	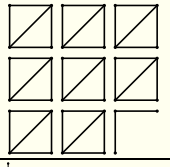	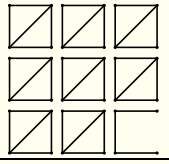	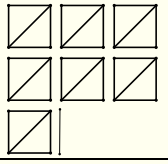
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Màu sắc nào được các thành viên trong lớp yêu thích nhất
c) Có bao nhiêu bạn không thích màu xanh?

◎ Bài 2: Trong 1 cuộc khảo sát về vật nuôi trong gia đình tại 1 lớp học ta được kết quả như sau:

Con vật	Chó	Mèo	Chuột lang	Sóc	Không nuôi
Số bạn chọn	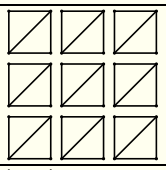	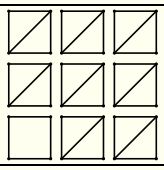	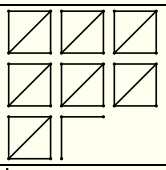	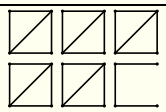	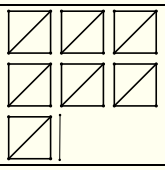
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Con vật nào được nuôi nhiều nhất?
c) Có bao nhiêu bạn không không nuôi vật nuôi trong gia đình?

◎ Bài 3: Điều tra về số anh chị em trong gia đình tại 1 lớp có kết quả như sau:

Số anh chị em	1	2	3	4
Số bạn có	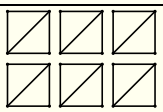	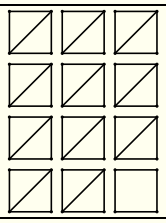	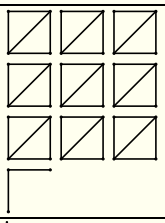	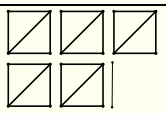
Chú thích	: 5 người		: 1 người	

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Số bạn có số anh chị em là bao nhiêu là ít nhất?
c) Có bao nhiêu bạn có 2 anh chị em?

◎ Bài 4: Dưới đây là bảng kết quả điểm khảo sát đầu năm tại 1 lớp học:

Điểm	9-10	7-8	5-6	3-4	1-2
Số bạn được	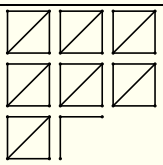	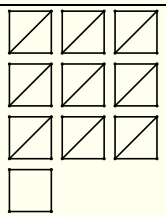	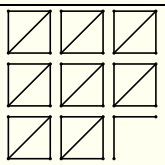	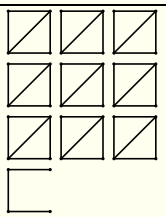	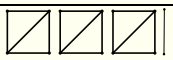
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b) Số điểm nào được ít bạn được nhất?
c) Có bao nhiêu bạn được 7-8 điểm trong cuộc khảo sát trên?

◎ Bài 5: Khảo sát địa điểm du lịch cuối năm tại 1 lớp học có kết quả như sau

Địa điểm	Sầm Sơn	Đồ Sơn	Vịnh Hạ Long	Đà Nẵng	Phong Nha
Số bạn chọn	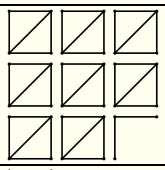	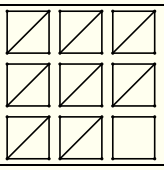	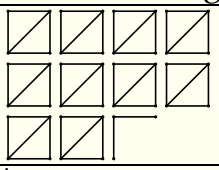	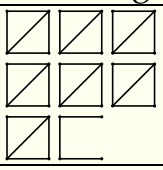	
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Đã Nẵng được bao nhiêu bạn chọn?
c) Kết quả dựa trên đa số vậy lớp sẽ đi du lịch ở địa điểm nào?

◎ Bài 6: Điểm kiểm tra giữa kì 2 của một lớp 6 được thầy giáo thống kê trong bảng như sau:

8	8	4	4	8	8	6	7	9	9	8	9	10	5	4
7	4	10	8	6	7	7	6	7	7	6	6	8	6	10
9	9	8	9	10	5	4	8	8	9	6	5	5	7	9

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Điểm nào có nhiều bạn trong lớp đạt được nhất?
c) Lớp có bao nhiêu bạn dưới trung bình (< 5); bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (> 8)

◎ Bài 7: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của một lớp 6B được thầy giáo thống kê trong bảng như sau:

9	5	7	5	9	8	10	4	3	8	7	9	6	8	4
7	6	10	8	9	4	3	6	9	7	7	7	9	4	10
9	8	8	9	7	10	5	9	8	9	10	7	8	7	9

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Điểm nào có nhiều bạn trong lớp đạt ít nhất?
c) Lớp có bao nhiêu bạn dưới trung bình (< 5); bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (> 8)

◎ Bài 8: Tiến hành điều tra chiều cao của học sinh lớp 6 tại một lớp được thống kê trong bảng dưới đây

140	145	142	138	135	134	140	143	146	134	134	138	142	139	13
141	146	143	142	140	137	136	143	139	140	143	135	136	142	14
137	132	142	137	138	140	142	145	137	139	140	147	138	144	14

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Chiều cao nào nhiều bạn có nhất trong lớp?
c) Chiều cao trung bình của học sinh lớp 6 là 141cm vậy có bao nhiêu bạn cao trên trung bình

◎ Bài 9: Tiến hành điều tra cân nặng của học sinh lớp 6 tại một lớp được thống kê trong bảng dưới đây

35	32	36	31	33	32	30	37	40	33	35	38	32	29	35
41	36	33	32	30	37	36	32	37	30	30	31	28	30	34
37	32	32	37	38	40	32	35	37	39	40	37	39	31	30

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Cân nặng nào nhiều bạn có nhất trong lớp?
c) Cân nặng trung bình của học sinh lớp 6 là 35kg vậy có bao nhiêu bạn nặng dưới trung bình

◎ Bài 10: Tiến hành điều tra cân nặng của học sinh lớp 6 tại một lớp được thống kê trong bảng dưới đây

33	31	33	32	34	35	30	37	41	35	36	37	33	39	29
41	32	34	33	31	30	35	36	37	30	31	32	29	38	40
36	35	37	36	39	41	34	33	32	31	40	37	31	30	30

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Cân nặng nào ít bạn có nhất trong lớp?
c) Cân nặng trung bình của học sinh lớp 6 là 35kg vậy có bao nhiêu bạn nặng trên trung bình

◎ Bài 11: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau.

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	30	12	3	0

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu học sinh đạt từ hạnh kiểm khá trở lên?

◎ Bài 12: Kết quả học lực của học sinh lớp 6A2 được thống kê trong bảng sau.

Học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Kém
Số học sinh	15	26	8	1

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:

a) Lớp 6A2 có bao nhiêu học sinh.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu học sinh đạt học lực khá trở xuống?

◎ Bài 13: Kết quả của đội tuyển Việt Nam trong kì seagame 22 được thông kê như sau.

Huy chương	Vàng	Bạc	Đồng
Số lượng	158	97	94

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Đội tuyển Việt Nam dành được bao nhiêu huy chương.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu vận động viên được huy chương bạc trở lên (giả sử mỗi vđv chỉ được 1 huy chương)?

◎ Bài 14: Thống kê số thành viên trong gia đình học sinh của lớp 6A có được kết quả như sau.

Số thành viên	3	4	5	6
Số học sinh	10	29	12	9

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu học sinh có số thành viên gia đình từ 4 trở lên ?

◎ Bài 15: Thống kê size áo đồng phục học sinh của lớp 6A có được kết quả như sau .

Size áo	S	M	L	XL
Số học sinh	5	21	17	7

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu học sinh có size áo từ L trở xuống?

◎ Bài 16: Trong đợt tham quan du lịch, một nhóm bạn quyết định đặt mua áo phông theo sở thích của từng bạn về màu sắc và họa tiết. Cửa hàng này có các màu sắc và họa tiết trên áo như sau: Trắng – trái tim, đen – trái tim; Xanh – con vịt; Đỏ – con chó
Kết quả chọn của các bạn trong nhóm (mỗi bạn chọn 1 loại) như sau:

Loại áo	Trắng – trái tim	Đen – trái tim	Xanh – con vịt	Đỏ – con chó
Số bạn chọn	𝍸 𝍸	𝍸 ‖‖	𝍸 ‖	𝍸 ‖‖
Chú thích	𝍸 : 5 người		‖ : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Nhóm bạn có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Màu sắc và họa tiết nào được ưa thích nhất?

◎ Bài 17: Lớp 6A đăng kí size áo để làm áo lớp kết quả đăng kí được thể hiện trong bảng sau:

Size áo	S	M	L	XL
Số bạn chọn	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸 𝍸 ||||	𝍸 |||	|
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Size áo nào phổ biến nhất?

◎ Bài 18: Trong hội thao trường số học sinh lớp 6B dành được huy chương được thống kê như sau:

Huy chương	Đồng	Bạc	Vàng
Số bạn chọn	𝍸 𝍸 ||||	𝍸 𝍸	𝍸 |||
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu huy chương?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Huy chương nào lớp 6A đạt được ít nhất?

◎ Bài 19: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau:

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình	kém
Số bạn chọn	𝍸 𝍸 𝍸	𝍸 𝍸 ||||	|||	|
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?

c) Lớp đạt nhiều nhất là loại hạnh kiểm nào?

◎ Bài 20: Trong đợt thống kê học lực vừa qua, kết quả của các bạn lớp 6A đã được được thống kê trong bảng sau:

Học lực	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
Số bạn đạt	𝍸 𝍸 |	𝍸 𝍸 ||||	𝍸 |||	
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Lớp có bao nhiêu bạn học lực khá trở nên?

◎ Bài 21: Cho hình ảnh sau về tình hình đại dịch Covid – 19 ở Việt Nam và trên thế giới:

Hãy cho biết, tính đến 18h ngày 28 tháng 1 năm 2022 thì:
a) Việt Nam đã có bao nhiêu người đã nhiệm bệnh, bao nhiêu người đã tử vong, bao nhiêu người đã phục hồi?

b) Tính tỉ lệ phần trăm tử vong của Việt Nam khi bị nhiễm bệnh?
c) Tính tỉ lệ phần trăm khỏi bệnh của Việt Nam khi bị nhiễm bệnh?

Bài 22: Hình như bài 21
Hãy cho biết, tính đến 18h ngày 28 tháng 1 năm 2022 thì:
a) Thế giới đã có bao nhiêu người đã nhiệm bệnh, bao nhiêu người đã tử vong, bao nhiêu người đã phục hồi?
b) Tính tỉ lệ phần trăm tử vong của thế giới khi bị nhiễm bệnh?
c) Tính tỉ lệ phần trăm tử vong của Việt Nam so với thế giới thì như thế nào ?

Bài 23: Cho bảng thống kê về xuất xứ ô tô nhập khẩu vào Việt Nam tháng 5/2021

Xuất xứ	Thái Lan	Indonesia	Trung Quốc	Các nước khác
Số lượng	7407	4470	2790	933

a) Có bao nhiêu xe nhập khẩu từ Trung Quốc, bao nhiêu xe nhập khẩu từ Thái Lan?
b) Tính tỉ lệ phần trăm xe nhập khẩu từ indonesia?
c) Tính tỉ lệ phần trăm xe nhập khẩu từ các nước khác?

Bài 24: Cho hình ảnh về tình hình tiêm chung covid-19 tại Việt Nam

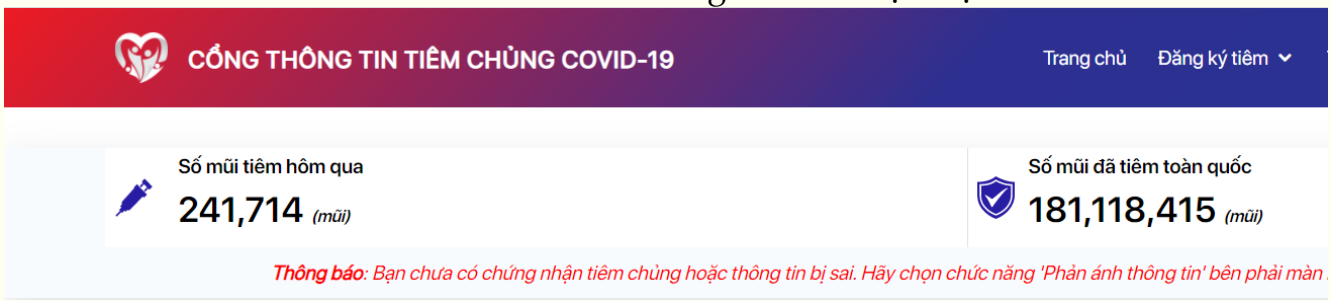

a) Việt Nam đã có bao nhiêu mũi được tiêm hôm qua, bao nhiêu mũi đã được tiêm
b) Biết dân số Việt Nam là 98168833 người coi mỗi người tiêm hai mũi thì phần trăm người Việt Nam đã tiêm là bao nhiêu

Bài 25: Cho bảng thống kê về độ tiếp cận của các loại vắc-xin tới các nước

Vắc xin	Pfizer	Astrazeneca	Sinopharm	Sputink V
Số nước tiếp cận	57	26	9	5

a) Có bao nhiêu nước đã tiếp cận Astrazeneca, có bao nhiêu nước đã tiếp cận Sinopharm
b) Tính tỉ lệ phần trăm tiếp cận của Pfizer, Sputink V (chỉ tính các nước đã tiếp cận ở trên)?

◎ Bài 26: Bảng dưới đây cho biết chiều cao, cân nặng của trẻ từ 10 đến 18 tuổi:

Bảng chiều cao cân nặng chuẩn của trẻ từ 10 đến 18 tuổi

TRẺ NAM		TUỔI	TRẺ NỮ	
Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)		Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)
138.4	32	10	138.4	31.9
143.5	35.6	11	144	36.9
149.1	39.9	12	149.8	41.5
156.2	45.3	13	156.7	45.8
163.5	50.8	14	158.7	47.6
170.1	56.0	15	159.7	52.1
173.4	60.8	16	162.5	53.5
175.2	64.4	17	162.5	54.4
175.7	66.9	18	163	56.7

a) Đơn vị đo chiều cao, cân nặng trong bảng trên là gì?

b) Chiều cao cân nặng chuẩn của học sinh nam và nữ lớp 6 là bao nhiêu? Em có đạt được mức chuẩn này hay không?

◎ Bài 27: Bảng dưới đây cho biết chiều cao, cân nặng trẻ sơ sinh từ 1 đến 6 tháng tuổi

Bảng chiều cao, cân nặng

TIÊU CHUẨN

Tuổi con	Cân nặng bé trai (kg)	Chiều cao bé trai (cm)	Cân nặng bé gái (kg)	Chiều cao bé gái (cm)
Sơ sinh	2,9-3,8	48,2-52,8	2,7-3,6	47,7-52,0
1 tháng	3,6-5,0	52,1-57,0	3,4-4,5	51,2-55,8
2 tháng	4,3-6,0	55,5-60,7	4,0-5,4	54,4-59,2
3 tháng	5,0-6,9	58,5-63,7	4,7-6,2	57,1-59,5
4 tháng	5,7-7,6	61,0-66,4	5,3-6,9	59,4-64,5
5 tháng	6,3-8,2	63,2-68,6	5,8-7,5	61,5-66,7
6 tháng	6,9-8,8	65,1-70,5	6,3-8,1	63,3-68,6

a) Đơn vị đo chiều cao, cân nặng trong bảng trên là gì?
b) Chiều cao cân nặng chuẩn của bé trai và gái 5 tháng tuổi là bao nhiêu?

◎ Bài 28: Bảng dưới đây cho biết sản lượng gạo việt nam qua các năm

PTHToan 6 - Vip

Năm	Miền Bắc (triệu tấn)	Miền Trung (triệu tấn)	Miền Nam (triệu tấn)
2017	350	100	250
2018	379	88	276
2019	380	95	299
2020	400	105	266
2021	450	108	287

a) Đơn vị tính sản lượng trong bảng trên là gì?
b) Sản lượng gạo năm 2018 từng miền là bao nhiêu?

◎ Bài 29: Bảng dưới đây cho số lượng hoa quả xuất khẩu mỗi năm

Năm	Vải (triệu tấn)	Thanh Long (triệu tấn)	Mít (triệu tấn)
2017	115	50	90
2018	186	33	86
2019	180	57	99
2020	174	63	68
2021	205	46	97

a) Đơn vị tính sản lượng trong bảng trên là gì?
b) Số lượng hoa quả xuất khẩu năm 2020 mỗi loại là bao nhiêu?

◎ Bài 30: Bảng dưới đây cho biết lượng mưa các thành phố trong 6 tháng đầu năm

Tháng	Hà Nội (mm)	Huế (mm)	Hồ Chí Minh (mm)
1	18,6	161,3	13,8
2	26,2	62,6	4,1
3	43,8	47,1	99
4	90,1	51,6	10,5
5	188,5	82,1	218,4
6	239,9	116,7	311,7

a) Đơn vị tính lượng mưa trong bảng trên là gì?
b) Lượng mưa trong tháng 5 tại mỗi thành phố là bao nhiêu?

◎ Dạng 2: Lập bảng thống kê

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Thời gian làm một bài tập Toán (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6A được ghi lại như sau

10	5	8	8	9	7	8	9	14	8
5	7	8	10	9	8	10	7	14	8

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian làm bài						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Khoảng thời gian nào nhiều bạn làm bài xong nhất?
d) Trung bình cả nhóm làm bao lâu xong bài toán?

◎ Bài 2: Thời gian làm một bài tập Toán (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6A được ghi lại như sau

15	7	9	15	10	9	7	8	11	5
5	9	11	11	9	8	10	7	5	7

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian làm bài						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Khoảng thời gian nào ít bạn làm bài xong nhất?
d) Trung bình cả nhóm làm bao lâu xong bài toán?

◎ Bài 3: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6B được thầy giáo thống kê trong bảng như sau:

8	6	7	5	9	7	7	9
7	6	10	8	9	8	8	7

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được ít bạn đạt nhất?
d) Số điểm trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Bài 4: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6A được thầy giáo ghi trong bảng như sau:

5	7	8	8	7	5	10	8	8	10
8	7	10	7	5	9	9	8	7	10

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được nhiều bạn đạt nhất nhất?
d) Số điểm trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Bài 5: Một nhóm sinh viên ngồi kiểm tra quê của mình, kết quả được điền vào bảng sau

Bắc Giang	Hà Nội	Bắc Ninh	Hà Nội	Hải Dương	Hải Dương	Hà Nội	Bắc Giang	Thái Bình	Bắc Ninh
Bắc Ninh	Bắc Giang	Bắc Giang	Thái Bình	Hà Nội	Bắc Ninh	Hà Nội	Bắc Giang	Bắc Giang	Hà Nội

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Tỉnh/ Thành phố						
Số sinh viên						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Tỉnh/ thành phố nào là quê hương nhiều sinh viên nhất

Bài 6: Tiến hành điều tra cân nặng (kg) của 1 nhóm trẻ sơ sinh kết quả được ghi lại như sau:

5	6	7	5	6	6	8	7
7	7	5	7	8	9	5	8
6	5	5	5	7	8	8	6

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Số cân nặng					
Số trẻ					

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số cân nặng nào nhiều trẻ có nhất?
d) Số cân nặng trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Bài 7: Tiến hành điều tra cân nặng (kg) của 1 nhóm học sinh lớp 6 kết quả được ghi lại như sau:

35	37	36	33	33	34	35	36
34	33	35	32	37	37	36	33
37	33	33	37	36	35	32	35

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Số cân nặng						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Số cân nặng nào ít sinh viên có nhất?

d) Số cân nặng trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Bài 8: Tiến hành điều tra chiều cao (cm) của 1 nhóm học sinh lớp 6 tại một lớp được ghi trong bảng dưới đây

140	145	142	139	137	138	148	143	140
140	142	142	149	137	137	138	145	142
138	139	140	137	138	140	145	145	138

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Chiều cao						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Học sinh sở hữu số chiều cao là nhiều nhất?

d) Chiều cao trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Bài 9: Trong 1 buổi khám sức khỏe chiều cao (cm) của 1 nhóm trẻ mẫu giáo được ghi vào bảng sau

105	103	107	108	105	110	110	105	103
108	108	107	107	110	103	106	106	105
108	110	105	108	107	110	103	103	108

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Chiều cao						
Số trẻ						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Trẻ sở hữu số chiều cao là ít nhất?

d) Chiều cao trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

◎ Bài 10: Tại 1 cửa hàng giày chủ cửa hàng tiến hành ghi lại cỡ giày của khách để nhập hàng 1 cách hợp lý. Kết quả được ghi vào bảng dưới đây

35	36	38	35	40	41	42	38	40
42	39	39	38	38	40	38	35	35
38	36	40	40	35	36	38	37	39

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Cỡ giày							
Số khách hàng							

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Cỡ giày phổ biến nhất là bao nhiêu?
d) Cỡ giày trung bình của khách hàng là bao nhiêu?

◎ Bài 11: Tại 1 cửa hàng quần áo chủ cửa hàng tiến hành ghi lại cỡ áo của khách để nhập hàng 1 cách hợp lý. Kết quả được ghi vào bảng dưới đây

S	XS	M	M	L	XL	XXL	L	M
M	L	L	M	S	S	XL	M	L
XL	M	S	L	XL	L	M	S	M

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Cỡ giày						
Số khách hàng						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Cỡ áo nào là được nhiều khách hàng mua nhất?
d) Để tối ưu chủ cửa hàng nên nhập nhiều áo cỡ nào nhất và nhập ít cỡ nào nhất?

◎ Bài 12: Tại một đài khí tượng người ta tiến hàng ghi lại thời tiết trong 1 tháng để điều tra. Kết quả được điền vào bảng sau

Mưa	Mưa	Nắng	Âm u	Mưa	Âm u	Nắng	Nắng	Mưa
Mưa	Âm u	Âm u	Mưa	Nắng	Nắng	Nắng	Mưa	Âm u
Nắng	Mưa	Âm u	Nắng	Nắng	Nắng	Mưa	Mưa	Âm u

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời tiết			
Số ngày			

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Kiểu thời tiết là nhiều nhất trong tháng

Bài 13: Trong 1 cuộc thi chạy 100m người ta ghi lại thành tích của các vận động viên vào bảng sau (tính theo giây):

11	10	9	12	13	10	11	10	10
10	11	10	13	11	12	10	11	12

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian					
Số vận động viên					

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Thời gian chạy nào có số vận động viên là nhiều nhất
d) Thời gian trung bình của các vận động viên

Bài 14: Trong 1 cuộc thi bơi 100m người ta ghi lại thành tích của các vận động viên vào bảng sau (tính theo giây):

61	67	65	66	61	65	67	61	66
63	61	62	61	66	64	62	65	67

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian						
Số vận động viên						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Thời gian bơi nào có số vận động viên là ít nhất
d) Thời gian trung bình của các vận động viên là bao nhiêu? Các vận động viên có thời gian bơi ít hơn trung bình sẽ được vào vòng sau, có bao nhiêu vận động viên vào được vòng sau?

Bài 15: Trong 1 buổi khám sức khỏe chiều cao (cm) của 1 nhóm trẻ mẫu giáo được ghi vào bảng sau

107	108	105	107	110	106	105	110	105
110	109	108	109	108	106	106	108	107
107	106	108	109	106	105	107	105	109

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Chiều cao						
Số trẻ						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Trẻ sở hữu số chiều cao là nhiều nhất?
d) Chiều cao trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Bài 16: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm sinh viên được giáo viên ghi trong bảng như sau:

A	B	A	C	D	D	C	F	A	F
F	A	B	C	B	C	D	F	A	B

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm					
Số học sinh					

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Số điểm được ít bạn đạt nhất nhất?

d) Biết sinh viên được điểm F sẽ bị trượt, có bao nhiêu sinh viên bị trượt?

Bài 17: Màu sắc yêu thích của một nhóm bạn được ghi vào bảng sau đây:

Đỏ	Hồng	Cam	Đỏ	Xanh	Xanh	Đỏ	Vàng	Đỏ	Cam
Vàng	Cam	Hồng	Vàng	Đỏ	Cam	Xanh	Đỏ	Cam	Hồng

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Màu sắc						
Số lượng						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Màu sắc nào được nhiều bạn yêu thích nhất?

Bài 18: Trong buổi điều tra về kế hoạch hóa tại 1 tổ dân phố, tổ trưởng ghi lại số con cái của mỗi gia đình vào bảng để báo cáo

5	2	1	2	3	2	3	4	2
1	2	3	2	1	4	4	1	2
2	3	4	1	2	5	3	1	0

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Số con						
Số gia đình						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Gia đình có số con bao nhiêu là nhiều nhất?

d) Số con cái trung bình của tổ dân phố là bao nhiêu?

Bài 19: Thời gian học thuộc thơ (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6B được ghi lại như sau

15	10	12	9	10	11	10	12	13	15
15	10	9	11	12	13	14	15	12	11

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian học thuộc						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Khoảng thời gian nào nhiều bạn học thuộc xong nhất?
d) Trung bình cả nhóm học thuộc thơ trong bao lâu?

Bài 20: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6A được thầy giáo ghi trong bảng như sau

8	9	8	7	6	5	6	7	8	9
7	7	10	8	5	8	7	9	9	10

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được nhiều bạn đạt nhất nhất?
d) Số điểm trung bình của cả nhóm là bao nhiêu?

Dạng 3: Đọc biểu đồ tranh

Phương pháp:

Bài 1: Một quán ăn lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của thực khách về thái độ phục vụ của nhân viên quán. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của thực khách về một nhân viên trong một tuần làm việc (mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá. Hài lòng 🥰, bình thường 😐, không hài lòng 😢).

Thứ 2	🥰🥰🥰😐😐😢😐😐😐😢
Thứ 3	🥰😐🥰😐🥰🥰😐😐😢
Thứ 4	🥰😐🥰😢🥰😐😐😢
Thứ 5	🥰😐😐🥰🥰😐😐😐😢😢
Thứ 6	🥰😐😐😐😢😢

a) Cả tuần có bao nhiêu thực khách đã cho đánh giá về nhân viên này?
b) Cả tuần nhân viên này có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng?

Bài 2: Một quán ăn lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của thực khách về thái độ phục vụ của nhân viên quán. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của thực khách về một nhân viên trong một tuần làm việc (mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá. Hài lòng 🥰, bình thường 😐, không hài lòng 😢).

Thứ 2	😍😍😍😐😐😢😐😐😐😢😐
Thứ 3	😍😐 😐😍😍😐😐😢😐
Thứ 4	😍😍😢😍😐😐😢😢😍
Thứ 5	😍😐😐😍😍😐😐😐😢😢
Thứ 6	😍😐😐😐😢😢😍😐

a) Cả tuần có bao nhiêu thực khách đã cho đánh giá về nhân viên này?
b) Cả tuần nhân viên này có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng?

Bài 3: Một phường lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của nhân dân về thái độ phục vụ của cán bộ phường. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của người dân về một cán bộ trong một tuần làm việc (Mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá 😊, hài lòng:, 😐 bình thường:, 😕 không hìa lòng:).

Thứ 2	😊😐😊😐😕😊😕😊😊
Thứ 3	😕😊😐😐😊😕😐
Thứ 4	😕😊😐😐😊
Thứ 5	😕😐😕😐😊😐
Thứ 6	😕😐😕😕😊😐😐

a) Cả tuần có bao nhiêu nhân dân đã cho đánh giá thái độ phục vụ của cán bộ phường?
b) Cả tuần này cán bộ phường có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng?

Bài 4: Biểu đồ tranh sau đây cho biết số lượt ô tô và xe máy vào gửi tại một bãi đỗ xe vào các ngày trong một tuần.
a) Cả tuần có tất cả bao nhiêu xe đã vào gửi trong bãi?
b) Cả tuần có bao nhiêu xe máy gửi, có bao nhiêu ô tô gửi?

Thứ 2	🚗🚗🏍🚗🚗🏍🏍
Thứ 3	🚗🏍🏍🚗🏍
Thứ 4	🚗🏍🚗🚗🏍

Bài 5: Trong 1 buổi trồng cây có 5 lớp tham gia số cây được trồng được ghi lại trong bảng sau (🌼: hoa hướng dương, 🌷: hoa hồng, 🌸: hoa cúc)

Lớp 6A	🌼🌷🌼🌷🌼🌼🌷🌸🌼
Lớp 6B	🌷🌼🌸🌷🌼🌸🌼🌷🌷🌸
Lớp 6C	🌷🌼🌷🌸🌼🌼🌸🌸
Lớp 6D	🌷🌷🌼🌷🌸🌸🌸🌷
Lớp 6E	🌷🌼🌸🌷🌼🌼🌷🌸🌼

a) Cả 5 lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây hoa?
b) Có bao nhiêu cây hoa hồng được trồng, bao nhiêu cây hoa cúc được trồng?

Bài 6: Trong cuộc hội thao số huy chương của khối 6 được ghi lại vào biểu đồ tranh sau:

Lớp 6A	🥇🥈🥉🥈🥉🥇🥈🥇
Lớp 6B	🥇🥈🥇🥈🥇
Lớp 6C	🥇🥇🥇🥈🥇🥇🥉
Lớp 6D	🥇🥈🥉🥉🥈🥉🥉🥇
Lớp 6E	🥇🥈🥉🥇🥈🥈🥇🥉🥇

a) Cả khối 6 có tất cả bao nhiêu huy chương

b) Cả khối 6 bao huy chường bạc, bao nhiêu huy chương đồng?

Bài 7: Một khách sạn lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của khách hàng về thái độ phục vụ của nhân viên. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của khách hàng về một nhân viên trong một tuần làm việc (Mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá 😋, hài lòng, 😐 bình thường, 😕 không hìa lòng).

Thứ 2	😋😋😐😋😐😕😕😋😋
Thứ 3	😕😋😐😐😋😕😐
Thứ 4	😕😋😐😋😐😋😋😋

a) Cả tuần có bao nhiêu khách hàng đã cho đánh giá thái độ phục vụ của nhân viên?

b) Cả tuần nhân viên có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng

Bài 8: Tại một cửa hàng bán xe số lượng xe bán ra được ghi lại dưới biểu đồ tranh dưới đây (🛵 : xe máy 🚲 : xe đạp, 🛵: xe điện)

Thứ 2	🛵🚲🛵🚲🛵🚲🛵🛵
Thứ 3	🚲🛵🚲🛵🛵🚲🛵🛵
Thứ 4	🛵🛵🚲🛵🛵🛵
Thứ 5	🛵🚲🚲🛵🚲

a) Cả tuần cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe

b) Có bao nhiêu xe máy, bao nhiêu xe điện được bán ra trong tuần

Bài 9: Bạn Hà ghi lại số hoa nở trong vườn vào biểu đồ tranh dưới đây

🌺: hoa dừa cạn

🌷 hoa tuy líp

🌸: hoa đào

Thứ 2	🌷🌺🌷🌺🌺🌺🌺
Thứ 3	🌺🌺🌺🌺🌷🌺
Thứ 4	🌺🌺🌷🌺
Thứ 5	🌺🌺🌷🌺🌺
Thứ 6	🌷🌺🌺🌷
Thứ 7	🌺🌷🌺🌷🌺
CN	🌺🌷🌺🌺🌷

a) Cả tuần có bao nhiêu bông hoa đã nở trong vườn

b) Có bao nhiêu bông hoa đào, bao nhiêu bông hoa dừa cạn đã nở trong vườn nhà Hà tuần qua

◎ Bài 10: Tại một cửa hàng hoa quả số lượng bán ra trong tuần được ghi lại dưới biểu đồ tranh dưới đây

: 10 quả táo,
: 10 quả lê
: 10 quả dâu tây
: 10 quả dưa hấu

Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	
CN	

a) Cả tuần cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu trái cây
b) Có bao nhiêu quả táo, bao nhiêu quả dưa hấu, bao nhiêu quả lê được bán trong tuần qua

◎ Bài 11: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê

Số học sinh lớp 6A đến thư viện mượn sách trong tuần		
Ngày	Số học sinh	Số học sinh
Thứ 2		
Thứ 3		
Thứ 4		
Thứ 5		
Thứ 6		
Thứ 7		
: 2 học sinh	: 1 học sinh	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Thứ mấy có nhiều bạn đến thư viện mượn sách nhất?
c) Từ thứ 5 đến thứ 7 có tất cả bao nhiêu bạn lên thư viện mượn sách?

◎ Bài 12: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê

Số ô tô được bán ra trong tuần		
Ngày	Số ô tô	Số ô tô
Thứ 2		
Thứ 3		
Thứ 4		
Thứ 5		
Thứ 6		
Thứ 7		
: 3 oto		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Thứ mấy có nhiều ô tô được bán nhất?
c) Từ thứ 2 đến thứ 6 có tất cả bao nhiêu ô tô được bán ra?

◎ Bài 13: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số bóng đèn được bán tại cửa hàng A		
Ngày	Số bóng đèn	Số bóng đèn
Thứ 2		
Thứ 3		
Thứ 4		
Thứ 5		
Thứ 6		
Thứ 7		
: 10 bóng đèn : 5 bóng đèn		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Thứ mấy có ít bóng đèn được bán nhất?
c) Từ thứ đến 2 thứ 5 có tất cả bao nhiêu bóng đèn được bán ra?

◎ Bài 14: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số học sinh nữ khối 6		
Lớp	Số học sinh nữ	Số học sinh nữ
6A1		
6A2		
6A3		
6A4		
6A5		
:5 bạn nữ		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Lớp nào có nhiều bạn nữ nhất?
c) Cả khối có bao nhiêu bạn nữ?

◎ Bài 15: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số cây các khối trồng được		
Khối	Số cây	Số cây
6		
7		
8		
9		
: 10 cây	: 5 cây	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Khối nào trồng được nhiều cây nhất
c) Cả trường trồng được tất cả bao nhiêu cây?

◎ Bài 16: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số tivi bán được của cửa hàng B qua các năm		
Năm	Số tivi	Số tivi
2017		
2018		
2019		
2020		
2021		
2022		
: 500 cái	: 250 cái	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Năm nào cửa hàng bán được nhiều nhất
c) Từ năm 2018 đến 2021 có tất cả bao nhiêu tivi được bán

◎ Bài 17: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số đồng hồ được lắp ráp tại phân xưởng C		
Năm	Số đồng hồ	Số đồng hồ
2017		
2018		
2019		
2020		
2021		
: 100 cái	: 50 cái	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh

b) Năm nào phân xưởng lắp ráp được ít đồng hồ nhất
c) Từ năm 2017 đến 2029 có tất cả bao nhiêu đồng hồ được lắp ráp

◎ Bài 18: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số xe đạp được bán trong tháng		
Màu	Xe đạp	Xe đạp
Đỏ		
Vàng		
Xanh lam		
Xanh lục		
Hồng		
Trắng		
: 50 cái		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Xe đạp màu nào cửa hàng bán được nhiều nhất ?
c) Cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe trong tháng ?

◎ Bài 19: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số cốc bia bán ra tại quán ăn A		
Ngày	Số cốc bia	Số cốc bia
Thứ 2	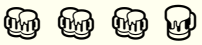	
Thứ 3		
Thứ 4	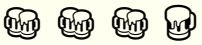	
Thứ 5	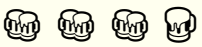	
Thứ 6		
Thứ 7		
: 100 cốc : 50 cái		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ trang
b) Ngày nào cửa hàng bán được ít nhất ?
c) Từ thứ 3 đến thứ 6 cửa hàng bán được bao nhiêu cốc bia ?

◎ Bài 20: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số khách thuê truyện tại cửa hàng B		
Ngày	Số khách	Số khách
Thứ 2	📖 📖 📖 📖 📖 📄	
Thứ 3	📖 📖 📖	
Thứ 4	📖 📖 📖 📖 📖 📖	
Thứ 5	📖 📖 📖 📖 📄	
Thứ 6	📖 📖 📄	
Thứ 7	📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖	
📖 : 2 học sinh	📄 : 1 học sinh	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Thứ mấy có nhiều đến thuê truyện nhất?
c) Từ thứ 5 đến thứ 7 có tất cả bao nhiêu khách đến cửa hàng thuê truyện ?

◎ Dạng 4: Lập bảng thống kê từ biểu đồ tranh và vẽ biểu đồ tranh

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả món ăn yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6A.

Thịt xiên nướng	🥰 🥰 🥰 🥰
Gà rán	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰
Nem chua rán	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰
Khoai tây chiên	🥰 🥰 🥰 🥰
Kimbap chiên	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰

🥰 : 2 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi món ăn

◎ Bài 2: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả món ăn yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6A.

Sườn chua ngọt	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰
Vịt quay	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰
Nem rán	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰
Thịt nướng	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰 🥰
Chân gà nướng	🥰 🥰 🥰 🥰 🥰

🥰 : 2 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi món ăn

◎ Bài 3: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả môn thể thao yêu thích một số bạn học sinh lớp 6B.

Bóng đá	🥰🥰🥰🥰🥰🥰🥰
Cầu lông	🥰🥰🥰🥰
Bóng bàn	🥰🥰🥰🥰🥰🥰🥰🥰🥰🥰
Bóng chuyền	🥰🥰🥰🥰🥰
Tenis	🥰🥰🥰🥰🥰🥰

🥰 : 2 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi môn thể thao

◎ Bài 4: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả vận động viên thể thao yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6A.

Ronaldo	😍😍😍😍😍😍😍😍😍
Messi	😍😍😍😍😍😍😍
Mbappe	😍😍😍😍😍😍
Neymar	😍😍
Suarez	😍😍😍😍😍

😍: 3 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi vận động viên

◎ Bài 5: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả vật nuôi của một nhóm bạn trong lớp 6D

Mèo	😍😍😍😍😍😍
Chó	😍😍😍😍😍😍😍😍
Chim	😍😍😍😍
Chuột lang	😍😍😍😍😍
Bọ cạp	😍

😍: 3 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh nuôi mỗi con vật

◎ Bài 6: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số vở mà 1 cửa hàng văn phòng phẩm bán ra trong một tuần

Ngày	Số sách
Thứ 2	📖 📖 📖 📖 📖 📃
Thứ 3	📖 📖 📖
Thứ 4	📖 📖 📖 📖 📖 📖
Thứ 5	📖 📃
Thứ 6	📖 📖 📃
Thứ 7	📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖

📖: 10 quyển vở 📃: 5 quyển vở

Lập bảng thống kê về số lượng vở bán ra mỗi ngày trong tuần?

◎ Bài 7: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số ti vi bán ra tại cửa hàng A qua các năm

Năm	Số tivi
2017	
2018	
2019	
2020	
2021	
2022	
: 500 cái	: 250 cái

Lập bảng thống kê về số lượng ti vi bán ra mỗi năm?

◎ Bài 8: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số đồng hồ mà nhà máy sản xuất qua các năm

Năm	Số đồng hồ
2017	
2018	
2019	
2020	
2021	
: 100 cái	: 50 cái

Lập bảng thống kê về số lượng đồng hồ bán ra mỗi năm?

◎ Bài 9: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số bia bán ra tại 1 quán ăn A

Ngày	Số cốc bia
Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	
: 100 cốc	: 50 cái

Lập bảng thống kê về số lượng bia bán ra các ngày trong tuần

◎ Bài 10: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số cây mà học sinh trong trường trồng được trong buổi lao động

Khối	Số cây
6	
7	
8	
9	
: 10 cây	: 10 cây

Lập bảng thống kê về số cây trồng được của các khối

Bài 11: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau.

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	30	12	3	0

Bằng cách dùng biểu tượng:
đại diện cho 5 bạn hạnh kiểm tốt
đại diện cho 4 bạn hạnh kiểm khá
đại diện cho 1 bạn hạnh kiểm đạt

Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Bài 12: Trong tổng kết cuối năm, học lực của các bạn học sinh lớp 6B được thống kê vào bảng sau.

Hạnh kiểm	Giỏi	Khá	Trung bình	Kém
Số học sinh	15	24	5	0

Bằng cách dùng biểu tượng:
đại diện cho 5 bạn học lực giỏi
đại diện cho 4 bạn học lực khá
đại diện cho 1 bạn học lực trung bình

Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Bài 13: Trong cuộc tổng kết tuần của nhà hàng, thái độ phục vụ được khách hàng phán ánh được thống kê vào bảng sau

Thái độ	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
Số học sinh	125	60	15

Bằng cách dùng biểu tượng:
đại diện cho 25 khách hàng hài lòng
đại diện cho 12 khách hàng bình thường
đại diện cho 3 khách hàng không hài lòng

Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên

Bài 14: Tại 1 công viên nọ người ta thống kê số hoa trồng trong công viên vào bảng sau

Loại hoa	Hồng	Cúc	Hướng dương
Số lượng	35	20	16

Bằng cách dùng biểu tượng: đại diện cho 7 cây hoa hồng
đại diện cho 4 cây hoa cúc
đại diện cho 4 cây hoa hướng dương
Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎ Bài 15: Tại 1 hội thao số lượng huy chương khối 6 dành được được thống kê vào bảng sau

Huy chương	Vàng	Bạc	Đồng
Số lượng	36	28	12

Bằng cách dùng biểu tượng: đại diện cho 6 bạn đạt huy chương vàng
đại diện cho 7 bạn đạt huy chương bạc
đại diện cho 4 bạn đạt huy chương đồng
Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎ Bài 16: Một nhân viên của một cửa hàng giày dép ghi lại cỡ giầy đã bán được của một mẫu giày mới nhập để theo dõi như sau:

36	37	35	35	40	37	37	36	38	38	37	37	37	38	40
40	37	38	37	39	36	37	36	39	39	38	38	39	36	39

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng giầy bán được tương ứng với mỗi cỡ giầy
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

◎ Bài 17: Thời gian học thuộc thơ (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6B được ghi lại như sau

15	10	12	9	10	11	10	12	13	15
15	10	9	11	12	13	14	15	12	11

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng bạn học sinh tương ứng với số thời gian học thuộc
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

◎ Bài 18: Tại 1 cửa hàng quần áo chủ cửa hàng tiến hành ghi lại cỡ áo của khách để nhập hàng 1 cách hợp lý. Kết quả được ghi vào bảng dưới đây

S	XS	M	M	L	XL	XXL	L	M
M	L	L	M	S	S	XL	M	L
XL	M	S	L	XL	L	M	S	M

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng áo bán được tương ứng với mỗi cỡ áo
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

◎ Bài 19: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6A được thầy giáo ghi trong bảng như sau:

10	7	8	5	7	5	10	7	8	10
7	7	10	8	8	9	9	8	7	10

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng học sinh tương ứng với số điểm
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

◎ Bài 20: Trong buổi điều tra về kế hoạch hóa tại 1 tổ dân phố, tổ trưởng ghi lại số con cái của mỗi gia đình vào bảng để báo cáo

3	4	2	1	2	3	5	2	3
4	3	2	2	5	1	3	2	2
2	3	4	2	1	5	2	1	1

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng gia đình tương ứng với số con
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

▷ Bài 40. BIỂU ĐỒ CỘT

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Vẽ biểu đồ cột:

✍ Biểu đồ cột là biểu đồ gồm các cột có chiều rộng không đổi, cách đều nhau và có chiều cao đại diện cho số liệu đã cho.

✍ Để vẽ biểu đồ cột trong bảng số liệu ta thực hiện các bước sau:

✓ Bước 1: Vẽ hai trục ngang và dọc vuông góc với nhau

Trục ngang: ghi danh sách đối tượng thống kê

Trục dọc: Chọn khoảng cách chia thích hợp với dữ liệu và ghi số ở các vạch chia.

✓ Bước 2: Tại vị trí các đối tượng trên trục ngang, vẽ những cột hình chữ nhật:

Cách đều nhau;

Có cùng chiều rộng;

Có chiều cao thể hiện số liệu của các đối tượng, tương ứng với khoảng chia trên trục dọc

✓ Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

Ghi tên biểu đồ

Ghi tên các trục và ghi số liệu tương ứng trên mỗi cột (nếu cần)

❷ Phân tích số liệu với biểu đồ cột:

✍ Khi đọc biểu đồ cột, ta nhìn theo một trục để đọc danh sách các đối tượng thống kê và nhìn theo trục còn lại để đọc số liệu thống kê tương ứng với các đối tượng đó (cần lưu ý thang đo của trục số liệu khi đọc các số liệu).

✍ Dựa vào đọc biểu đồ ta có thể phân tích các số liệu và đưa ra nhận định phù hợp.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Đọc biểu đồ và lập bảng thống kê từ biểu đồ

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Biểu đồ dưới đây cho biết số học sinh yêu thích các môn thể thao của lớp 6B

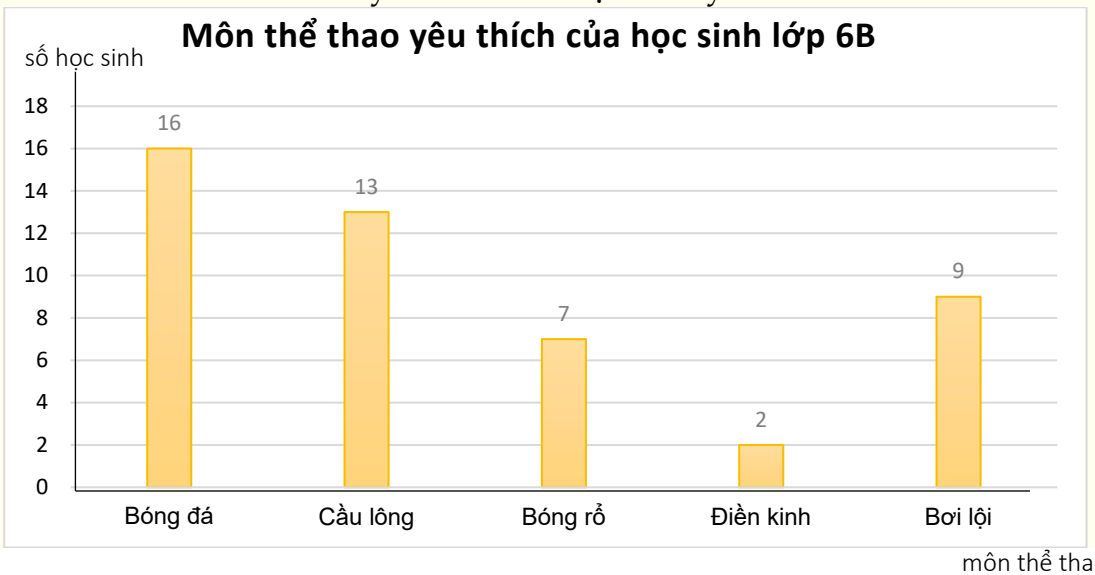

a) Môn thể thao nào được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhiều nhất? Môn thể thao nào được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích ít nhất?
b) So sánh số lượng học sinh thích môn cầu lông và số lượng học sinh thích môn bơi lội
c) Những môn thể nào thao có hơn 10 học sinh yêu thích?
d) Lập bảng thống kê số lượng học sinh yêu thích các môn thể thao của lớp 6B

◎ Bài 2: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về kết quả học lực của học sinh khối 6 một trường THCS

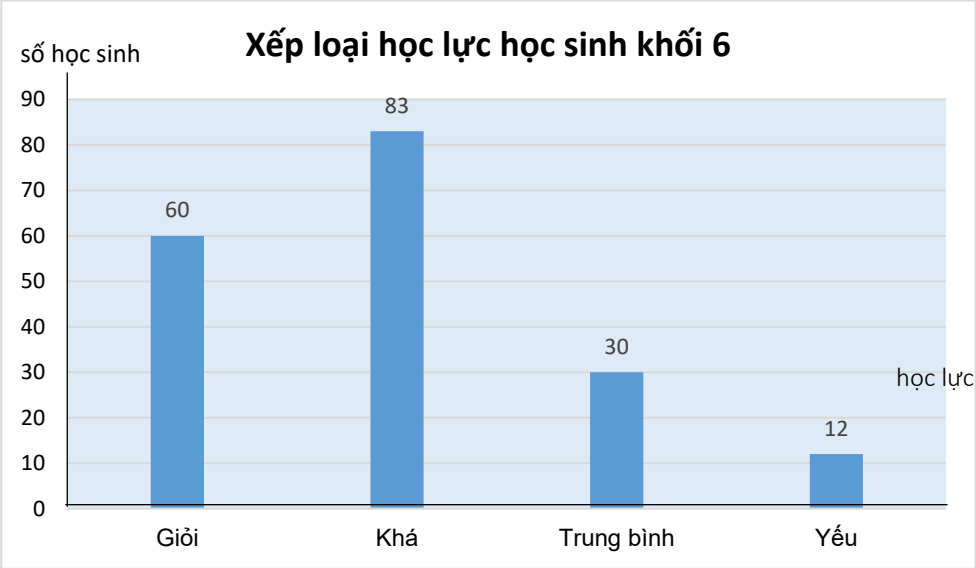

a) Học sinh khối 6 của trường THCS trên xếp loại học lực nào nhiều nhất, xếp loại học lực nào ít nhất?
b) Số học sinh xếp loại giỏi nhiều hơn số học sinh xếp loại trung bình bao nhiêu học sinh?
c) Trường THCS trên có bao nhiêu học sinh khối 6 có học lực trên trung bình?
d) Lập bảng thống kê kết quả học lực của học sinh khối 6 trường THCS trên

◎ Bài 3: Biểu đồ dưới đây cho biết số tiền quyên góp ủng hộ trẻ em vùng cao của hoc sinh 4 tổ của lớp 6A

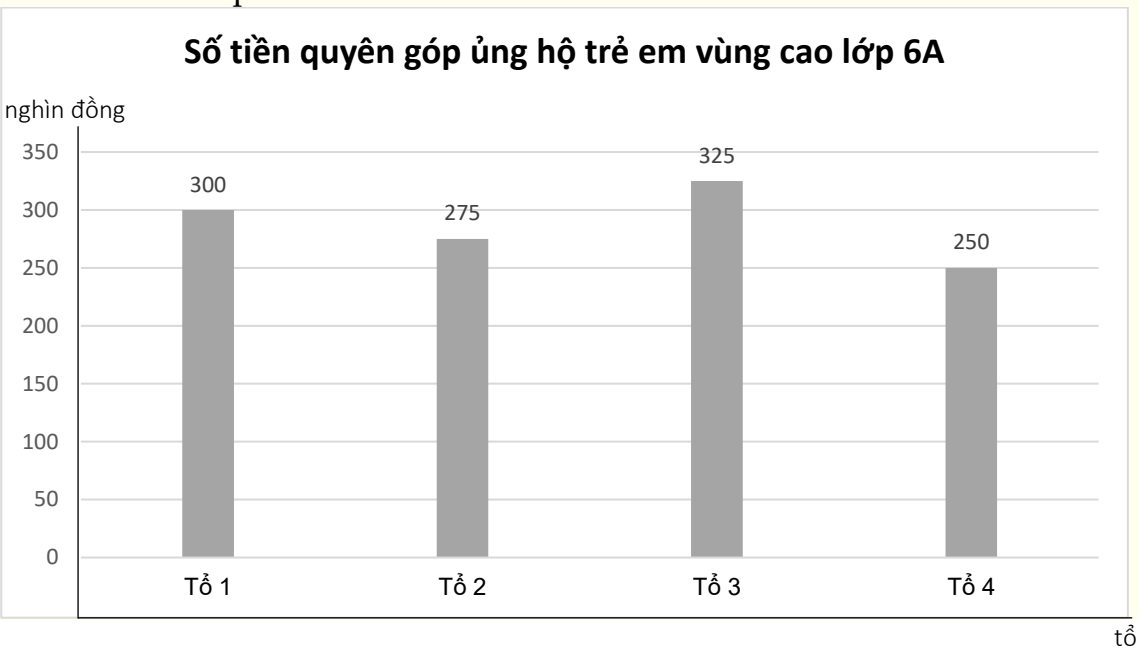

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?
b) Tổ nào quyên góp được nhiều tiền nhất và nhiều nhất là bao nhiêu? Tổ nào quyên góp được ít tiền nhất và ít nhất là bao nhiêu?
c) So sánh số tiền mà tổ 1 và tổ 2 đã quyên góp được
d) Tổng số tiền học sinh lớp 6A quyên góp được là bao nhiêu?

◎ Bài 4: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về các loại hoa mà học sinh lớp 6C đã trồng được

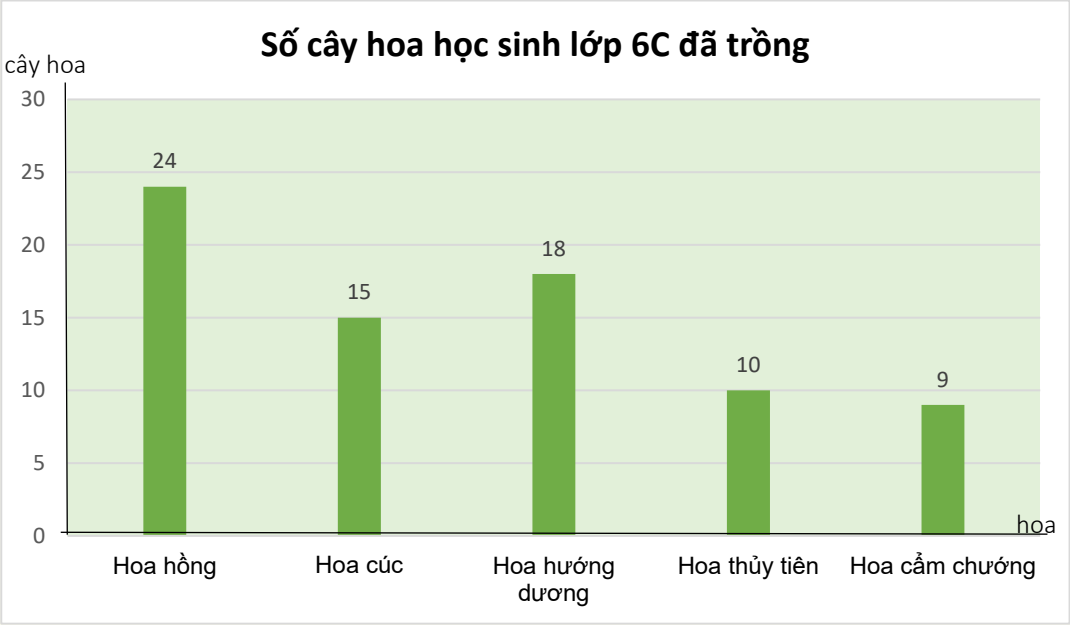

a) Học sinh lớp 6C trồng được tất cả bao nhiêu loại hoa? Loại hoa nào học sinh lớp 6C trồng được nhiều nhất? Loại hoa nào trồng được ít nhất?
b) Những loại cây nào học sinh lớp 6C trồng được nhiều hơn 10 cây?
c) Lập bảng thống kê số cây hoa học sinh lớp 6C đã trồng

◎ Bài 5: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về số lượng học lớp 6B sinh yêu thích các con vật

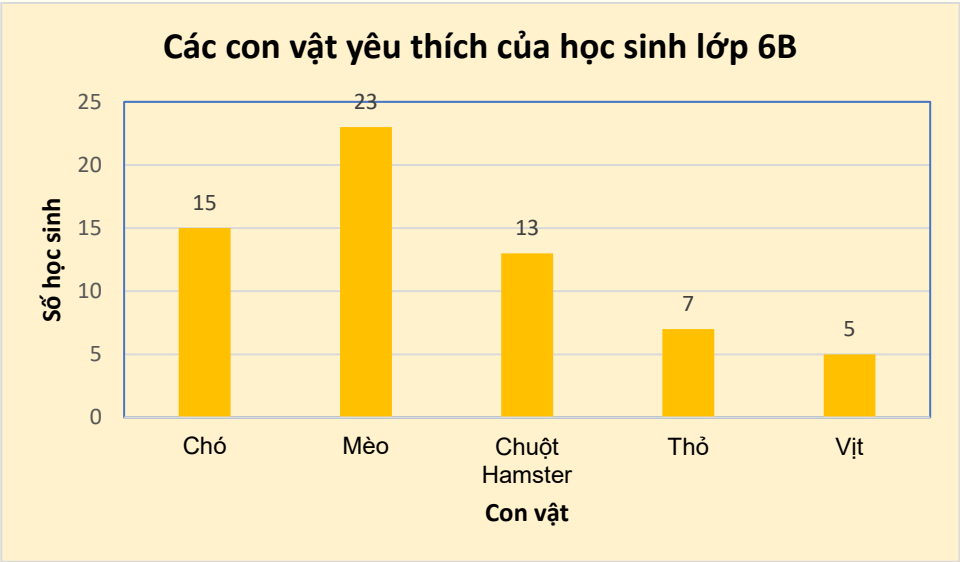

a) Con vật nào được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhiều nhất? Con vật nào được các bạn học sinh yêu thích ít nhất?

b) Số học sinh thích chuột hamster nhiều hơn số học sinh thích thỏ bao nhiêu học sinh? Số học sinh thích chuột hamster ít hơn số học sinh thích chó bao nhiêu học sinh?
c) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng học sinh lớp 6B yêu thích các con vật

◎ Bài 6: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng các loại sách trong thư viện của trường THCS Nam Triều

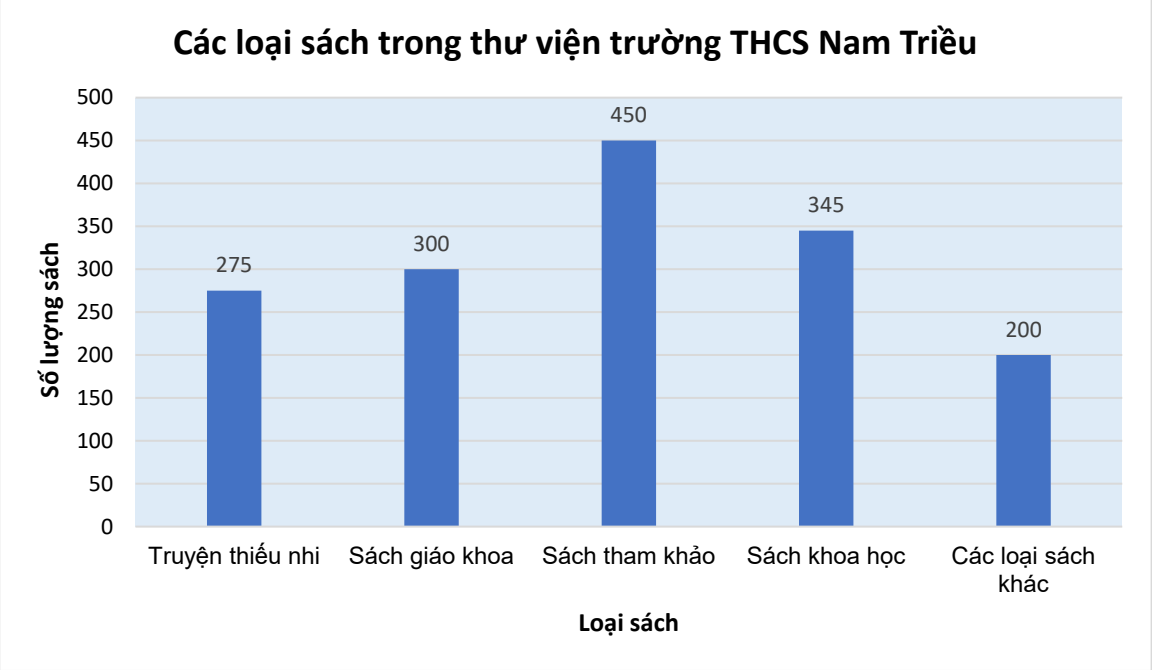

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?
b) Loại sách nào có số lượng nhiều nhất trong thư viện? Loại sách nào có số lượng ít nhất trong thư viện?
c) Những loại sách nào có số lượng nhỏ hơn 300?
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng các loại sách trong thư viện trường THCS Nam Triều

◎ Bài 7: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp Thành phố ở các môn học của một trường THCS

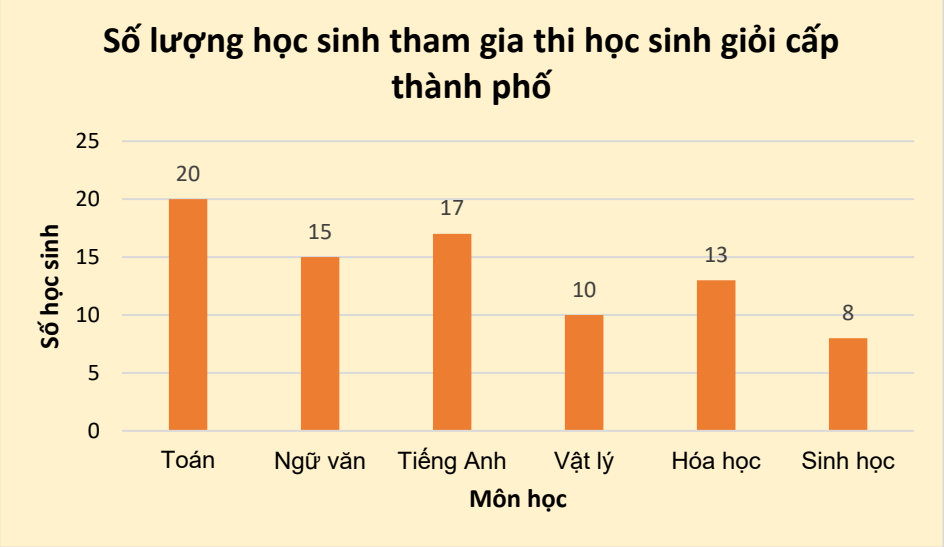

a) Môn học nào có số học sinh tham gia thi nhiều nhất? Môn học nào có số học sinh tham gia thi ít nhất?
b) So sánh số học sinh tham gia thi môn Ngữ văn và số học sinh tham gia thi môn Tiếng Anh
c) Tính tổng số học sinh tham gia thi môn Vật lý và Hóa học
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp thành phố các môn học

Bài 8: Biểu đồ dưới đây cho biết số tiền lì xì mà 4 anh em Nguyên, Hà, Nam, Mai nhận được vào dịp Tết Nguyên Đán

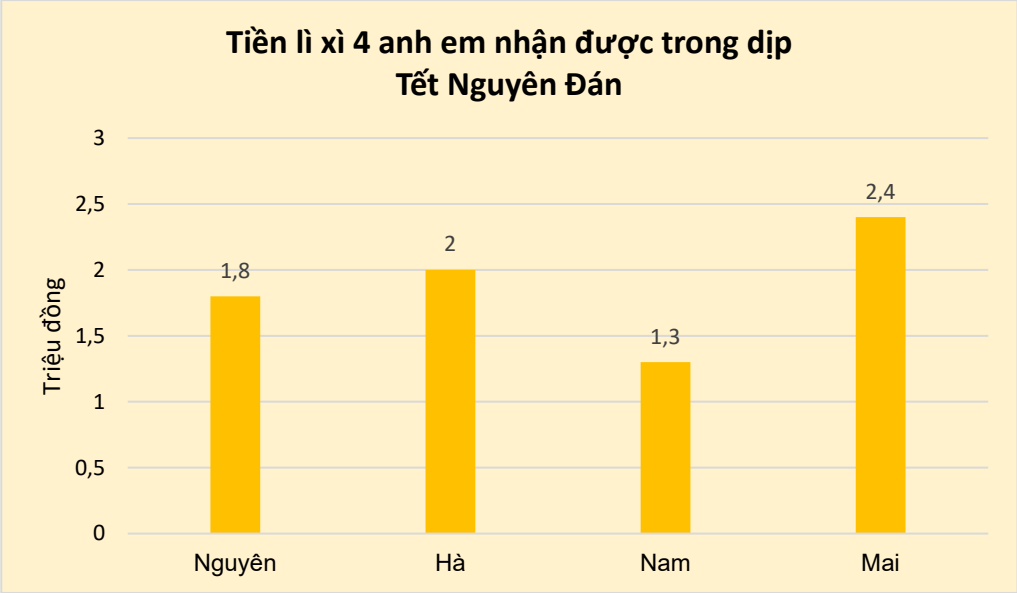

a) Bạn nào nhận được nhiều tiền lì xì nhất? Bạn nào nhận được ít tiền lì xì nhất?
b) Hà nhận được nhiều hơn Nguyên bao nhiêu tiền lì xì?
c) Tính tổng tiền lì xì của cả 4 bạn
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số tiền lì xì 4 anh em nhận được vào dịp Tết Nguyên Đán

Bài 9: Biểu đồ dưới đây cho biết số mét vải một cửa hàng đã bán được trong tháng 10

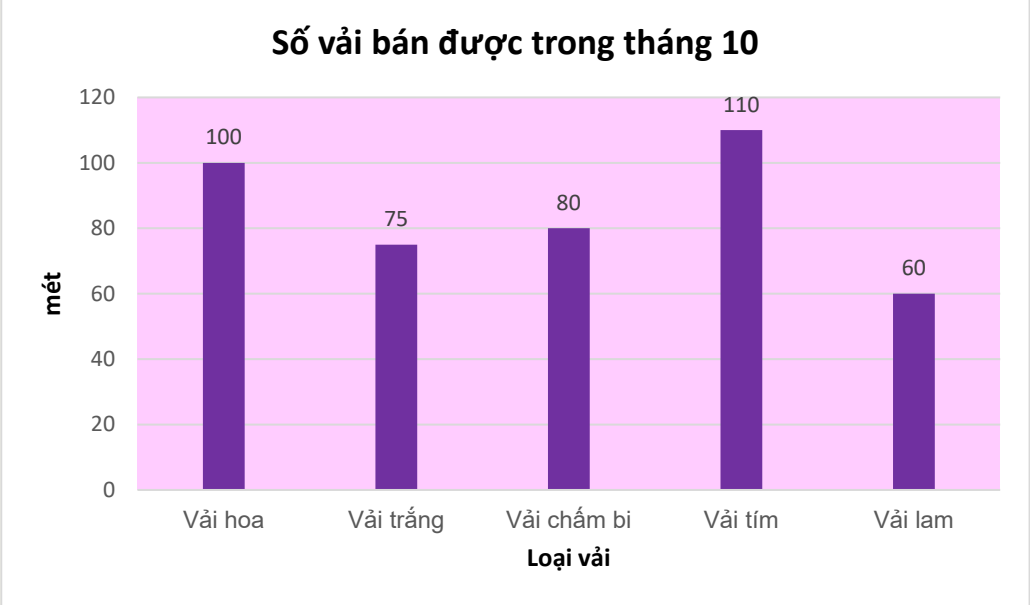

a) Loại vải nào bán được nhiều nhất và bán được nhiều nhất là bao nhiêu mét? Loại vải nào bán được ít nhất và ít nhất là bao nhiêu mét?
b) So sánh số tổng số vải hoa và vải lam bán được với tổng số vải trắng và vải tím bán được
c) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số vải bán được trong tháng 10 của cửa hàng

◎ Bài 10: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng bàn thắng của một số cầu thủ bóng đá nổi tiếng trên thế giới (tính đến ngày 22/6/2021)

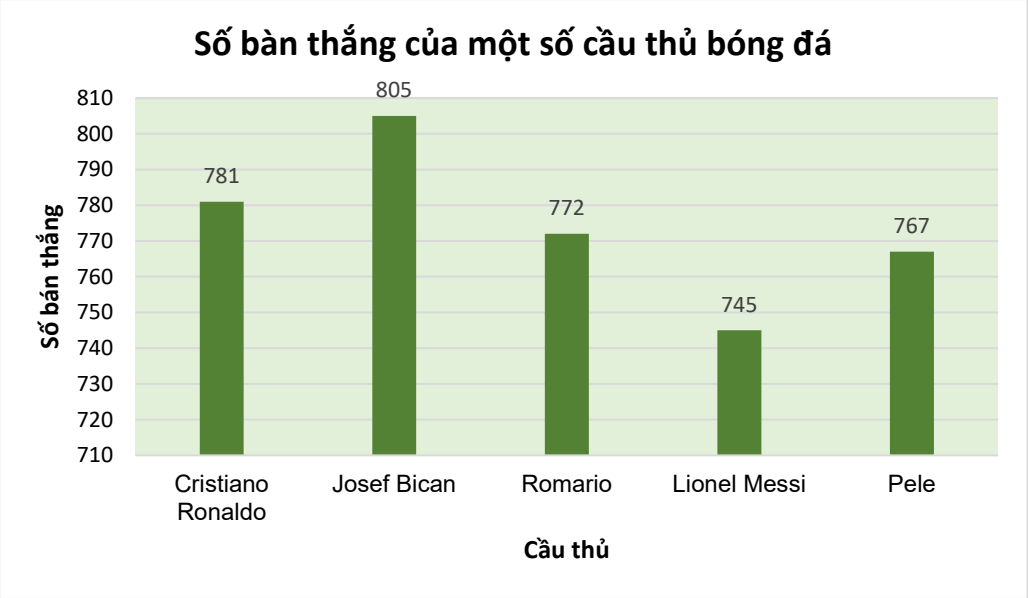

a) Cầu thủ nào ghi được nhiều bàn thắng nhất? Cầu thủ nào ghi được ít bàn thắng nhất?
b) So sánh số bàn thắng mà Cristiano Ronaldo ghi được với số bàn thắng Romario ghi được
c) Pele ghi được nhiều hơn Lionel Messi bao nhiêu bàn thắng
d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số bàn thắng của một số cầu thủ bóng đá trên

◎ Bài 11: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về điểm trung bình môn Toán kì thi tốt nghiệp THPT 2021 của một số tỉnh thành

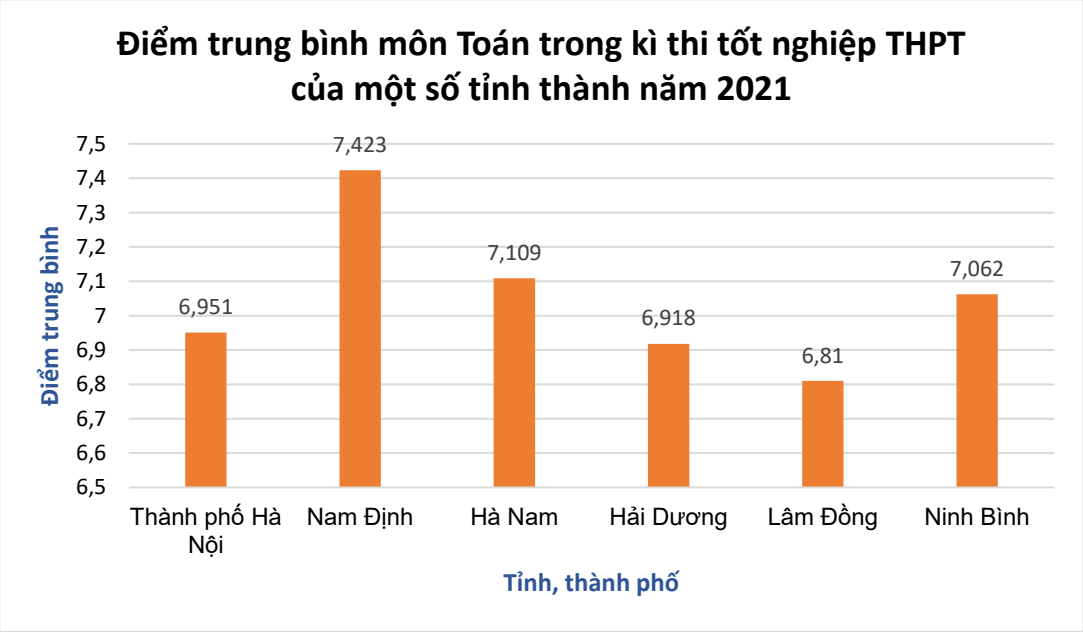

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?
b) Tỉnh, thành phố nào có điểm trung bình môn Toán cao nhất? Tỉnh, thành phố nào có điểm trung bình môn Toán thấp nhất?
c) So sánh điểm trung bình môn Toán của Thành phố Hà Nội và Hải Dương
d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp THPT năm 2021 của các tỉnh thành trên

◎ Bài 12: Biểu đồ dưới đây cho biết sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được sau mỗi vụ Đông Xuân qua các năm

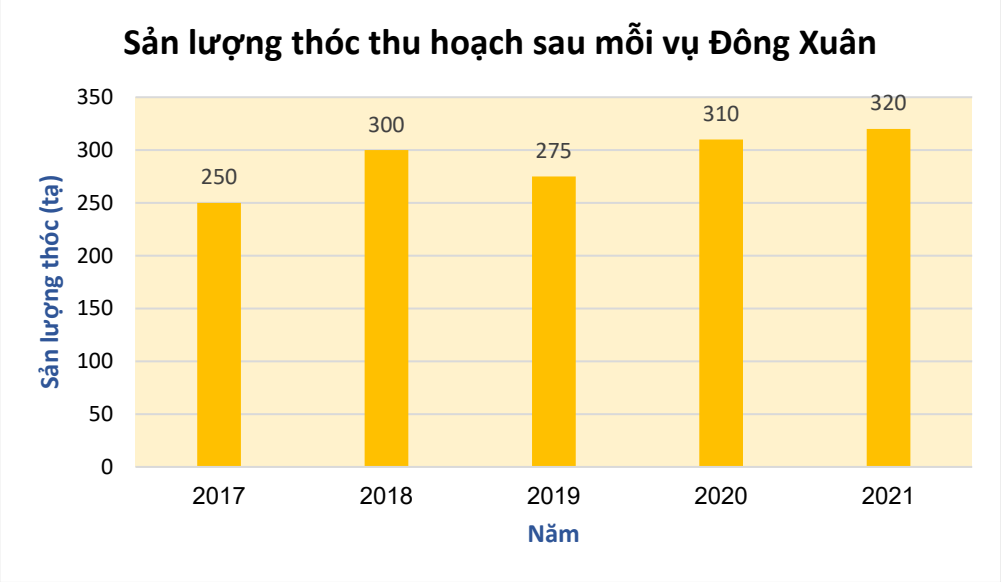

a) Năm nào nhà bác Năm thu hoạch được nhiều thóc nhất và nhiều nhất là bao nhiêu? Năm nào thu hoạch được ít thóc nhất và ít nhất là bao nhiêu?
b) So sánh sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được năm 2018 và năm 2020
c) Tính tổng sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được trong 5 năm
d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được sau mỗi vụ Đông Xuân

◎ Bài 13: Biểu đồ dưới đây cho biết số huy chương vàng của một số quốc gia giành được trong Thế vận hội Mùa hè 2020

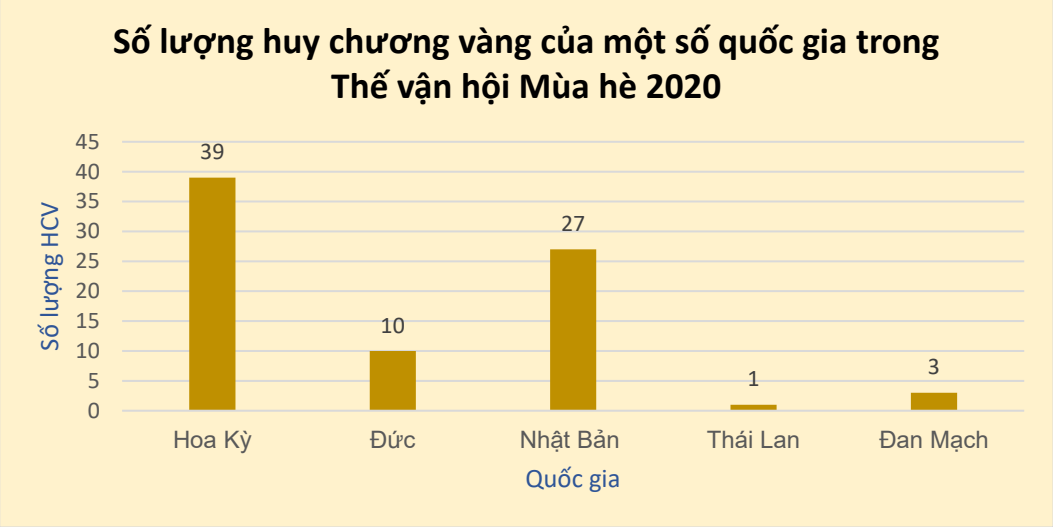

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin gì?
b) Quốc gia nào giành được nhiều huy chương vàng nhất và nhiều nhất là bao nhiêu huy chương? Quốc gia nào giành được ít huy chương vàng nhất và ít nhất là bao nhiêu huy chương?
c) So sánh số huy chương vàng của hai quốc gia Đức và Nhật Bản.
So sánh số huy chương vàng của hai quốc gia Đan Mạch và Thái Lan
d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số huy chương vàng một số quốc gia đã giành được

Bài 14: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về loại trái cây ưa thích của học sinh lớp 6A

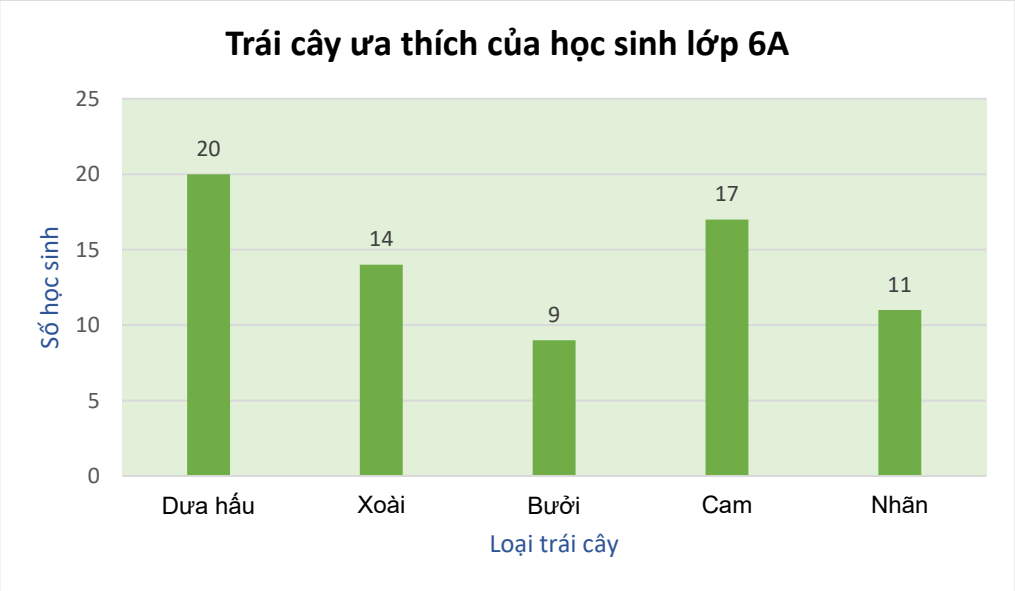

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin gì?
b) Loại trái cây nào được học sinh lớp 6A ưa thích nhất? Loại trái cây nào được ưa thích ít nhất?
c) So sánh số học sinh ưa thích xoài và số học sinh ưa thích nhãn
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê tương ứng

Bài 15: Biểu đồ dưới đây cho biết điểm kiểm tra cuối kì một số môn học của Tâm

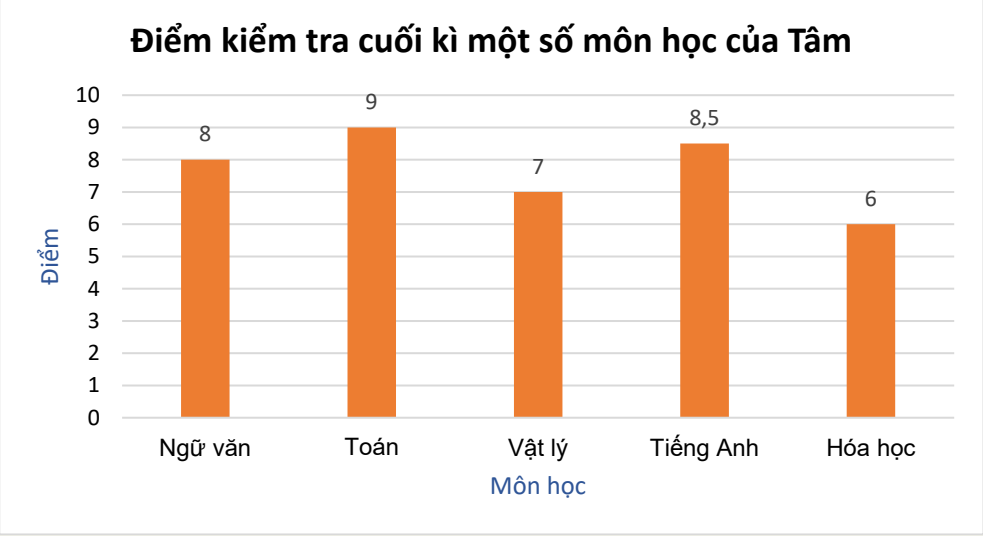

a) Môn học nào Tâm được điểm cao nhất? Môn học nào được điểm thấp nhất?
b) Có mấy môn học Tâm đạt điểm trên 7? Đó là những môn học nào?
c) So sánh điểm của môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh
So sánh điểm của môn Vật lý và môn Hóa học
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê điểm kiểm tra cuối kì một số môn học của Tâm

◎ Bài 16: Biểu đồ dưới đây cho biết dân số của một số tỉnh thành ở Việt Nam (tính đến ngày 1/4/2019)

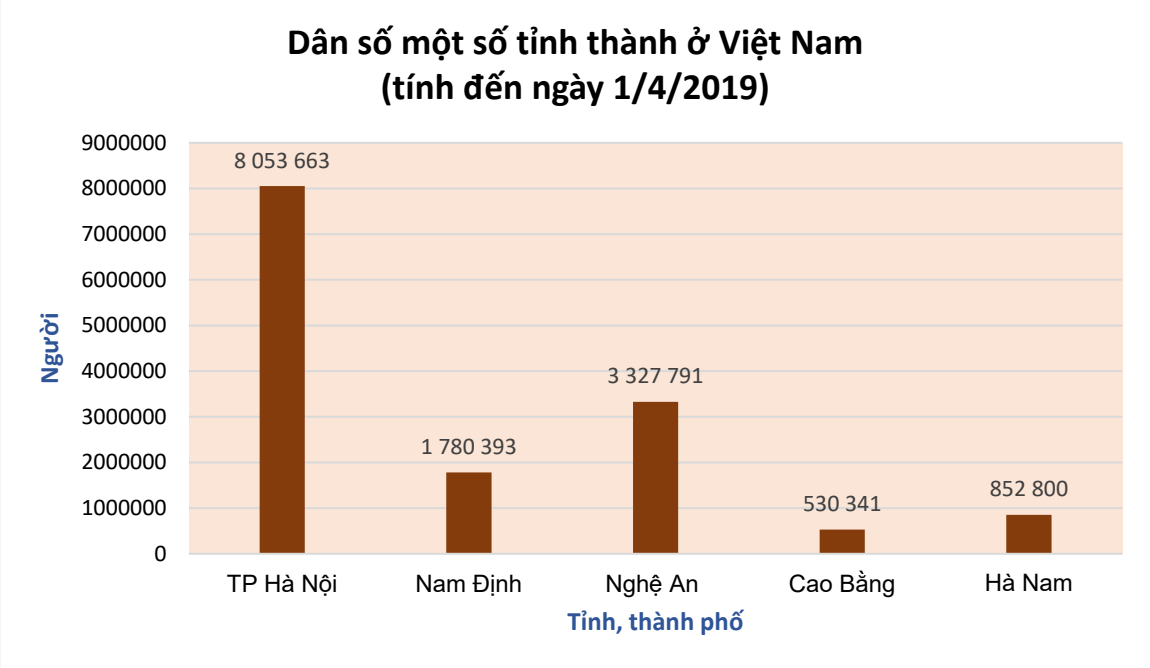

a) Tỉnh, thành phố nào có dân số nhiều nhất? Tỉnh, thành phố nào có dân số ít nhất?
b) So sánh dân số của Nam Định và Nghệ An. So sánh dân số của Cao Bằng và Hà Nam
c) So sánh tổng dân số của 4 tỉnh thành Nam Định, Nghệ An, Cao Bằng, Hà Nam với dân số của Thành phố Hà Nội
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê dân số một số tỉnh thành ở Việt Nam

◎ Bài 17: Biểu đồ dưới đây cho biết lượng xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản của Việt Nam vào tháng 8 năm 2021

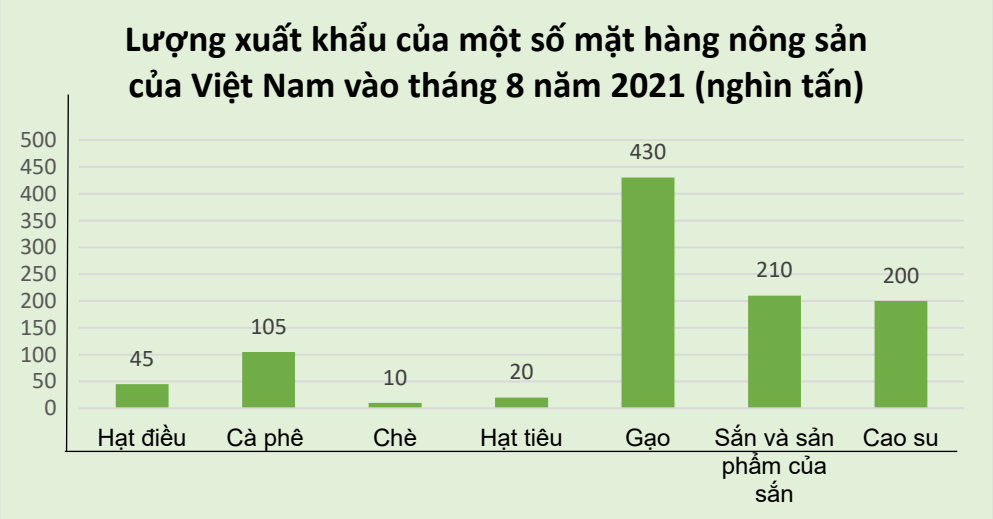

a) Cho biết mặt hàng nông sản nào được xuất khẩu nhiều nhất và mặt hàng nông sản nào được xuất khẩu ít nhất?
b) Hãy lập bảng thống kê lượng xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản từ biểu đồ trên
c) So sánh lượng xuất khẩu của sắn và sản phẩm của sắn với lượng xuất khẩu của cao su.
So sánh tổng lượng xuất khẩu của chè và hạt tiêu với lượng xuất khẩu của hạt điềuPTHToan 6 - Vip

◎ Bài 18: Biểu đồ dưới đây cho biết số bệnh nhân covid 19 ở một số quận huyện ở Hà Nội (tính đến 10h sáng ngày 29/1/2022):

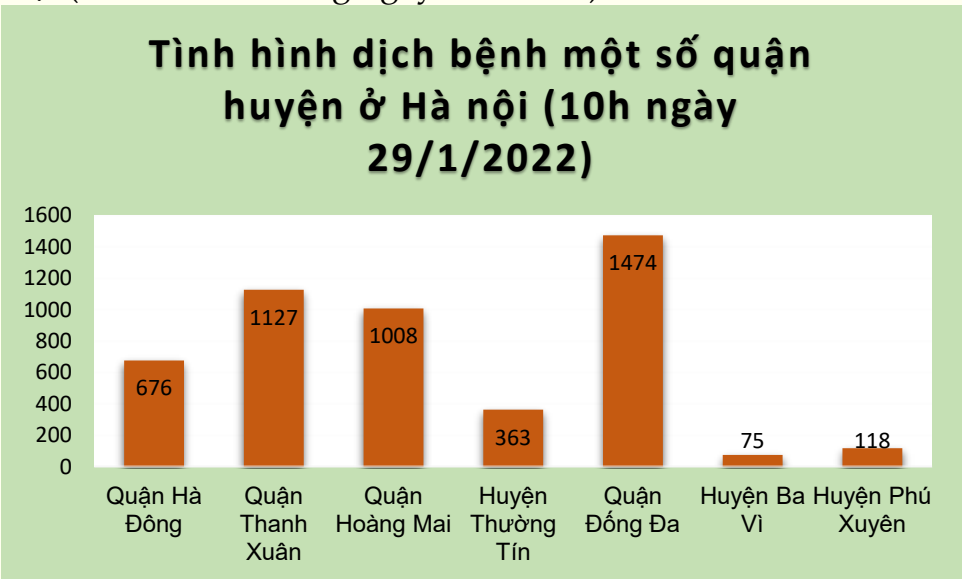

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì? Ở địa điểm nào?
b) Quận huyện nào ít người mắc covid nhất? Quận huyện nào nhiều nhất?
c) Tổng số người nhiễm Covid 19 của 7 quận huyện này là bao nhiêu?
d) Lập bảng thống kê số người nhiễm covid 19 của 7 quận huyện trong thành phố Hà Nội

◎ Bài 19: Biểu đồ dưới đây cho biết diện tích của một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam

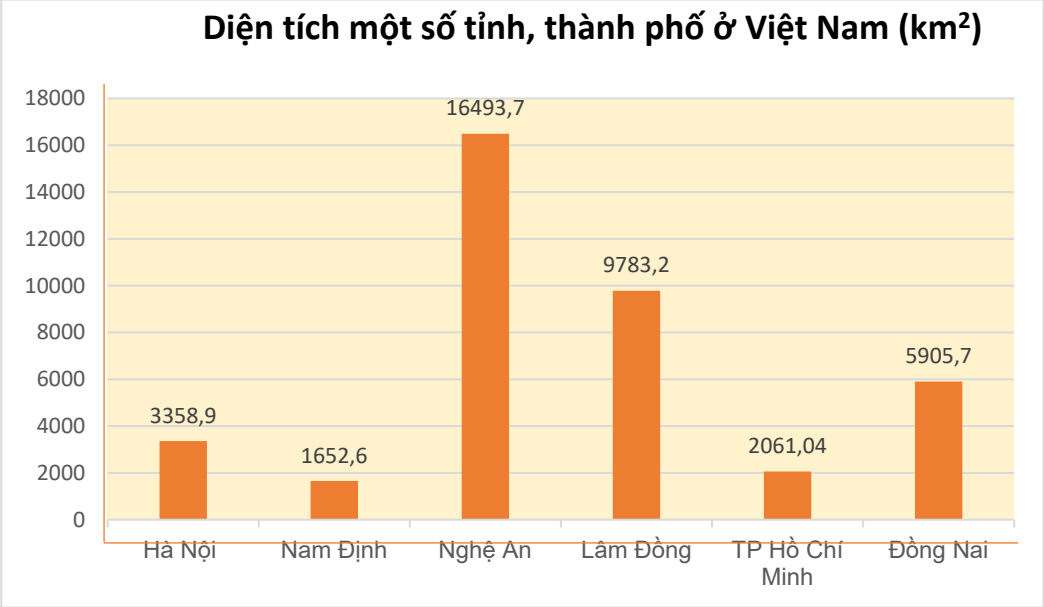

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?

b) Tỉnh, thành phố nào có diện tích lớn nhất? Tỉnh, thành phố nào có diện tích nhỏ nhất?

c) So sánh diện tích thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

So sánh diện tích tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đồng Nai

d) Từ biểu đồ trên, em hãy lập bảng thống kê diện tích của 6 tỉnh, thành phố ở Việt Nam

◎ Bài 20: Biểu đồ dưới đây cho biết dân số của một số nước trong khu vực Đông Nam Á (tính đến 21h ngày 29/1/2022)

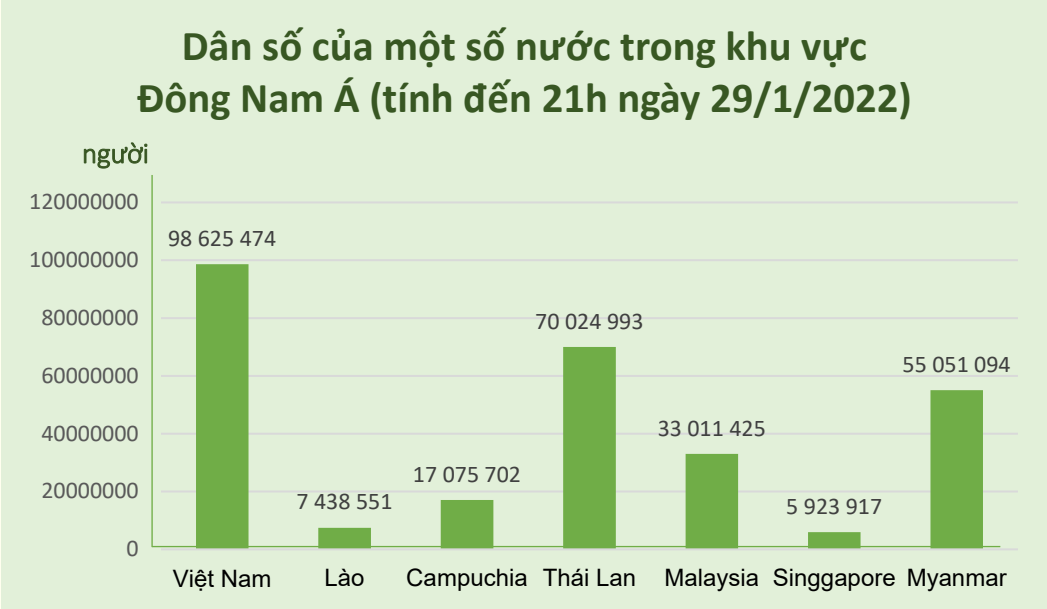

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?

b) Nước nào có dân số nhiều nhất? Nước nào có dân số ít nhất?

c) Tổng dân số của ba nước nước Lào, Campuchia và Thái Lan là bao nhiêu? Tổng dân số của hai nước Malaysia và Myanmar là bao nhiêu?

d) Từ biểu đồ trên, em hãy lập bảng thống kê dân số của 7 nước trong khu vực Đông Nam Á

◎ Dạng 2: Vẽ biểu đồ cột từ bảng dữ liệu

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau.

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	30	12	3	0

Các em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 2: Trong 4 ngày, cửa hàng nhà bác Nụ đã bán được một số mét vải được thống kê trong bảng sau.

Ngày	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4
Số mét vải	10 mét	15 mét	9 mét	20 mét

Các em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 3: Các loại cây trồng trong vườn nhà Minh được thống kê trong bảng sau

Cây	Xoài	Bưởi	Mít	Ổi
Số lượng	2	8	3	4

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎ Bài 4: Số học sinh yêu thích các môn học của lớp 6B được thống kê trong bảng sau

Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vật lý
Số học sinh	15	9	13	7

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎ Bài 5: Dưới đây là bảng thống kê kết quả bình chọn các hoạt động trong buổi dã ngoại của học sinh lớp 6A

Hoạt động	Cắm trại	Đạp xe	Đạp vịt	Ca hát
Số học sinh	19	9	14	8

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎ Bài 6: Điểm thi cuối kì môn Toán lớp 6C được thống kê trong bảng sau.

Điểm	Điểm 6	Điểm 7	Điểm 8	Điểm 9	Điểm 10
Số học sinh	3	10	7	18	5

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 7: Nam là một người rất thích thể thao. Hàng ngày Nam chạy bộ vào buổi chiều để nâng cao sức khỏe. Dưới đây là bảng thống kê quãng đường Nam đã chạy được trong 4 ngày liên tiếp

Ngày	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4
Quãng đường (km)	10	14	7	12

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 8: Dưới đây là bảng thống kê cân nặng của 4 bạn Hoa, Mai, Tùng, Minh

Bạn	Hoa	Mai	Tùng	Minh
Cân nặng	42 kg	48 kg	57 kg	51 kg

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 9: Trang trại nhà mợ Liên nuôi một số loại gia súc, gia cầm được thống kê trong bảng sau

Gia súc, gia cầm	Lợn	Gà	Ngan	Vịt
Số lượng (con)	90	230	175	200

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 10: Dưới đây là bảng thống kê chiều cao của 4 bạn Lan, Mạnh, Đức, Dung

Bạn	Lan	Mạnh	Đức	Dung
Chiều cao	157 cm	163 cm	170 cm	150 cm

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎ Bài 11: Một nhân viên của một cửa hàng giày dép ghi lại cỡ giầy đã bán được của một mẫu giày mới nhập để theo dõi như sau:

36	37	35	35	40	37	37	36	38	38	37	37	37	38	40
40	37	38	37	39	36	37	36	39	39	38	38	39	36	39

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng giầy bán được tương ứng với mỗi cỡ giầy
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 12: Điểm thi cuối kì các môn học được An ghi chép lại như sau:

9	8	7	9	7	8	9	8	7	7	9	10	9

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng điểm ứng với mỗi điểm
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 13: Các loại váy Đỏ (Đ), Trắng (T), Vàng (V), Hồng (H) của một cửa hàng bán ra được ghi chép như sau:

V	Đ	H	H	T	T	T	Đ	T	T	H	Đ	T
Đ	T	T	T	Đ	H	Đ	T	H	Đ	T	V	T

a) Hãy lập bảng thống kê các loại váy bán được của cửa hàng từ bảng ghi chép trên
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 14: Dưới đây là bản ghi chép các món ăn trưa của các bạn học sinh tổ 1 lớp 6C

Cơm gà	Bánh mì	Cơm gà	Nem nướng	Phở bò
Bánh mì	Nem nướng	Bánh mì	Bánh mì	Nem nướng

a) Hãy lập bảng thống kê các món ăn trưa của các bạn học sinh tổ 1 lớp 6C
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 15: Số mét vải bán ra của một cửa hàng trong 30 ngày được nhân viên ghi chép lại như sau:

20	24	17	26	26	17	26	20	15	24	17	24	17	20	26
24	17	15	20	24	26	24	26	17	26	26	20	15	24	26

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số ngày bán được lượng vải theo bảng ghi chép trên
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 16: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số áo mà một cửa hàng quần áo bán ra trong một tuần

Ngày	Số áo
Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	

: 5 cái áo : 1 cái áo

a) Lập bảng thống kê về số lượng áo bán ra của cửa hàng mỗi ngày trong tuần?
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 17: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số huy chương vàng mà 4 khối 6, 7, 8, 9 giành được trong các cuộc thi thể thao chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam mà trường tổ chức

Khối	Số huy chương vàng
6	
7	
8	
9	

: 1 huy chương vàng

a) Lập bảng thống kê số huy chương vàng mỗi khối giành được

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 18: Hoa dự định gấp 1000 ngôi sao giấy. Biểu đồ tranh dưới đây mổ tả số sao giấy mà Hoa gấp được trong 5 ngày đầu tiên

Ngày	Số sao giấy
1	
2	
3	
4	
5	

: 10 ngôi sao : 5 ngôi sao

a) Hãy lập bảng thống kê số sao giấy Hoa gấp được trong 5 ngày đầu tiên

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 19: Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số lợn nhà bác Năm, bác Huệ, bác Hiệp và bác Hòa nuôi

Nhà	Số lợn
Bác Năm	
Bác Huệ	
Bác Hiệp	
Bác Hòa	

: 50 con lợn : 25 con lợn

a) Hãy lập bảng thống kê số lợn nhà bác Năm, bác Huệ, bác Hiệp và bác Hòa nuôi

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Bài 20: Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số ô tô của một cửa hàng bán được trong 5 năm

Năm	Số ô tô
2017	
2018	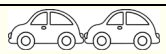
2019	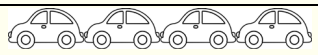
2020	
2021	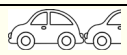

: 10 ô tô : 5 ô tô

a) Hãy lập bảng thống kê số lượng ô tô cửa hàng trên bán được qua các năm

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

▷ Bài 41. BIỂU ĐỒ CỘT KÉP

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Vẽ biểu đồ cột kép:

✍ Để so sánh một cách trực quan từng cặp số liệu của hai bộ dữ liệu cùng loại, người ta thường ghép hai biểu đồ cột thành một biểu đồ cột kép.

✍ Để vẽ biểu đồ cột trong bảng số liệu ta thực hiện các bước sau:

✓ Bước 1: Vẽ hai trục ngang và dọc vuông góc với nhau

Trục ngang: ghi danh sách đối tượng thống kê

Trục dọc: Chọn khoảng cách chia thích hợp với dữ liệu và ghi số ở các vạch chia.

✓ Bước 2: Tại vị trí các đối tượng trên trục ngang, vẽ 2 cột hình chữ nhật cạnh nhau:

Có cùng chiều rộng;

Có chiều cao thể hiện số liệu của hai bộ dữ liệu của các đối tượng, tương ứng với khoảng chia trên trục dọc

✓ Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

Tô màu hoặc gạch chéo để phân biệt hai bộ dữ liệu

Ghi tên biểu đồ

Ghi tên các trục và ghi số liệu tương ứng trên mỗi cột (nếu cần)

❷ Phân tích số liệu với biểu đồ cột kép:

✍ Khi đọc biểu đồ cột kép, đọc tương tự như biểu đồ cột nhưng lưu ý với mỗi đối tượng thống kê, ta thường đọc một cặp số liệu để tiện so sánh sự hơn kém, tăng giảm.

✍ Dựa vào đọc biểu đồ ta có thể phân tích các số liệu và đưa ra nhận định phù hợp.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Đọc biểu đồ và lập bảng thống kê từ biểu đồ

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Quan sát biểu đồ sau và trả lời các câu hỏi sau:

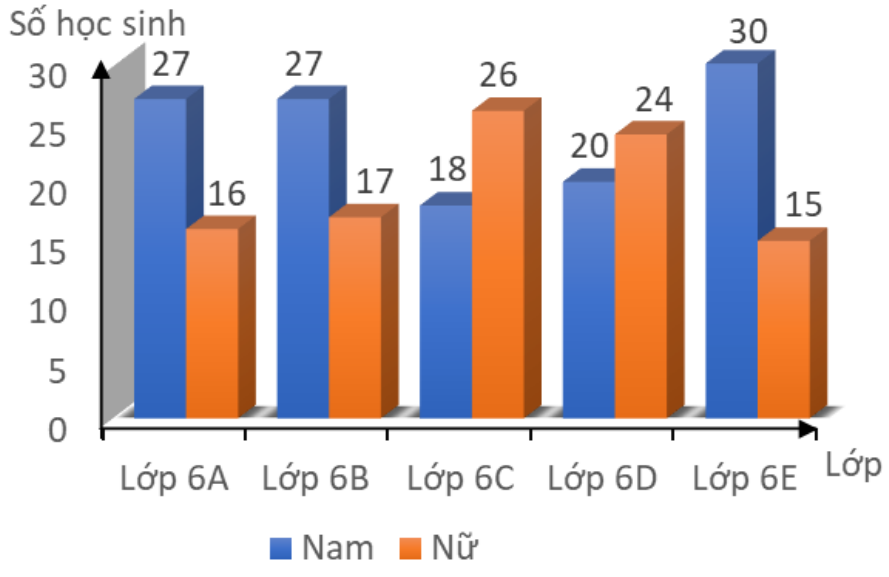

a) Lớp nào có số học sinh nam nhiều nhất? ít nhất?
b) Lớp nào có số học sinh nữ nhiều nhất? ít nhất?
c) Sự chênh lệch học sinh nam, học sinh nữ ở lớp nào lớn nhất?
d) Tổng số nam và nữ của khối 6 của trường là bao nhiêu? Số học sinh nam hay nữ nhiều hơn? Em có thể đưa ra một lời giải thích cho hiện tượng này được không? Hiện tượng này có ảnh hưởng như thế nào trong thực tế? Làm sao để cải thiện?

Bài 2: Biểu đồ dưới đây thống kê số lượng hoa bán được của 3 cửa hàng trong tháng 3 và tháng 4 của năm 2022

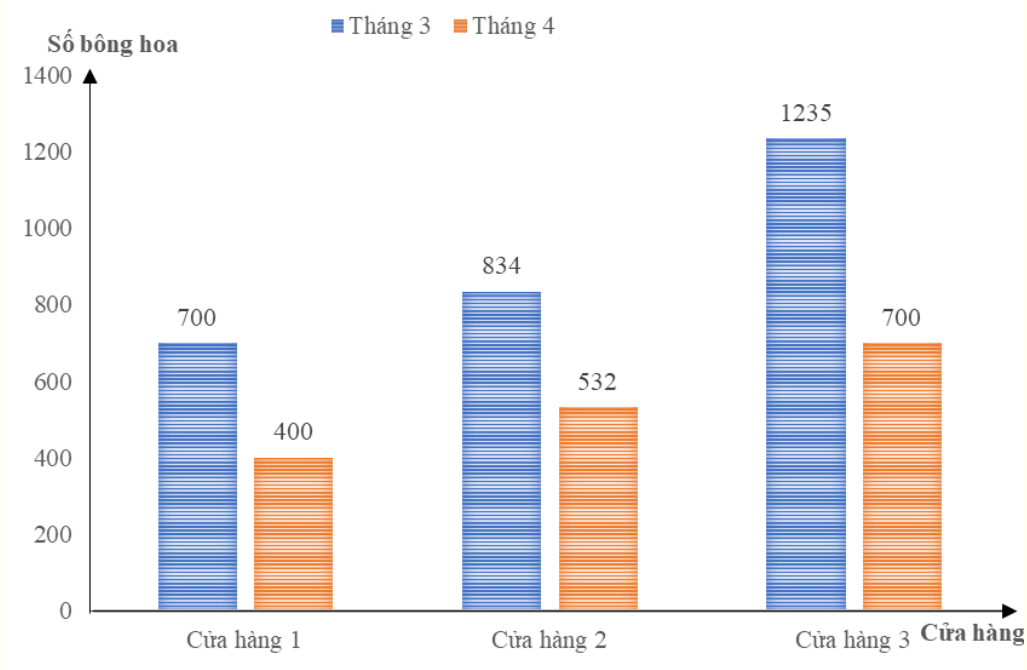

a) So sánh số lượng hoa bán được của mỗi cửa hàng trong tháng 3 và tháng 4.
b) Cửa hàng 3 bán được nhiều hoa nhất trong cả tháng 3 và tháng 4. Em có thể đưa ra một lí do phù hợp nhất để giải thích cho kết quả này được không? Em đồng ý với những nhận xét nào sau đây:
① Cửa hàng 3 bán hoa với giá rẻ nhất
② Cửa hàng 3 có nhân viên chăm sóc khách hàng tốt nhất
③ Cửa hàng 3 có nhiều loại hoa cho người mua hàng lựa chọn
④ Cửa hàng 3 nằm ở vị trí thuận lợi cho việc đi lại mua bán của người mua hàng.
c) Số lượng hoa mà ba cửa hàng bán được trong tháng 3 nhiều hơn số lượng hoa mà ba cửa hàng bán được trong tháng 4 là bao nhiêu bông? Em có biết tháng 3 có ngày đặc biệt nào không? Ngày đó có liên quan gì đến việc mua bán hoa trong tháng 3 hay không?
d) Nếu 16 năm sau (tính từ năm 2022) em có điều kiện để mở một cửa hàng bán hoa thì em sẽ chọn thời gian nào để có thể bán được nhiều hoa hơn trong năm?

Bài 3: Mỗi tháng các bạn học sinh lớp 6 thường được phụ huynh và cô giáo tổ chức sinh nhật cùng với cả lớp. Biểu đồ cột kéo sau đây thống kê số miếng bánh ngọt trong 3 tháng liên tiếp của 2 lớp 6A và 6B đã dùng trong bữa tiệc sinh nhật

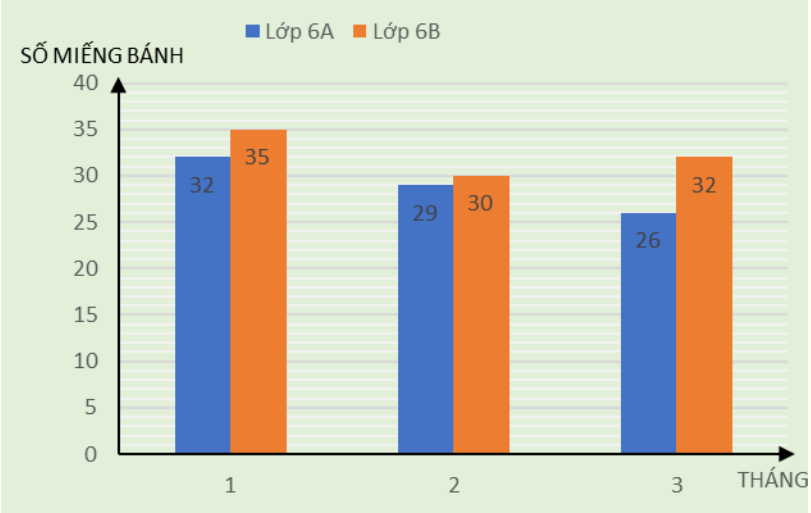

a) Trong ba tháng đầu tiên, số học sinh dùng hết số bánh ở mỗi buổi nhiều nhất là bao nhiêu? Ít nhất là bao nhiêu?

b) So sánh số học sinh dùng bánh ngọt trong mỗi bữa tiệc sinh nhật ở hai lớp. Em có thể đưa ra một giải thích hợp lí cho điều này được không?

c) Để tránh lãng phí trong những bữa tiệc tiếp theo, em hãy chọn phương án phù hợp nhất đối với việc chuẩn bị bánh cho học sinh của cả 2 lớp:

① 35 miếng bánh; ② 40 miếng bánh

③ 45 miếng bánh; ④ 50 miếng bánh.

◎ Bài 4: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

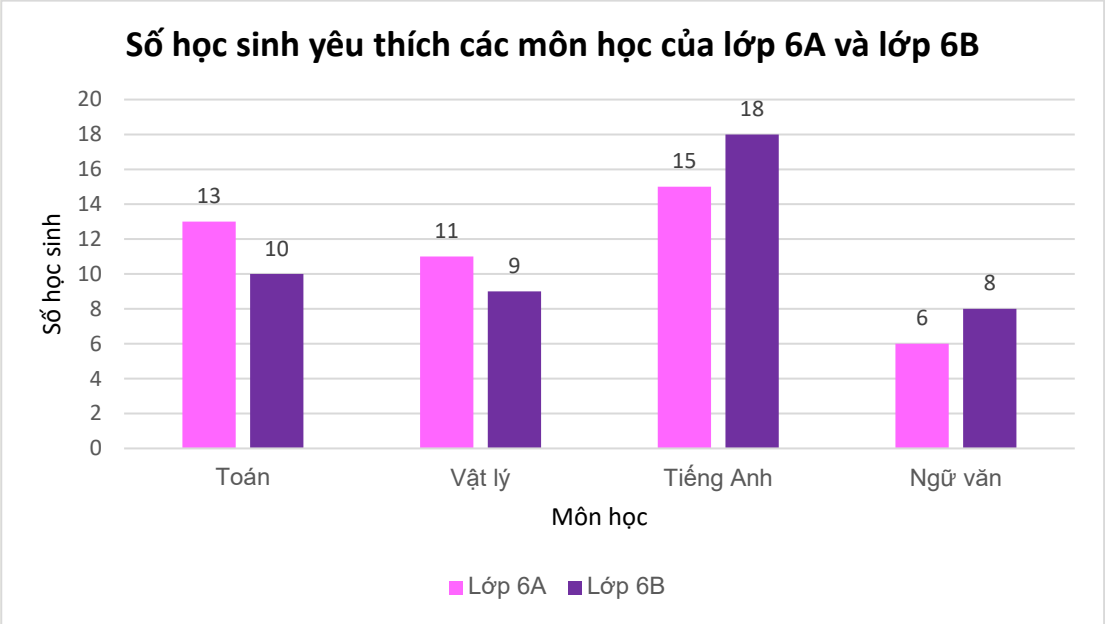

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Môn học nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất? Môn học nào ít học sinh lớp 6A yêu thích nhất?

Môn học nào được nhiều học sinh lớp 6B yêu thích nhất? Môn nào ít học sinh lớp 6B yêu thích nhất?

c) So sánh số lượng học sinh yêu thích môn Vật lý của lớp 6A và lớp 6B

So sánh số lượng học sinh yêu thích môn Toán của lớp 6A và lớp 6B

◎ Bài 5: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng huy chương của 2 quốc gia Nhật Bản và Vương quốc Anh giành được trong Olympic Tokyo 2020

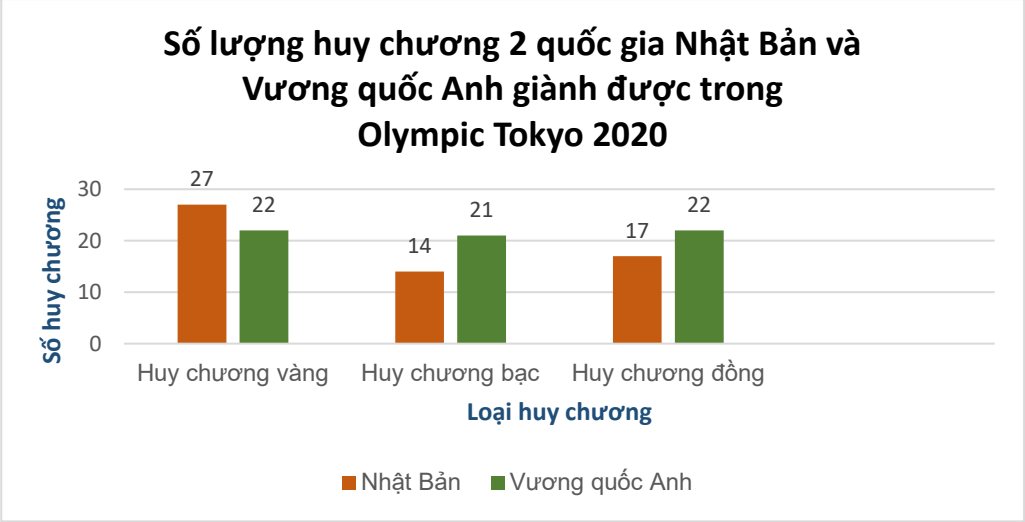

a) Quốc gia nào giành được nhiều huy chương vàng hơn?
Quốc gia nào giành được nhiều huy chương bạc hơn?
Quốc gia nào giành được nhiều huy chương đồng hơn?
b) Tổng số huy chương vàng cả 2 quốc gia giành được là bao nhiêu?
Tổng số huy chương bạc cả 2 quốc gia giành được là bao nhiêu?
Tổng số huy chương đồng cả 2 quốc gia giành được là bao nhiêu?
c) So sánh số huy chương vàng và số huy chương đồng mà Vương quốc Anh giành được
So sánh số huy chương bạc và huy chương đồng mà Nhật Bản giành được
d) Tính tổng số huy chương Nhật Bản giành được
Tính tổng số huy chương Vương quốc Anh giành được

◎ Bài 6: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

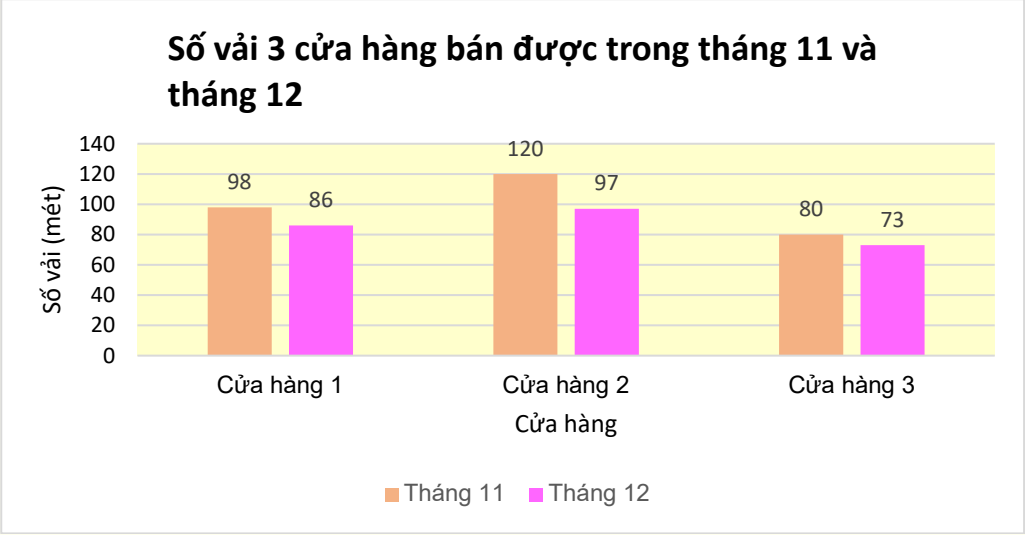

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) So sánh số vải mỗi cửa hàng bán được trong tháng 11 và tháng 12
c) Cửa hàng nào bán được nhiều vải nhất trong tháng 11? Cửa hàng nào bán được nhiều vải nhất trong tháng 12? Cửa hàng nào bán được tổng số vải nhiều nhất trong 2 tháng?

Cửa hàng nào bán được ít vải nhất trong tháng 11? Cửa hàng nào bán được ít vải nhất trong tháng 12? Cửa hàng nào bán được tổng số vải ít nhất trong 2 tháng?

d) Cửa hàng 2 bán được nhiều vải nhất trong cả tháng 11 và tháng 12. Em có thể đưa ra một lí do phù hợp nhất để giải thích cho kết quả này được không? Em đồng ý với những nhận xét nào sau đây:

① Cửa hàng 2 bán vải với giá rẻ nhất

② Cửa hàng 2 có nhân viên chăm sóc khách hàng tốt nhất

③ Cửa hàng 2 có nhiều loại vải cho người mua hàng lựa chọn

④ Cửa hàng 2 nằm ở vị trí thuận lợi cho việc đi lại mua bán của người mua hàng.

◎ Bài 7: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

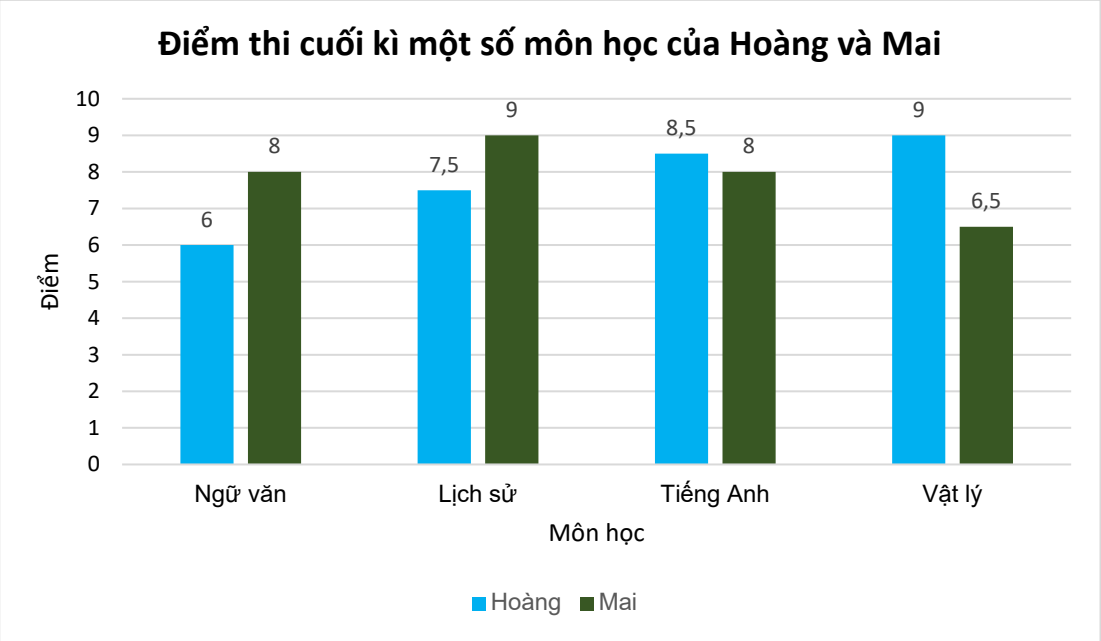

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Điểm số cao nhất mà Hoàng đạt được là bao nhiêu? Ở môn học nào?

Điểm số cao nhất mà Mai đạt được là bao nhiêu? Ở môn học nào?

Điểm số thấp nhất của Hoàng là bao nhiêu? Ở môn học nào?

Điểm số thấp nhất của Mai là bao nhiêu? Ở môn học nào?

c) So sánh điểm số của Hoàng và điểm số của Mai trong môn Ngữ văn

So sánh điểm số của Hoàng và điểm số của Mai trong môn Tiếng Anh

d) Tính điểm trung bình 4 môn học của Hoàng

Tính điểm trung bình 4 môn học của Mai

◎ Bài 8: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích các môn thể thao của lớp 6A

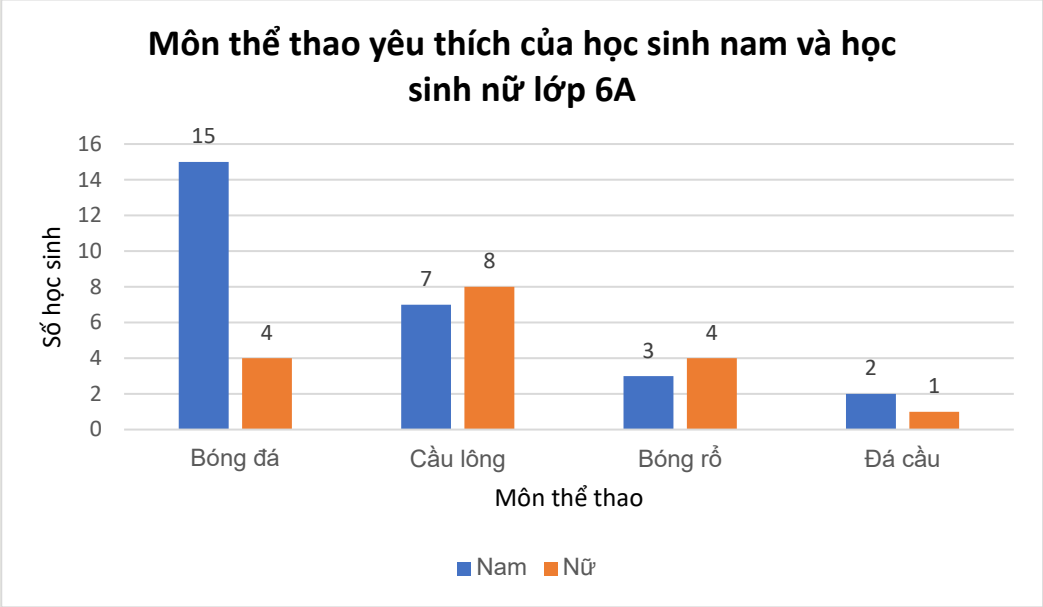

a) Môn thể thao nào có nhiều học sinh trong lớp yêu thích nhất? Môn thể thao nào có ít học sinh trong lớp yêu thích nhất?

b) Môn thể thao nào được nhiều học sinh nam yêu thích nhất? Môn thể thao nào được nhiều học sinh nữ yêu thích nhất?

c) So sánh số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích môn Cầu lông

So sánh số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích môn Bóng rổ

So sánh số học sinh nam yêu thích môn bóng đá với số học sinh nam yêu thích môn bóng rổ

So sánh số học sinh nữ yêu thích môn bóng đá và số học sinh nữ yêu thích môn cầu lông

d) Tính số học sinh của lớp 6A yêu thích môn cầu lông

Tính tổng số học sinh của lớp 6A yêu thích môn đá cầu

◎ Bài 9: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số lượng vật nuôi trong nhà của các học sinh tổ 1 và tổ 2 lớp 6A2

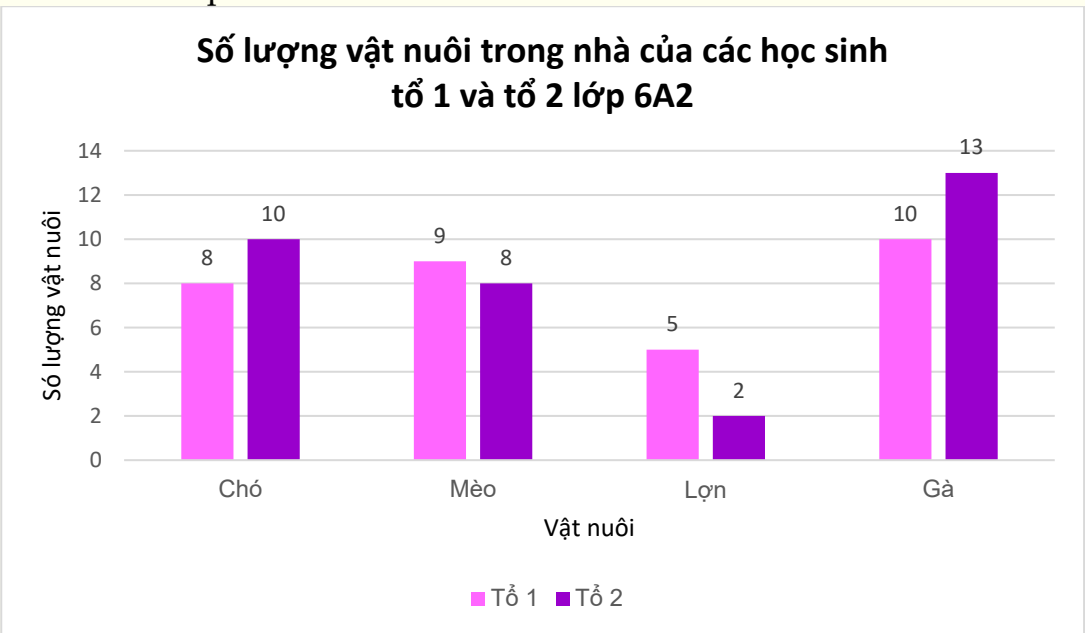

a) Vật nuôi nào được nhiều học sinh tổ 1 nuôi nhất? Vật nuôi nào được ít học sinh trong tổ 2 nuôi nhất?
b) So sánh số lượng học sinh nuôi chó của tổ 1 và tổ 2
So sánh số lượng học sinh nuôi mèo của tổ 1 và tổ 2
c) So sánh số học sinh tổ 1 nuôi mèo với số học sinh tổ 1 nuôi lợn
So sánh số học sinh tổ 2 nuôi chó với số học sinh tổ 2 nuôi gà
d) Tính tổng số học sinh trong 2 tổ nuôi gà
Tính tổng số học sinh trong 2 tổ nuôi mèo

◎ Bài 10: Đọc biểu đồ cột kép dưới đây và trả lời các câu hỏi bên dưới

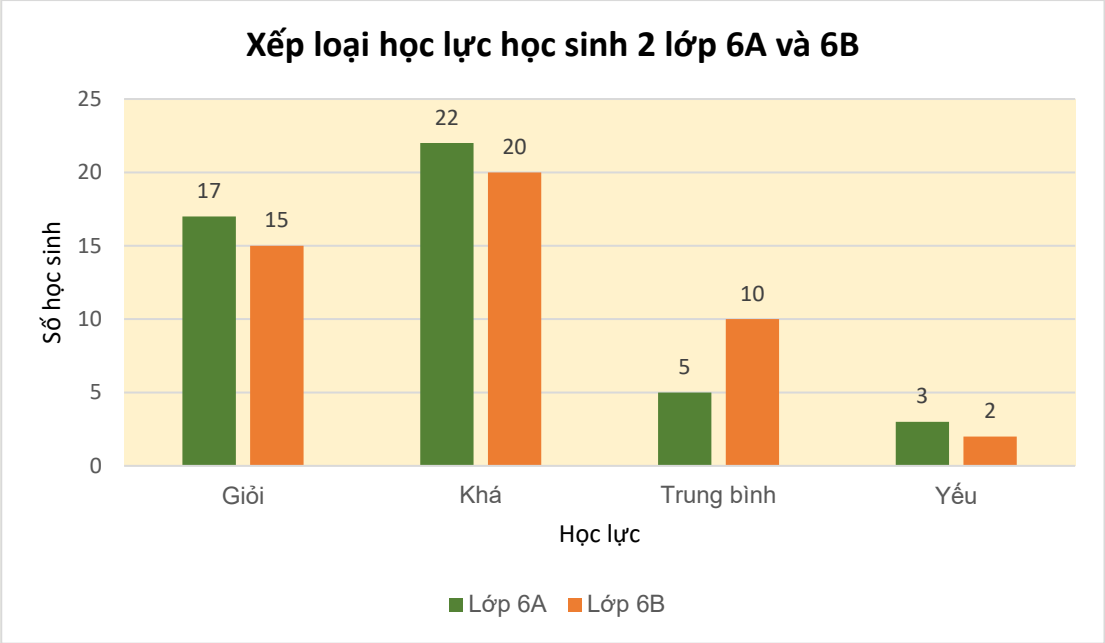

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Học sinh 2 lớp đạt học lực nào nhiều nhất? Học lực nào ít nhất?
c) So sánh số học sinh đạt học lực giỏi của lớp 6A và 6B
So sánh số học sinh đạt học lực trung bình của lớp 6A và 6B
d) Tính tổng số học sinh đạt học lực giỏi của cả 2 lớp
Tính tổng số học sinh đạt học lực khá của 2 cả lớp
Tính tổng số học sinh đạt học lực trung bình của cả 2 lớp
Tính tổng số học sinh đạt học lực yếu của cả 2 lớp
e) Tính tổng số học sinh lớp 6A
Tính tổng số học sinh lớp 6B

◎ Bài 11: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số hoa lớp 6B và lớp 6C trồng được

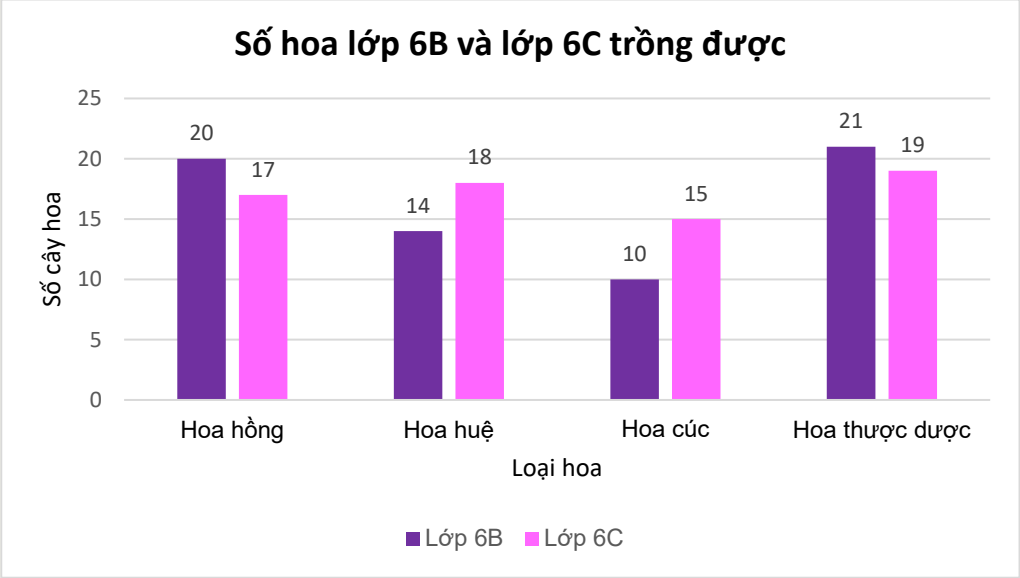

a) Hoa nào được học sinh cả 2 lớp trồng nhiều nhất? Ít nhất?
Hoa nào được học sinh lớp 6B trồng nhiều nhất? Ít nhất?
Hoa nào được học sinh lớp 6C trồng nhiều nhất? Ít nhất?
b) So sánh số lượng hoa hồng lớp 6B và lớp 6C đã trồng được
So sánh số lượng hoa huệ lớp 6B và lớp 6C đã trồng được
c) So sánh số lượng hoa huệ và số lượng hoa cúc mà học sinh lớp 6B đã trồng
So sánh số lượng hoa huệ và số lượng hoa cúc mà học sinh lớp 6C đã trồng
d) Tính tổng số hoa học sinh lớp 6B đã trồng
Tính tổng số hoa học sinh lớp 6C đã trồng

◎ Bài 12: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp THPT của một số tỉnh thành năm 2020 và năm 2021

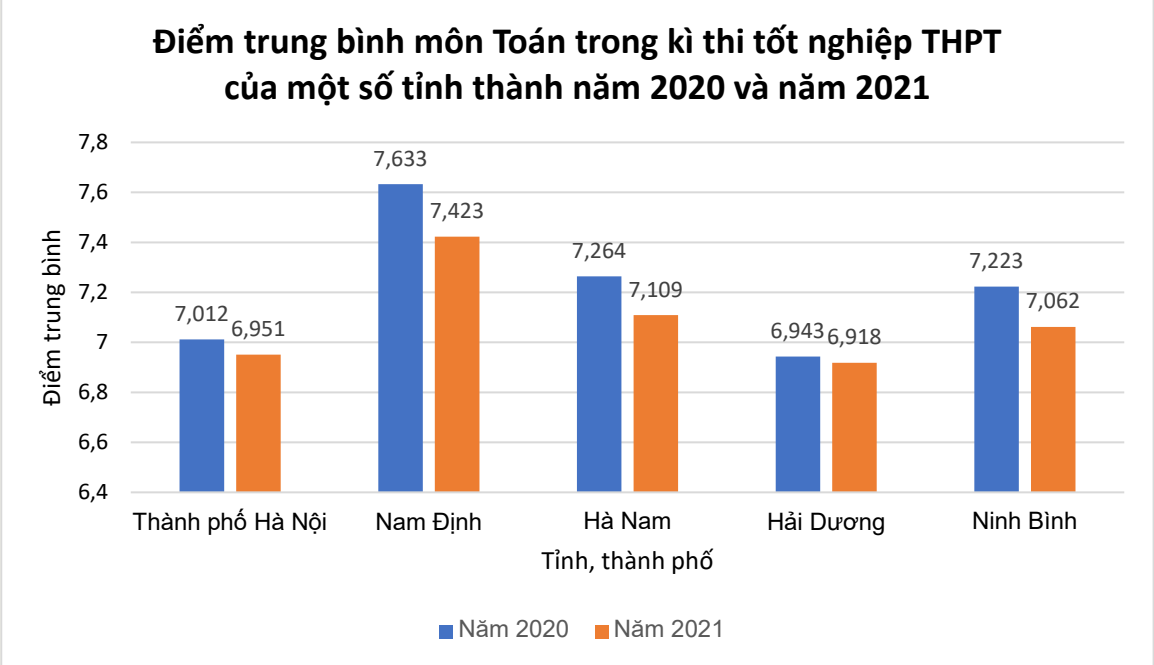

a) Nhận xét điểm trung bình môn Toán của các tỉnh thành năm 2020 và năm 2021
b) Tỉnh thành nào có điểm trung bình môn Toán cao nhất trong cả 2 năm? Tỉnh thành nào có điểm trung bình môn Toán thấp nhất trong cả 2 năm?
c) So sánh điểm trung bình môn Toán của Hà Nội với Ninh Bình năm 2020

So sánh điểm trung bình môn Toán của Nam Định với Hải Dương năm 2021
d) Sự chênh lệch điểm trung bình môn Toán của tỉnh thành nào nhiều nhất? Ít nhất?

◎ Bài 13: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

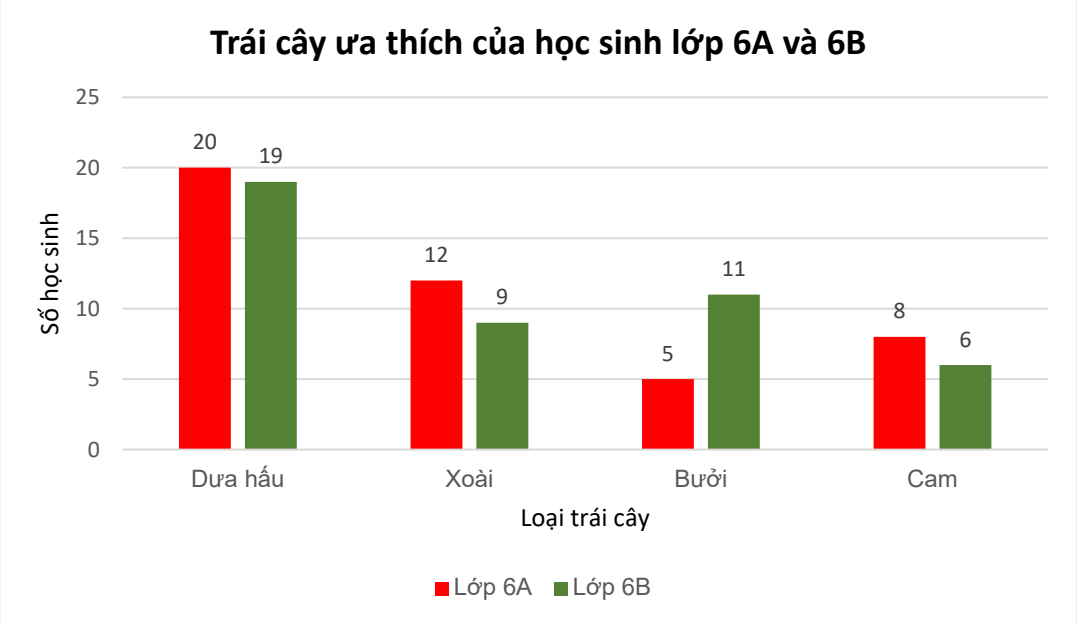

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Loại trái cây nào được nhiều học sinh 2 lớp yêu thích nhất? Ít nhất?
c) Loại trái cây nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất? Ít nhất?
Loại trái cây nào được nhiều học sinh lớp 6B yêu thích nhất? Ít nhất?
d) Tính tổng số học sinh yêu thích xoài của cả 2 lớp
Tính tổng số học sinh yêu thích cam của cả 2 lớp

◎ Bài 14: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

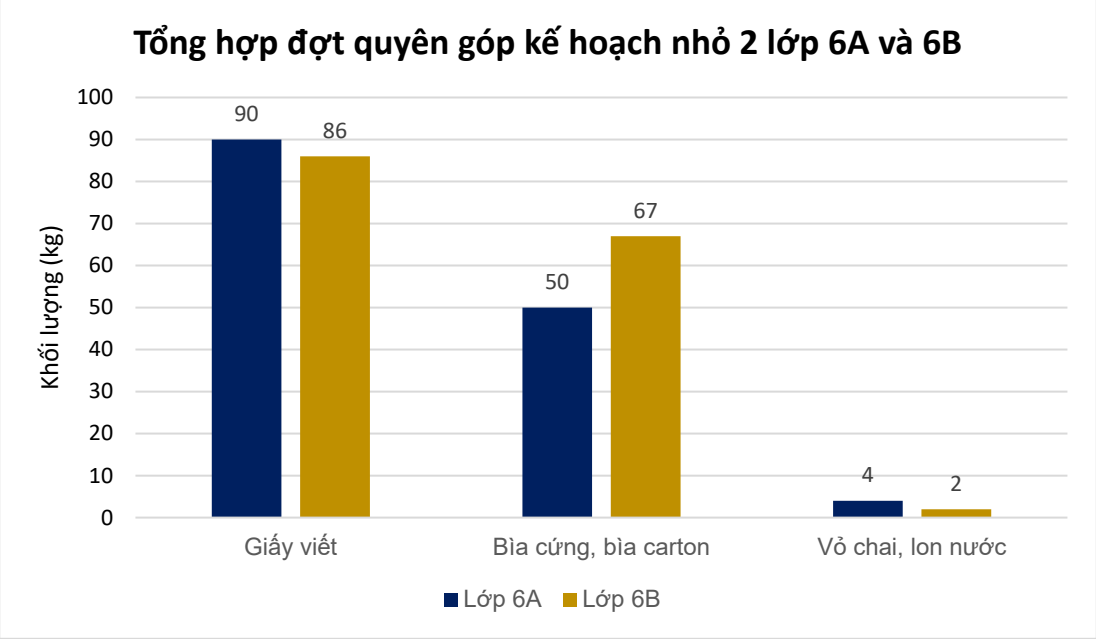

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Loại kế hoạch nhỏ nào được học sinh quyên góp nhiều nhất? Ít nhất?
c) So sánh lượng giấy viết lớp 6A và lớp 6B quyên góp

So sánh lượng bìa cứng, bìa carton lớp 6A và lớp 6B quyên góp
So sánh lượng vỏ chai, lon nước lớp 6A và lớp 6B quyên góp
d) Tính tổng lượng giấy viết cả 2 lớp quyên góp
Tính tổng lượng bìa cứng, bìa carton cả 2 lớp quyên góp
Tính tổng lượng vỏ chai, lon nước cả 2 lớp quyên góp

◎ Bài 15: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết sản lượng thóc nhà bác Năm và bác Huệ thu PTHToan 6 - Vip hoạch được trong vụ Đông Xuân qua các năm

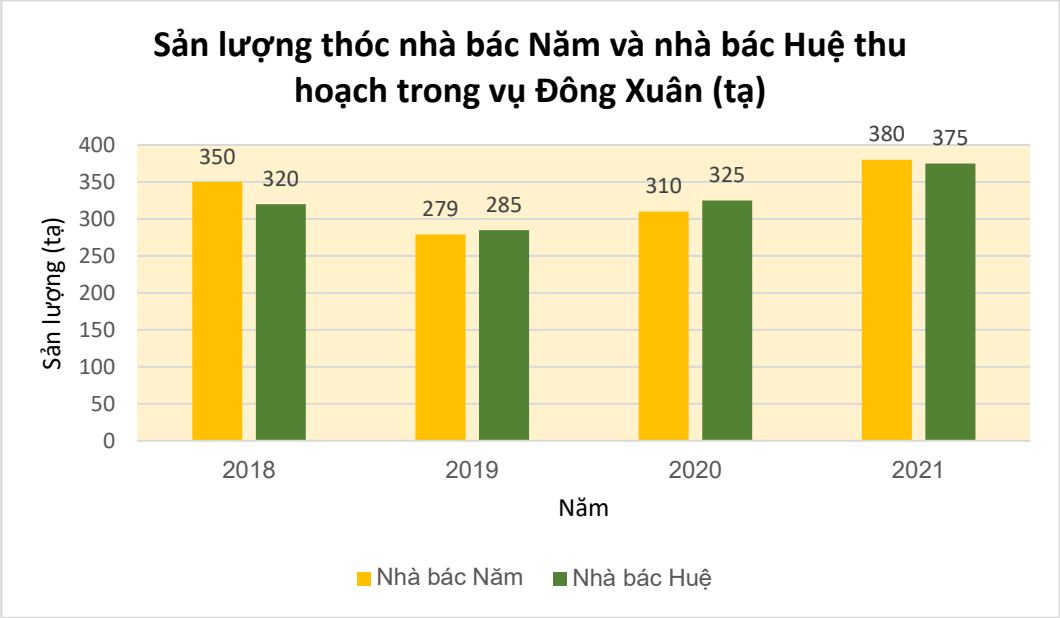

a) Tổng sản lượng thóc cả 2 nhà năm nào nhiều nhất? Ít nhất?
b) Năm nào nhà bác Năm thu hoạch được nhiều thóc nhất? Ít nhất?
Năm nào nhà bác Huệ thu hoạch được nhiều thóc nhất? Ít nhất?
c) So sánh sản lượng thóc nhà bác Năm và nhà bác Huệ trong năm 2018
So sánh sản lượng thóc nhà bác Năm và nhà bác huệ năm 2020
d) Tính tổng sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch trong 4 năm
Tính tổng sản lượng thóc nhà bác Huệ thu hoạch trong 4 năm

◎ Bài 16: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số học sinh dự thi học sinh giỏi các môn khối 6 và khối 7

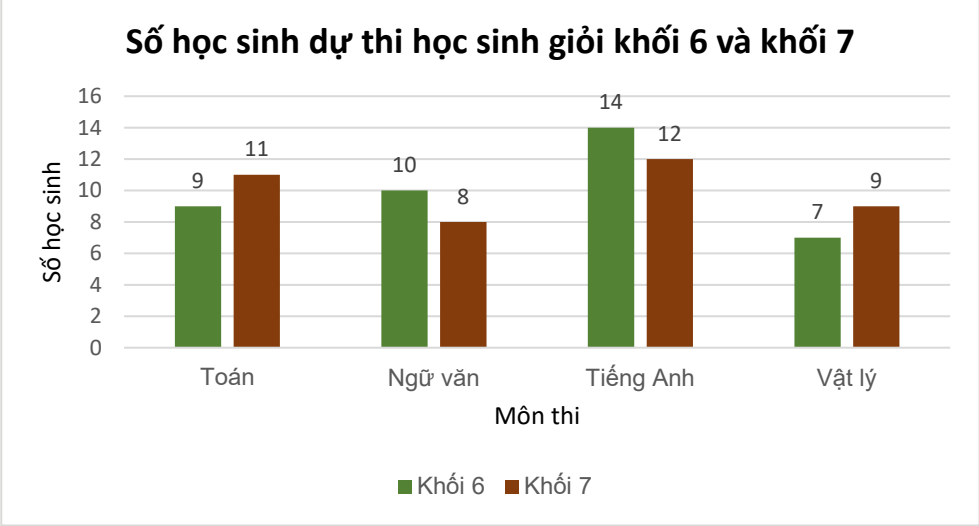

a) Môn học nào có số lượng học sinh 2 khối dự thi nhiều nhất? Ít nhất?
b) Môn học nào có số lượng học sinh khối 6 dự thi nhiều nhất? Ít nhất?
Môn học nào có số lượng học sinh khối 7 dự thi nhiều nhất? Ít nhất?
c) So sánh số lượng học sinh dự thi môn Ngữ văn của khối 6 và khối 7
So sánh số lượng học sinh dự thi môn Toán của khối 6 và khối 7
d) Tính tổng số lượng học sinh khối 6 dự thi các môn học
Tính tổng số lượng học sinh khối 7 dự thi các môn học

◎ Bài 17: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

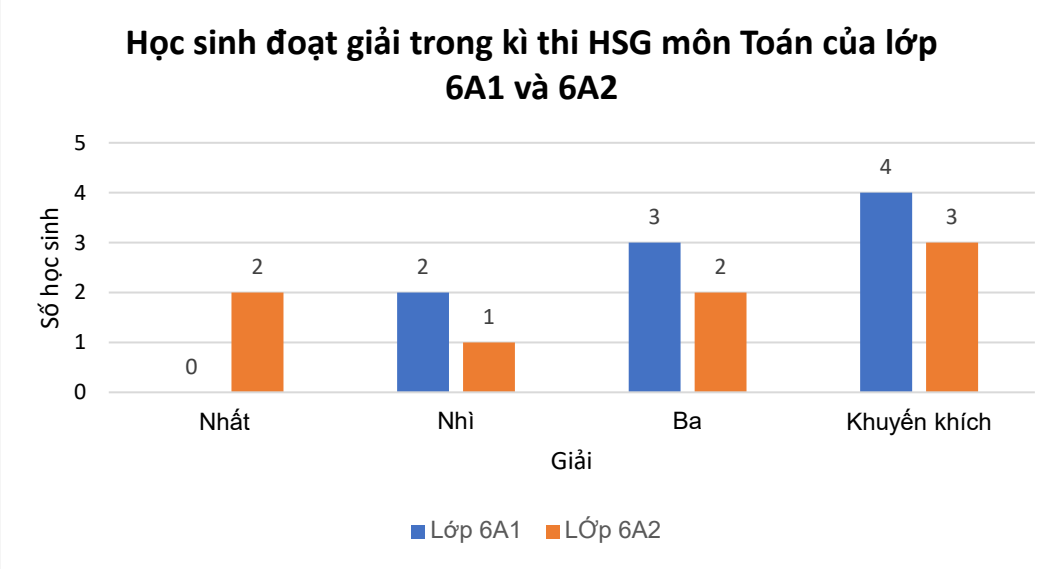

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Học sinh cả 2 lớp đạt giải nào nhiều nhất? Ít nhất?
c) So sánh số học sinh đạt giải nhất của lớp 6A1 và lớp 6A2
So sánh số học sinh đạt giải ba của lớp 6A1 và 6A2
d) Tính tổng số học sinh đạt giải nhất của cả 2 lớp
Tính tổng số học sinh đạt giải ba của cả 2 lớp

◎ Bài 18: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết tuổi thọ trung bình của nam giới và nữ giới ở một số quốc gia (số liệu năm 2017)

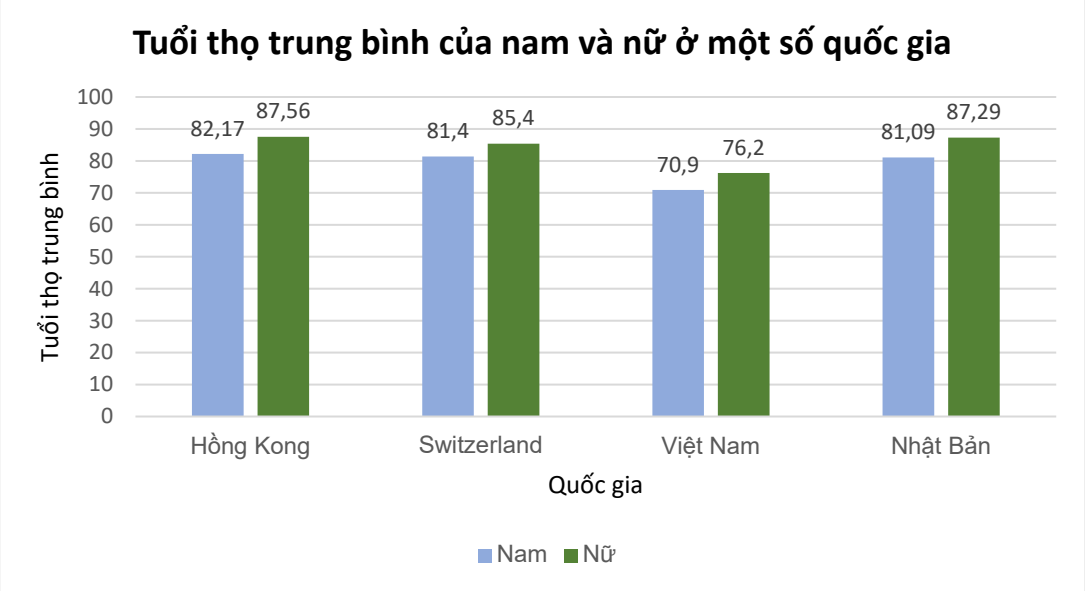

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Nước nào có tuổi thọ trung bình của nữ giới cao nhất? Thấp nhất?
Nước nào có tuổi thọ trung bình của nam giới cao nhất? Thấp nhất?
c) Nước nào có độ chênh lệch về tuổi thọ trung bình giữa nam giới và nữ giới nhiều nhất? Ít nhất?
d) Từ biểu đồ trên em có nhận xét gì về tuổi thọ trung bình của nam giới và nữ giới ở các quốc gia? Theo em vì sao lại dẫn tới điều đó?

Bài 19: Biểu đồ dưới đây cho biết mật độ dân số một số tỉnh thành ở Việt Nam năm năm 2015 và năm 2019

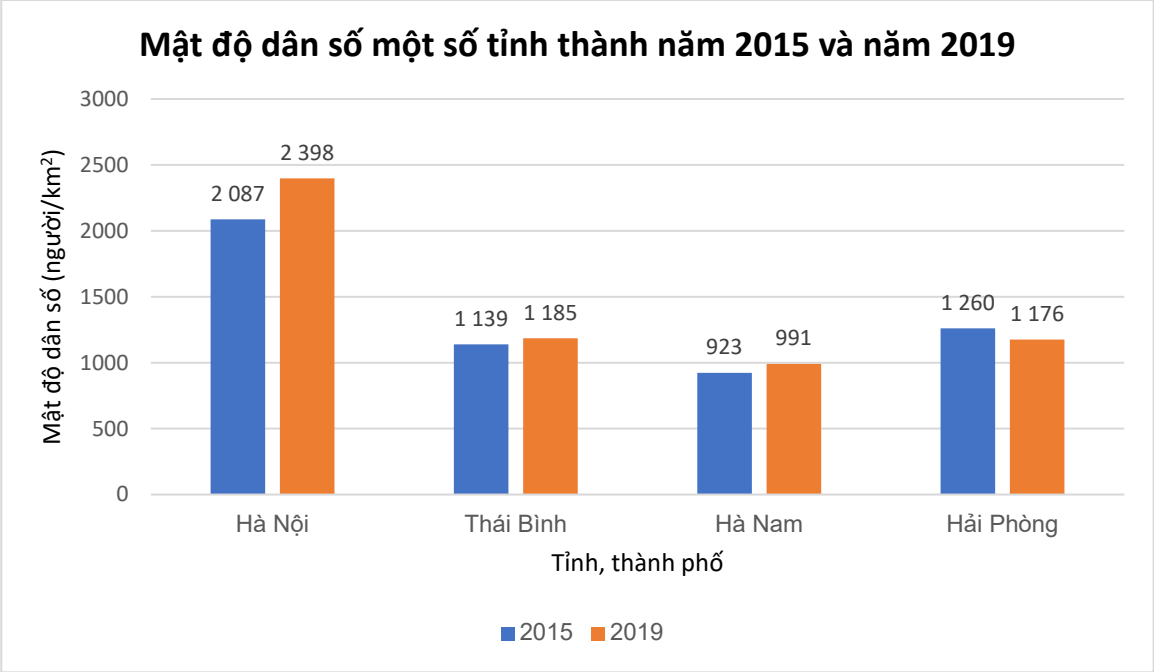

a) Tỉnh thành nào có mật độ dân số lớn nhất trong cả 2 năm? Ít nhất?
b) Nhận xét mật độ dân số của các tỉnh thành trong năm 2015 và năm 2019 và giải thích
c) So sánh mật độ dân số của Thái Bình trong năm 2015 và năm 2019
So sánh mật độ dân số của hải Phòng trong năm 2015 và năm 2019
d) Tỉnh thành nào có sự chệnh lệch mật độ dân số trong 2 năm nhiều nhất? Ít nhất?

Bài 20: Biểu đồ cột kép ở hình bên biểu diễn số tiền Việt Nam thu được khi xuất khẩu cà phê và xuất khẩu gạo trong ba năm 2019, 2020, 2021.
a) Tính tổng số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê trong ba năm 2019, 2020, 2021.
b) Số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê năm 2019 nhiều hơn số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê năm 2020 là bao nhiêu?
c) Tính tổng số tiền thu được khi xuất khẩu gạo trong ba năm 2019, 2020, 2021.
d) Số tiền thu được khi xuất khẩu gạo năm 2020 nhiều hơn số tiền thu được khi xuất khẩu gạo năm 2019 là bao nhiêu?
e) Trong ba năm 2019, 2020, 2021 năm nào số tiền thu được khi xuất khẩu gạo là nhiều nhất?

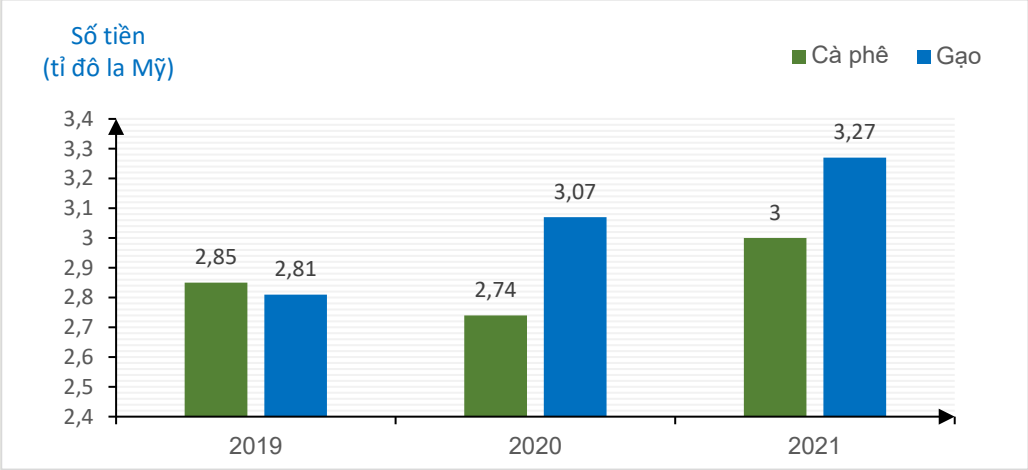

Dạng 2: Vẽ biểu đồ cột kép từ bảng dữ liệu

Phương pháp:

Bài 1: Tổng kết học kì 1 của lớp 6A, cả lớp đều đạt hạnh kiểm tốt và khá, không có hạnh kiểm đạt và chưa đạt. Sau đây là bảng thông tin của từng tổ

Hạnh kiểm	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Tốt	7	6	8	9
Khá	4	5	4	2

a) Các em hãy vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn cho bảng thống kê trên.
b) Quan sát biểu đồ và đưa ra lời nhận xét về hạnh kiểm của các tổ?

Bài 2: Một chuỗi siêu thị gồm 5 cửa hàng ở 5 quận huyện khác nhau. Bảng sau thống kê về số tiền lãi (triệu đồng) của các cửa hàng trong hai tháng 11 và 12 như sau:

	Cửa hàng 1	Cửa hàng 2	Cửa hàng 3	Cửa hàng 4	Cửa hàng 5
Tháng 11	60	25	50	65	70
Tháng 12	80	40	90	120	100

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tính tổng số lãi mà 5 cửa hàng mang về trong tháng 11, trong tháng 12.
c) Do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty phải đóng cửa một cửa hàng. Dựa trên số lãi trong tháng 11 và 12, quản lí của công ty quyết định đóng cửa hàng 3. Em có đồng ý với quyết định của quản lí không? Hãy giải thích?

Bài 3: Tập luyện thể thao rất tốt cho sức khỏe. Khi điều tra về môn thể thao ưa thích của học sinh trong lớp học, cô giáo thu được kết quả như sau:

	Bóng đá	Bóng rổ	Bóng bàn	Cầu lông	Bơi
Nam	30	25	15	20	30
Nữ	15	16	7	30	40

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Tính tổng số học sinh trong lớp yêu thích môn bóng đá?
c) Môn thể thao nào được học sinh trong lớp yêu thích nhất?

Bài 4: Để chuẩn bị cho chương trình 8/3, lớp 6A muốn tổ chức hoạt động tập thể để gửi lời cảm ơn tới những người phụ nữ yêu thương trong gia đình. Các bạn tổ chức bình chọn các hoạt động có thể tổ chức. Sau khi lớp trưởng thống kê kết quả bình chọn thì được bảng thống kê như sau:

	Làm thiệp	Làm hoa	Vẽ tranh
Nam	15	20	30
Nữ	32	25	35

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Có bao nhiêu bạn chọn vẽ tranh?
c) Nếu dựa trên việc hoạt động nào được bình chọn nhiều nhất sẽ là hoạt động được tổ chức thì lớp 6A sẽ tổ chức hoạt động nào?

Bài 5: Nhiệt độ cao nhất trong ngày vào dịp Tết nguyên đán của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được cho trong bảng sau:

	Mùng 1	Mùng 2	Mùng 3
Hà Nội	15	15	14
Hồ Chí Minh	36	35	34

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Trong ngày mùng 1, nhiệt độ của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chênh nhau bao nhiêu độ?
c) Em có biết vì sao nhiệt độ ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội hay không?

Bài 6: Thống kê về dân số (triệu người) của 2 thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong 3 năm 2019, 2020 và 2021 được thể hiện trong bảng sau:

Năm	2019	2020	2021
Hà Nội	8,05	8,25	8,42
Hồ Chí Minh	9	9	8,84

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Thành phố nào có dân số đông hơn?
c) Em có thể giải thích vì sao dân số của thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 lại giảm đi không?

Bài 7: Nhà Sơn có 2 anh em sinh đôi là Sơn và Nam cùng học chung lớp. Vì là 2 anh em sinh đôi nên từ nhỏ 2 bạn thường được phân vào chung 1 lớp. Và cũng vì lí do đó

nên 2 bạn thường ganh đua nhau học hành để nhận phần thưởng của bố mẹ. Kết thúc học kì 1, 2 anh em mang về bảng điểm các môn như sau:

	Toán	Văn	Anh	LS &ĐL	Công nghệ	Tin học	GDCD	KHTN
Nam	8.5	7.3	6.7	7.2	7.8	8.0	8.5	8.8
Sơn	8.0	8.3	9.0	8.8	8.0	7.5	8.5	8.0

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Bạn nào học đều các môn hơn?

Bài 8: Trong bài thi giữa học kì 2, thống kê điểm giỏi môn Văn và Toán của các lớp 6 trong một trường THCS ta được bảng thống kê sau:

	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7	6A8
Văn	20	25	23	26	30	26	25	28
Toán	30	32	27	28	40	37	32	35

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Lớp nào có tỉ lệ khá, giỏi nhiều nhất?
c) Lớp nào có nhiều bạn điểm giỏi môn Toán nhất?

Bài 9: Một chuỗi quán cà phê Cộng gồm 5 quán cà phê ở 5 tuyến phố khác nhau. Bảng sau thống kê về số tiền lãi (triệu đồng) của các cửa hàng trong hai tháng 10 và 11 như sau:

	Cửa hàng 1	Cửa hàng 2	Cửa hàng 3	Cửa hàng 4	Cửa hàng 5
Tháng 10	30	20	15	20	17
Tháng 11	50	40	20	35	35

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tính tổng số lãi mà 5 cửa hàng mang về trong tháng 10, trong tháng 11.
c) Do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty phải đóng cửa một cửa hàng. Dựa trên số lãi trong tháng 10 và 11, ông chủ quyết định đóng cửa hàng 3. Em có đồng ý với quyết định của ông chủ không? Hãy giải thích?

Bài 10: Thống kê nhiệt độ cao nhất và thấp nhất trong một tuần của thành phố Hồ Chí Minh như sau:

	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Nhiệt độ cao nhất	35	36	35	35	36	37	36
Nhiệt độ thấp nhất	26	26	24	23	25	25	26

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Ngày nào là ngày nóng nhất trong tuần? Ngày nào mát nhất trong tuần?

c) Nếu em là khách du lịch vào thành phố Hồ Chí Minh trong 3 ngày, em sẽ lựa chọn đi vào thời điểm nào?

◎ Bài 11: Thống kê sĩ số học sinh đầu năm và cuối năm của một số lớp trong 1 trường THCS như sau:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7
Sĩ số đầu năm	40	43	46	47	45	48	43
Sĩ số cuối năm	42	43	45	45	46	42	45

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Lớp nào có nhiều bạn chuyển đi nhất? nhiều bạn chuyển đến nhất?

◎ Bài 12: Thống kê số liệu về dân số Việt Nam và Thái Lan 10 năm 1 lần được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Năm	1979	1989	1999	2009	2019
Dân số Việt Nam (triệu người)	53	67	79	87	96
Dân số Thái Lan (triệu người)	47	56	62	67	69

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Dân số nước nào tăng nhanh hơn? Tính tỉ lệ phần trăm dân số năm 1979 và năm 2019 của 2 nước.

◎ Bài 13: Trong một bài thực hành KHTN, cô giáo giao nhiệm vụ cho học sinh của các tổ chuẩn bị khoai tây hoặc khoai lang. Thống kê số lượng khoai tây, khoai lang của các tổ mang đến như sau:

	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Khoai tây	4	5	3	5
Khoai lang	7	7	6	8

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tổ nào mang nhiều dụng cụ nhất? Tổ nào mang ít nhất?

◎ Bài 14: Trong giờ thực hành môn Công nghệ, cô giáo yêu cầu HS về chuẩn bị món trộn su hào đu đủ hoặc dưa chuột. Học sinh các tổ chuẩn bị như sau:

	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Su hào, đu đủ	5	8	5	6
Dưa chuột	6	4	7	6

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Món nào là món được chuẩn bị nhiều nhất?

Bài 15: Cửa hàng bán nem nướng có 2 cơ sở. Bảng sau thống kê số suất ăn bán ra của 2 cơ sở trong 3 ngày:

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3
Cơ sở 1	140	150	200
Cơ sở 2	120	170	150

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Cơ sở nào bán được nhiều nhất trong 3 ngày?

Bài 16: Thống kê lượt khách du lịch nội địa và quốc tế đến Hà Nội trong 3 năm 2016, 2017 và 2018 thể hiện trong bảng sau:

	2016	2017	2018
Khách quốc tế (triệu người)	4,02	5,27	6,0
Khách nội địa (triệu người)	17,8	18,7	20,3

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tính tổng số lượt khách du lịch đến Hà Nội trong 3 năm trên?
c) Tính tỉ số phần trăm khách quốc tế đến Hà Nội năm 2017 so với năm 2018?
d) Bạn An nói rằng năm 2018 có 28 triệu lượt khách du lịch đến Hà Nội. Bạn An nói đúng hay sai? Vì sao?

Bài 17: Trong SEA Games 30, đoàn thể thao Việt Nam và Thái Lan đạt được một số huy chương vàng, bạc, đồng được thể hiện trong bảng sau:

	Vàng	Bạc	Đồng
Thái Lan	92	103	123
Việt Nam	98	85	105

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tổng số huy chương của đoàn thể thao nào được nhiều hơn?

Bài 18: Số trường tiểu học và THCS của Hà Nội trong các năm học 2016 – 2017; 2017 – 2018; 2018 – 2019; 2019 – 2020 được thể hiện trong bảng sau:

	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 – 2020
Tiểu học	773	848	1 360	1 723
THCS	10 155	10 091	9 551	9 047

Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.

Bài 19: Số lượng trường THCS của 5 tỉnh miền Trung trong năm 2005 và 2015 (theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2015) được cho trong bảng sau:

	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên – Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi
2005	143	100	100	180	140
2015	157	110	120	188	170

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) An nhận định như sau:
- Năm 2015, tỉnh Thừa Thiên – Huế có hơn 100 trường THCS.
- Năm 2005, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều trường THCS hơn tỉnh Quảng Bình.
- Năm 2015, số trường THCS của Quảng Nam nhiều hơn hai lần số trường THCS của tỉnh Quảng Trị.
- Số trường THCS của các tỉnh năm 2015 đều cao hơn 2005
Nhận định của An đúng hay sai?

Bài 20: Điểm thi giữa học kì 1 và giữa học kì 2 của một số môn của bạn An được thể hiện trong bảng sau:

	Toán	Văn	Anh	GDCD	KHTN	LS&ĐL	Tin học	Công nghệ
Giữa kì 1	6	7	5.5	8	7	8	7	8
Giữa kì 2	9	8	7	8	7	7.5	8	8.5

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Môn học nào An đạt được tiến bộ nhiều nhất?
c) Môn học nào An đạt được tiến bộ ít nhất?
d) Có môn nào An có điểm thi giảm đi hay không?

Bài 21: Mai, Chi, Quân là 3 bạn chơi thân, bảng thống kê chiều cao cân nặng của 3 bạn được thể hiện trong bảng sau:

	Mai	Chi	Quân
Chiều cao (cm)	136	143	142
Cân nặng (kg)	30	36	37

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Em hãy tìm hiểu bảng chuẩn chiều cao cân nặng của trẻ em 12 tuổi và cho biết 3 bạn có đạt chuẩn không?

▷ Bài 42. KẾT QUẢ CÓ THỂ VÀ SỰ KIỆN TRONG TRÒ CHƠI, THÍ NGHIỆM

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Kết quả có thể:

✍ Các kết quả của trò chơi, thí nghiệm có thể xảy ra gọi là kết quả có thể.

❷ Sự kiện:

✍ Khi thực hiện trò chơi hoặc thí nghiệm, một sự kiện **có thể xảy ra** hoặc **không xảy ra** tùy thuộc vào kết quả của trò chơi, thí nghiệm đó.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Liệt kê các kết quả có thể của một trò chơi

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: An và Bình cùng chơi gieo đồng xu

a) Hãy nêu các kết quả có thể nếu đồng xu được gieo 1 lần

b) Hãy nêu các kết quả có thể nếu đồng xu được gieo 2 lần

c) Hãy nêu các kết quả có thể nếu đồng xu được gieo 3 lần

◎ Bài 2: Trong trò chơi "hộp quà bí mật", cô giáo đặt 4 phần thưởng gồm "1 điểm 10", "1 cái bút", "1 bộ thước kẻ", "1 quyển vở" phía dưới hộp quà. Học sinh sẽ chọn ngẫu nhiên một hộp quà và nhận được phần thưởng dưới hộp quà đó.

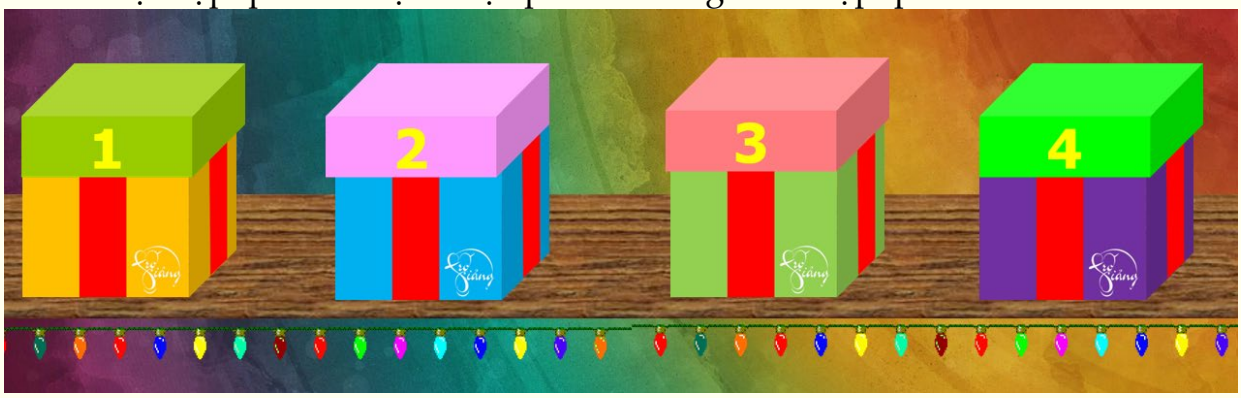

An và Bình là 2 bạn may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được nhận quà

a) An là người chọn đầu tiên. Liệu An có thể nhận được phần quà nào?

b) Giả sử An chọn được hộp quà là một quyển vở. Hỏi Bình có thể nhận được phần quà nào?

◎ Bài 3: Trong trò chơi quay số trúng thưởng. Nếu quay được bóng màu đỏ sẽ trúng 1 chú gấu bông, bóng màu xanh lá cây sẽ được một khẩu súng đồ chơi, màu xanh nước biển sẽ được 1 quyển vở và màu vàng sẽ được 1 chiếc bút

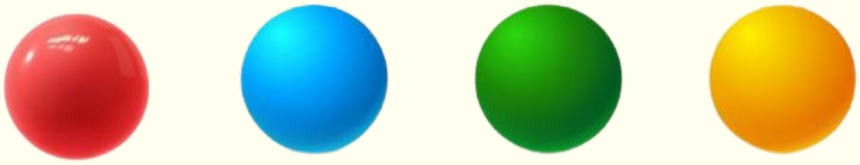

Hà và Uyên là 2 bạn may mắn được quay số
a) Hà là người quay đầu tiên. Liệu Hà có thể nhận được phần quà nào?
b) Giả sử Hà quay được bóng màu xanh nước biển. Hỏi Uyên có thể nhận được phần quà nào?

◎ Bài 4: Hai bạn Hà và Hương chơi trò gieo xúc xắc

Hãy nêu các kết quả có thể khi gieo xúc xắc

◎ Bài 5: Một hộp bóng có 3 quả bóng vàng và 2 quả bóng xanh. Nêu các kết quả có thể khi bạn An lấy ra 2 quả bóng từ hộp

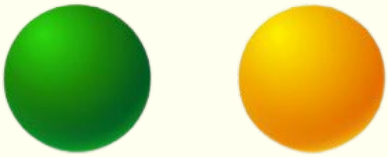

◎ Bài 6: Một hộp bóng có 1 quả bóng vàng và 3 quả bóng xanh. Nêu các kết quả có thể khi bạn Hà lấy ra 2 quả bóng từ hộp

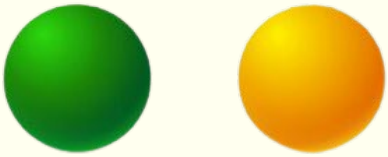

◎ Bài 7: Trong một trò chơi quay số có vòng quay như sau

Liệt kê các kết quả có thể xay ra khi bạn Dương chơi trò chơi trên

◎ Bài 8: Để tuyên dương các bạn có thành tích tốt trong lớp. Cô giáo cho các bạn chơi trò quay số để nhận thưởng biết rằng mỗi phần thưởng chỉ có thể nhận 1 lần

a) Bạn Long có thành tích tốt nhất nên được quay trước, liệt kê các phần thưởng mà bạn Long có thể nhận

b) Bạn Hương có kết quả xếp thứ 2 giả sử bạn Long quay được búp bê, liệt kê các phần thưởng mà bạn Hương có thể nhận

◎ Bài 9: Bạn A tham gia chơi trò ô cửa bí mật. có 3 ô cửa trong đó có 1 ô cửa phía sau là ô tô, 2 ô cửa phía sau là con dê. Liệt kê các kết quả mà bạn A nhận được khi tham gia trò chơi

◎ Bài 10: Ở gia đình người ta tiến hành dự đoán nghề nghiệp tương lai cho em bé bằng cách cho em bé chọn một trong các đồ đạc: kéo, tiền, áo , xe đồ chơi, đồ ăn. Liệt kê các kết quả có thể xảy ra khi em bé chọn đồ

◎ Bài 11: Có 5 bạn An, Hằng, Hà, Hương, Hồng chơi trốn tìm bạn Hà là người đi tìm người bị tìm thấy cuối cùng sẽ là người thắng cuộc. Liệu ai sẽ là người thắng cuộc

◎ Bài 12: Trong thùng có 7 quả bóng 2 bóng vàng, 3 bóng xanh và 2 bóng đỏ

a) Liệt kê các kết quả xảy ra khi Cường lấy 2 quả bóng từ trong thùng
b) Liệt kê các kết quả xảy ra khi Cường lấy 3 quả bóng từ trong thùng

◎ Bài 13: Bạn Hương vào cửa hàng để lựa chọn quà sinh nhật cho Hà, trong cửa hàng có mũ, áo, son , túi xách, giày. Khi bạn hà mở quà sinh nhật Hà có thể nhận quà gì

◎ Bài 14: Có 2 loại phương tiện để sinh viên đi học: phương tiện cá nhân hoặc phương tiện công cộng
Phương tiện cá nhân: xe đạp, xe máy, ô tô
Phương tiện công cộng: bus, taxi, xe ôm
Sinh viên có bao nhiêu cách để đi học

◎ Bài 15: Vinh có cái áo 1 màu đỏ 1 màu xanh, 3 cái quần có màu lần lượt là trắng, xanh, đen. Vinh có những cách mặc như thế nào khi đi ra ngoài

◎ Bài 16: Tổ có 5 bạn Vương, Hùng, Cường, Khánh, Trang. Cô giáo chọn ra hai bạn đi chơi trò chơi. Nêu các kết quả nhận được khi cô giáo chọn

◎ Bài 17: Tổ có 5 bạn Vương, Hùng, Cường, Khánh, Trang. Cô giáo chọn ra hai bạn đi trực nhật biết rằng 2 bạn Cường Trang ghét nhau nên sẽ không chơi cùng nhau. Nêu các kết quả nhận được khi cô giáo chọn

◎ Bài 18: Bốn bạn : Dương, Hà, Uyên ,Hương chơi bài ngày tết , bạn Dương lỡ lấy được 4 con 2 nên phải đưa ra cho các bạn còn lại rút ngẫu nhiên mỗi người một con
a) Nêu các kết quả mà bạn Hà có thể rút được
b) Giả sử bạn Hà rút được 2 cơ. Nêu các kết quả mà bạn Dương có thể có được sau khi 2 bạn Hương và Uyên rút

◎ Bài 19: Cô giáo có 3 bức thư của 3 bạn : Dương , Hương , Uyên và 3 phong bì thư màu hồng , màu vàng và màu xanh .

a) Hãy nêu các kết quả có thể xảy ra khi ghép ngẫu nhiên thư vào các phong bì
b) Bạn Dương không thích màu hồng nên bạn Dương không thích để thư trong phong bì màu hồng. Hãy nêu các kết quả có thể xảy ra khi ghép thư.

◎ Bài 20: Cô giáo trả bài kiểm tra cho các bạn , Thảo được 8 , Vân 7 , Nguyệt 9 , Hân 10 , những bạn có điểm từ 9 trở lên sẽ được cô giáo thưởng cho một trong những phần quà sau đây : 1 chiếc bút, 1 quyển vở , 1 bộ thước kẻ.
a) Nếu Hân lấy được tặng đầu tiên thì Vân có thể nhận được món quà nào?
b) Nếu Hân nhận được quyển vở thì Nguyệt còn có thể nhận được món nào?

◎ Dạng 2: Sự kiện xảy ra hay không xảy ra

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Trong trò chơi vòng xoay may mắn, An đã may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được xoay vòng xoay.

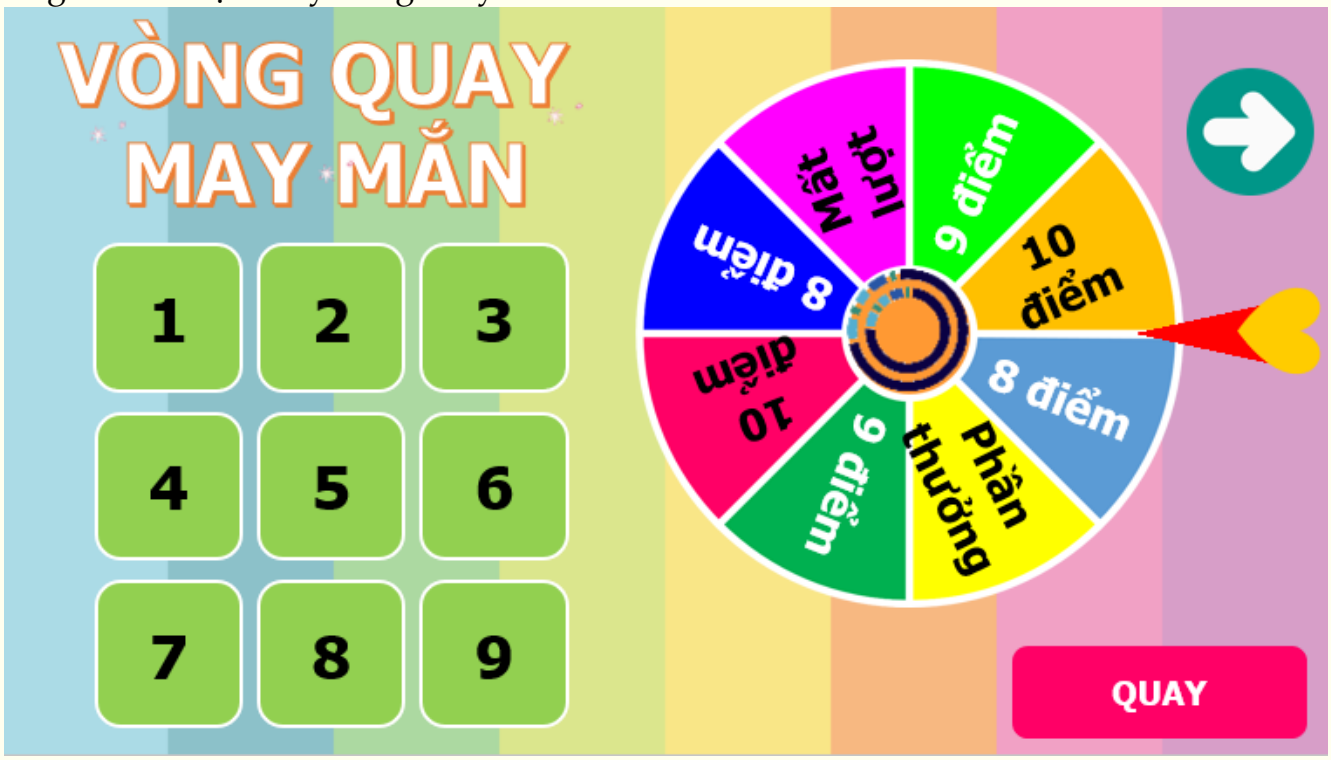

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

① An xoay vào 1 số chẵn

② An xoay vào 1 số nguyên tố

③ An xoay vào 1 số có 2 chữ số

④ An xoay vào ô mất điểm

◎ Bài 2: An chơi trò gieo xúc xắc

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) An gieo được số lẻ

b) An gieo được số lơn hơn 7

◎ Bài 3: Bình tham gia một trò chơi quay số

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bình quay vào ô mất lượt
b) Bình quay vào ô 60 điểm

◎ Bài 4: Trong thùng có 7 quả bóng 2 bóng vàng, 3 bóng xanh và 2 bóng đỏ. Tú lấy 3 quả bóng từ trong thùng ra
Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) Tú lấy được mỗi quả bóng một màu
b) Tú lấy được 3 quả bóng màu đỏ

◎ Bài 5: An và Tùng chơi trò gieo xúc xắc mỗi người gieo hai lần

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) An gieo hai lần 1 chấm
b) Tùng gieo được số chấm nhiều hơn An 11 chấm

◎ Bài 6: An và Bình cùng chơi gieo đồng xu

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bạn An gieo được mặt sấp
b) Cả Bình và An đều gieo được mặt ngửa

◎ Bài 7: Trong hộp có 10 tấm thẻ ghi các số 2,3,3,5,5,7,7,7,9,9. Yêu cầu 5 bạn lần lượt rút ngẫu nhiên 1 thẻ, quan sát số ghi trên thẻ rồi trả lại hộp. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Rút được thẻ số 4
b) Không rút được thẻ số 2

◎ Bài 8: Bạn Hằng tham gia trò chơi chiếc nón kì diệu

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bạn Hằng không quay được ô 100 điểm
b) Bạn Hằng quay vào ô cơ hội

◎ Bài 9: Bạn Hà và Hương chơi tung đồng xu mỗi bạn tung 5 lượt ai được số mặt ngửa nhiều hơn là người thắng. Kết quả tung hai bạn được ghi vào bảng sau

Hà	Sấp	Ngửa	Ngửa	Sấp	Sấp
Hương	Ngửa	Sấp	Ngửa	Ngửa	Sấp

Trong hai sự kiện: Hà thắng và Hương thắng, sự kiện nào xảy ra? Sự kiện nào không xảy ra

◎ Bài 10: Cô giáo có 3 bức thư của 3 bạn : Dương , Hương , Uyên và 3 phong bì thư màu hồng , màu vàng và màu xanh
Trong sự kiện: bức thư của bạn Hương được bỏ vào phong bì màu tím và sự kiện bức thư bạn Uyên bỏ vào phong bì màu hồng? Sự kiện nào không xảy ra

Bài 11: Thảo quay tấm bìa và thấy mũi tên chỉ vào số 2 như hình

Hãy cho biết sự kiện nào có thể xảy ra, Vì sao ?

a) Mũi tên chỉ vào ô 3 hoặc 5

b) Mũi tên chỉ vào ô 4

c) Mũi tên chỉ vào ô nhỏ hơn 7

Bài 12: Một hộp đựng 4 viên bi xanh 3 viên bi đỏ và 4 viên bi vàng. Mỗi lượt chơi Hà và Hương lần lượt lấy ra một viên bi từ hộp quan sát rồi bỏ lại hộp. Kết quả đc ghi lại bên dưới

Hà	X	X	Đ	V	Đ	Đ	V
Hương	Đ	X	V	Đ	Đ	V	V

Người thắng là người lấy được nhiều bi đỏ hơn sau 7 lượt chơi. Sự kiên Hà thua có xảy ra không ?

Bài 13: Thu và Trang chơi tung đồng xu kết quả được ghi lại như sau

Thu	S	N	N	S	N	S	N	N	S	S
Trang	N	N	S	N	N	S	S	S	N	S

Người chơi tung 2 lần mặt ngửa liên tục thì được 1 điểm, người nào nhiều điểm hơn sẽ thắng. Hỏi sự kiện Thu thắng có xảy ra hay không

Bài 14: Gieo đồng thời 2 con xúc xắc. Quan sát số chấm xuất hiện. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) Tổng số chấm xuất hiện là số lẻ

b) Tổng số chấm xuất hiện bằng 13

Bài 15: Trong 1 trò chơi bạn An tiến hành rút 1 lá bài trong bộ 52 lá. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) Rút được lá màu đen

b) Rút được 2 lá 3 bích

◎ Bài 16: Bạn A tham gia chơi trò ô cửa bí mật. có 3 ô cửa trong đó có 1 ô cửa phía sau là ô tô, 2 ô cửa phía sau là con dê. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bạn A không đi vào ô có con dê
b) Bạn A đi vào ô có xe máy

◎ Bài 17: Tại 1 trận đấu hai đội A và B hòa nhau tiến hành sút luân lưu. Mỗi đội sút 5 PTHToan 6 - Vip quả (sau 5 lượt sút sẽ có đội thắng). Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Đội A sút vào 3 quả
b) Đội B sút vào 6 quả

◎ Bài 18: Có 3 bó hoa. Bó thứ nhất có 8 hoa hồng, bó thứ hai có 7 bông hoa ly, bó thứ ba có 6 bông hoa huệ. Chọn ngẫu nhiên 7 hoa từ ba bó hoa trên để cắm vào lọ hoa. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra.
a) Số hoa hồng bằng số hoa ly
b) Số hoa hồng gấp đôi số hoa ly và hoa huệ

◎ Bài 19: Người ta dùng 18 cuốn sách bao gồm 7 cuốn sách Toán, 6 cuốn sách Lý và 5 cuốn sách Hóa (các cuốn sách cùng loại thì giống nhau) để làm phần thưởng cho 9 học sinh A, B, C, D, E, F, G, H, I, mỗi học sinh nhận được 2 cuốn sách khác thể loại (không tính thứ tự các cuốn sách). Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra
a) hai học sinh A, B nhận được phần thưởng giống nhau
b) 5 học sinh nhận được phần thưởng như nhau

◎ Bài 20: Một ban đại diện gồm 5 người được thành lập từ 10 người có tên sau đây: Lan, Mai, Minh, Thu, Miên, An, Hà, Thanh, Mơ, Nga. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra
a) 3 người trong ban đại diện có tên bắt đầu bằng chữ M
b) 3 người trong ban đại diện có tên bắt đầu bằng chữ T

▷ Bài 43. XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Khả năng xảy ra của một sự kiện:

✍ Khả năng bằng 0 (hay 0%) có nghĩa sự kiện đó không bao giờ xảy ra.

✍ Khả năng bằng 1 (hay 100%) có nghĩa sự kiện đó chắc chắn xảy ra.

✍ Khả năng xảy ra của một sự kiện được thể hiện bằng một con số từ 0 đến 1.

❷ Xác suất thực nghiệm:

✍ Xác xuất thực nghiệm của một sự kiện được tính bằng tỉ số của số lần xảy ra sự kiện đó và tổng số lần thực hiện hoạt động.

$$\frac{\text{Số lần sự kiện xảy ra}}{\text{Tổng số lần thực hiện hoạt động}}$$

Nhận xét: Xác suất thực nghiệm phụ thuộc vào người thực hiện thí nghiệm, trò chơi và số lần người đó thực hiện thí nghiệm, trò chơi.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Tính xác suất thực nghiệm

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: An và Bình cùng làm thí nghiệm với việc tung đồng xu. Kết quả như sau:

	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8	Lần 9	Lần 10
An	S	S	N	S	N	S	N	N	N	S
Bình	N	N	N	S	S	N	S	S	S	N

a) An và Bình đã tung đồng xu tất cả bao nhiêu lần?

b) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của An

c) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của Bình.

d) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" dựa trên kết quả tổng hợp của thí nghiệm của cả hai bạn.

◎ Bài 2: An và Bình cùng làm thí nghiệm với việc tung đồng xu. Kết quả như sau:

	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8	Lần 9	Lần 10
An	N	S	S	N	N	S	S	S	N	S
Bình	N	N	N	N	S	N	S	S	S	N

a) An và Bình đã tung đồng xu tất cả bao nhiêu lần?
b) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của An
c) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của Bình.
d) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" dựa trên kết quả tổng hợp của thí nghiệm của cả hai bạn.

◎ Bài 3: An thực hiện tung 2 đồng xu cùng lúc trong 50 lần được kết quả như sau:

	Hai đồng sấp	Hai đồng ngửa	1 đồng sấp, 1 đồng ngửa
Số lần	15	12	23

Tính xác suất của sự kiện:
a) An tung được hai đồng sấp? b) An tung được 2 đồng khác mặt?

◎ Bài 4: An thực hiện tung 2 đồng xu cùng lúc trong 60 lần được kết quả như sau:

	Hai đồng sấp	Hai đồng ngửa	1 đồng sấp, 1 đồng ngửa
Số lần	17	15	28

Tính xác suất của sự kiện:
a) An tung được hai đồng ngửa? b) An tung được ít nhất 1 đồng ngửa?

◎ Bài 5: Trong trò chơi "hộp quà bí mật", cô giáo đặt 4 phần thưởng gồm "1 điểm 10", "1 cái bút", "1 tràng pháo tay", "1 quyển vở" phía dưới hộp quà. Học sinh sẽ chọn ngẫu nhiên một hộp quà và nhận được phần thưởng dưới hộp quà đó.

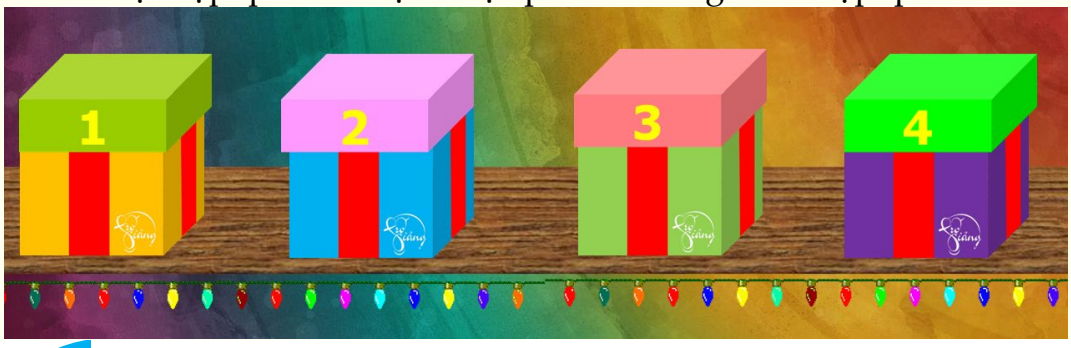

An và Bình là 2 bạn may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được nhận quà
a) An là người chọn đầu tiên. Tính xác suất của sự kiện "An được điểm 10".
b) Giả sử An chọn được hộp quà là một quyển vở. Hỏi xác suất của sự kiện "Bình được điểm 10" là bao nhiêu?

Bài 6: Trong hộp có 1 viên bi vàng, 1 viên bi xanh lá, 1 viên bi đỏ và 1 viên bi màu xanh da trời. An thực hiện lấy 1 viên bi trong hộp rồi ghi lại màu sắc rồi lại bỏ vào.

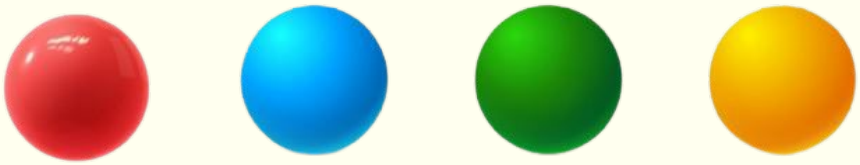

Sau khi thực hiện việc đó khoảng 10 lần, An thu được kết quả như sau:

XL V XL Đ XT Đ Đ V XT XT

Trong đó: V: bi màu vàng; Đ: bi màu đỏ; XL: bi màu xanh lá; XT: bi màu xanh da trời
a) Hãy cho biết kết quả của lần lấy bóng thứ 5 và lần lấy bóng thứ 7.
b) Tính xác xuất của sự kiện An lấy được bi màu vàng
c) Tính xác suất của sự kiện An lấy được bi màu xanh

Bài 7: Trong hộp có 2 viên bi vàng, 3 viên bi xanh lá, 2 viên bi đỏ và 3 viên bi màu xanh da trời. An thực hiện lấy 1 viên bi trong hộp rồi ghi lại màu sắc rồi lại bỏ vào.

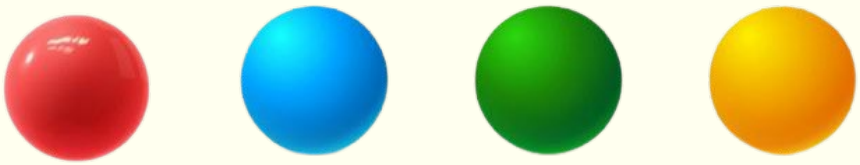

Sau khi thực hiện việc đó khoảng 60 lần, An được 1 bảng như sau:

XL	V	XL	Đ	XT	Đ	Đ	V	XT	XT	XL	Đ
V	XT	XT	XL	Đ	V	V	XL	V	XT	Đ	XL
XT	XT	Đ	V	Đ	XL	Đ	V	V	XT	XL	XL
V	Đ	XL	XL	Đ	V	XT	XT	XL	V	V	Đ
Đ	V	V	V	XL	XT	XT	V	Đ	Đ	XT	XT

Trong đó: V: bi màu vàng; Đ: bi màu đỏ; XL: bi màu xanh lá; XT: bi màu xanh da trời
a) Tính xác suất của sự kiên An lấy được bi màu xanh lá.
b) Tính xác xuất của sự kiện An lấy được bi không phải màu xanh

Bài 8: Trong một hộp có chứa hiều bút bi xanh (X), đen (Đ), và tím (T). An nhắm mặt trộn đều hộp rồi chọn từ đó một cái bút, ghi lại màu bút, rồi trả lại hộp. Lặp lại các bước trên 30 lần, An được bảng kết quả sau:

Đ	Đ	T	X	X	Đ	X	T	T	X
X	Đ	X	Đ	Đ	X	Đ	Đ	X	T
Đ	X	T	X	X	Đ	T	X	X	X

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:
a) An lấy được bút màu xanh. b) An lấy được bút màu đen.

c) An lấy được bút màu tím.

Bài 9: An thực hiện thí nghiệm như sau: Lật một trang trong sách bài tập Toán 6 tập hai, xem số trang và ghi chữ số hàng đơn vị của trang đó. An đã thực hiện thí nghiệm đó 20 lần và thu được kết quả như sau: 9, 3, 7, 5, 7, 7, 5, 5, 5, 3, 5, 1, 9, 3, 7, 3, 5, 1, 1, 3
a) Hãy lập bảng thống kê cho số liệu trên.
b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Chữ số hàng đơn vị là 5"
c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "chữ số hàng đơn vị nhỏ hơn 5"

Bài 10: An thực hiện thí nghiệm như sau: Lật một trang trong sách bài tập Toán 6 tập hai, xem số trang và ghi chữ số hàng đơn vị của trang đó. An đã thực hiện thí nghiệm đó 20 lần và thu được kết quả như sau: 0, 0, 4, 2, 0, 0, 4, 6, 0, 2, 6, 6, 4, 4, 2, 2, 6, 0, 2, 2
a) Hãy lập bảng thống kê cho số liệu trên.
b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Chữ số hàng đơn vị là 0"
c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "chữ số hàng đơn vị lớn hơn 4"

Bài 11: Trong trò chơi vòng xoay may mắn, An đã may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được xoay vòng xoay.

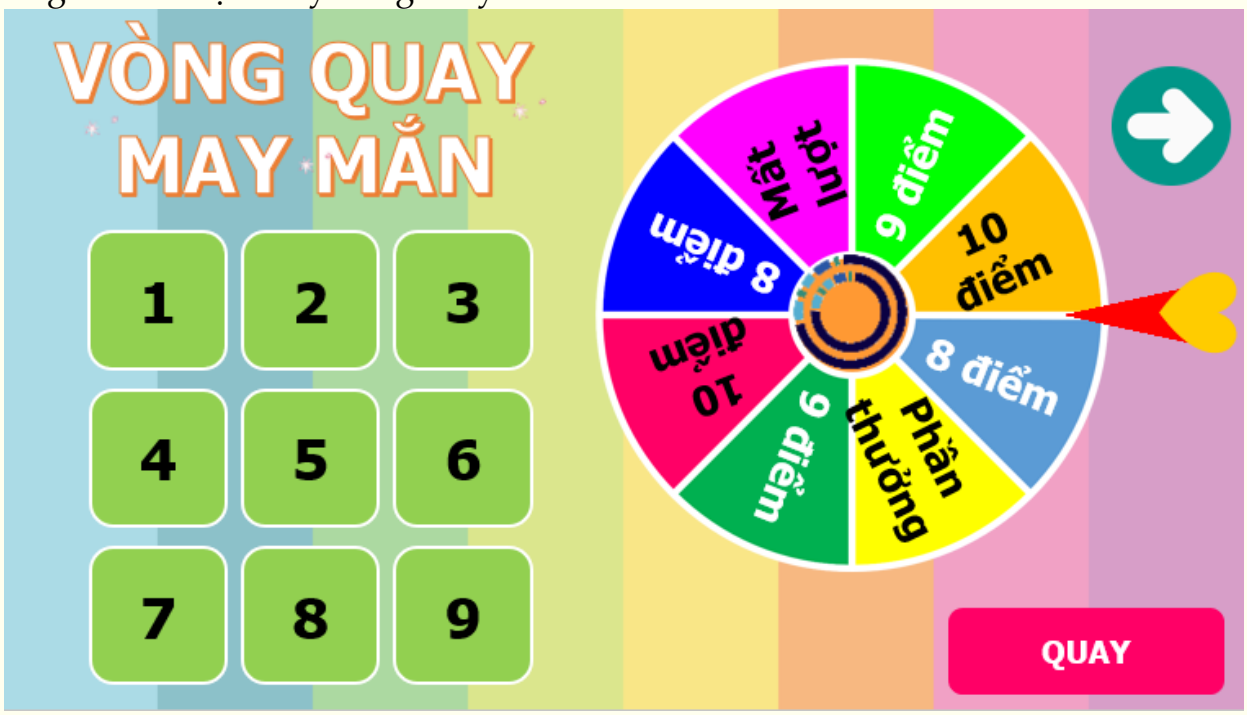

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, tính xác suất của các sự kiện sau:
① An xoay vào 1 số chẵn
② An xoay vào 1 số nguyên tố
③ An xoay vào 1 số có 2 chữ số
④ An xoay vào ô mất điểm

Bài 12: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 100 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	14	20	15	15	17	19

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện
a) Gieo được mặt có 2 chấm.
b) Gieo được mặt có số lẻ chấm.
c) Gieo được mặt có số chấm không vượt quá 3.
d) Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố.

Bài 13: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 80 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	10	18	8	12	15	17

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện
a) Gieo được mặt có 3 chấm.
b) Gieo được mặt có số chẵnchấm.
c) Gieo được mặt có số chấm nhỏ hơn 3.
d) Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố.

Bài 14: Gieo hai con xúc xắc 6 mặt 10 lần ta được kết quả như sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Súc sắc 1	6	5	4	6	4	2	2	1	5	4
Súc sắc 2	5	5	5	6	3	3	1	4	4	5

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện
a) Số chấm của 2 súc sắc là như nhau.
b) Số chấm ở hai súc sắc hơn kém nhau 1 đơn vị.
c) Tổng số chấm ở 2 súc sắc không vượt quá 7.
d) Tổng số chấm ở hai súc sắc là một số nguyên tố.

Bài 15: An và Bình cùng chơi trò cá ngựa:

Biết rằng để được cắm ngựa và di chuyển thì phải đổ súc sắc được số chấm là 6. Bảng sau ghi lại số chấm trên mặt súc sắc mà các bạn đổ được 10 lần liên tiếp:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
An	4	6	4	6	4	2	2	1	5	4
Bình	5	5	5	6	3	3	1	4	4	5

a) Bạn nào được cắm ngựa đi trước?
b) Tính xác suất của sự kiện 2 bạn cùng cắm ngựa đi cùng lúc?
c) Tính xác suất của sự kiện số chấm trên súc sắc của Bình hơn của An 1 đơn vị?

Bài 16: An rút lá bài 40 lần và 5 lần trúng lá 3 cơ. Tính xác suất của sự kiện:

a) An rút trúng lá 3 cơ

b) An không rút trúng lá 3 cơ

Bài 17: An rút lá bài 40 lần và kết quả của 40 lần rút đó như sau:

8	10	A	5	6	A	3	J	A	Q
6	10	K	Q	A	6	7	9	K	5
Q	K	7	10	6	8	5	A	Q	3
4	6	9	10	6	J	10	A	Q	8

Tính xác suất của sự kiện

a) An rút cây Át

b) An rút trúng lá mặt người

c) An rút trúng lá bài là số nguyên tố

◎ Bài 18: Một xạ thủ bắn 20 mũi tên vào một tấm bia. Điểm số của các lần bắn cho ở bảng sau

8	7	9	10	7	6	8	9	10	10
8	8	9	9	10	10	6	9	9	8

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi lần bắn:

a) Xạ thủ bắn được 10 điểm.

b) Xạ thủ bắn được ít nhất 9 điểm.

◎ Bài 19: Một xạ thủ bắn 30 mũi tên vào một tấm bia. Điểm số của các lần bắn cho ở bảng sau

8	7	9	10	7	6	8	9	10	10
8	8	9	9	10	10	6	9	9	8
9	10	8	7	9	10	8	8	9	9

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi lần bắn:

a) Xạ thủ bắn được 10 điểm.

b) Xạ thủ bắn được ít nhất 8 điểm.

◎ Bài 20: Gieo một con xúc xắc 4 mặt 50 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Số xuất hiện	1	2	3	4
Số lần	12	14	15	9

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Gieo được đỉnh số 4.
b) Gieo được đỉnh có số chẵn.

◎ Bài 21: Gieo một con xúc xắc 4 mặt 40 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Số xuất hiện	1	2	3	4
Số lần	10	15	8	7

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Gieo được đỉnh số 2.
b) Gieo được đỉnh có số lẻ.
c) Gieo được đỉnh là số nguyên tố

◎ Bài 22: Gieo hai con xúc xắc 4 mặt 10 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Xúc xắc 1	1	4	3	3	2	4	2	1	4	3
Xúc xắc 2	1	2	2	4	1	2	3	4	3	3

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Hai xúc sắc có đỉnh giống nhau.
b) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 1 đơn vị.
c) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 2 đơn vị
d) Hai xúc sắc có tổng ở đỉnh không vượt quá 5
e) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số lẻ
f) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số chẵn

◎ Bài 23: Gieo hai con xúc xắc 4 mặt 10 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Xúc xắc 1	3	2	1	2	3	1	4	2	2	3
Xúc xắc 2	1	2	1	1	3	4	3	4	2	2

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Hai xúc sắc có đỉnh giống nhau.
b) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 1 đơn vị.
c) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 2 đơn vị

d) Hai xúc sắc có tổng số chấm không vượt quá 5
e) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số lẻ
f) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số chẵn

◎ Bài 24: Xoay một con quay 100 lần rồi ghi lại thời gian con quay quay được ở bảng sau:

Thời gian (Giây)	< 10	10 – 19	20 – 29	30 – 39	40 – 49	50 – 59	> 59
Số lần	14	8	19	26	12	14	7

Hãy tính xác suất của sự kiện:
a) Thời gian xoay của con quay từ 20 đến 29 giây
b) Thời gian xoay của con quay không vượt quá 20 giây

◎ Bài 25: Xoay một con quay 100 lần rồi ghi lại thời gian con quay quay được ở bảng sau:

Thời gian (Giây)	< 10	10 – 19	20 – 29	30 – 39	40 – 49	50 – 59	> 59
Số lần	10	11	20	26	15	13	5

Hãy tính xác suất của sự kiện:
a) Thời gian xoay của con quay dưới 30 giây
b) Thời gian xoay của con quay trên 40 giây

◎ Bài 26: Thầy giáo thống kê thời gian làm bài của 45 học sinh trong lớp, kết quả thu được trong bảng sau:

Thời gian (phút)	< 3	3 – 5	6 – 8	9 – 10	> 10
Số học sinh	3	18	14	8	2

Hãy tính xác suất của sự kiện:
a) Học sinh trong lớp làm bài từ 3 đến 5 phút
b) Học sinh trong lớp làm bài dưới 6 phút
c) Học sinh trong lớp làm bài từ 9 phút trở lên

◎ Bài 27: Tỉ số 20 trận thi đấu gần đây nhất giữa hai đội bóng **A** và **B** được cho ở bảng sau:

Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)
1	1 – 2	5	2 – 2	9	2 – 2	13	1 – 1	17	3 – 2
2	1 – 3	6	3 – 1	10	0 – 2	14	0 – 1	18	0 – 2
3	2 – 1	7	2 – 3	11	3 – 1	15	1 – 3	19	2 – 4
4	0 – 4	8	3 – 4	12	2 – 3	16	2 – 1	20	2 – 2

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi trận đấu:

a) Đội **A** thắng đội **B.** b) Hai đội hòa nhau.
c) Đội **B** ghi được hơn 1 bàn thắng. d) Tổng số bàn thắng hai đội ghi lớn hơn 4.

◎ Bài 28: Tỉ số 20 trận thi đấu gần đây nhất giữa hai đội bóng **A** và **B** được cho ở bảng sau:

Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)	Trận	Tỉ số (A-B)
1	2 – 1	5	0 – 4	9	2 – 2	13	2 – 4	17	1 – 1
2PT HToan 6 - Vi	1 – 3	6	3 – 2	10	1 – 2	14	2 – 3	18	0 – 2

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi trận đấu:
a) Đội **A** thắng đội **B.** b) Hai đội hòa nhau.
c) Đội **B** ghi được hơn 1 bàn thắng. d) Tổng số bàn thắng hai đội ghi lớn hơn 4.

◎ Bài 29: An thực hiện một điều tra về mối liên quan giữa thuốc lá và bệnh đường hô hấp. Em đã hỏi ngẫu nhiên 20 nam giới ở độ tuổi từ 40 đến 50 và được bảng kết quả sau

STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không
1	Có	Có	**8**	Có	Có	**15**	Có	Không
2	Không	Có	**9**	Không	Không	**16**	Không	Không
3	Không	Không	**10**	Có	Không	**17**	Có	Có
4	Không	Không	**11**	Không	Không	**18**	Không	Không
5	Có	Có	**12**	Không	Không	**19**	Có	Có
6	Không	Không	**13**	Có	Có	**20**	Không	Có
7	Không	Có	**14**	Không	Có			

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện:
a) Người được hỏi có hút thuốc.
b) Người được hỏi không mắc bệnh đường hô hấp.
c) Người được hỏi có hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.
d) Người được hỏi không hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.

◎ Bài 30: An thực hiện một điều tra về mối liên quan giữa thuốc lá và bệnh đường hô hấp. Em đã hỏi ngẫu nhiên 30 nam giới ở độ tuổi từ 40 đến 50 và được bảng kết quả sau

STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không
1	Có	Có	**11**	Có	Có	**21**	Có	Không
2	Không	Có	**12**	Không	Không	**22**	Không	Không
3	Không	Không	**13**	Có	Không	**23**	Có	Có
4	Không	Không	**14**	Không	Không	**24**	Không	Không
5	Có	Có	**15**	Không	Không	**25**	Có	Có
6	Không	Không	**16**	Có	Có	**26**	Không	Có
7	Không	Có	**17**	Không	Có	**27**	Không	Không
8	Có	Có	**18**	Không	Không	**28**	Không	Không
9	Không	Có	**19**	Có	Có	**29**	Có	Không
10	Không	Không	**20**	Có	Có	**30**	Không	Có

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện:
a) Người được hỏi có hút thuốc.
b) Người được hỏi không mắc bệnh đường hô hấp.
c) Người được hỏi có hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.
d) Người được hỏi không hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.

Bài 31: An quay tấm bìa như hình dưới đây một số lần và ghi kết quả dưới dạng bảng như sau:

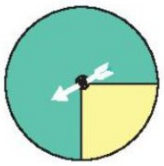

Xanh	Vàng
𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 |	𝍸 𝍸 ||||

a) An đã quay tấm bìa bao nhiêu lần?
b) Có bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu xanh, bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu vàng?
c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Mũi tên chỉ vào ô màu xanh"

Bài 32: An quay tấm bìa như hình dưới đây một số lần và ghi kết quả dưới dạng bảng như sau:

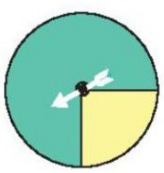

Xanh	Vàng
𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 |||	𝍸 𝍸 𝍸 ||

a) An đã quay tấm bìa bao nhiêu lần?
b) Có bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu xanh, bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu vàng?

c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Mũi tên chỉ vào ô màu xanh"

◎ Bài 33: Trong một hộp đựng 2 quả bóng xanh, 3 quả bóng vàng và 1 quả bóng đỏ (có cùng kích thước). An lấy bóng mà không nhìn vào túi.

a) Quả bóng An lấy ra có thể có màu gì?

b) Em hãy lấy một quả bóng từ hộp đó 20 lần, sau mỗi lần ghi lại xem quả bóng có màu gì rồi trả bóng lại hộp trước khi lấy lần sau và hoàn thiện bảng sau:

Màu bóng	Xanh	Vàng	Đỏ
Số lần			

c) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu trên.

d) Quả bóng lấy ra màu gì là hay gặp nhất? Ít gặp nhất?

e) Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện "quả bóng lấy ra có màu xanh"; "quả bóng lấy ra có màu vàng", "quả bóng lấy ra có màu đỏ"

◎ Bài 34: An và bình cùng chơi một trò chơi như sau

An và Bình cùng quay một tấm bìa như hình bên. Nếu mũi tên chỉ vào số chẵn thì An thắng, nếu mũi tên chỉ vào số lẻ thì Bình thắng. Hai bạn cùng quay 30 lượt và số điểm mỗi lần được thể hiện trong bảng sau:

8	8	4	6	3	7	1	7	5	6
6	1	3	3	5	6	3	1	4	5
8	6	8	5	4	6	3	7	8	3

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "An thắng"; "Bình thắng"

b)Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số ván thắng của An, Bình

Bài 35: Tổng hợp kết quả test nhanh Covid ở một bệnh viện trong 1 tuần của tháng 11 năm 2021 ta được bảng sau:

Thứ	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ nhật
Số ca xét nghiệm	250	200	245	280	354	300	180
Số ca dương tính	18	45	23	35	50	45	20

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện một ca xét nghiệm có kết quả dương tính:
a) Theo từng ngày trong tuần đó. b) Trong 1 tuần đó

Bài 36: Kiểm tra thị lực của học sinh ở một trường THCS ta thu được bảng kết quả như sau:

Khối	6	7	8	9
Số HS được kiểm tra	430	450	430	550
Số HS bị tật về mắt (cận, viễn, loạn)	70	75	90	110

a) Hãy tính và so sánh xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật về mắt" theo từng khối lớp.
b) Hãy tính xác suất thực nghiệm "học sinh bị tật về mắt" của toàn trường

Bài 37: Kết quả kiểm tra môn Toán và Ngữ văn học kì 1 của một lớp được cho ở bảng sau:

Toán \ Văn	Giỏi	Khá	Trung bình
Giỏi	15	8	1
Khá	3	8	4
Trung bình	1	3	2

(Ví dụ: số học sinh có kết quả Toán giỏi, Văn khá là 8, Toán khá, Văn giỏi là 3)
Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện một học sinh được chọn ra một cách ngẫu nhiên có kết quả:
a) Môn Toán đạt loại giỏi; b) Loại khá trở lên ở cả hai môn;
c) Loại trung bình ở ít nhất một môn

Bài 38: An và Binh cùng chơi oẳn tù tì

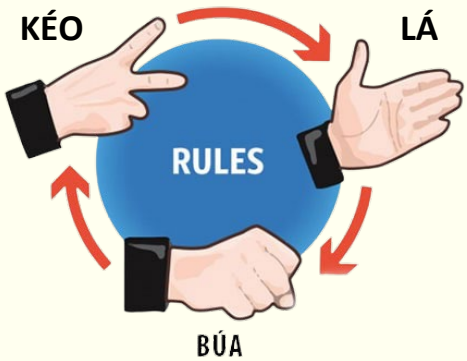

Các bạn chơi 1 ván gồm 10 lần theo luật chơi: búa (B) thắng kéo (K); kéo (K) thắng lá (L), lá (L) thắng búa (B) và hòa nếu cùng loại. Sau đây là kết quả của 1 ván chơi:

Lần thứ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
An	B	L	K	K	L	B	K	B	K	L
Bình	K	B	K	L	B	L	L	K	B	B

a) Tính xác suất của sự kiện "An ra búa"
b) Tính xác suất của sự kiện "An thắng"

Bài 39: Trước khi đóng gói hàng đem đi bán, các nhà sản xuất cần phải kiểm tra lại chất lượng. Trong một xưởng sản xuất bình sứ cũng như vậy. Trước khi giao 500 bình hoa cho người bán, nhà sản xuất kiểm tra thấy có 6 bình không đảm bảo chất lượng. Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Bình hoa kiểm tra đảm bảo chất lượng"

Bài 40: Thống kê trong sáng nay tại một quán trà sữa, trong 115 khách đến mua đồ uống có tới 80 khách dùng trà sữa nướng
a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện: "Khách dùng trà sữa nướng"
b) Với tỉ lệ như vậy, hãy ước tính xem quán sẽ bán được bao nhiêu cốc trà sữa nướng nếu có 200 khách đến mua vào sáng hôm sau.

PHẦN BA: THỐNG KÊ

CHƯƠNG 9

DỮ LIỆU VÀ XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM

▷ Bài 38. DỮ LIỆU VÀ THU THẬP DỮ LIỆU

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Dữ liệu thống kê:

✍ Những thông tin thu thập được như: số, chữ, hình ảnh, … được gọi là dữ liệu

✓ Dữ liệu số: số liệu

✓ Dữ liệu không phải số

✍ Để đánh giá tính hợp lí của dữ liệu, ta cần đưa ra các tiêu chí đánh giá về dữ liệu như:

✓ Đúng định dạng

✓ Nằm trong phạm vi dự kiến

❷ Thu thập dữ liệu thống kê:

✍ Có nhiều cách:

✓ Quan sát

✓ Làm thí nghiệm

✓ Lập phiếu hỏi

✓ Thu thập từ những nguồn có sẵn như sách, báo, trang web

…

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Thu thập dữ liệu từ bảng có sẵn

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Thầy giáo theo dõi thời gian giải một bài toán của một nhóm 10 học sinh trong lớp và ghi lại trong bảng sau:

Tên học sinh	An	Bình	Chi	Duyên	Hà	Kiên	Linh	Mai	Nhi	Phương
Thời gian (phút)	8	5	7	9	7	8	7	9	5	6

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

◎Đáp số

Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Dãy số liệu thu được là: $8;5;7;9;7;8;7;9;5;6$.

Bài 2: Một giáo viên thể dục đo chiều cao (tính theo cm) của một nhóm học sinh và ghi lại ở bảng sau:

Tên học sinh	Tú	Anh	Chi	Duy	Hoàng	Mai	Trang	Ly	Ngát
Chiều cao (cm)	138	141	145	145	139	138	140	139	145

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

Đáp số

Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Dãy số liệu thu được là: 138;141;145;145;139;138;140;139;145.

Bài 3: Điều tra số con trong 30 gia đình ở một khu vực dân cư người ta có bảng số liệu sau:

Số con	1	2	3	4	5	7	8
Số hộ gia đình	1	13	5	3	6	1	1

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

Đáp số

Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Dãy số liệu thu được là: 1;13;5;3;6;1;1.

Bài 4: Điều tra về sự tiêu thụ điện năng (tính theo kwh) của 20 gia đình ở một tổ dân phố, ta có kết quả sau:

Điện năng	0 - 65	66 - 99	100 - 149	150 - 200
Số hộ gia đình	8	4	6	2

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

Đáp số

Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Dãy số liệu thu được là: 8;4;6;2.

Bài 5: Số lỗi chính tả trong một bài kiểm tra môn Anh văn của học sinh lớp 6A được cô giáo ghi lại trong bảng dưới đây:

Số lỗi	2	3	4	5	6	9	10
Số học sinh	3	6	9	5	7	1	1

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra dãy số liệu thu được?

Đáp số

Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Dãy số liệu thu được là: 3;6;9;5;7;1;1.

◎ Bài 6: Một nhà nghiên cứu giáo dục đến một ngôi trường Trung học và phát cho 8 học sinh một phiếu hỏi có nội dung sau:

PHIẾU HỎI

Trong thời gian rảnh em thích hoạt động nào nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước hoạt động em thích làm nhất)

A. Đọc sách B. Xem tivi C. Chơi game D. Hoạt động khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phiếu	1	2	3	4	5	6	7	8
Hoạt động	Đọc sách	Xem tivi	Xem tivi	Chơi game	Đọc sách	Hoạt động khác	Chơi game	Chơi game

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

◎Đáp số

Dữ liệu trên không là số liệu vì dữ liệu trên không là các số.
Dữ liệu thu được là: Đọc sách; Xem tivi; Xem tivi; Chơi game; Đọc sách; Hoạt động khác; Chơi game; Chơi game.

◎ Bài 7: Bạn Nam muốn tìm hiểu môn thể thao yêu thích của các bạn trong tổ 1, bạn Nam phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong các môn thể thao, môn thể thao nào bạn yêu thích nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước môn thể thao yêu thích nhất.)

A. Bóng đá B. Cầu lông C. Bơi lội D. Bóng bàn

E. Môn thể thao khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Bạn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Môn thể thao	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Môn thể thao khác	Bóng đá	Bóng bàn	Bóng đá	Môn thể thao khác	Cầu lông	Bơi lội

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

◎Đáp số

Dữ liệu trên không là số liệu vì dữ liệu trên không là các số.

Dữ liệu thu được là: Bóng đá; Bơi lội; Cầu lông; Môn thể thao khác; Bóng đá; Bóng bàn; Bóng đá; Môn thể thao khác; Cầu lông; Bơi lội.

Bài 8: Trong cuộc thi olimpic, các thành viên đạt được huy chương như sau:

Thành viên	Nam	Trang	Hiếu	Chi	Tuấn	Đạt
Huy chương	Bạc	Đồng	Vàng	Bạc	Bạc	Đồng

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Đáp số

Dữ liệu trên không là số liệu vì dữ liệu trên không là các số.
Dữ liệu thu được là: Bạc; đồng; vàng; bạc; bạc; đồng.

Bài 9: Con vật yêu thích của một nhóm 10 học sinh trong lớp và ghi lại trong bảng sau:

Tên học sinh	An	Bình	Chi	Duyên	Hà	Kiên	Linh	Mai	Nhi	Phương
Con vật yêu thích	Con mèo	Con thỏ	Con chó	Con mèo	Con mèo	Con khỉ	Con chó	Con vẹt	Con thỏ	Con mèo

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Đáp số

Dữ liệu trên không là số liệu vì dữ liệu trên không là các số.
Dữ liệu thu được là: Con mèo; con thỏ; con chó; con mèo; con mèo; con khỉ; con chó; con vẹt; con thỏ; con mèo.

Bài 10: Bạn Bình muốn tìm hiểu môn học yêu thích của các bạn trong tổ 2, bạn Bình phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong các môn học, môn học nào bạn yêu thích nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước môn học yêu thích nhất.)

A. Toán B. Văn C. Tiếng anh D. Môn học khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Thành viên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Môn học yêu thích	Toán	Văn	Văn	Môn học khác	Toán	Môn học khác	Toán	Môn học khác	Toán	Môn học khác

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy viết ra giấy dữ liệu thu được.

Đáp số

Dữ liệu trên không là số liệu vì dữ liệu trên không là các số.

Dữ liệu thu được là: Toán; văn; văn; môn học khác; toán; môn học khác; toán; môn học khác; toán; môn học khác.

Bài 11: Trong đợt bầu cử ban chấp hành chi đội, Lan được cử vào ban kiểm phiếu. Em hãy giúp Lan hoàn thành công việc.

Tên	Mạnh	My	Tùng	Nhi	Long
Kiểm đếm	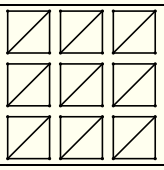	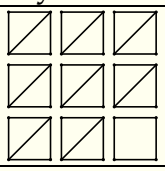	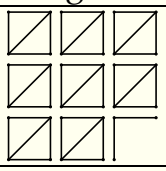	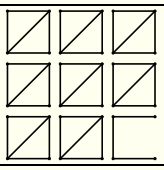	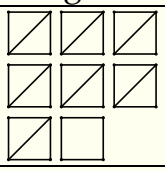
Số bạn chọn					

Điền dữ liệu vào cột Số bạn chọn giúp bạn Lan nhé.

a) Lan đang điều tra về vấn đề gì.

b) Bạn ấy thu thập được các loại dữ liệu gì?

c) Bạn nào được các bạn trong lớp bình chọn nhiều nhất.

d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Tên	Mạnh	My	Tùng	Nhi	Long
Kiểm đếm	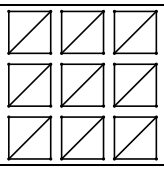	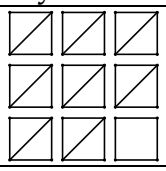	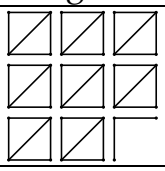	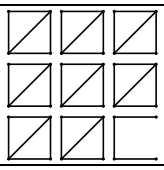	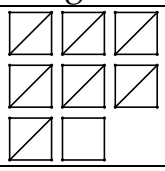
Số bạn chọn	45	44	42	43	39

a) Lan đang điều tra về số bạn bầu chọn cho 5 bạn trong đợt bầu cử ban chấp hành chi đội.

b) Bạn Lan thu thập được dữ liệu số bạn bầu chọn cho bạn Mạnh, My, Tùng, Nhi, Long.

c) Bạn Mạnh được các bạn trong lớp bình chọn nhiều nhất.

d) Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Bài 12: Mai muốn tìm hiểu về món ăn sáng nay của các bạn trong lớp. Em hãy giúp Mai hoàn thành công việc.

Món ăn sáng	Kiểm đếm	Số bạn ăn
Bánh mì	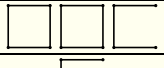	
Xôi		
Bánh bao	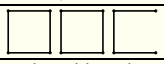	
Bún		
Cơm tấm		

Điền dữ liệu vào cột Số bạn ăn giúp bạn Mai nhé.
a) Mai đang điều tra về vấn đề gì.
b) Bạn ấy thu thập được các loại dữ liệu gì?
c) Món ăn sáng nào được các bạn trong lớp ăn nhiều nhất.
d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Món ăn sáng	Kiểm đếm	Số bạn ăn
Bánh mì	𝍸	11
Xôi	𝍸	2
Bánh bao	𝍸	11
Bún	𝍸	8
Cơm tấm	𝍸	2

a) Mai đang điều tra về món ăn sáng nay của các bạn trong lớp.
b) Bạn Mai thu thập được dữ liệu số bạn ăn các món bánh mì, xôi, bánh bao, bún, cơm tấm.
c) Bánh mì và bánh bao được các bạn trong lớp ăn sáng nhiều nhất.
d) Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Bài 13: Thầy giáo thể dục muốn tìm hiểu môn thể thao được ưa thích của lớp 6A. Em hãy giúp thầy hoàn thành công việc.

Môn thể thao	Kiểm đếm	Số bạn ưa thích
Bóng đá	𝍸	
Cầu lông	𝍸	
Đá cầu	𝍸	
Bóng bàn	𝍸	
Bơi lội	𝍸	
Bóng chuyền	𝍸	
Trượt patin	𝍸	
Bóng rổ	𝍸	

Điền dữ liệu vào cột Số bạn ưa thích giúp thầy nhé.
a) Thầy giáo đang điều tra về vấn đề gì.
b) Thầy thu thập được các loại dữ liệu gì?
c) Môn thể thao nào được các bạn trong lớp ưa thích nhiều nhất.
d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Môn thể thao	Kiểm đếm	Số bạn ưa thích
Bóng đá	𝍸	10
Cầu lông	𝍸	7
Đá cầu	𝍸	2

Bóng bàn		5
Bơi lội	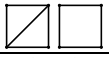	9
Bóng chuyền		3
Trượt patin	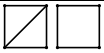	9
Bóng rổ		2

a) Thầy giáo đang điều tra về môn thể thao được ưa thích nhất của lớp 6A.
b) Thầy giáo thu thập được dữ liệu số bạn ưa thích môn bóng đá; cầu lông; đá cầu; bóng bàn; bơi lội; bóng chuyền; trượt patin; bóng rổ.
c) Môn bóng đá được các bạn ưa thích nhất.
d) Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

◎ Bài 14: Bạn An muốn tìm hiểu môn học yêu thích nhất của các bạn trong lớp. Em hãy giúp bạn An hoàn thành công việc.

Môn học	Kiểm đếm	Số bạn yêu thích
Toán	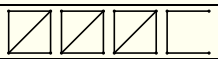	
Văn	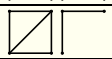	
Tiếng anh	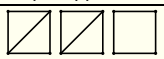	
Địa lý		
Lịch sử		
Sinh học	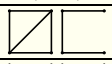	
Vật lý	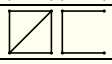	

Điền dữ liệu vào cột Số bạn yêu thích giúp bạn An nhé.
a) Bạn An đang điều tra về vấn đề gì.
b) Bạn An thu thập được các loại dữ liệu gì?
c) Môn học nào được các bạn trong lớp yêu thích nhiều nhất.
d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎Đáp số

Môn học	Kiểm đếm	Số bạn yêu thích
Toán	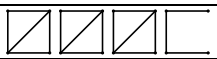	18
Văn	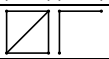	7
Tiếng anh	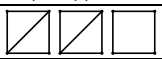	14
Địa lý		5
Lịch sử		4
Sinh học	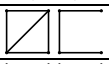	8
Vật lý	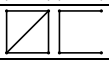	8

a) Bạn An đang điều tra về môn học yêu thích nhất của các bạn trong lớp.
b) Bạn An thu thập được dữ liệu số bạn yêu thích môn toán; văn; tiếng anh; địa lý; lịch sử; sinh học; vật lý.
c) Môn toán được các bạn trong lớp yêu thích nhiều nhất.

d) Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Bài 15: Bạn Hà muốn tìm hiểu số lượng con vật nuôi ở nhà của các bạn học sinh tổ 3 trong lớp. Em hãy giúp bạn Hà hoàn thành công việc

Tên	Các con vật được nuôi	Tổng số con vật
Nam	1 chó, 1 mèo, 5 cá	
Linh	2 chó, 1 chim	
Chi	1 mèo, 1 thỏ	
Hiếu	2 chó, 1 mèo	
Anh	1 chó, 1 mèo, 2 chim, 3 thỏ	
Trung	1 khỉ	
Quang	3 chó, 7 cá	
Giang	0	
Lâm	2 mèo	
Đức	1 chó, 2 chim, 1 thỏ	

Điền dữ liệu vào cột Tổng số con vật giúp bạn Hà nhé.

a) Bạn Hà đang điều tra về vấn đề gì.

b) Bạn Hà thu thập được các loại dữ liệu gì?

c) Nhà bạn nào trong tổ nuôi nhiều con vật nhất.

d) Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Tên	Các con vật được nuôi	Tổng số con vật
Nam	1 chó, 1 mèo, 5 cá	7
Linh	2 chó, 1 chim	3
Chi	1 mèo, 1 thỏ	2
Hiếu	2 chó, 1 mèo	3
Anh	1 chó, 1 mèo, 2 chim, 3 thỏ	7
Trung	1 khỉ	1
Quang	3 chó, 7 cá	10
Giang	0	0
Lâm	2 mèo	2
Đức	1 chó, 2 chim, 1 thỏ	4

a) Bạn Hà đang điều tra về tổng số con vật nuôi ở nhà của các bạn học sinh tổ 3 ở trong lớp.

b) Bạn Hà thu thập được dữ liệu về số lượng con vật nuôi ở nhà của các bạn Nam; Linh; Chi; Hiếu; Anh; Trung; Quang; Giang; Lâm; Đức.

c) Nhà bạn Quang nuôi nhiều con vật nhất.

d) Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là các số.

Bài 16: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Tên chất	Carbon	Natri	Magie	Nhôm	Lưu huỳnh
Khối lượng riêng	2,267	0,917	1,738	2,698	2,067

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Dữ liệu được cho trong bảng thống kê là: 2,267; 0,917; 1,738; 2,698; 2,067.
Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là số.

Bài 17: Trường THCS Nguyễn Trãi thực hiện phong trào "Kế hoạch nhỏ" thu gom giấy của các khối lớp được cho trong bảng sau. Em hãy tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Khối lớp	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Khối lượng (kg)	347,9	450,1	299,5	347,89

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Dữ liệu được cho trong bảng thống kê là: 347,9; 450,1; 299,5; 347,89.
Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là số.

Bài 18: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

STT	Mặt hàng	Tổng tiền bán được
1	Cam	1.246.000
2	Dưa	231.000
3	Lê	460.000
4	Ổi	7.888.000
5	Quýt	15.310.000

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

Đáp số

Dữ liệu trong bảng số liệu trên là: 1.246.000; 231.000; 460.000; 7.888.000; 15.310.000.
Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là số.

◎ Bài 19: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Tốc độ chạy trung bình của một số động vật	
Con vật	Tốc độ (km/h)
Chó sói	69
Ngựa vằn	65
Sơn dương	98
Thỏ	58
Hươu cao cổ	52
Báo gấm	115

PTHToan 6 - Vip

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎Đáp số

Dữ liệu được cho trong bảng thống kê là: 69; 65; 98; 58; 52; 115.
Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là số.

◎ Bài 20: Tìm dữ liệu được cho trong bảng thống kê sau:

Vùng	**Diện tích** *(nghìn ha)*
Đồng bằng sông Hồng	69
Trung du và miền núi Bắc Bộ	65
Tây Nguyên	98
Đông Nam Bộ	58
Đồng bằng sông Cửu Long	52

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao?

◎Đáp số

Dữ liệu được cho trong bảng thống kê là: 69; 65; 98; 58; 52
Dữ liệu trên là số liệu vì dữ liệu trên là số.

◎ Bài 21: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ thông tin sau:

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Dự báo thời tiết ngày 26 tháng 9 năm 2018			
Thành phố	Nhiệt độ cao nhất	Nhiệt độ thấp nhất	Nhiệt độ chênh lệch
Việt Trì	32	25	7

Đáp số

Dự báo thời tiết ngày 26 tháng 9 năm 2018			
Thành phố	Nhiệt độ cao nhất	Nhiệt độ thấp nhất	Nhiệt độ chênh lệch
Việt Trì	32	25	7
Thanh Hóa	33	25	8
Hà Nội	34	25	9
Vinh	35	26	9
Hòa Bình	34	24	10
Hà Tĩnh	35	28	7

Bài 22: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ thông tin sau:

TOKYO 2020 BẢNG HUY CHƯƠNG

Đội	Vàng	Màu bạc	Đồng
Argentina	-	1	2
Armenia	-	2	2
Châu Úc	17	7	22
Áo	1	1	5
Azerbaijan	-	3	4
Bahamas	2	-	-
Bahrain	-	1	-

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

TOKYO 2020 BẢNG HUY CHƯƠNG				
Đội	Vàng	Bạc	Bạc	Tổng số huy chương
Argentina	0	1	2	3

Đáp số

TOKYO 2020 BẢNG HUY CHƯƠNG				
Đội	Vàng	Bạc	Bạc	Tổng số huy chương
Argentina	0	1	2	3
Armenia	0	2	2	4
Châu Úc	17	7	22	46

Áo	1	1	5	7
Azerbaijan	0	3	4	7
Bahamas	2	0	0	2
Bahrain	0	1	0	1

◎ Bài 23: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ đoạn văn bản lịch sử (theo Viện sử học) sau đây: Nhà Ngô: 939 – 965; Nhà Đinh: 968 – 980; Nhà Tiền Lê: 980 – 1009; Nhà Lý: 1009 – 1225; Nhà Trần: 1226 – 1400; Nhà Hồ 1400 – 1407; Nhà Hậu Lê: 1428 – 1788 ; Nhà Tây Sơn: 1788 – 1802; Nhà Nguyễn: 1802 – 1945

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Các triều đại phong kiến Việt Nam			
Triều đại	**Năm bắt đầu**	**Năm kết thúc**	**Thời gian tồn tại (năm)**
Nhà Ngô	939	965	26

◎Đáp số

Các triều đại phong kiến Việt Nam			
Triều đại	**Năm bắt đầu**	**Năm kết thúc**	**Thời gian tồn tại (năm)**
Nhà Ngô	939	965	26
Nhà Đinh	968	980	12
Nhà Tiền Lê	980	1009	29
Nhà Lý	1009	1225	216
Nhà Trần	1226	1400	174
Nhà Hồ	1400	1407	7
Nhà Hậu Lê	1428	1788	360
Nhà Tây Sơn	1788	1802	14
Nhà Nguyễn	1802	1945	143

◎ Bài 24: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ đoạn văn bản sau đây:

Top 8 các nhà văn nổi tiếng nhất Việt Nam: Tô Hoài (1920 – 2014); Tố Hữu (1920 – 2002); Xuân Diệu (1916 – 1985); Nam Cao (1915 – 1951); Nguyễn Minh Châu (1930 – 1989); Hoài Thanh (1909 – 1982); Bà Huyện Thanh Quan (1805 – 1848); Nguyễn Khuyến (1835 – 1909).

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Top 8 các nhà văn nổi tiếng nhất Việt Nam			
Nhà văn	**Năm sinh**	**Năm mất**	**Tuổi**
Tô Hoài	1920	2014	94

Đáp số

Top 8 các nhà văn nổi tiếng nhất Việt Nam			
Nhà văn	**Năm sinh**	**Năm mất**	**Tuổi**
Tô Hoài	1920	2014	94
Tố Hữu	1920	2002	82
Xuân Diệu	1916	1985	69
Nam Cao	1915	1951	36
Nguyễn Minh Châu	1930	1989	59
Hoài Thanh	1909	1982	73
Bà Huyện Thanh Quan	1805	1848	43
Nguyễn Khuyến	1835	1909	74

Bài 25: Em hãy thu thập và phân loại dữ liệu từ thông tin sau:

Tỷ lệ nhiễm HIV tại Việt Nam giai đoạn 1990 - 2015

STT	KHU VỰC	2011 - 2015
1	Hà Nội 1	0.56 ↘ 0.51
2	Hà Nội 2	0.14 ↘ 0.11
3	Hải Phòng	0.60 ↘ 0.57
4	Quảng Ninh	0.55 ↘ 0.51
5	Nghệ An	0.21 → 0.21
6	Thanh Hóa	0.15 → 0.15
7	Tây Bắc	1.23 ↗ 1.29
8	Đông Bắc	0.14 → 0.14
9	Miền núi phía Bắc	0.20 → 0.20
10	Thái Nguyên	0.60 ↗ 0.65
11	Châu thổ sông Hồng	0.14 ↘ 0.12
12	Bắc Trung Bộ	0.12 → 0.12
13	Duyên hải miền Trung	0.13 → 0.13
14	Khánh Hòa	0.17 ↘ 0.16
15	Tây Nguyên	0.07 → 0.07
16	Đông Nam	0.17 → 0.17
17	Châu thổ sông Mê Kông	0.14 ↘ 0.12
18	An Giang	0.31 → 0.31
19	Cần Thơ	0.43 ↗ 0.47
20	Thành phố Hồ Chí Minh	0.96 ↗ 1.09

Dữ liệu trên có phải là số liệu không? Vì sao? Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu sau:

Tỷ lệ nhiễm HIV tại Việt Nâm giai đoạn 1990 - 2015			
Khu vực	**2011 - 2015**		
	Tăng	**Giảm**	**Không tăng giảm**
Hà Nội 1		0,05	

Đáp số

Tỷ lệ nhiễm HIV tại Việt Nâm giai đoạn 1990 - 2015

Khu vực	2011 - 2015		
	Tăng	Giảm	Không tăng giảm
Hà Nội 1		0,05	
Hà Nội 2		0,03	
Hải Phòng		0,03	
Quảng Ninh		0,04	
Nghệ An			0
Thanh Hóa			0
Tây Bắc	0,06		
Đông Bắc			0
Miền núi phía Bắc			0
Thái Nguyên	0,05		
Châu thổ sông Hồng		0,02	
Bắc Trung Bộ			0
Duyên hải miền Trung			0
Khánh Hòa		0,01	
Tây Nguyên			0
Đông Nam			0
Châu thổ sông Mê Kông		0,02	
An Giang			0
Cần Thơ	0,04		
Thành phố Hồ Chí Minh	0,13		

◎ Bài 26: Bản tin sau được trích từ trang web: https://covid19.gov.vn/ ngày 27/1/2022:

Tính từ 16h ngày 26/01 đến 16h ngày 27/01, trên Hệ thống Quốc gia quản lý ca bệnh COVID-19 ghi nhận 15.727 ca nhiễm mới, trong đó 55 ca nhập cảnh và 15.672 ca ghi nhận trong nước (giảm 213 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố (có 10.627 ca trong cộng đồng).

Diễn biến dịch bệnh ngày 27/01/2022	
Địa phương	Số ca mắc covid
Hà Nội	2907

Các tỉnh, thành phố ghi nhận ca bệnh như sau: Hà Nội (2.907), Đà Nẵng (873), Bắc Ninh (794), Thanh Hóa (727), Hải Phòng (719), Quảng Nam (527), Nam Định (469), Vĩnh Phúc (462), Bình Định (437), Hải Dương (417), Hòa Bình (414), Đắk Lắk (378), Quảng Ngãi (374), Hưng Yên (372), Phú Thọ (347), Nghệ An (316), Bình Phước (293), Quảng Ninh (275), Bắc Giang (272), Lâm Đồng (235), Thừa Thiên Huế (220), Thái Bình (207), Gia Lai (183), Sơn La (170), TP. Hồ Chí Minh (168), Lạng Sơn (167), Cà Mau (165), Hà Giang (144), Hà Nam (139), Tây Ninh (135), Phú Yên (129), Quảng Bình (123), Ninh Bình (115), Khánh Hòa (113), Vĩnh Long (112), Thái Nguyên (111), Bến Tre (105), Tuyên Quang (100), Lào Cai (100), Quảng Trị (96), Đắk Nông (95), Bình Dương

(92), Lai Châu (90), Trà Vinh (82), Điện Biên (81), Cao Bằng (80), Bình Thuận (66), Bạc Liêu (64), Yên Bái (63), Kon Tum (62), Bà Rịa - Vũng Tàu (57), Đồng Nai (55), Đồng Tháp (50), Hậu Giang (49), Hà Tĩnh (48), Long An (41), An Giang (40), Bắc Kạn (34), Kiên Giang (32), Ninh Thuận (26), Cần Thơ (26), Sóc Trăng (22), Tiền Giang (7).
Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Đáp số

Diễn biến dịch bệnh ngày 27/01/2022	
Địa phương	**Số ca mắc covid**
Hà Nội	2907
Đà Nẵng	873
Bắc Ninh	794
Thanh Hóa	727
Hải Phòng	719
Quảng Nam	527
Nam Định	469
Vĩnh Phúc	462
Bình Định	437
Hải Dương	417
Hòa Bình	414
Đắk Lắk	378
Quảng Ngãi	374
Hưng Yên	372
Phú Thọ	347
Nghệ An	316
Bình Phước	293
Quảng Ninh	275
Bắc Giang	272
Lâm Đồng	235
Thừa Thiên Huế	220
Thái Bình	207
Gia Lai	183
Sơn La	170
TP. Hồ Chí Minh	168
Lạng Sơn	167
Cà Mau	165
Hà Giang	144
Hà Nam	139
Tây Ninh	135
Phú Yên	129
Quảng Bình	123

Diễn biến dịch bệnh ngày 27/01/2022	
Địa phương	**Số ca mắc covid**
Ninh Bình	115
Khánh Hòa	113
Vĩnh Long	112
Thái Nguyên	111
Bến Tre	105
Tuyên Quang	100
Lào Cai	100
Quảng Trị	96
Đắk Nông	95
Bình Dương	92
Lai Châu	90
Trà Vinh	82
Điện Biên	81
Cao Bằng	80
Bình Thuận	66
Bạc Liêu	64
Yên Bái	63
Kon Tum	62
Bà Rịa – Vũng Tàu	57
Đồng Nai	55
Đồng Tháp	50
Hậu Giang	49
Hà Tĩnh	48
Long An	41
An Giang	40
Bắc Kạn	34
Kiên Giang	32
Ninh Thuận	26
Cần Thơ	26
Sóc Trăng	22
Tiền Giang	7

◎ Bài 27: Bản tin sau được trích từ trang web: https://top-10.vn/ ngày 20/3/2021:

Top 10 tỉnh rộng nhất Việt Nam

- Nghệ An là tỉnh rộng nhất Việt Nam với diện tích 16.481 km². Tỉnh có dân số năm 2020 là 3.365.000 người, đông thứ 6 Việt Nam, mật độ dân cư 204 người/km².
- Tỉnh Gia Lai có diện tích 15.511 km², lớn thứ hai Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.542.000 người, đông thứ 18/63 tỉnh thành, mật độ dân cư 99 người/km².
- Tỉnh Sơn La có diện tích 14.174 km², lớn thứ ba Việt Nam. Tỉnh có dân số 1.271.000 người vào năm 2020, đông thứ 28/63 tỉnh thành, mật độ dân số 90 người/km².
- Tỉnh Đắk Lắk có diện tích 13.031 km², lớn thứ tư Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.887.000 người, đông thứ 10 Việt Nam, mật độ dân số 145 người/km².
- Tỉnh Thanh Hoá có diện tích 11.120 km², thuộc tốp 5 tỉnh rộng nhất cả nước. Tỉnh có dân số năm 2020 là 3.665.000 người, đông thứ 3 Việt Nam, mật độ dân số 330 người/km².
- Tỉnh Quảng Nam có diện tích 10.575 km², lớn thứ 6 Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.505.000 người, đông thứ 19/63 tỉnh thành, mật độ dân số 142 người/km².
- Tỉnh Lâm Đồng có diện tích 9.783 km², lớn thứ 7 Việt Nam. Tỉnh có dân số năm 2020 là 1.310.000 người, mật độ dân số 134 người/km².
- Kon Tum có diện tích 9.674 km², lớn thứ 8 Việt Nam. Dân số năm 2020 là 556 nghìn người, mật độ dân số 57 người/km².
- Điện Biên có diện tích 9.541 km², lớn thứ 9 Việt Nam. Dân số năm 2020 là 614 nghìn người, đông thứ 58/63 tỉnh thành. Tỉnh có mật độ dân số 64 người/km².
- Lai Châu có diện tích 9.070 km², lớn thứ 10 Việt Nam. Dân số năm 2020 là 460 nghìn người, đông thứ 62/63 tỉnh thành. Tỉnh có mật độ dân số 51 người/km².

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Top 10 tỉnh rộng nhất Việt Nam			
Tỉnh	**Diện tích** *(km²)*	**Dân số** *(nghìn người)*	**Mật độ dân số** *(người/km²)*
Nghệ An	16.481	3.365.000	204

◎Đáp số

Top 10 tỉnh rộng nhất Việt Nam			
Tỉnh	**Diện tích**	**Dân số**	**Mật độ dân số**

	(km²)	*(nghìn người)*	*(người/km²)*
Nghệ An	16 481	3 365 000	204
Gia Lai	15 511	1 542 000	99
Sơn La	14 174	1 271 000	90
Đắk Lắk	13 031	1 887 000	145
Thanh Hóa	11 120	3 665 000	330
Quảng Nam	10 575	1 505 000	142
Lâm Đồng	9 738	1 310 000	134
Kon Tum	9 674	556 000	57
Điện Biên	9 541	614 000	64
Lai Châu	9 070	460 000	51

Bài 28: Bản tin sau được trích từ trang web: https://www.qdnd.vn/ ngày 24/12/2021:

Về kế hoạch năm 2022, mục tiêu phấn đấu của ngành thủy sản cơ bản duy trì ổn định tổng sản lượng thủy sản, trong đó điều chỉnh giảm dần sản lượng khai thác, tăng sản lượng nuôi trồng và triển khai mạnh các giải pháp để tăng giá trị đối với cả sản lượng nuôi và khai thác để tăng giá trị sản xuất đối với với sản phẩm thủy sản, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng.

Tổng sản lượng thủy sản phấn đấu đạt khoảng 8,73 triệu tấn, bằng 100,03% so với năm 2021. Trong đó, sản lượng khai thác khoảng 3,78 triệu tấn, bằng 96,4%; sản lượng nuôi trồng 4,95 triệu tấn, bằng 103% so với năm 2021.

Các sản phẩm thủy sản chủ lực thuộc mặt xuất khẩu quốc gia: Sản lượng cá tra 1,6 triệu tấn; tôm sú 275 nghìn tấn, tôm thẻ chân trắng 675 nghìn tấn. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 8,9 tỷ USD.

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Xuất khẩu thủy sản	
Sản phẩm	**Sản lượng**
Cá tra	1,6 triệu tấn

Đáp số

Xuất khẩu thủy sản	
Sản phẩm	**Sản lượng**
Cá tra	1,6 triệu tấn
Tôm sú	275 nghìn tấn
Tôm thẻ chân trắng	675 nghìn tấn

Bài 29: Số lượng dụng cụ học tập của một lớp học như sau: bút bi 102 chiếc; thước thẳng 42 chiếc; compa 12 chiếc; ê-ke 23 chiếc; bút chì 45 chiếc; bút đỏ 24 chiếc; tẩy 39 chiếc; bút xóa 9 chiếc.

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Dụng cụ học tập	
Tên	**Số lượng**
Bút bi	102

Đáp số

Dụng cụ học tập	
Tên	**Số lượng**
Bút bi	102
Thước thẳng	42
Compa	12
Ê - ke	23
Bút chì	45
Bút đỏ	24
Tẩy	39
Bút xóa	9

Bài 30: Sau khi kiểm tra sức khỏe, giáo viên yêu cầu mỗi học sinh thống kê số đo chiều cao, cân nặng của các bạn trong cùng tổ. Bạn Lan liệt kê số đo chiều cao, cân nặng của các bạn trong tổ như sau: Tuấn Anh 150 cm – 50 kg; Chi 153 cm – 47kg; Nam 163 cm – 54 kg; Thiên 157 cm – 57,3 kg; Quang 165 cm – 60,2 kg; Mai 142 cm – 42 kg; Uyên 139 cm – 40,5 kg; Thu 154 cm – 49kg.

Em hãy trình bày thông tin thu thập được theo mẫu bên.

Tên	**Chiều cao** *(cm)*	**Cân nặng** *(kg)*
Tuấn Anh	150	50

Đáp số

Tên	Chiều cao *(cm)*	Cân nặng *(kg)*
Tuấn Anh	150	50
Chi	153	47
Nam	163	54
Thiên	157	57,3
Quang	165	60,2
Mai	142	42
Uyên	139	40,5
Thu	154	49

Dạng 2: Sự hợp lí và không hợp lí của dữ liệu

Phương pháp:

Bài 1: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Bảng số tuổi của các thành viên trong gia đình em

Thành viên	Ông	Bà	Bố	Mẹ	Con
Số tuổi	100	48	75	50	8

Đáp số

Dữ liệu tuổi của bà và con là không hợp lý.

Bài 2: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Danh sách đội học sinh dự thi văn nghệ của lớp 6A6

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Văn Nam
2	Phạm Thị Ngát
3	Nguyễn Thị Ly
4	11233456
5	Phan Thanh Phương
6	Nguyễn Thu Hà
7	Nguyễn Xuân Việt
8	Nguyễn Năng Quang
9	Đặng Quang Anh
10	Vũ Hải Yến

Đáp số

Dữ liệu 11233456 là không hợp lý.

Bài 3: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Bảng số học sinh nghỉ học trong HK I của các lớp khối 6 trường THCS Nguyễn Trãi.

6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6
43	58	61	-49	38	42

Đáp số

Dữ liệu số học sinh nghỉ học của lớp 6A4 là không hợp lý.

Bài 4: Trong các thông tin cho trong bảng dưới đây, dữ liệu nào là không hợp lí.

Danh sách email của các bạn tổ 1

STT	Họ và tên	Email
1	Nguyễn Văn Nam	nvnam@gmail.com
2	Phạm Thị Ngát	ptngat@gmail.com
3	Nguyễn Thị Ly	ntly@gmail.com
4	Trần Công Hùng	tchung@gmail.com
5	Phan Thanh Phương	12/8 Phố Huế
6	Nguyễn Thu Hà	ntha@gmail.com
7	Nguyễn Xuân Việt	nxviet@gmail.com
8	Nguyễn Năng Quang	nnquang@gmail.com
9	Đặng Quang Anh	dqanh@gmail.com

Đáp số

Dữ liệu 12/8 Phố Huế là dữ liệu không hợp lý.

Bài 5: Thân nhiệt (độ C) của một bệnh nhân trong 12 tiếng theo dõi được ghi lại trong bảng sau. Em hãy tìm kiếm các thông tin không hợp lí của bảng dữ liệu trên.

38	39	Nóng	40	41	45
38	37	36	Lạnh	37	37

Đáp số

Thông tin không hợp lý trong bảng dữ liệu trên là: nóng; lạnh.

Bài 6: An đun nước và đo nhiệt độ của nước tại một số thời điểm sau khi bắt đầu đun được kết quả như sau:

Số phút sau khi bắt đầu đun	5	6	7	8	9	10	11
Nhiệt độ (^0C)	41	76	84	94	99	100	105

a) An đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu về nhiệt độ của nước mà An đo được. Giải thích?

Đáp số

a) An thu được dữ liệu bằng cách làm thí nghiệm.

b) Giá trị 105 là không hợp lý. Vì nhiệt độ sôi cao nhất của nước là 100 ^0C.

Bài 7: Bạn Bình quan sát được số bàn, số ghế trong một phòng học (hình dưới). Em hãy giúp Bình hoàn thiện bảng sau:

Bàn giáo viên	Bàn	Ghế

a) Bạn Bình đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu về số bàn, số ghế mà Bình quan sát được. Giải thích?

Đáp số

Bàn giáo viên	Bàn	Ghế
1	30	31

a) Bạn Bình thu được dữ liệu trên bằng cách quan sát.

b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 8: Chi muốn tìm hiểu về thời gian rảnh của các bạn trong tổ, bạn Chi phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong thời gian rảnh bạn thích hoạt động nào nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước hoạt động bạn thích làm nhất)

A. Đọc sách B. Xem tivi C. Chơi game D. Hoạt động khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phiếu	1	2	3	4	5	6	7	8
Hoạt động	Đọc sách	Xem tivi	3	Chơi game	Đọc sách	Hoạt động khác	Chơi game	Chơi game

a) Chi đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu về hoạt động bạn thích làm nhất. Giải thích?

Đáp số

a) Chi đã thu được dữ liệu bằng cách lập phiếu hỏi.
b) Giá trị không hợp lý là 3. Vì 3 không phải là một hoạt động.

Bài 9: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Theo tổng cục môi trường Việt Nam có tổng số loài chim ghi nhận là 888 loài, trong đó có 72 loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu, 51 loài ít xuất hiện và hiếm gặp" – Theo tạp chí môi trường Việt Nam 4/2017.

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số loài
1	Việt Nam có tổng số loài chim là bao nhiêu?	
2	Việt Nam có tổng số loài chim bị đe dọa tuyệt chủng là bao nhiêu?	
3	Việt Nam có tổng số loài chim ít xuất hiện và hiếm gặp là bao nhiêu?	
4	Việt Nam có tổng số loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu và loài ít xuất hiện hiếm gặp là?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số loài
1	Việt Nam có tổng số loài chim là bao nhiêu?	888
2	Việt Nam có tổng số loài chim bị đe dọa tuyệt chủng là bao nhiêu?	72
3	Việt Nam có tổng số loài chim ít xuất hiện và hiếm gặp là bao nhiêu?	51
4	Việt Nam có tổng số loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu và loài ít xuất hiện hiếm gặp là?	123

Bài 10: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Tính đến ngày 05/12/2021, trên thế giới, số ca nhiễm lên đến 265.801.429 người, trong đó có 5.266.133 người tử vong và 239.516.661 người khỏi bệnh. Tại Việt Nam, số ca nhiễm 1.309.092 người, số người tử vong 26.260 người, số người được điều trị khỏi bệnh 1.009.227 người" – Theo nguồn từ Bộ Y tế Việt Nam

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số ca (người)
1	Trên thế giới số ca nhiễm tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
2	Tại Việt Nam số ca nhiễm tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
3	Trên thế giới số ca tử vong tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
4	Tại Việt Nam số ca khỏi bệnh tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	
5	Tại Việt Nam tính đến ngày 05/12/2021 có …… người tử vong.	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số ca (người)
1	Trên thế giới số ca nhiễm tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	265 801 429
2	Tại Việt Nam số ca nhiễm tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	1 309 092
3	Trên thế giới số ca tử vong tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	5 266 133
4	Tại Việt Nam số ca khỏi bệnh tính đến ngày 05/12/2021 là bao nhiêu?	1 009 227
5	Tại Việt Nam tính đến ngày 05/12/2021 có …… người tử vong.	26 260

a) Dữ liệu trên thu thập được bằng cách lập bảng hỏi.
b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 11: Thân nhiệt (độ C) của một bệnh nhân mắc Covid được đo tại một số thời điểm sau khi mắc được kết quả như sau:

Số giờ sau khi mắc	1	2	3	4	5
Nhiệt độ (^{o}C)	38	38,5	39,5	46	40

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

a) Dữ liệu trên thu thập được bằng cách đo thân nhiệt.
b) Giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên là 46.

Bài 12: Hiếu muốn thu thập số liệu về số lượng học sinh nữ trong một lớp học để làm một dự án học tập (hình dưới). Em hãy giúp Hiếu hoàn thành bảng sau:

Số học sinh nam	
Số học sinh nữ	

a) Hiếu đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Số học sinh nam	4
Số học sinh nữ	2

a) Hiếu đã thu được dữ liệu bằng cách quan sát.

b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 13: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:

"Nạn phá rừng ở Việt Nam là một trong những vấn nạn ở Việt Nam. Theo báo cáo số liệu năm 2005 của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), Việt Nam là nước có tỉ lệ phá rừng nguyên sinh đứng thứ 2 trên thế giới, chỉ sau Nigeria. Tổng cục Lâm nghiệp thống kê khoảng 22.800 ha rừng bị thiệt hại giai đoạn 2011 - 2019, trong đó nguyên nhân cháy rừng gần 14.000 ha, phá rừng hơn 9.000 ha." – Theo nguồn từ Bách khoa toàn thư

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số rừng bị thiệt hại (ha)
1	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại?	
2	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại do cháy rừng?	
3	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại do phá rừng?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số rừng bị thiệt hại (ha)
1	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại?	22 800
2	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại do cháy rừng?	14 000
3	Giai đoạn 2011 – 2019 Tổng cục Lâm nghiệp thống kê bao nhiêu ha rừng bị thiệt hại do phá rừng?	9 000

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách lập bảng hỏi.
b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 14: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Đà Nẵng: Tội phạm ma túy tăng 12%. Theo báo cáo của Chủ tịch UBND TP Huỳnh Đức Thơ gửi HĐND TP Đà Nẵng, trong 6 tháng đầu năm 2020, tội phạm về ma túy bị phát hiện tăng 12,2% số đối tượng và tăng 39,2% số ma túy thu giữ so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu liên quan đến ma túy tổng hợp (chiếm 99,7%). Thành phần phạm tội trẻ hóa (từ 18-30 tuổi chiếm 77%).
Theo Công an TP, đã xuất hiện tình trạng mua bán cần sa và loại ma túy mới (tem giấy, bùa lưỡi có chứa chất LSD), đặc biệt có 2,7% sinh viên mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Tình hình sử dụng trái phép chất ma túy giảm 9,8%, nhưng số tái nghiện lại tăng 37%, số nghiện mới tăng 38,7%, số người sử dụng ma túy từ 16 đến dưới 18 tuổi tăng 169%, nữ tăng 56%.
Tính đến ngày 15-5 trên địa bàn TP có 2.060 người nghiện và 1.781 người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý". – Theo báo tuổi trẻ

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số người
1	Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/5 có bao nhiêu người nghiện ma túy?	
2	Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/5 có bao nhiêu người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý?	
3	Tổng số người nghiện ma túy và người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý là bao nhiêu?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số người
1	Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/5 có bao nhiêu người nghiện ma túy?	2 060
2	Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/5 có bao nhiêu người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý?	1 781

3	Tổng số người nghiện ma túy và người sử dụng trái phép chất ma túy đang được quản lý là bao nhiêu?	3841

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách lập bảng hỏi.
b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 15: Mai thực hiện quan sát một xạ thủ bắn súng trong 6 lần bắn thu được kết quả như sau:

Lần	1	2	3	4	5	6
Điểm số	10	9	8	12	9	11

a) Mai đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

a) Mai thu được dữ liệu bằng cách quan sát.
b) Giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên là: 11; 12.

Bài 16: Chi chạy bộ và đo nhịp tim tại một số thời điểm sau khi bắt đầu chạy được kết quả như sau:

Số mét sau khi bắt đầu chạy	200	300	400	500	600	700	800
Nhịp tim (nhịp/phút)	80	94	102	648	155	160	550

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách thí nghiệm.
b) Giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên là: 648; 550.

Bài 17: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Ngày 23/5, Sở GD-ĐT Hà Nội công bố số lượng học sinh đăng ký dự thi vào lớp 10 của từng trường trung học phổ thông công lập năm học 2021-2022.
Theo đó, toàn thành phố có 93.362 học sinh đăng ký dự tuyển, số học sinh đăng ký nguyện vọng 1 là 93.254 em, còn lại 108 học sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào các lớp chuyên. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường trên địa bàn TP Hà Nội năm học 2021-2022 là 67.446 học sinh.
Căn cứ vào số lượng học sinh đăng ký dự tuyển và chỉ tiêu được giao, học sinh có thể biết được "tỷ lệ chọi" vào lớp 10 của từng trường trung học phổ thông công lập năm học 2021-2022. Học sinh không được thay đổi nguyện vọng dự tuyển.

Đây là năm đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội cho phép mỗi học sinh được đăng ký dự tuyển tối đa vào 3 trường trung học phổ thông công lập, xếp theo thứ tự nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 và nguyện vọng 3." – Trích từ Báo Việt Nam

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số học sinh
1	Toàn thành phố có bao nhiêu học sinh đăng kí dự tuyển?	
2	Số học sinh đăng kí nguyện vọng 1 là bao nhiêu?	
3	Số học sinh chỉ đăng kí dự tuyển vào lớp chuyên là bao nhiêu?	
4	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường trên địa bàn TP Hà Nội năm học 2021-2022 là bao nhiêu?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Số học sinh
1	Toàn thành phố có bao nhiêu học sinh đăng kí dự tuyển?	93 362
2	Số học sinh đăng kí nguyện vọng 1 là bao nhiêu?	93 254
3	Số học sinh chỉ đăng kí dự tuyển vào lớp chuyên là bao nhiêu?	108
4	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường trên địa bàn TP Hà Nội năm học 2021-2022 là bao nhiêu?	67 446

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách lập bảng hỏi.
b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 18: Hãy đọc thông tin và nêu nội dung thích hợp vào chỗ trống bên cạnh:
"Hà Nội hiện có 642 trường THCS với hơn 508.000 học sinh. Theo đánh giá của Sở GD-ĐT Hà Nội, trong học kỳ đầu tiên của năm học 2020-2021, thầy trò các trường THCS trên địa bàn đã đạt được một số kết quả nổi bật, chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn đều có tiến bộ. Nền nếp, kỷ cương ở các nhà trường trên địa bàn thành phố được duy trì ổn định. Tỷ lệ học sinh xếp loại văn hóa giỏi đạt 35,5%. Chất lượng giáo dục đạo đức được giữ vững với 90,35% số học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt và 8,7% số học sinh xếp loại hạnh kiểm khá." – Trích từ Báo Nhân dân

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ học sinh (%)
1	Tỷ lệ học sinh xếp loai văn hóa giỏi đạt bao nhiêu phần trăm?	
2	Tỷ lệ học sinh xếp loai hạnh kiểm tốt đạt bao nhiêu phần trăm?	
3	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá đạt bao nhiêu phần trăm?	

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Tỷ lệ học sinh (%)
1	Tỷ lệ học sinh xếp loai văn hóa giỏi đạt bao nhiêu phần trăm?	35,5
2	Tỷ lệ học sinh xếp loai hạnh kiểm tốt đạt bao nhiêu phần trăm?	90,35
3	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá đạt bao nhiêu phần trăm?	8,7

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách lập bảng hỏi.
b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 19: Bạn Bi muốn tìm hiểu vị kem yêu thích của các bạn trong tổ, bạn Bi phát cho các bạn một phiếu hỏi có nội dung như sau:

PHIẾU HỎI

Trong các vị kem, vị nào bạn yêu thích nhất?

(Khoanh tròn vào chữ cái trước vị kem yêu thích nhất.)

A. Vani B. Socola C. Dâu D. Một vị khác

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Vị kem	Vani	Socola	Dâu	Một vị khác
Số bạn yêu thích	x x x x	x x	x x x	x x

a) Bi đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào?
b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích.

Đáp số

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách lập phiếu hỏi.
b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

Bài 20: Quan sát hình dưới và hoàn thành bảng sau theo mẫu:

Biến trình nhiệt độ TP. Hà Nội 10 ngày	
Ngày	Nhiệt độ (^0C)
16/12	$21^0 - 27^0$

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách nào? Quan sát, làm thí nghiệm hay lập bảng hỏi?

b) Tìm các giá trị không hợp lí (nếu có) trong dữ liệu trên. Giải thích?

Đáp số

Biến trình nhiệt độ TP. Hà Nội 10 ngày	
Ngày	Nhiệt độ (^0C)
16/12	$21^0 - 27^0$
17/12	$21^0 - 27^0$
18/12	$22^0 - 28^0$
19/12	$17^0 - 24^0$
20/12	$15^0 - 19^0$
21/12	$15^0 - 19^0$
22/12	$16^0 - 19^0$
23/12	$18^0 - 21^0$
24/12	$17^0 - 24^0$

25/12	$16^0 - 28^0$

a) Dữ liệu trên thu được bằng cách quan sát.

b) Không có giá trị không hợp lý trong dữ liệu trên.

▷ Bài 39. BẢNG THỐNG KÊ VÀ BIỂU ĐỒ TRANH

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Bảng thống kê:

✍ Bảng thống kê là một cách trình bày dữ liệu chi tiết, bao gồm các hàng và các cột, thể hiện danh sách các đối tượng thống kê cùng với các dữ liệu của đối tượng đó:

✓ Đối tượng thống kê.

✓ Tiêu chí thống kê.

✓ Ứng với mỗi dối tượng thống kê có một số liệu thống kê theo tiêu chí.

❷ Biểu đồ tranh:

✍ Biểu đồ tranh sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng (hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng.

✍ Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, ta cần xác định một hình ảnh (biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh (biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng.

❸ Vẽ biểu đồ tranh:

✍ Để biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh, ta thực hiện các bước sau:

❀ Bước 1: Chuẩn bị:

✓ Chọn biểu tượng (hoặc hình ảnh) đại diện cho dữ liệu cần biểu diễn.

✓ Xác định mỗi biểu tượng (hoặc hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng.

❀ Bước 2: Vẽ biểu đồ tranh

✓ Biểu đồ tranh thường gồm hai cột:

+ Cột 1: Danh sách phân loại đối tượng thống kê.

+ Cột 2: Vẽ các biểu tượng thay thế đủ số lượng các đối tượng.

✓ Ghi tên biểu đồ và các chú thích số lượng tương ứng mỗi biểu tượng của biểu đồ tranh.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Đọc bảng thống kê

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Điều tra về màu sắc yêu thích của 43 thành viên trong lớp. Lớp trưởng đã thống kê được như sau:

Màu sắc	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng	Đen
Số bạn chọn	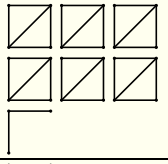	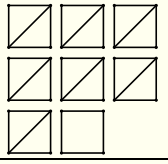	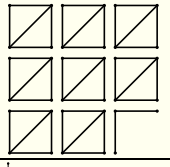	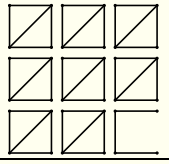	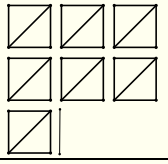
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Màu sắc nào được các thành viên trong lớp yêu thích nhất
c) Có bao nhiêu bạn không thích màu xanh?

Hướng dẫn giải

a) Đối tượng thống kê: 43 thành viên trong lớp
Tiêu chí thống kê: Màu sắc yêu thích
b) Màu trắng là màu được nhiều thanh viên yêu thích nhất
c) Có 32 thành viên thích màu xanh lá mà lớp có 43 thành viên nên có 11 bạn không thích màu xanh lá

Bài 2: Trong 1 cuộc khảo sát về vật nuôi trong gia đình tại 1 lớp học ta được kết quả như sau:

Con vật	Chó	Mèo	Chuột lang	Sóc	Không nuôi
Số bạn chọn	13	11	11	7	10
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Con vật nào được nuôi nhiều nhất ?
c) Có bao nhiêu bạn không không nuôi vật nuôi trong gia đình ?

Hướng dẫn giải

a) Đối tượng thống kê: thành viên trong l lớp học
Tiêu chí thống kê: vật nuôi của các thành viên trong lớp
b) Con vật được nuôi nhiều nhất: Chó
c) Có 36 bạn không nuôi vật nuôi trong gia đình

Bài 3: Điều tra về số anh chị em trong gia đình tại 1 lớp có kết quả như sau:

Số anh chị em	1	2	3	4
Số bạn có	6	11	11	5
Chú thích	: 5 người		: 1 người	

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê
b) Số bạn có số anh chị em là bao nhiêu là ít nhất ?
c) Có bao nhiêu bạn có 2 anh chị em?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

◎ Bài 4: Dưới đây là bảng kết quả điểm khảo sát đầu năm tại 1 lớp học :

Điểm	9-10	7-8	5-6	3-4	1-2
Số bạn được	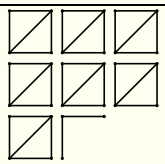	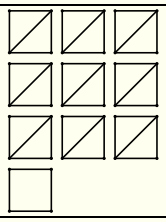	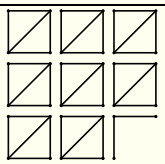	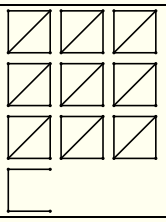	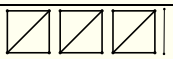
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b)Số điểm nào được ít bạn được nhất ?

c) Có bao nhiêu bạn được 7-8 điểm trong cuộc khảo sát trên ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

◎ Bài 5: Khảo sát địa điểm du lịch cuối năm tại 1 lớp học có kết quả như sau

Địa điểm	Sầm Sơn	Đồ Sơn	Vịnh Hạ Long	Đà Nẵng	Phong Nha
Số bạn chọn	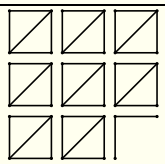	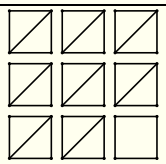	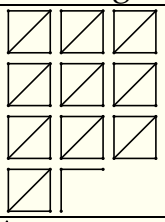	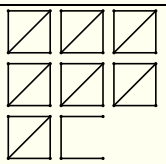	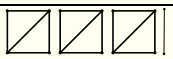
Chú thích	: 5 người		: 1 người		

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b) Đã Nẵng được bao nhiêu bạn chọn ?

c) Kết quả dựa trên đa số vậy lớp sẽ đi du lịch ở địa điểm nào ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

◎ Bài 6: Điểm kiểm tra giữa kì 2 của một lớp 6 được thầy giáo thống kê trong bảng như sau:

8	8	4	4	8	8	6	7	9	9	8	9	10	5	4
7	4	10	8	6	7	7	6	7	7	6	6	8	6	10
9	9	8	9	10	5	4	8	8	9	6	5	5	7	9

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b) Điểm nào có nhiều bạn trong lớp đạt được nhất ?

c) Lớp có bao nhiêu bạn dưới trung bình (<5); bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (>8)

Hướng dẫn giải

Từ bảng trên ta có bảng khảo sát như sau:

Điểm	4	5	6	7	8	9	10
Số bạn được	5	4	7	7	10	8	4

a) Đối tượng thống kê: Học sinh lớp 6 một lớp

Tiêu chí thống kê: Điểm kiểm tra giữa kì 2

b) Điểm 8 có nhiều bạn trong lớp đạt được nhất

c) Có 4 bạn dưới trung bình, có 12 bạn đạt điểm giỏi

Bài 7: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của một lớp 6B được thầy giáo thống kê trong bảng như sau:

9	5	7	5	9	8	10	4	3	8	7	9	6	8	4
7	6	10	8	9	4	3	6	9	7	7	7	9	4	10
9	8	8	9	7	10	5	9	8	9	10	7	8	7	9

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b) Điểm nào có nhiều bạn trong lớp đạt ít nhất ?

c) Lớp có bao nhiêu bạn dưới trung bình (<5); bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (>8)

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 6

Bài 8: Tiến hành điều tra chiều cao của học sinh lớp 6 tại một lớp được thống kê trong bảng dưới đây

140	145	142	138	135	134	140	143	146	134	134	138	142	139	13
141	146	143	142	140	137	136	143	139	140	143	135	136	142	14
137	132	142	137	138	140	142	145	137	139	140	147	138	144	14

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b)Chiều cao nào nhiều bạn có nhất trong lớp ?

c) Chiều cao trung bình của học sinh lớp 6 là 141cm vậy có bao nhiêu bạn cao trên trung bình

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 6

Bài 9: Tiến hành điều tra cân nặng của học sinh lớp 6 tại một lớp được thống kê trong bảng dưới đây

35	32	36	31	33	32	30	37	40	33	35	38	32	29	35
41	36	33	32	30	37	36	32	37	30	30	31	28	30	34
37	32	32	37	38	40	32	35	37	39	40	37	39	31	30

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b)Cân nặng nào nhiều bạn có nhất trong lớp ?

c) Cân nặng trung bình của học sinh lớp 6 là 35kg vậy có bao nhiêu bạn nặng dưới trung bình

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 6

Bài 10: Tiến hành điều tra cân nặng của học sinh lớp 6 tại một lớp được thống kê trong bảng dưới đây

33	31	33	32	34	35	30	37	41	35	36	37	33	39	29
41	32	34	33	31	30	35	36	37	30	31	32	29	38	40
36	35	37	36	39	41	34	33	32	31	40	37	31	30	30

a) Hãy nêu đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê

b)Cân nặng nào ít bạn có nhất trong lớp ?

c) Cân nặng trung bình của học sinh lớp 6 là 35kg vậy có bao nhiêu bạn nặng trên trung bình

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 6

Bài 11: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau.

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	30	12	3	0

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:

a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh.

b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?

c) Có bao nhiêu học sinh đạt từ hạnh kiểm khá trở lên?

Hướng dẫn giải

a) Lớp 6A có: 45 học sịn

b) Đối tượng thống kê: các học sinh lớp 6A

Tiêu chí thống kê: xếp loại hạnh kiểm các học sinh lớp 6A

c) Có 42 bạn đạt từ hạnh kiểm khá trở lên

Bài 12: Kết quả học lực của học sinh lớp 6A2 được thống kê trong bảng sau.

Học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Kém
Số học sinh	15	26	8	1

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:

a) Lớp 6A2 có bao nhiêu học sinh.

b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?

c) Có bao nhiêu học sinh đạt học lực khá trở xuống ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 13: Kết quả của đội tuyển Việt Nam trong kì seagame 22 được thông kê như sau.

Huy chương	Vàng	Bạc	Đồng
Số lượng	158	97	94

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a)Đội tuyển Việt Nam dành được bao nhiêu huy chương .
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu vận động viên được huy chương bạc trở lên (giả sử mỗi vđv chỉ được 1 huy chương) ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 14: Thống kê số thành viên trong gia đình học sinh của lớp 6A có được kết quả như sau.

Số thành viên	3	4	5	6
Số học sinh	10	29	12	9

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu học sinh có số thành viên gia đình từ 4 trở lên ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 15: : Thống kê size áo đồng phục học sinh của lớp 6A có được kết quả như sau.

Size áo	S	M	L	XL
Số học sinh	5	21	17	7

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh.
b) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?
c) Có bao nhiêu học sinh có size áo từ L trở xuống ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

◎ Bài 16: Trong đợt tham quan du lịch, một nhóm bạn quyết định đặt mua áo phông theo sở thích của từng bạn về màu sắc và họa tiết. Cửa hàng này có các màu sắc và họa tiết trên áo như sau: Trắng – trái tim, đen – trái tim; Xanh – con vịt; Đỏ – con chó
Kết quả chọn của các bạn trong nhóm (mỗi bạn chọn 1 loại) như sau:

Loại áo	Trắng – trái tim	Đen – trái tim	Xanh – con vịt	Đỏ – con chó
Số bạn chọn	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸	𝍸 |	𝍸 |||
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Nhóm bạn có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Màu sắc và họa tiết nào được ưa thích nhất?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

◎ Bài 17: Lớp 6A đăng kí size áo để làm áo lớp kết quả đăng kí được thể hiện trong bảng sau :

Size áo	S	M	L	XL
Số bạn chọn	𝍸 𝍸	𝍸 𝍸 𝍸 𝍸	𝍸 |||	|
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Size áo nào phổ biến nhất?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

◎ Bài 18: : Trong hội thao trường số học sinh lớp 6B dành được huy chương được thống kê như sau:

Huy chương	Đồng	Bạc	Vàng
Số bạn chọn	𝍸 𝍸 ||||	𝍸 𝍸	𝍸 |||
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp 6A có bao nhiêu huy chương?

b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Huy chương nào lớp 6A đạt được ít nhất ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

Bài 19: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau:

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình	kém
Số bạn chọn	𝍸 𝍸 𝍸	𝍸 𝍸 ||||	|||	|
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Lớp đạt nhiều nhất là loại hạnh kiểm nào?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

Bài 20: Trong đợt thống kê học lực vừa qua, kết quả của các bạn lớp 6A đã được được thống kê trong bảng sau:

Học lực	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
Số bạn đạt	𝍸 𝍸 |	𝍸 𝍸 ||||	𝍸 |||	
Chú thích	𝍸 : 5 người		| : 1 người	

Đọc bảng dữ liệu trên và cho biết:
a) Lớp có bao nhiêu người?
b) Đối tượng và tiêu chí thống kê là gì?
c) Lớp có bao nhiêu bạn học lực khá trở nên ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1, 2

Bài 21: Cho hình ảnh sau về tình hình đại dịch Covid – 19 ở Việt Nam và trên thế giới:

Hãy cho biết, tính đến 18h ngày 28 tháng 1 năm 2022 thì:

a) Việt Nam đã có bao nhiêu người đã nhiệm bệnh, bao nhiêu người đã tử vong, bao nhiêu người đã phục hồi?

b) Tính tỉ lệ phần trăm tử vong của Việt Nam khi bị nhiễm bệnh?

c) Tính tỉ lệ phần trăm khỏi bệnh của Việt Nam khi bị nhiễm bệnh?

◎Hướng dẫn giải

a) Việt Nam có 2218137 người nhiễm bệnh, 37432 người, 1950244 người đã khỏi bệnh

b) Phần trăm tỉ lệ phần trăm tử vong của Việt Nam khi bị nhiễm bệnh:

$$\frac{37432}{2218137}\cdot 100\% = 0,0169\%$$

c) Phần trăm tỉ lệ phần trăm khỏi bệnh của Việt Nam khi bị nhiễm bệnh:

$$\frac{1950244}{2218137}\cdot 100\% = 87,9\%$$

◎ Bài 22: Hình như bài 21

Hãy cho biết, tính đến 18h ngày 28 tháng 1 năm 2022 thì:

a) Thế giới đã có bao nhiêu người đã nhiệm bệnh, bao nhiêu người đã tử vong, bao nhiêu người đã phục hồi?

b) Tính tỉ lệ phần trăm tử vong của thế giới khi bị nhiễm bệnh?

c) Tính tỉ lệ phần trăm tử vong của Việt Nam so với thế giới thì như thế nào ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 21

Bài 23: Cho bảng thống kê về xuất xứ ô tô nhập khẩu vào Việt Nam tháng 5/2021

PTHToan 6 - Vip

Xuất xứ	Thái Lan	Indonesia	Trung Quốc	Các nước khác
Số lượng	7407	4470	2790	933

a) Có bao nhiêu xe nhập khẩu từ Trung Quốc, bao nhiêu xe nhập khẩu từ Thái Lan?
b) Tính tỉ lệ phần trăm xe nhập khẩu từ indonesia?
c) Tính tỉ lệ phần trăm xe nhập khẩu từ các nước khác ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 21

Bài 24: Cho hình ảnh về tình hình tiêm chung covid-19 tại Việt Nam

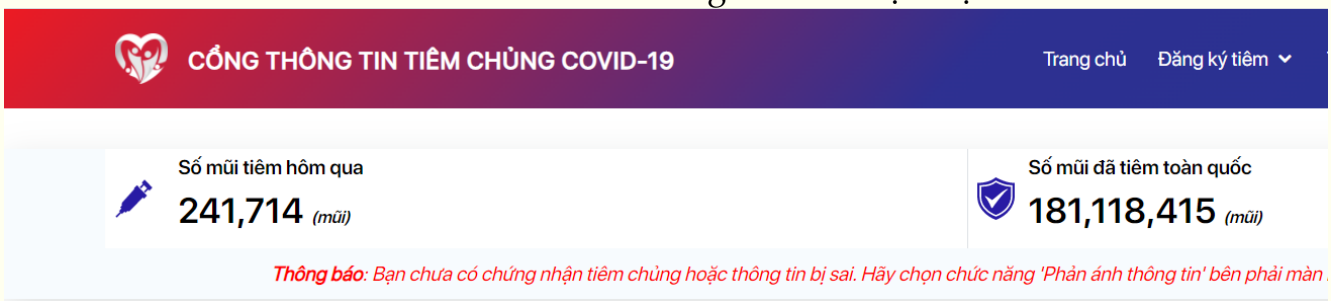

a) Việt Nam đã có bao nhiêu mũi được tiêm hôm qua, bao nhiêu mũi đã được tiêm
b) Biết dân số Việt Nam là 98168833 người coi mỗi người tiêm hai mũi thì phần trăm người Việt Nam đã tiêm là bao nhiêu

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 21

Bài 25: Cho bảng thống kê về độ tiếp cận của các loại vắc-xin tới các nước

Vắc xin	Pfizer	Astrazeneca	Sinopharm	Sputink V
Số nước tiếp cận	57	26	9	5

a) Có bao nhiêu nước đã tiếp cận Astrazeneca, Có bao nhiêu nước đã tiếp cận Sinopharm
b) Tính tỉ lệ phần trăm tiếp cận của Pfizer, Sputink V (chỉ tính các nước đã tiếp cận ở trên)?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 21

◎ Bài 26: Bảng dưới đây cho biết chiều cao, cân nặng của trẻ từ 10 đến 18 tuổi:

Bảng chiều cao cân nặng chuẩn của trẻ từ 10 đến 18 tuổi

TRẺ NAM		TUỔI	TRẺ NỮ	
Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)		Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)
138.4	32	10	138.4	31.9
143.5	35.6	11	144	36.9
149.1	39.9	12	149.8	41.5
156.2	45.3	13	156.7	45.8
163.5	50.8	14	158.7	47.6
170.1	56.0	15	159.7	52.1
173.4	60.8	16	162.5	53.5
175.2	64.4	17	162.5	54.4
175.7	66.9	18	163	56.7

a) Đơn vị đo chiều cao, cân nặng trong bảng trên là gì?

b) Chiều cao cân nặng chuẩn của học sinh nam và nữ lớp 6 là bao nhiêu? Em có đạt được mức chuẩn này hay không?

◎Hướng dẫn giải

a) Đơn vị đo chiều cao là cm, đơn vị đo cân nặng là kg

b) Chiều cao cân nặng chuẩn của học sinh nam là 143,6cm và 35,6kg

Chiều cao cân nặng chuẩn của học sinh nữ là 144cm và 36,9kg

◎ Bài 27: Bảng dưới đây cho biết chiều cao, cân nặng trẻ sơ sinh từ 1 đến 6 tháng tuổi

Tuổi con	Cân nặng bé trai (kg)	Chiều cao bé trai (cm)	Cân nặng bé gái (kg)	Chiều cao bé gái (cm)
Sơ sinh	2,9-3,8	48,2-52,8	2,7-3,6	47,7-52,0
1 tháng	3,6-5,0	52,1-57,0	3,4-4,5	51,2-55,8
2 tháng	4,3-6,0	55,5-60,7	4,0-5,4	54,4-59,2
3 tháng	5,0-6,9	58,5-63,7	4,7-6,2	57,1-59,5
4 tháng	5,7-7,6	61,0-66,4	5,3-6,9	59,4-64,5
5 tháng	6,3-8,2	63,2-68,6	5,8-7,5	61,5-66,7
6 tháng	6,9-8,8	65,1-70,5	6,3-8,1	63,3-68,6

a) Đơn vị đo chiều cao, cân nặng trong bảng trên là gì?

b) Chiều cao cân nặng chuẩn của bé trai và gái 5 tháng tuổi là bao nhiêu?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 26

Bài 28: Bảng dưới đây cho biết sản lượng gạo việt nam qua các năm

Năm	Miền Bắc (triệu tấn)	Miền Trung (triệu tấn)	Miền Nam (triệu tấn)
2017	350	100	250
2018	379	88	276
2019	380	95	299
2020	400	105	266
2021	450	108	287

a) Đơn vị tính sản lượng trong bảng trên là gì ?

b) Sản lượng gạo năm 2018 từng miền là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

a) Đơn vị tính sản lượng trong bảng trên là: Triệu tấn

b) Sản lượng gạo năm 2018 miền Bắc là: 379 triệu tấn

Sản lượng gạo năm 2018 miền Nam là: 276 triệu tấn

Sản lượng gạo năm 2108 miền Trung là: 88 triệu tấn

◎ Bài 29: Bảng dưới đây cho số lượng hoa quả xuất khẩu mỗi năm

Năm	Vải (triệu tấn)	Thanh Long (triệu tấn)	Mít (triệu tấn)
2017	115	50	90
2018	186	33	86
2019	180	57	99
2020	174	63	68
2021	205	46	97

a) Đơn vị tính sản lượng trong bảng trên là gì ?
b) Số lượng hoa quả xuất khẩu năm 2020 mỗi loại là bao nhiêu ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 28

◎ Bài 30: Bảng dưới đây cho biết lượng mưa các thành phố trong 6 tháng đầu năm

Tháng	Hà Nội (mm)	Huế (mm)	Hồ Chí Minh (mm)
1	18,6	161,3	13,8
2	26,2	62,6	4,1
3	43,8	47,1	99
4	90,1	51,6	10,5
5	188,5	82,1	218,4
6	239,9	116,7	311,7

a) Đơn vị tính lượng mưa trong bảng trên là gì ?
b) Lượng mưa trong tháng 5 tại mỗi thành phố là bao nhiêu ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 30

◎ Dạng 2: Lập bảng thống kê

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Thời gian làm một bài tập Toán (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6A được ghi lại như sau

10	5	8	8	9	7	8	9	14	8
5	7	8	10	9	8	10	7	14	8

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian làm bài						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Khoảng thời gian nào nhiều bạn làm bài xong nhất?
d) Trung bình cả nhóm làm bao lâu xong bài toán?

Hướng dẫn giải

a)

Thời gian làm bài	5	7	8	9	10	14
Số học sinh	2	3	7	3	3	2

b) Đối tượng thống kê: 20 bạn học sinh lớp 6A
Tiêu chí thống kê: thời gian làm một bài tập toán
c) Khoảng thời gian nhiều bạn làm bài xong nhất là 8 phút
d) Trung bình cả nhóm làm hết : $\frac{5.2+7.3+8.7+9.3+10.3+14.2}{20}=8,6$ (phút)

Bài 2: Thời gian làm một bài tập Toán (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6A được ghi lại như sau

15	7	9	15	10	9	7	8	11	5
5	9	11	11	9	8	10	7	5	7

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian làm bài						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Khoảng thời gian nào ít bạn làm bài xong nhất?
d) Trung bình cả nhóm làm bao lâu xong bài toán?

Hướng dẫn giải

a)

Thời gian làm bài	5	7	9	10	11	15
Số học sinh	3	4	4	2	3	2

b) Đối tượng thống kê: 20 bạn học sinh lớp 6A
Tiêu chí thống kê: thời gian làm một bài tập toán
c) Khoảng thời gian nhiều bạn làm bài xong nhất là 7 và 9 phút
d) Trung bình cả nhóm làm hết : $\frac{5.3+7.4+8.7+9.4+10.2+15.2}{20}=8,1$ (phút)

Bài 3: : Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6B được thầy giáo thống kê trong bảng như sau:

8	6	7	5	9	7	7	9
7	6	10	8	9	8	8	7

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được ít bạn đạt nhất ?
d) Số điểm trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

a)

Điểm	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	1	2	5	4	3	1

b) Đối tượng thống kê: nhóm học sinh lớp 6B
Tiêu chí thống kê: điểm kiểm tra cuối kì 2
c) Số điểm được ít bạn đạt được nhất: 5 và 10
d) Điểm trung bình của cả nhóm : $\frac{5.1+6.2+7.5+8.4+9.3+10.1}{16}=7,5625$

Bài 4: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6A được thầy giáo ghi trong bảng như sau:

5	7	8	8	7	5	10	8	8	10
8	7	10	7	5	9	9	8	7	10

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được nhiều bạn đạt nhất nhất?
d) Số điểm trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 5: Một nhóm sinh viên ngồi kiểm tra quê của mình, kết quả được điền vào bảng sau

Bắc Giang	Hà Nội	Bắc Ninh	Hà Nội	Hải Dương	Hải Dương	Hà Nội	Bắc Giang	Thái Bình	Bắc Ninh
Bắc Ninh	Bắc Giang	Bắc Giang	Thái Bình	Hà Nội	Bắc Ninh	Hà Nội	Bắc Giang	Bắc Giang	Hà Nội

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Tỉnh/ Thành phố						
Số sinh viên						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Tỉnh/ thành phố nào là quê hương nhiều sinh viên nhất

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 6: Tiến hành điều tra cân nặng (kg) của 1 nhóm trẻ sơ sinh kết quả được ghi lại như sau:

5	6	7	5	6	6	8	7
7	7	5	7	8	9	5	8
6	5	5	5	7	8	8	6

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Số cân nặng					
Số trẻ					

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Số cân nặng nào nhiều trẻ có nhất ?

d) Số cân nặng trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 7: Tiến hành điều tra cân nặng (kg) của 1 nhóm học sinh lớp 6 kết quả được ghi lại như sau:

35	37	36	33	33	34	35	36
34	33	35	32	37	37	36	33
37	33	33	37	36	35	32	35

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Số cân nặng						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Số cân nặng nào ít sinh viên có nhất ?

d) Số cân nặng trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 8: Tiến hành điều tra chiều cao (cm) của 1 nhóm học sinh lớp 6 tại một lớp được ghi trong bảng dưới đây

140	145	142	139	137	138	148	143	140
140	142	142	149	137	137	138	145	142
138	139	140	137	138	140	145	145	138

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Chiều cao						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Học sinh sở hữu số chiều cao là nhiều nhất ?
d) Chiều cao trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 9: Trong 1 buổi khám sức khỏe chiều cao (cm) của 1 nhóm trẻ mẫu giáo được ghi vào bảng sau

105	103	107	108	105	110	110	105	103
108	108	107	107	110	103	106	106	105
108	110	105	108	107	110	103	103	108

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Chiều cao						
Số trẻ						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Trẻ sở hữu số chiều cao là ít nhất ?
d) Chiều cao trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 10: Tại 1 cửa hàng giày chủ cửa hàng tiến hành ghi lại cỡ giày của khách để nhập hàng 1 cách hợp lý. Kết quả được ghi vào bảng dưới đây

35	36	38	35	40	41	42	38	40
42	39	39	38	38	40	38	35	35
38	36	40	40	35	36	38	37	39

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Cỡ giày							
Số khách hàng							

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Cỡ giày phổ biến nhất là bao nhiêu ?
d) Cỡ giày trung bình của khách hàng là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 11: Tại 1 cửa hàng quần áo chủ cửa hàng tiến hành ghi lại cỡ áo của khách để nhập hàng 1 cách hợp lý. Kết quả được ghi vào bảng dưới đây

S	XS	M	M	L	XL	XXL	L	M
M	L	L	M	S	S	XL	M	L
XL	M	S	L	XL	L	M	S	M

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Cỡ giày						
Số khách hàng						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Cỡ áo nào là được nhiều khách hàng mua nhất ?
d) Để tối ưu chủ cửa hàng nên nhập nhiều áo cỡ nào nhất và nhập ít cỡ nào nhất ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 12: Tại một đài khí tượng người ta tiến hàng ghi lại thời tiết trong 1 tháng để điều tra. Kết quả được điền vào bảng sau

Mưa	Mưa	Nắng	Âm u	Mưa	Âm u	Nắng	Nắng	Mưa
Mưa	Âm u	Âm u	Mưa	Nắng	Nắng	Nắng	Mưa	Âm u
Nắng	Mưa	Âm u	Nắng	Nắng	Nắng	Mưa	Mưa	Âm u

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời tiết			
Số ngày			

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Kiểu thời tiết là nhiều nhất trong tháng

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 13: Trong 1 cuộc thi chạy 100m người ta ghi lại thành tích của các vận động viên vào bảng sau (tính theo giây) :

11	10	9	12	13	10	11	10	10
10	11	10	13	11	12	10	11	12

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian					
Số vận động viên					

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Thời gian chạy nào có số vận động viên là nhiều nhất
d) Thời gian trung bình của các vận động viên

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 14: Trong 1 cuộc thi bơi 100m người ta ghi lại thành tích của các vận động viên vào bảng sau (tính theo giây) :

61	67	65	66	61	65	67	61	66
63	61	62	61	66	64	62	65	67

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian						
Số vận động viên						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Thời gian bơi nào có số vận động viên là ít nhất
d) Thời gian trung bình của các vận động viên là bao nhiêu ?. Các vận động viên có thời gian bơi ít hơn trung bình sẽ được vào vòng sau, có bao nhiêu vận động viên vào được vòng sau?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 15: Trong 1 buổi khám sức khỏe chiều cao (cm) của 1 nhóm trẻ mẫu giáo được ghi vào bảng sau

107	108	105	107	110	106	105	110	105
110	109	108	109	108	106	106	108	107
107	106	108	109	106	105	107	105	109

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Chiều cao						
Số trẻ						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?

c) Trẻ sở hữu số chiều cao là nhiều nhất ?
d) Chiều cao trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 16: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm sinh viên được giáo viên ghi trong bảng như sau:

A	B	A	C	D	D	C	F	A	F
F	A	B	C	B	C	D	F	A	B

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm					
Số học sinh					

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được ít bạn đạt nhất nhất?
d) Biết sinh viên được điểm F sẽ bị trượt, có bao nhiêu sinh viên bị trượt ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 17: Màu sắc yêu thích của một nhóm bạn được ghi vào bảng sau đây:

Đỏ	Hồng	Cam	Đỏ	Xanh	Xanh	Đỏ	Vàng	Đỏ	Cam
Vàng	Cam	Hồng	Vàng	Đỏ	Cam	Xanh	Đỏ	Cam	Hồng

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Màu sắc						
Số lượng						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Màu sắc nào được nhiều bạn yêu thích nhất ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 18: Trong buổi điều tra về kế hoạch hóa tại 1 tổ dân phố, tổ trưởng ghi lại số con cái của mỗi gia đình vào bảng để báo cáo

5	2	1	2	3	2	3	4	2
1	2	3	2	1	4	4	1	2
2	3	4	1	2	5	3	1	0

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Số con						
Số gia đình						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Gia đình có số con bao nhiêu là nhiều nhất ?
d) Số con cái trung bình của tổ dân phố là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 19: Thời gian học thuộc thơ (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6B được ghi lại như sau

15	10	12	9	10	11	10	12	13	15
15	10	9	11	12	13	14	15	12	11

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Thời gian học thuộc						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Khoảng thời gian nào nhiều bạn học thuộc xong nhất?
d) Trung bình cả nhóm học thuộc thơ trong bao lâu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 20: Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6A được thầy giáo ghi trong bảng như sau:

8	9	8	7	6	5	6	7	8	9
7	7	10	8	5	8	7	9	9	10

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

Điểm						
Số học sinh						

b) Hãy cho biết đối tượng và tiêu chí thống kê?
c) Số điểm được nhiều bạn đạt nhất nhất?
d) Số điểm trung bình của cả nhóm là bao nhiêu ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Dạng 3: Đọc biểu đồ tranh

Phương pháp:

◎ Bài 1: Một quán ăn lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của thực khách về thái độ phục vụ của nhân viên quán. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của thực khách về một nhân viên trong một tuần làm việc (mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá. Hài lòng 🥰, bình thường 😐, không hài lòng 😢).

Thứ 2	🥰🥰🥰😐😐😢😐😐😐😢
Thứ 3	🥰😐🥰😐🥰🥰😐😐😢
Thứ 4	🥰😐🥰😢🥰😐😐😢
Thứ 5	🥰😐😐🥰🥰😐😐😐😢😢
Thứ 6	🥰😐😐😐😢😢

a) Cả tuần có bao nhiêu thực khách đã cho đánh giá về nhân viên này?
b) Cả tuần nhân viên này có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng?

◎Hướng dẫn giải

a) Cả tuần có 42 thực khách đã cho đánh giá về nhân viên này
b) Cả tuần có 14 lượt đánh giá hài lòng
Cả tuần có 19 lượt đánh giá bình thường
Cả tuần có 9 lượt đánh giá không hài lòng

◎ Bài 2: Một quán ăn lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của thực khách về thái độ phục vụ của nhân viên quán. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của thực khách về một nhân viên trong một tuần làm việc (mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá. Hài lòng 🥰, bình thường 😐, không hài lòng 😢).

Thứ 2	🥰🥰🥰😐😐😢😐😐😐😢😐
Thứ 3	🥰😐 😐🥰🥰😐😐😢😐
Thứ 4	🥰 🥰😢🥰😐😐😢😢🥰
Thứ 5	🥰😐😐🥰🥰😐😐😐😢😢
Thứ 6	🥰😐😐😐😢😢🥰😐

a) Cả tuần có bao nhiêu thực khách đã cho đánh giá về nhân viên này?
b) Cả tuần nhân viên này có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng?

◎Hướng dẫn giải

a) Cả tuần có 47 thực khách đã cho đánh giá về nhân viên này
b) Cả tuần có 15 lượt đánh giá hài lòng
Cả tuần có 22 lượt đánh giá bình thường
Cả tuần có 10 lượt đánh giá không hài lòng

◎ Bài 3: Một phường lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của nhân dân về thái độ phục vụ của cán bộ phường. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của người dân về một cán bộ trong một tuần làm việc (Mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá 😊, hài lòng:, 😐 bình thường:, 😕 không hìa lòng:).

Thứ 2	😂 😐 😂 😐 😕 😂 😕 😂 😂
Thứ 3	😕 😂 😐 😐 😂 😕 😐
Thứ 4	😕 😂 😐 😐 😂
Thứ 5	😕 😐 😕 😐 😂 😐
Thứ 6	😕 😐 😕 😕 😂 😐 😐

a) Cả tuần có bao nhiêu nhân dân đã cho đánh giá thái độ phục vụ của cán bộ phường?
b) Cả tuần này cán bộ phường có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng?

Hướng dẫn giải

a) Cả tuần có 34 nhân dân đã cho đánh giá thái độ phục vụ của cán bộ phường
b) Cả tuần có 11 lượt đánh giá hài lòng
Cả tuần có 12 lượt đánh giá bình thường
Cả tuần có 11 lượt đánh giá không hài lòng

Bài 4: Biểu đồ tranh sau đây cho biết số lượt ô tô và xe máy vào gửi tại một bãi đỗ xe vào các ngày trong một tuần

Thứ 2	🚗 🚗 🏍 🚗 🚗 🏍 🏍
Thứ 3	🚗 🏍 🏍 🚗 🏍
Thứ 4	🚗 🏍 🚗 🚗 🏍
Thứ 5	🚗 🏍 🚗 🚗
Thứ 6	🚗 🚗 🏍 🚗 🚗 🏍 🏍 🚗 🚗

a) Cả tuần có tất cả bao nhiêu xe đã vào gửi trong bãi?
b) Cả tuần có bao nhiêu xe máy gửi, có bao nhiêu ô tô gửi?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 5: Trong 1 buổi trồng cây có 5 lớp tham gia số cây được trồng được ghi lại trong bảng sau (🌼: hoa hướng dương, 🌷: hoa hồng, 🌸: hoa cúc)

Lớp 6A	🌼 🌷 🌼 🌷 🌼 🌼 🌷 🌸 🌸
Lớp 6B	🌷 🌼 🌸 🌷 🌼 🌸 🌼 🌷 🌷 🌸
Lớp 6C	🌷 🌼 🌷 🌸 🌼 🌼 🌸 🌸
Lớp 6D	🌷 🌷 🌼 🌷 🌸 🌸 🌸 🌷
Lớp 6E	🌷 🌼 🌸 🌷 🌼 🌼 🌷 🌸 🌸

a) Cả 5 lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây hoa?
b) Có bao nhiêu cây hoa hồng được trồng, bao nhiêu cây hoa cúc được trồng ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 6: Trong cuộc hội thao số huy chương của khối 6 được ghi lại vào biểu đồ tranh sau:

Lớp 6A	🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅
Lớp 6B	🏅🏅🏅🏅🏅
Lớp 6C	🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅
Lớp 6D	🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅
Lớp 6E	🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅🏅

a) Cả khối 6 có tất cả bao nhiêu huy chương

b) Cả khối 6 bao huy chường bạc, bao nhiêu huy chương đồng ?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 7: Một khách sạn lắp đặt hệ thống lấy ý kiến đánh giá của khách hàng về thái độ phục vụ của nhân viên. Biểu đồ tranh dưới đây là kết quả đánh giá của khách hàng về một nhân viên trong một tuần làm việc (Mỗi biểu tượng thể hiện kết quả một lần đánh giá 😊, hài lòng:, 😐 bình thường:, 😕 không hìa lòng:).

Thứ 2	😊 😊 😐 😊 😐 😕 😕 😊 😊
Thứ 3	😕 😊 😐 😐 😊 😕 😐
Thứ 4	😕 😊 😐 😊 😐 😊 😊 😊
Thứ 5	😕 😐 😕 😕 😐 😊 😐 😕
Thứ 6	😕 😕 😕 😊 😐 😐 😐

a) Cả tuần có bao nhiêu khách hàng đã cho đánh giá thái độ phục vụ của nhân viên?

b) Cả tuần nhân viên có bao nhiêu lượt đánh giá hài lòng, bao nhiêu lượt đánh giá bình thường, bao nhiêu lượt đánh giá không hài lòng

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 8: Tại một cửa hàng bán xe số lượng xe bán ra được ghi lại dưới biểu đồ tranh dưới đây (🏍 : xe máy 🚲 : xe đạp, 🛵: xe điện)

Thứ 2	🏍 🚲 🏍 🚲 🛵 🚲 🛵 🛵
Thứ 3	🚲 🏍 🚲 🏍 🛵 🚲 🏍 🛵
Thứ 4	🛵 🏍 🚲 🛵 🛵 🛵
Thứ 5	🏍 🚲 🚲 🛵 🚲
Thứ 6	🏍 🚲 🏍 🛵 🛵 🚲

a) Cả tuần cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe

b) Có bao nhiêu xe máy, bao nhiêu xe điện được bán ra trong tuần

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 9: Bạn Hà ghi lại số hoa nở trong vườn vào biểu đồ tranh dưới đây

: hoa dừa cạn, hoa tuy líp, : hoa đào

Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	
CN	

a) Cả tuần có bao nhiêu bông hoa đã nở trong vườn

b) Có bao nhiêu bông hoa đào, bao nhiêu bông hoa dừa cạn đã nở trong vườn nhà Hà tuần qua

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

Bài 10: : Tại một cửa hàng hoa quả số lượng bán ra trong tuần được ghi lại dưới biểu đồ tranh dưới đây

: 10 quả táo, : 10 quả lê, : 10 quả dâu tây, : 10 quả dưa hấu

Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	
CN	

a) Cả tuần cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu trái cây

b) Có bao nhiêu quả táo, bao nhiêu quả dưa hấu, bao nhiêu quả lê được bán trong tuần qua

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1,2,3

◎ Bài 11: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số học sinh lớp 6A đến thư viện mượn sách trong tuần		
Ngày	Số học sinh	Số học sinh
Thứ 2	📖 📖 📖 📖 📖 📄	
Thứ 3	📖 📖 📖	
Thứ 4	📖 📖 📖 📖 📖 📖	
Thứ 5	📖 📄	
Thứ 6	📖 📖 📄	
Thứ 7	📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖	
📖 : 2 học sinh		📄 : 1 học sinh

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh

b) Thứ mấy có nhiều bạn đến thư viện mượn sách nhất?

c) Từ thứ 5 đến thứ 7 có tất cả bao nhiêu bạn lên thư viện mượn sách?

◎Hướng dẫn giải

a)

Số học sinh lớp 6A đến thư viện mượn sách trong tuần		
Ngày	Số học sinh	Số học sinh
Thứ 2	📖 📖 📖 📖 📖 📄	11
Thứ 3	📖 📖 📖	6
Thứ 4	📖 📖 📖 📖 📖 📖	12
Thứ 5	📖 📄	3
Thứ 6	📖 📖 📄	5
Thứ 7	📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖	16
📖 : 2 học sinh		📄 : 1 học sinh

b) Thứ 7 có nhiều học sinh đến mượn sách nhất

c) từ thứ 5 đến thứ 7 có tất cả: $3+5+16=24$ học sinh đến mượn sách

◎ Bài 12: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số ô tô được bán ra trong tuần		
Ngày	Số ô tô	Số ô tô
Thứ 2	🚗 🚗 🚗 🚗	
Thứ 3	🚗 🚗	
Thứ 4	🚗 🚗 🚗 🚗	
Thứ 5	🚗 🚗 🚗 🚗 🚗	
Thứ 6	🚗 🚗	
Thứ 7	🚗 🚗 🚗 🚗 🚗 🚗 🚗	
🚗: 3 oto		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Thứ mấy có nhiều ô tô được bán nhất?
c) Từ thứ đến 2 thứ 6 có tất cả bao nhiêu ô tô được bán ra?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 13: : Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số bóng đèn được bán tại cửa hàng A		
Ngày	Số bóng đèn	Số bóng đèn
Thứ 2		
Thứ 3		
Thứ 4		
Thứ 5		
Thứ 6		
Thứ 7		
: 10 bóng đèn : 5 bóng đèn		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Thứ mấy có ít bóng đèn được bán nhất?
c) Từ thứ đến 2 thứ 5 có tất cả bao nhiêu bóng đèn được bán ra?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 14: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số học sinh nữ khối 6		
Lớp	Số học sinh nữ	Số học sinh nữ
6A1	👩👩👩	
6A2	👩	
6A3	👩👩👩👩	
6A4	👩👩	
6A5	👩👩👩👩	
👩:5 bạn nữ		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Lớp nào có nhiều bạn nữ nhất?
c) Cả khối có bao nhiêu bạn nữ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 15: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số cây các khối trồng được		
Khối	Số cây	Số cây
6		
7		
8		
9		
: 10 cây	: 10 cây	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh

b) Khối nào trồng được nhiều cây nhất

c) Cả trường trồng được tất cả bao nhiêu cây ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 16: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số tivi bán được của cửa hàng B qua các năm		
Năm	Số tivi	Số tivi
2017		
2018		
2019		
2020		
2021		
2022		
: 500 cái	: 250 cái	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh

b) Năm nào cửa hàng bán được nhiều nhất

c) Từ năm 2018 đến 2021 có tất cả bao nhiêu tivi được bán

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 17: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số đồng hồ được lắp ráp tại phân xưởng C		
Năm	Số đồng hồ	Số đồng hồ
2017		
2018		
2019		
2020		
2021		
: 100 cái	: 50 cái	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Năm nào phân xưởng lắp ráp được ít đồng hồ nhất
c) Từ năm 2017 đến 2029 có tất cả bao nhiêu đồng hồ được lắp ráp

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 18: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số xe đạp được bán trong tháng		
Màu	Xe đạp	Xe đạp
Đỏ		
Vàng		
Xanh lam		
Xanh lục		
Hồng		
Trắng		
: 50 cái		

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh
b) Xe đạp màu nào cửa hàng bán được nhiều nhất ?
c) Cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe trong tháng ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 19: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số cốc bia bán ra tại quán ăn A		
Ngày	Số cốc bia	Số cốc bia
Thứ 2	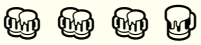	
Thứ 3		
Thứ 4	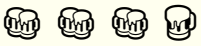	
Thứ 5	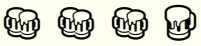	
Thứ 6		
Thứ 7		
: 100 cốc	: 50 cái	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ trang

b) Ngày nào cửa hàng bán được ít nhất ?

c) Từ thứ 3 đến thứ 6 cửa hàng bán được bao nhiêu cốc bia ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Bài 20: Hãy đọc dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây và ghi vào bảng thống kê tương ứng

Số khách thuê truyện tại cửa hàng B		
Ngày	Số khách	Số khách
Thứ 2		
Thứ 3		
Thứ 4	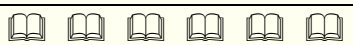	
Thứ 5	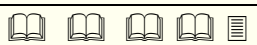	
Thứ 6		
Thứ 7		
: 2 học sinh	: 1 học sinh	

a) Điền thông tin còn thiếu vào biểu đồ tranh

b) Thứ mấy có nhiều đến thuê truyện nhất?

c) Từ thứ 5 đến thứ 7 có tất cả bao nhiêu khách đến cửa hàng thuê truyện ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

Dạng 4: Lập bảng thống kê từ biểu đồ tranh và vẽ biểu đồ tranh

Phương pháp:

◎ Bài 1: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả món ăn yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6A.

Thịt xiên nướng	😊😊😊😊
Gà rán	😊😊😊😊😊😊😊😊😊😊
Nem chua rán	😊😊😊😊😊😊😊
Khoai tây chiên	😊😊😊😊
Kimbap chiên	😊😊😊😊😊😊

😊 : 2 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi món ăn

◎Hướng dẫn giải

Từ biểu đồ trang ta lập được bảng thống kê như sau

Món ăn	Thịt xiên nướng	Gà rán	Nem chua rán	Khoai tây chiên	Kimbap chiên
Số học sinh yêu thích	8	20	14	8	12

◎ Bài 2: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả món ăn yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6A.

Sườn chua ngọt	😊😊😊😊😊😊😊😊😊😊
Vịt quay	😊😊😊😊😊😊😊😊
Nem rán	😊😊😊😊😊😊😊😊😊
Thịt nướng	😊😊😊😊😊😊😊
Chân gà nướng	😊😊😊😊😊

😊 : 2 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi món ăn

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 3: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả môn thể thao yêu thích một số bạn học sinh lớp 6B.

Bóng đá	😊😊😊😊😊😊😊
Cầu lông	😊😊😊😊
Bóng bàn	😊😊😊😊😊😊😊😊😊😊
Bóng chuyền	😊😊😊😊😊
Tenis	😊😊😊😊😊😊

😊 : 2 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi môn thể thao

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 4: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả vận động viên thể thao yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6A.

Ronaldo	😍😍😍😍😍😍😍😍😍
Messi	😍😍😍😍😍😍😍
Mbappe	😍😍😍😍😍😍
Neymar	😍😍
Suarez	😍😍😍😍😍

😍: 3 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh ưa thích mỗi vận động viên

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 5: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả vật nuôi của một nhóm bạn trong lớp 6D

Mèo	😍😍😍😍😍😍
Chó	😍😍😍😍😍😍😍😍
Chim	😍😍😍😍
Chuột lang	😍😍😍😍😍
Bọ cạp	😍

😍: 3 Học sinh

Lập bảng thống kê về số lượng học sinh nuôi mỗi con vật

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 6: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số vở mà 1 cửa hàng văn phòng phẩm bán ra trong một tuần

Ngày	Số sách
Thứ 2	📖 📖 📖 📖 📖 📃
Thứ 3	📖 📖 📖
Thứ 4	📖 📖 📖 📖 📖 📖
Thứ 5	📖 📃
Thứ 6	📖 📖 📃
Thứ 7	📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖 📖

📖: 10 quyển vở 📃: 5 quyển vở

Lập bảng thống kê về số lượng vở bán ra mỗi ngày trong tuần?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 7: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số ti vi bán ra tại cửa hàng A qua các năm

Năm	Số tivi
2017	
2018	
2019	
2020	
2021	
2022	
: 500 cái	: 250 cái

Lập bảng thống kê về số lượng ti vi bán ra mỗi năm?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

Bài 8: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số đồng hồ mà nhà máy sản xuất qua các năm

Năm	Số đồng hồ
2017	
2018	
2019	
2020	
2021	
: 100 cái	: 50 cái

Lập bảng thống kê về số lượng đồng hồ bán ra mỗi năm?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

Bài 9: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số bia bán ra tại 1 quán ăn A

Ngày	Số cốc bia
Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	
: 100 cốc	: 50 cái

Lập bảng thống kê về số lượng bia bán ra các ngày trong tuần

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 10: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số cây mà học sinh trong trường trồng được trong buổi lao động

Khối	Số cây
6	
7	
8	
9	
: 10 cây	: 10 cây

Lập bảng thống kê về số cây trồng được của các khối

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 11: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau.

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	30	12	3	0

Bằng cách dùng biểu tượng: đại diện cho 5 bạn hạnh kiểm tốt

đại diện cho 4 bạn hạnh kiểm khá

đại diện cho 1 bạn hạnh kiểm đạt

Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎Hướng dẫn giải

Từ bảng thống kê trên ta vẽ được biểu đồ tranh sau

Hạnh kiểm	Số học sinh
Tốt	
Khá	
Đạt	
Chưa đạt	

◎ Bài 12: Trong tổng kết cuối năm, học lực của các bạn học sinh lớp 6B được thống kê vào bảng sau.

Hạnh kiểm	Giỏi	Khá	Trung bình	Kém
Số học sinh	15	24	5	0

Bằng cách dùng biểu tượng: đại diện cho 5 bạn học lực giỏi

đại diện cho 4 bạn học lực khá

đại diện cho 1 bạn học lực trung bình

Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

◎ Bài 13: Trong cuộc tổng kết tuần của nhà hàng, thái độ phục vụ được khách hàng phán ánh được thống kê vào bảng sau

Thái độ	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
Số học sinh	125	60	15

Bằng cách dùng biểu tượng: 😊 đại diện cho 25 khách hàng hài lòng
😐 đại diện cho 12 khách hàng bình thường
☹ đại diện cho 3 khách hàng không hài lòng
Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

◎ Bài 14: Tại 1 công viên nọ người ta thống kê số hoa trồng trong công viên vào bảng sau

Loại hoa	Hồng	Cúc	Hướng dương
Số lượng	35	20	16

Bằng cách dùng biểu tượng: 🌹 đại diện cho 7 cây hoa hồng
🌼 đại diện cho 4 cây hoa cúc
🌻 đại diện cho 4 cây hoa hướng dương
Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

◎ Bài 15: Tại 1 hội thao số lượng huy chương khối 6 dành được được thống kê vào bảng sau

Huy chương	Vàng	Bạc	Đồng
Số lượng	36	28	12

Bằng cách dùng biểu tượng: 🥇 đại diện cho 6 bạn đạt huy chương vàng
🥈 đại diện cho 7 bạn đạt huy chương bạc
🥉 đại diện cho 4 bạn đạt huy chương đồng
Các em hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn cho bảng thống kê trên

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 11

◎ Bài 16: Một nhân viên của một cửa hàng giày dép ghi lại cỡ giầy đã bán được của một mẫu giày mới nhập để theo dõi như sau:

36	37	35	35	40	37	37	36	38	38	37	37	37	38	40
40	37	38	37	39	36	37	36	39	39	38	38	39	36	39

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng giầy bán được tương ứng với mỗi cỡ giầy

b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

Hướng dẫn giải

a) Bảng thống kê biểu diễn số lượng giầy tương ứng với mỗi cỡ giầy là:

Cỡ giày	35	36	37	38	39	40
Số lượng bán ra	2	5	9	6	5	3

b) Biểu đồ tranh tương ứng là

Cỡ giày	Số lượng bán ra
35	
36	
37	
38	
39	
40	
Chú thích	: 1 đôi giày

Bài 17: Thời gian học thuộc thơ (Tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6B được ghi lại như sau

15	10	12	9	10	11	10	12	13	15
15	10	9	11	12	13	14	15	12	11

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng bạn học sinh tương ứng với số thời gian học thuộc

b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 16

Bài 18: Tại 1 cửa hàng quần áo chủ cửa hàng tiến hành ghi lại cỡ áo của khách để nhập hàng 1 cách hợp lý. Kết quả được ghi vào bảng dưới đây

S	XS	M	M	L	XL	XXL	L	M
M	L	L	M	S	S	XL	M	L
XL	M	S	L	XL	L	M	S	M

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng áo bán được tương ứng với mỗi cỡ áo

b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 16

Bài 19: : Điểm kiểm tra cuối kì 2 của nhóm bạn lớp 6A được thầy giáo ghi trong bảng như sau:

10	7	8	5	7	5	10	7	8	10
7	7	10	8	8	9	9	8	7	10

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng học sinh tương ứng với số điểm
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 16

Bài 20: Trong buổi điều tra về kế hoạch hóa tại 1 tổ dân phố, tổ trưởng ghi lại số con cái của mỗi gia đình vào bảng để báo cáo

3	4	2	1	2	3	5	2	3
4	3	2	2	5	1	3	2	2
2	3	4	2	1	5	2	1	1

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng gia đình tương ứng với số con
b) Hãy vẽ biểu đồ tranh cho câu a

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 16

▷ Bài 40. BIỂU ĐỒ CỘT

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Vẽ biểu đồ cột:

✍ Biểu đồ cột là biểu đồ gồm các cột có chiều rộng không đổi, cách đều nhau và có chiều cao đại diện cho số liệu đã cho.

✍ Để vẽ biểu đồ cột trong bảng số liệu ta thực hiện các bước sau:

✓ Bước 1: Vẽ hai trục ngang và dọc vuông góc với nhau

Trục ngang: ghi danh sách đối tượng thống kê

Trục dọc: Chọn khoảng cách chia thích hợp với dữ liệu và ghi số ở các vạch chia.

✓ Bước 2: Tại vị trí các đối tượng trên trục ngang, vẽ những cột hình chữ nhật:

Cách đều nhau;

Có cùng chiều rộng;

Có chiều cao thể hiện số liệu của các đối tượng, tương ứng với khoảng chia trên trục dọc

✓ Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

Ghi tên biểu đồ

Ghi tên các trục và ghi số liệu tương ứng trên mỗi cột (nếu cần)

❷ Phân tích số liệu với biểu đồ cột:

✍ Khi đọc biểu đồ cột, ta nhìn theo một trục để đọc danh sách các đối tượng thống kê và nhìn theo trục còn lại để đọc số liệu thống kê tương ứng với các đối tượng đó (cần lưu ý thang đo của trục số liệu khi đọc các số liệu).

✍ Dựa vào đọc biểu đồ ta có thể phân tích các số liệu và đưa ra nhận định phù hợp.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Đọc biểu đồ và lập bảng thống kê từ biểu đồ

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Biểu đồ dưới đây cho biết số học sinh yêu thích các môn thể thao của lớp 6B

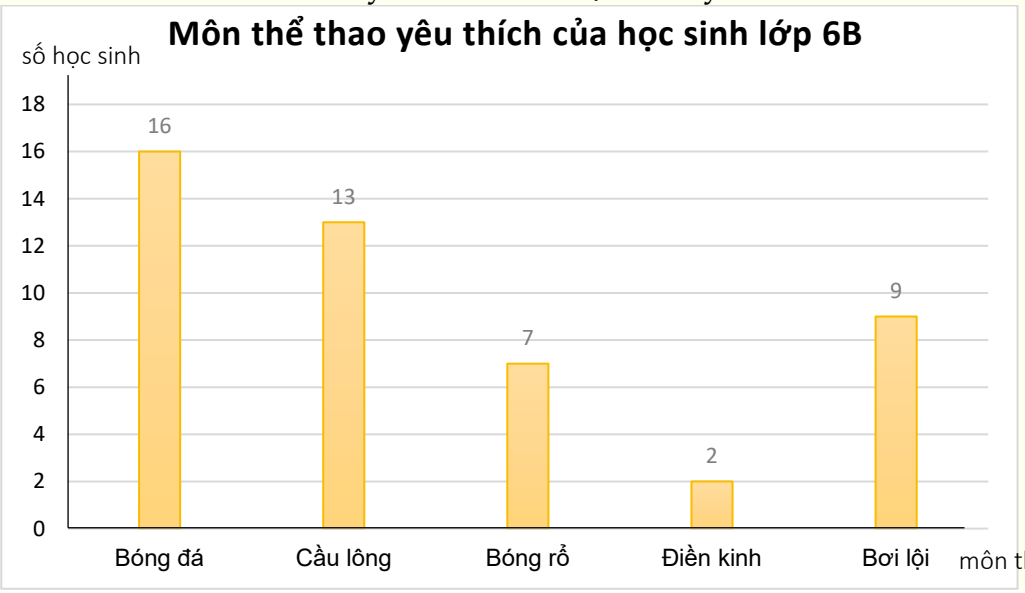

a) Môn thể thao nào được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhiều nhất? Môn thể thao nào được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích ít nhất?
b) So sánh số lượng học sinh thích môn cầu lông và số lượng học sinh thích môn bơi lội
c) Những môn thể nào thao có hơn 10 học sinh yêu thích?
d) Lập bảng thống kê số lượng học sinh yêu thích các môn thể thao của lớp 6B

Đáp án

a) Môn thể thao được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhất là môn bóng đá.
Môn thể thao các bạn học sinh lớp 6B ít yêu thích nhất là môn điền kinh.
b) Số học sinh thích môn cầu lông nhiều hơn số học sinh thích môn bơi lội.
c) Những môn thể thao có hơn 10 học sinh yêu thích là: bóng đá, cầu lông.
d) Bảng thống kê số lượng học sinh yêu thích các môn thể thao của lớp 6B:

Môn thể thao	Bóng đá	Cầu lông	Bóng rổ	Điền kinh	Bơi lội
Số học sinh	16	13	7	2	9

Bài 2: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về kết quả học lực của học sinh khối 6 một trường THCS

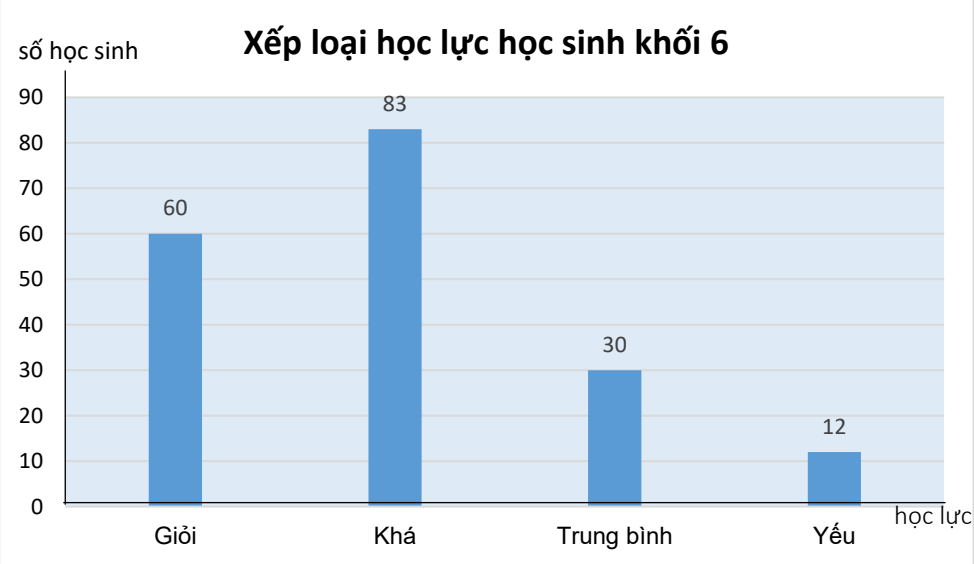

a) Học sinh khối 6 của trường THCS trên xếp loại học lực nào nhiều nhất, xếp loại học lực nào ít nhất?
b) Số học sinh xếp loại giỏi nhiều hơn số học sinh xếp loại trung bình bao nhiêu học sinh?
c) Trường THCS trên có bao nhiêu học sinh khối 6 có học lực trên trung bình?
d) Lập bảng thống kê kết quả học lực của học sinh khối 6 trường THCS trên

Đáp án

a) Học sinh khối 6 của trường THCS xếp loại học lực khá nhiều nhất, xếp loại học lực yếu ít nhất.
b) Số học sinh xếp loại giỏi nhiều hơn số học sinh xếp loại trung bình 30 học sinh.
c) Trường THCS có 143 học sinh khối 6 có học lực trên trung bình.
d) Bảng thống kê kết quả học lực của học sinh khối 6 của trường THCS:

Học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số học sinh	60	83	30	12

◎ Bài 3: Biểu đồ dưới đây cho biết số tiền quyên góp ủng hộ trẻ em vùng cao của hoc sinh 4 tổ của lớp 6A

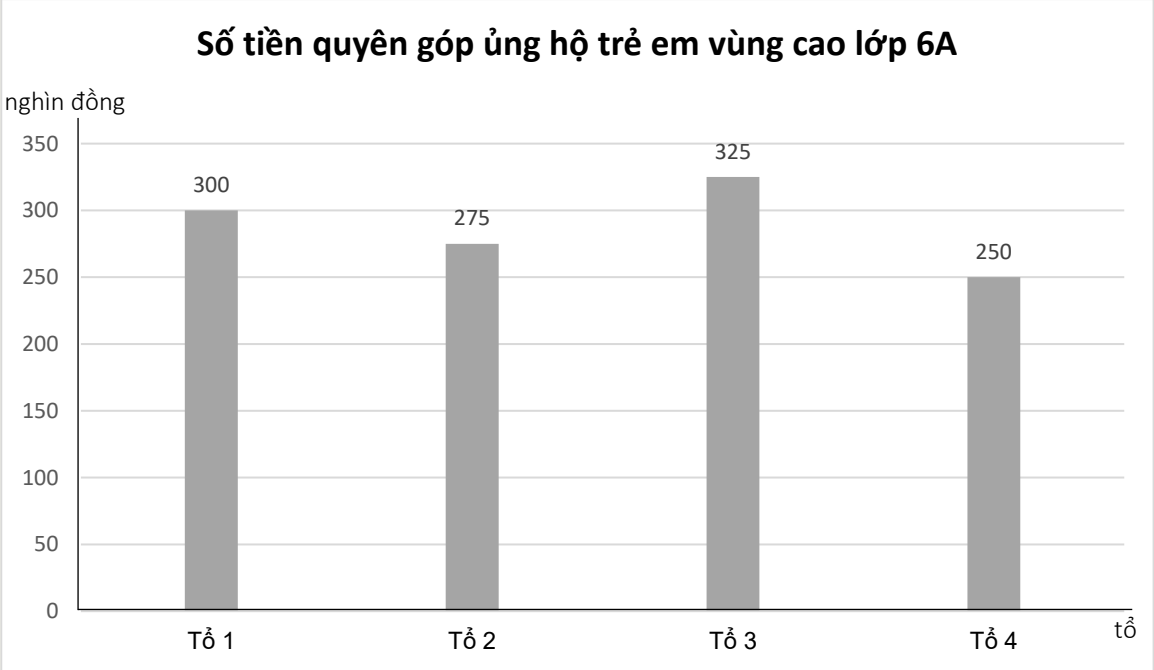

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?

b) Tổ nào quyên góp được nhiều tiền nhất và nhiều nhất là bao nhiêu? Tổ nào quyên góp được ít tiền nhất và ít nhất là bao nhiêu?

c) So sánh số tiền mà tổ 1 và tổ 2 dã quyên góp được

d) Tổng số tiền học sinh lớp 6A quyên góp được là bao nhiêu?

◎Đáp án

a) Biểu đồ biểu diễn những thông tin:

- Số tiền quyên góp ủng hộ trẻ em vùng cao lớp 6A.
- Lớp 6A có 4 tổ: tổ 1, tổ 2, tổ 3, tổ 4.
- Sự so sánh số tiền mà 4 mỗi tổ quyên góp được.

b) Tổ quyên góp được nhiều tiền nhất là Tổ 3 với số tiền là 325000 đồng. Tổ quyên góp được ít tiền nhất là tổ 4 với số tiền là 250000 đồng.

c) Số tiền của Tổ 1 quyên góp được là 300000 đồng. Số tiền của Tổ 2 quyên góp được là 275000 đồng. Vậy số tiền của Tổ 1 quyên góp được nhiều hơn số tiền của Tổ 2 quyên góp và nhiều hơn 25000 đồng.

d) Tổng số tiền mà học sinh lớp 6A quyên góp được là:
$300000 + 275000 + 325000 + 250000 = 1150000$ (đồng)

◎ Bài 4: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về các loại hoa mà học sinh lớp 6C đã trồng được

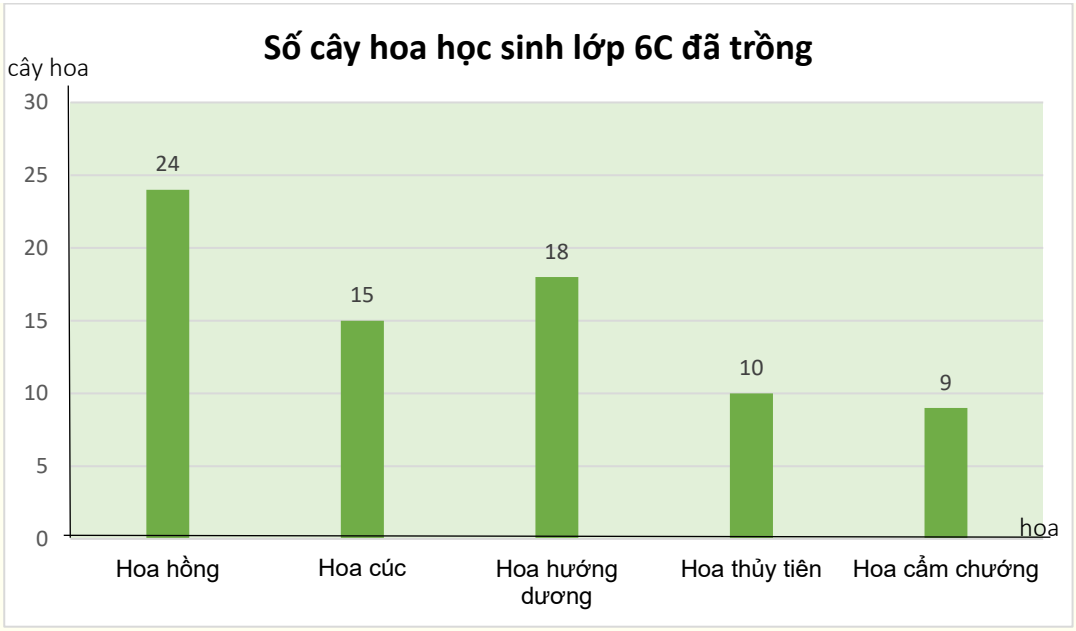

a) Học sinh lớp 6C trồng được tất cả bao nhiêu loại hoa? Loại hoa nào học sinh lớp 6C trồng được nhiều nhất? Loại hoa nào trồng được ít nhất?

b) Những loại cây nào học sinh lớp 6C trồng được nhiều hơn 10 cây?

c) Lập bảng thống kê số cây hoa học sinh lớp 6C đã trồng

Đáp án

a) Học sinh lớp 6C trồng được tất cả 5 loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc, hoa hướng dương, hoa thủy tiên, hoa cẩm chướng.

Loại hoa được học sinh lớp 6C trồng nhiều nhất là: Hoa hồng (24 cây hoa).

Loại hoa được học sinh lớp 6C trồng ít nhất là: Hoa cẩm chướng (9 cây hoa).

b) Những loại cây được học sinh lớp 6C trồng nhiều hơn 10 cây là: Hoa Hồng (24 cây), hoa cúc (15 cây), hoa hướng dương (18 cây).

c) Bảng thống kê số cây hoa học sinh lớp 6C đã trồng:

Loại hoa	Hoa hồng	Hoa cúc	Hoa hướng dương	Hoa thủy tiên	Hoa cẩm chướng
Số cây hoa	24	15	18	10	9

Bài 5: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về số lượng học lớp 6B sinh yêu thích các con vật

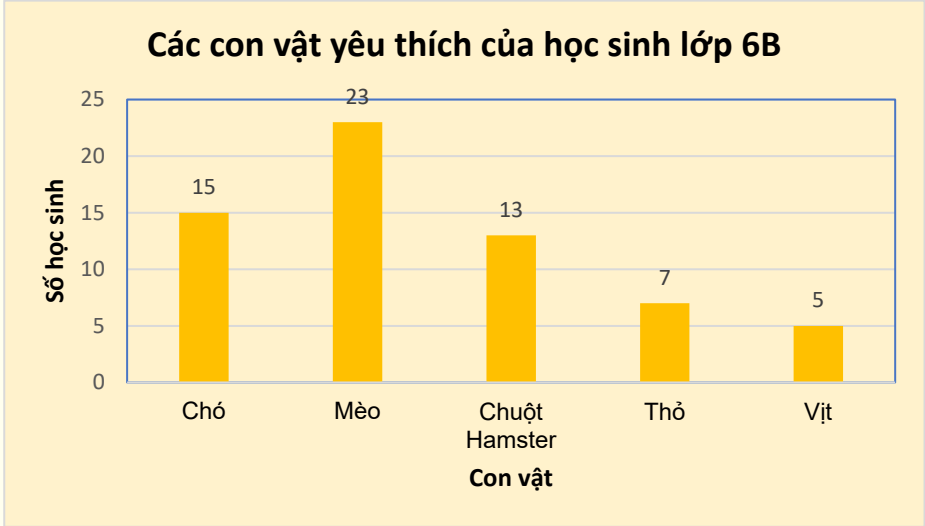

a) Con vật nào được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhiều nhất? Con vật nào được các bạn học sinh yêu thích ít nhất?
b) Số học sinh thích chuột hamster nhiều hơn số học sinh thích thỏ bao nhiêu học sinh? Số học sinh thích chuột hamster ít hơn số học sinh thích chó bao nhiêu học sinh?
c) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng học sinh lớp 6B yêu thích các con vật

Đáp án

a) Con vật được các bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhiều nhất là: con mèo (23 học sinh yêu thích).
Con vật được các bạn học sinh yêu thích ít nhất là: con vịt (5 học sinh yêu thích)
b) Số học sinh thích chuột hamster nhiều hơn số học sinh thích thỏ là: $13-7=6$ (học sinh)
c) Bảng thống kê số lượng học sinh lớp 6B yêu thích các con vật:

Con vật	Chó	Mèo	Chuột Hamster	Thỏ	Vịt
Số học sinh	15	23	13	7	5

Bài 6: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng các loại sách trong thư viện của trường THCS Nam Triều

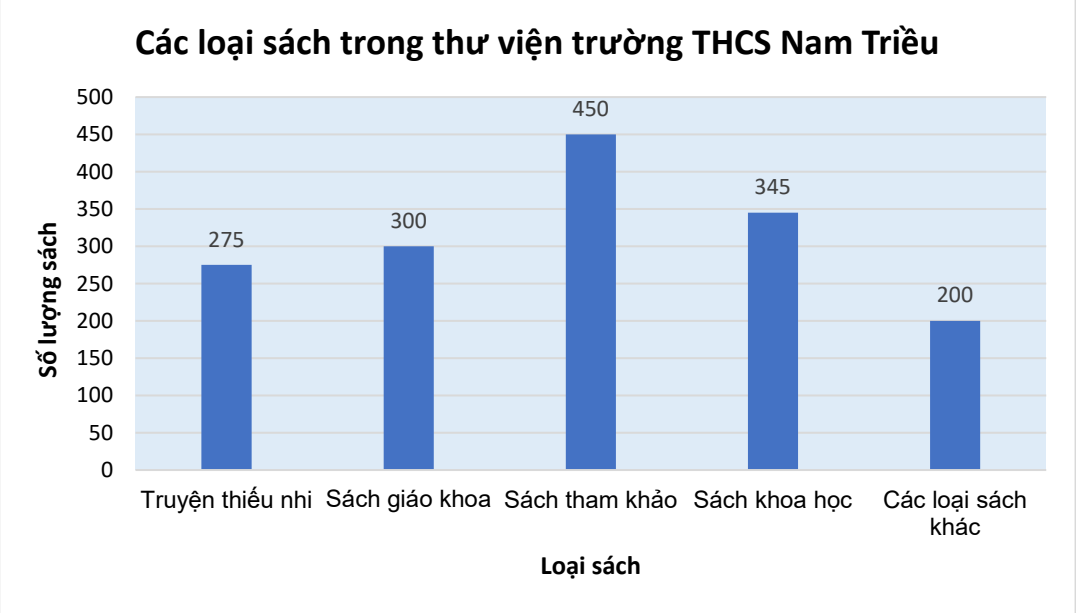

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?
b) Loại sách nào có số lượng nhiều nhất trong thư viện? Loại sách nào có số lượng ít nhất trong thư viện?
c) Những loại sách nào có số lượng nhỏ hơn 300?
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng các loại sách trong thư viện trường THCS Nam Triều

Đáp án

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin:
- Các loại sách trong thư viện trường THCS Nam Triều.

- Trong thư viện trường THCS Nam Triều có các loại sách: Truyện thiếu nhi, Sách giáo khoa, Sách tham khảo, Sách khoa học và các loại sách khác.
- Sự so sánh số lượng giữa các loại sách.

b) Loại sách có số lượng nhiều nhất trong thư viện là: Sách tham khảo (450 quyển).
Loại sách có số lượng ít nhất trong thư viện là: Các loại sách khác (200 quyển).

c) Những loại sách có số lượng nhỏ hơn 300 quyển là: Sách thiếu nhi (275 quyển) và các loại sách khác (200 quyển).

d) Biểu đồ thống kê số lượng các loại sách trong thư viện trường THCS Nam Triều:

Loại sách	Truyện thiếu nhi	Sách giáo khoa	Sách tham khảo	Sách khoa học	Các loại sách khác
Số lượng	275	300	450	345	200

◎ Bài 7: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp Thành phố ở các môn học của một trường THCS

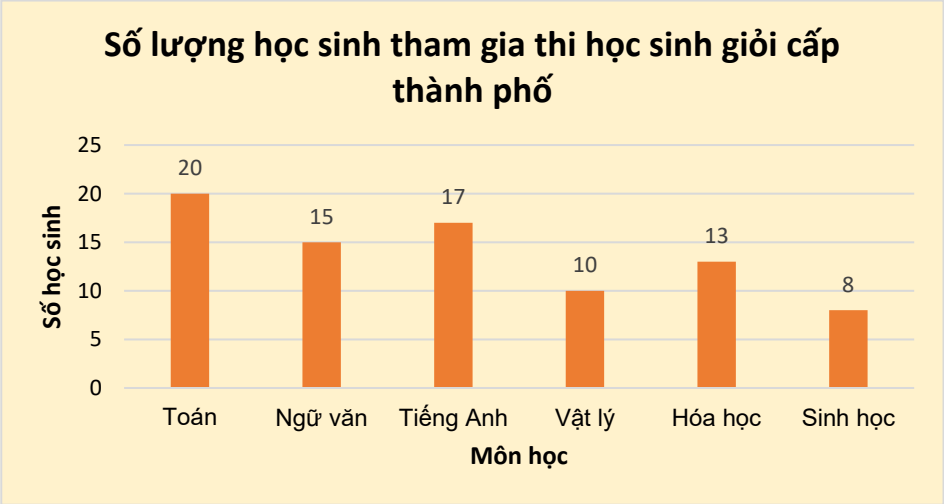

a) Môn học nào có số học sinh tham gia thi nhiều nhất? Môn học nào có số học sinh tham gia thi ít nhất?

b) So sánh số học sinh tham gia thi môn Ngữ văn và số học sinh tham gia thi môn Tiếng Anh

c) Tính tổng số học sinh tham gia thi môn Vật lý và Hóa học

d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp thành phố các môn học

◎Đáp án

a) Môn học có số học sinh tham gia thi nhiều nhất là: Môn Toán (20 học sinh).
Môn học có số học sinh tham gia ít nhất là: Môn Sinh học (8 học sinh).

b) Số học sinh tham gia thi môn Ngữ văn là 15 học sinh, số học sinh tham gia thi môn Tiếng Anh là 17 học sinh. Nên số học sinh tham gia thi môn Ngữ Văn ít hơn số học sinh tham gia thi môn Tiếng Anh 2 học sinh.

c) Tổng số học sinh tham gia môn Vật lý và Hóa học là: $10+13=23$ (học sinh)

d) Bảng thống kê số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp thành phố các môn:

Môn	Toán	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Vật Lý	Hóa Học	Sinh học
Số học sinh	20	15	17	10	13	8

◎ Bài 8: Biểu đồ dưới đây cho biết số tiền lì xì mà 4 anh em Nguyên, Hà, Nam, Mai nhận được vào dịp Tết Nguyên Đán

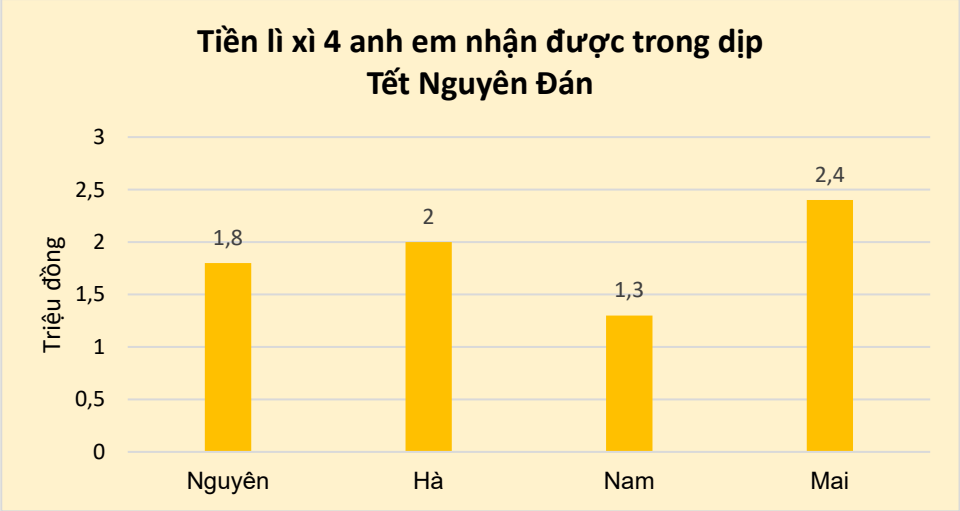

a) Bạn nào nhận được nhiều tiền lì xì nhất? Bạn nào nhận được ít tiền lì xì nhất?
b) Hà nhận được nhiều hơn Nguyên bao nhiêu tiền lì xì?
c) Tính tổng tiền lì xì của cả 4 bạn
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số tiền lì xì 4 anh em nhận được vào dịp Tết Nguyên Đán

◎Đáp án

a) Bạn nhận được nhiều tiền lì xì nhất là bạn Mai (2.4 triệu đồng). Bạn nhận được ít tiền lì xì nhất là bạn Nam (1.3 triệu đồng)
b) Bạn Hà nhận được nhiều hơn bạn Nguyên số tiền là: $2-1,8=0,2$ (triệu đồng)
$=200$
(nghìn đồng)
c) Tổng số tiền lì xì của cả 4 bạn là: $1,8+2+1,3+2,4=7,5$ (triệu đồng)
d) Bảng thống kê số tiền lì xì 4 anh em nhận được vào dịp Tết Nguyên Đán:

Bạn	Nguyên	Hà	Nam	Mai
Số tiền (triệu đồng)	1.8	2	1.3	2.4

◎ Bài 9: Biểu đồ dưới đây cho biết số mét vải một cửa hàng đã bán được trong tháng 10

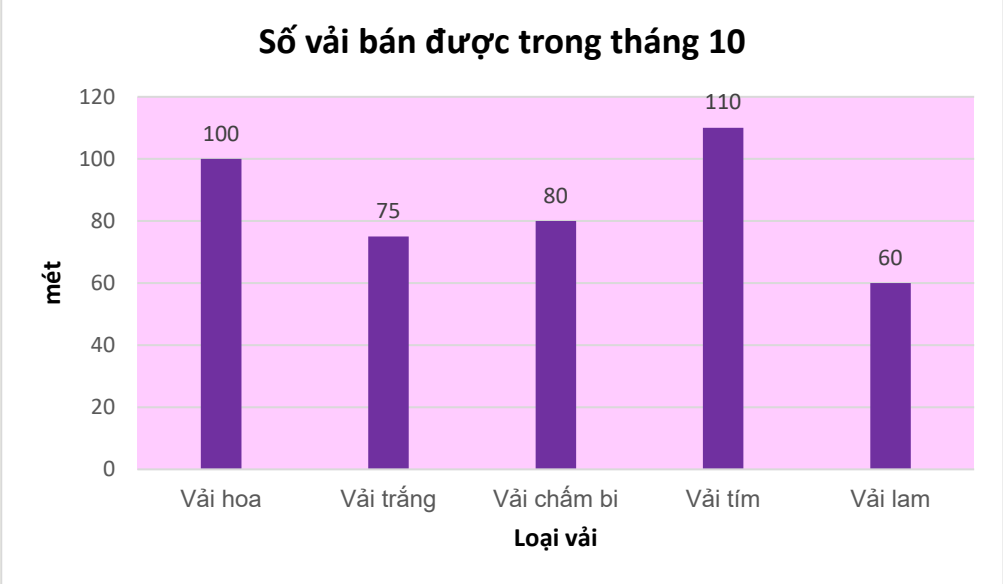

a) Loại vải nào bán được nhiều nhất và bán được nhiều nhất là bao nhiêu mét? Loại vải nào bán được ít nhất và ít nhất là bao nhiêu mét?
b) So sánh số tổng số vải hoa và vải lam bán được với tổng số vải trắng và vải tím bán được
c) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số vải bán được trong tháng 10 của cửa hàng

Đáp án

a) Loại vải bán được nhiều nhất là vải tím và bán được 110 m.
Loại vải bán được ít nhất là vải lam và bán được 60 m.
b) Tổng số vải hoa và vải lam bán được là: $100+60=160$ (m).
Tổng số vải trắng và và tím bán được là: $75+110=185$ (m).
Vậy tổng số vải hoa và vải lam bán được ít hơn tổng số vải trắng và vải tím bán được. $(160<185)$
c) Bảng thống kê số vài bán dược trong tháng 10 của cửa hàng:

Loại vải	Vải hoa	Vải trắng	Vải chấm bi	Vải tím	Vải lam
Số lượng (mét)	100	75	80	110	60

Bài 10: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng bàn thắng của một số cầu thủ bóng đá nổi tiếng trên thế giới (tính đến ngày 22/6/2021)

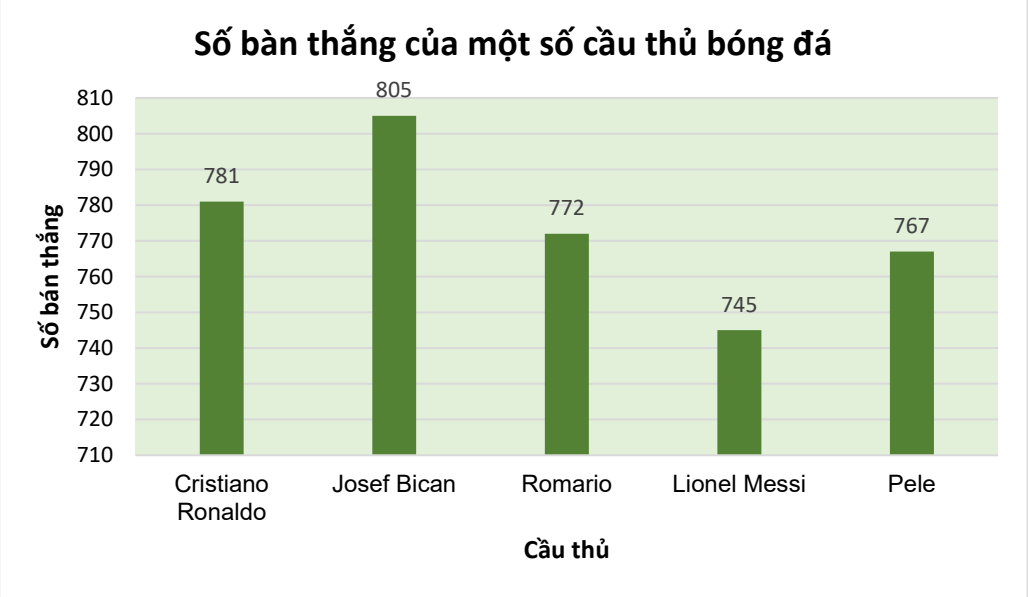

a) Cầu thủ nào ghi được nhiều bàn thắng nhất? Cầu thủ nào ghi được ít bàn thắng nhất?
b) So sánh số bàn thắng mà Cristiano Ronaldo ghi được với số bàn thắng Romario ghi được
c) Pele ghi được nhiều hơn Lionel Messi bao nhiêu bàn thắng
d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số bàn thắng của một số cầu thủ bóng đá trên

Đáp án

a) Cầu thủ ghi được nhiều bàn thắng nhất là: Josef Bican (805 bàn thắng). Cầu thủ ghi được ít bàn thắng nhất là: Lionel Messi (745 bàn thắng)
b) Số bàn thắng của Cristiano Ronaldo (781 bàn thắng) nhiều hơn số bàn thắng của Romario (772 bàn thắng)
c) Pele ghi được nhiều hơn Lionel Messi: $767-745=22$ (bàn thắng)
d) Bảng thống kê số bàn thắng của một số cầu thủ trên là

Tên cầu thủ	Cristiano Ronaldo	Josef Bican	Romario	Lionel Messi	Pele
Số bàn thắng	781	805	772	745	767

◎ Bài 11: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về điểm trung bình môn Toán kì thi tốt nghiệp THPT 2021 của một số tỉnh thành

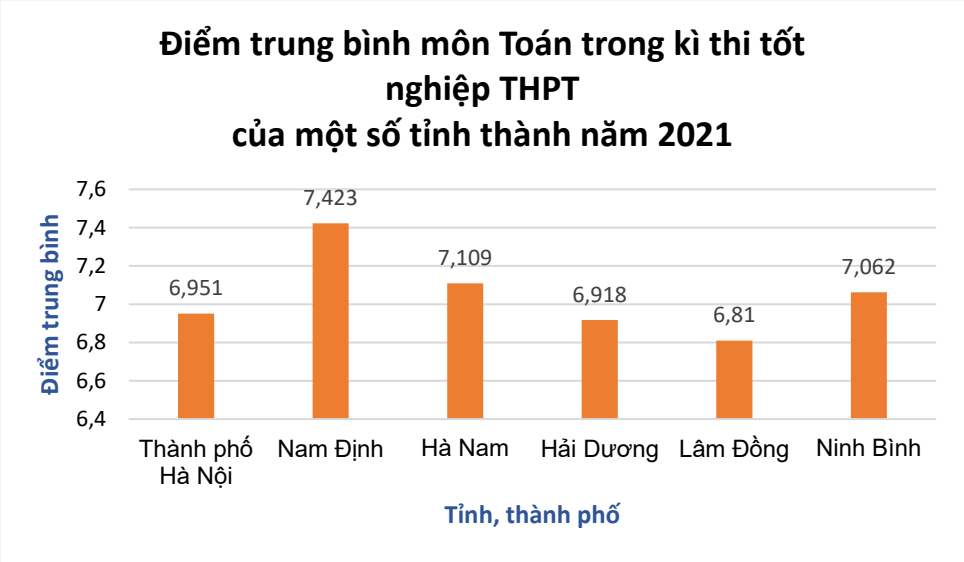

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?

b) Tỉnh, thành phố nào có điểm trung bình môn Toán cao nhất? Tỉnh, thành phố nào có điểm trung bình môn Toán thấp nhất?

c) So sánh điểm trung bình môn Toán của Thành phố Hà Nội và Hải Dương

d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp THPT năm 2021 của các tỉnh thành trên

◎Đáp án

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin

- Điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp THPT năm 2021 của một số tỉnh thành.
- Các thành phố được thống kê trên biểu đồ: TP Hà Nội, Nam Định, Hà Nam, Hải Dương, Lâm Đồng, Ninh Bình.
- Sự so sánh điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp THPT năm 2021 của một số tỉnh thành.

b) Tỉnh, thành phố có điểm trung bình môn Toán cao nhất là: Nam Định (7,423).

Tỉnh, thành phố có điểm trung bình toán thấp nhất là: Lâm Đồng (6,81)

c) Điểm trung bình môn Toán của TP Hà Nội cao hơn điểm trung bình môn Toán của TP Hải Dương ($6,951 > 6,918$)

d) Bảng thống kê điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp 2021 các tỉnh trên là:

Tỉnh, Thành phố	TP Hà Nội	Nam Định	Hà Nam	Hải Dương	Lâm Đồng	Ninh Bình
Điểm TB	6,951	7,423	7,109	6,918	6,81	7,062

◎ Bài 12: Biểu đồ dưới đây cho biết sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được sau mỗi vụ Đông Xuân qua các năm

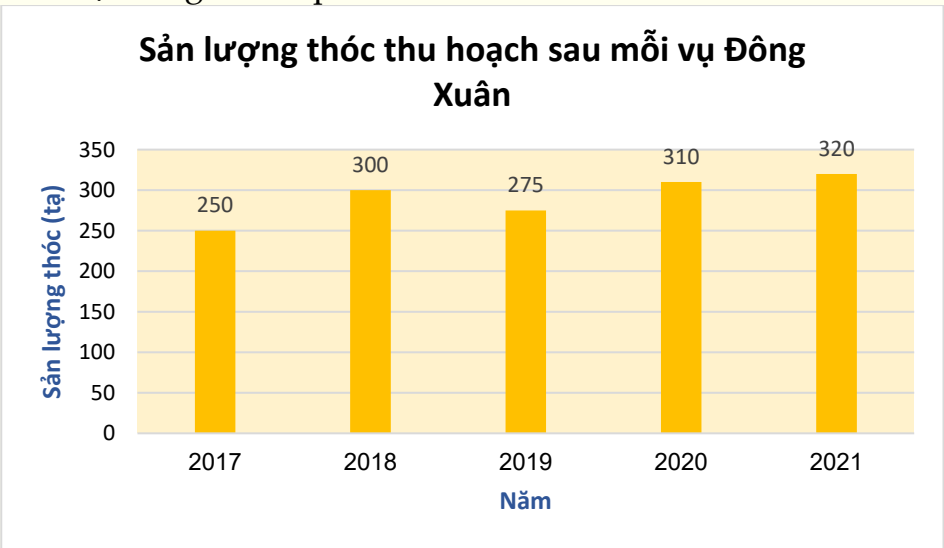

a) Năm nào nhà bác Năm thu hoạch được nhiều thóc nhất và nhiều nhất là bao nhiêu? Năm nào thu hoạch được ít thóc nhất và ít nhất là bao nhiêu?

b) So sánh sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được năm 2018 và năm 2020

c) Tính tổng sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được trong 5 nămPTHToan 6 - Vip

d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được sau mỗi vụ Đông Xuân

◎Đáp án

a) Năm 2021 nhà bác Năm thu hoạch được nhiều thóc nhất và thu hoạch được 320 tạ thóc.

Năm 2017 nhà bác Năm thu hoạch được ít thóc nhất và thu hoạch được 250 tạ thóc.

b) Năm 2018 nhà bác Năm thu hoạch được 300 tạ thóc. Năm 2020 thu hoạch được 310 tạ thóc. Nên năm 2018 thu hoạch được ít thóc hơn năm 2020.

c) Tổng sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được trong 5 năm là:

$250 + 300 + 275 + 310 + 320 = 1455$ (tạ thóc)

d) Bảng thống kê sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được sau mỗi vụ Đông Xuân là:

Năm	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Sản Lượng thọc (tạ)	250	300	275	310	320

◎ Bài 13: Biểu đồ dưới đây cho biết số huy chương vàng của một số quốc gia giành được trong Thế vận hội Mùa hè 2020

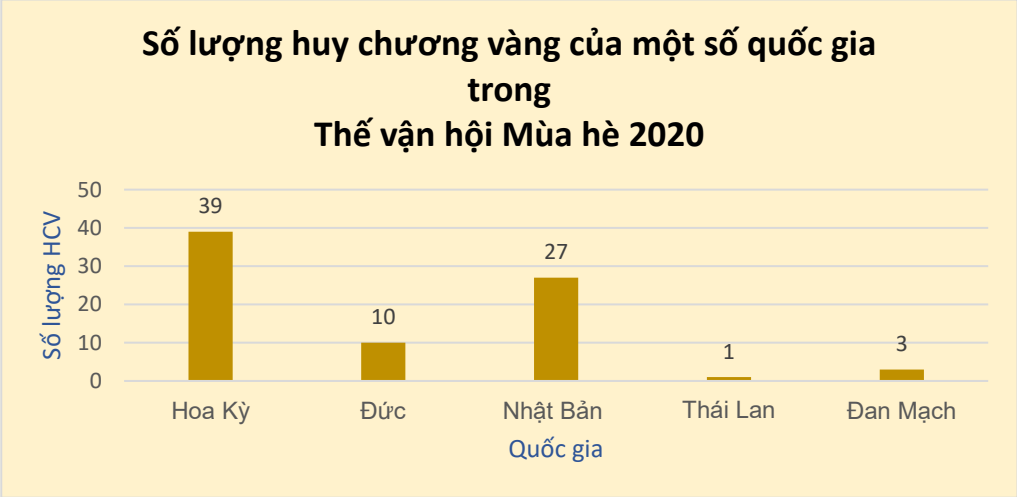

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin gì?

b) Quốc gia nào giành được nhiều huy chương vàng nhất và nhiều nhất là bao nhiêu huy chương? Quốc gia nào giành được ít huy chương vàng nhất và ít nhất là bao nhiêu huy chương?

c) So sánh số huy chương vàng của hai quốc gia Đức và Nhật Bản.

So sánh số huy chương vàng của hai quốc gia Đan Mạch và Thái Lan

d) Từ biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số huy chương vàng một số quốc gia đã giành được

◎Đáp án

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin:

- Số lượng huy chương vàng của mốt số quốc gia trong Thế vận hội Mùa hè năm 2020.
- Một số quốc gia được thống kê trên biểu đồ: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Đan Mạch.
- Sự so sánh số lượng huy chương vàng của mốt số quốc gia trong Thế vận hội Mùa hè năm 2020.

b) Quốc gia giành được nhiều huy chương vàng nhất là Hoa Kỳ với 39 huy chương. Quốc gia giành được ít huy chương vàng nhất là Thái Lan với 1 huy chương.

c) Số huy chương vàng của Đức (10 huy chương) ít hơn số huy chương vàng của Nhật Bản (27 huy chương).

d) Bảng thống kê số lượng huy chương vàng của số quốc gia trên là:

Quốc gia	Hoa Kỳ	Đức	Nhật Bản	Thái Lan	Đan Mạnh
Số lượng huy chương vàng	39	10	27	1	3

◎ Bài 14: Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về loại trái cây ưa thích của học sinh lớp 6A

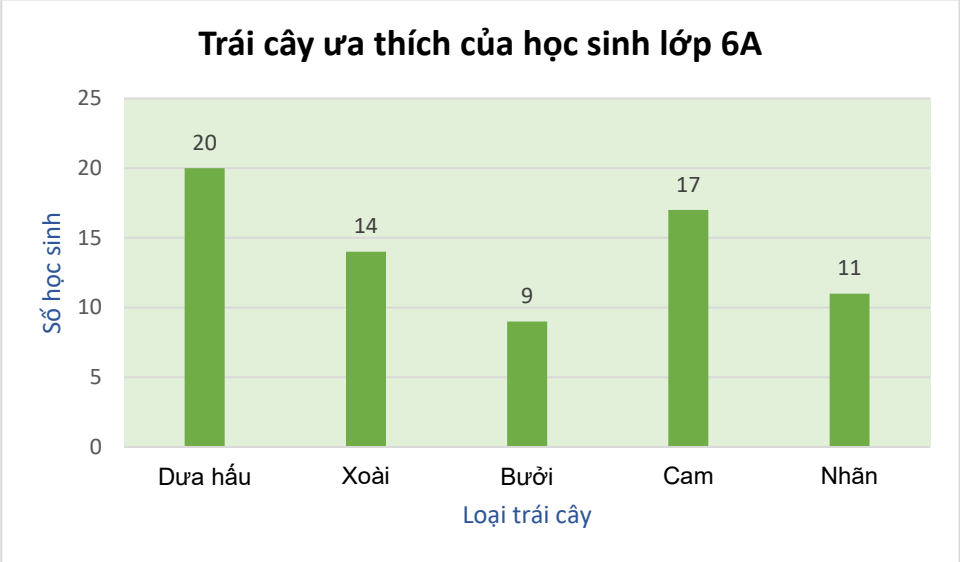

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin gì?

b) Loại trái cây nào được học sinh lớp 6A ưa thích nhất? Loại trái cây nào được ưa thích ít nhất?

c) So sánh số học sinh ưa thích xoài và số học sinh ưa thích nhãn

d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê tương ứng

Đáp án

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin:

- Một số trái cây ưa thích của học sinh lớp 6A.
- Có 5 loại trái cây: dưa hấu, xoài, bưởi, cam, nhãn.
- Sự so sánh số lượng học sinh yêu thích các loại trái cây.

b) Loại trái cây được học sinh lớp 6A ưa thích nhất là dưa hấu (20 học sinh).

Loại trái cây được ưa thích ít nhất là: Bưởi (9 học sinh).

c) Số học sinh ưa thích xoài nhiều hơn số học sinh ưa thích nhãn ($14 > 11$)

d) Bảng thống kê tương ứng:

Loại trái cây	Dưa hấu	Xoài	Bưởi	Cam	Nhãn
Số lượng học sinh	20	14	9	17	11

Bài 15: Biểu đồ dưới đây cho biết điểm kiểm tra cuối kì một số môn học của Tâm

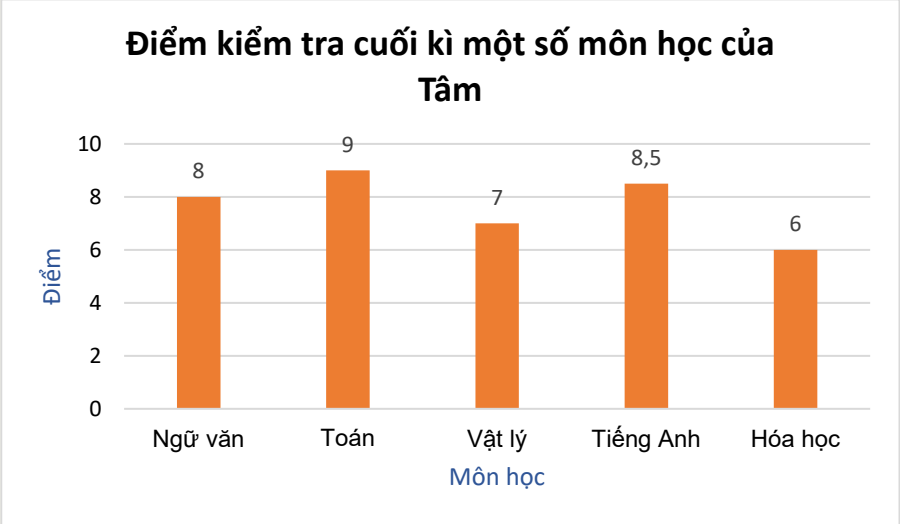

a) Môn học nào Tâm được điểm cao nhất? Môn học nào được điểm thấp nhất?
b) Có mấy môn học Tâm đạt điểm trên 7? Đó là những môn học nào?
c) So sánh điểm của môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh
So sánh điểm của môn Vật lý và môn Hóa học
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê điểm kiểm tra cuối kì một số môn học của Tâm

Đáp án

a) Môn học Tâm được điểm cao nhất là: Môn Toán (9 điểm).
Môn học Tâm được điểm thấp nhất là: Hóa Học (6 điểm)
b) Có 3 môn học Tâm đạt điểm trên 7. Đó là: Ngữ Văn (8 điểm) , Toán (9 điểm) , Tiếng Anh (8,5 điểm)
c) Điểm môn Ngữ Văn thấp hơn điểm môn Tiếng Anh ($8 < 8,5$).
Điểm môn Vật Lý cao hơn điểm môn Hóa Học ($7 > 6$)
d) Bảng thống kê điểm kiểm tra cuối kì một số môn học của Tâm:

Môn học	Ngữ Văn	Toán	Vật Lý	Tiếng Anh	Hóa Học
Điểm	8	9	7	8,5	6

Bài 16: Biểu đồ dưới đây cho biết dân số của một số tỉnh thành ở Việt Nam (tính đến ngày 1/4/2019)

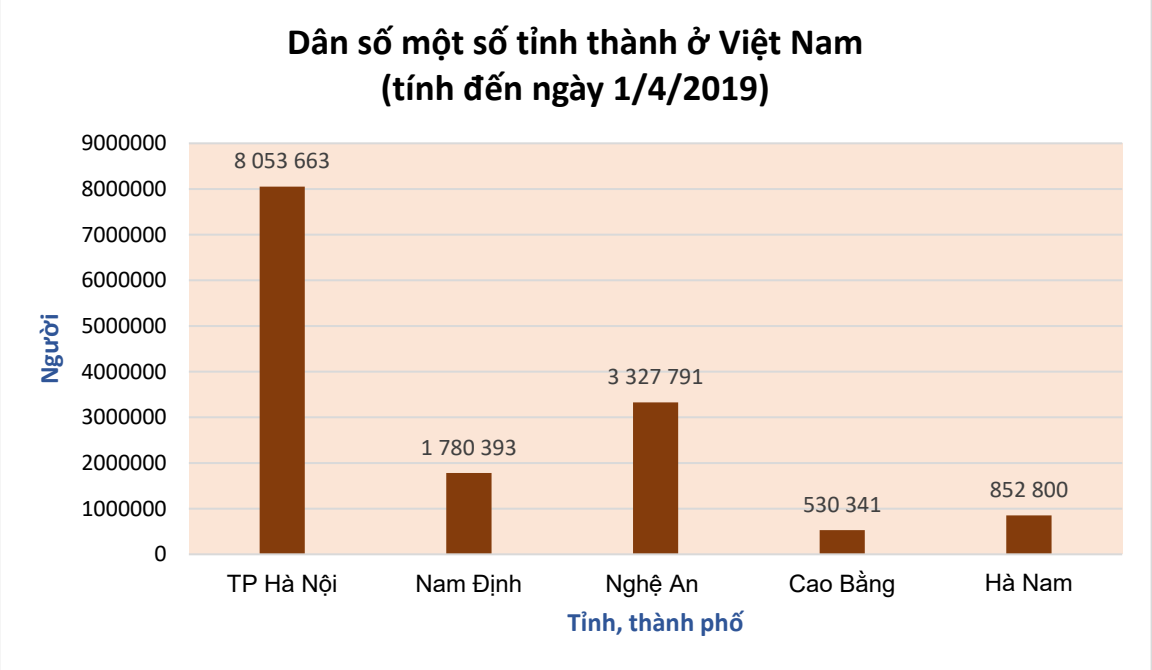

a) Tỉnh, thành phố nào có dân số nhiều nhất? Tỉnh, thành phố nào có dân số ít nhất?
b) So sánh dân số của Nam Định và Nghệ An. So sánh dân số của Cao Bằng và Hà Nam
c) So sánh tổng dân số của 4 tỉnh thành Nam Định, Nghệ An, Cao Bằng, Hà Nam với dân số của Thành phố Hà Nội
d) Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê dân số một số tỉnh thành ở Việt Nam

Đáp án

a) TP Hà Nội có dân số nhiều nhất (8053663 người).
Tỉnh Cao Bằng có dân số thấp nhất (530341 người).
b) Dân số Nam Định (1780393 người) ít hơn dân số Nghệ An (3327791 người).

Dân số Cao Bằng (530341 người) ít hơn dân số Hà Nam (852800 người)

c) Tổng dân số của 4 tỉnh thành Nam Định, Nghệ An, Cao Bằng, Hà Nam là:

$1780393 + 3327791 + 530341 + 852800 = 6491325$ (người).

Vậy tổng dân số của 4 tỉnh thành trên ít hơn dân số của TP Hà Nội ($6491325 < 8053663$)

d) Bảng thống kê dân số của một số tỉnh thành:

Tỉnh , TP	TP Hà Nội	Nam Định	Nghệ An	Cao Bằng	Hà Nam
Dân số	8,053,663	1,780,393	3,327,791	530,341	852,800

Bài 17: Biểu đồ dưới đây cho biết lượng xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản của Việt Nam vào tháng 8 năm 2021

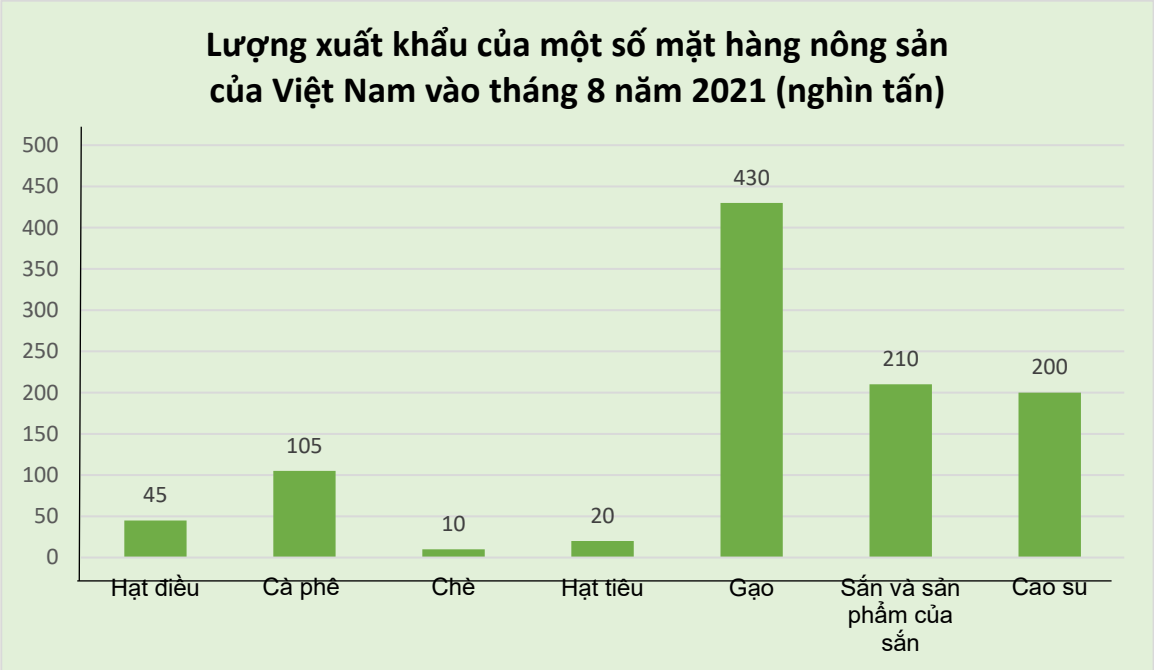

a) Cho biết mặt hàng nông sản nào được xuất khẩu nhiều nhất và mặt hàng nông sản nào được xuất khẩu ít nhất?

b) Hãy lập bảng thống kê lượng xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản từ biểu đồ trên

c) So sánh lượng xuất khẩu của sắn và sản phẩm của sắn với lượng xuất khẩu của cao su.

So sánh tổng lượng xuất khẩu của chè và hạt tiêu với lượng xuất khẩu của hạt điều

Đáp án

a) Mặt hàng nông sản được xuất khẩu nhiều nhất là: Gạo (430 nghìn tấn). Mặt hàng nông sản được xuất khẩu ít nhất là: Chè (10 nghìn tấn)

b) Bảng thống kê lượng xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản từ biểu đồ trên:

Mặt hàng	Hạt điều	Cà phê	Chè	Hạt tiêu	Gạo	Sắn	Cao su
Sản lượng (nghìn tấn)	45	105	10	20	430	210	200

c) Lượng xuất khẩu của sắn và sản phẩm của sắn cao hơn lượng xuất khẩu của cao su.

Lượng xuất khẩu của chè và hạt tiêu là: $10+20=30$ (nghìn tấn) ít hơn lượng xuất khẩu của hạt điều (45 nghìn tấn).

◎ Bài 18: Biểu đồ dưới đây cho biết số bệnh nhân covid 19 ở một số quận huyện ở Hà Nội (tính đến 10h sáng ngày 29/1/2022):

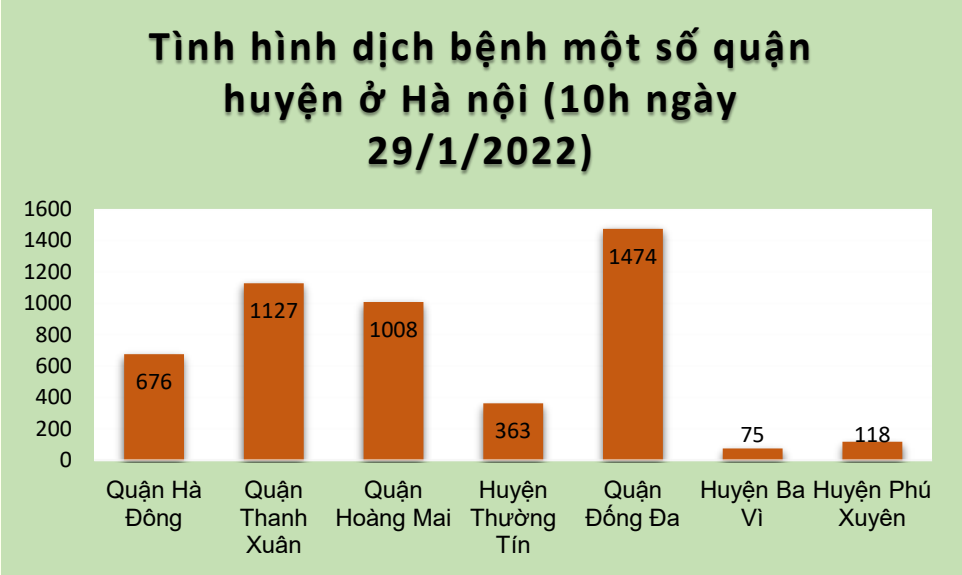

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì? Ở địa điểm nào?

b) Quận huyện nào ít người mắc covid nhất? Quận huyện nào nhiều nhất?

c) Tổng số người nhiễm Covid 19 của 7 quận huyện này là bao nhiêu?

d) Lập bảng thống kê số người nhiễm covid 19 của 7 quận huyện trong thành phố Hà Nội

◎Đáp án

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin:

- Tình hình dịch bệnh một số quận huyện ở Hà Nội (10h ngày 29/1/2022).
- Các quận huyện: Hà Đông, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Thường Tín, Đống Đa, Ba Vì, Phú Xuyên.
- Sự so sánh số người mắc covid 19 ở một số quận huyện ở Hà Nội

b) Quận huyện ít người mắc covid nhất là: Huyện Ba Vì (75 người).

Quận huyện nhiều người mắc covid nhất là: Quận Đống Đa (1474 người)

c) Tổng số người nhiễm Covid 19 của 7 quận huyện này là:

$676+1127+1008+363+1474+75+118=4841$ (người)

d) Bảng thống kê số người nhiễm Covid 19 của 7 quận huyện:

Quận, huyện	**Hà Đông**	**Thanh Xuân**	**Hoàng Mai**	**Thường Tín**	**Đống Đa**	**Ba Vì**	**Phú Xuyên**
Số người nhiễm	676	1127	1008	363	1474	75	118

◎ Bài 19: Biểu đồ dưới đây cho biết diện tích của một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam

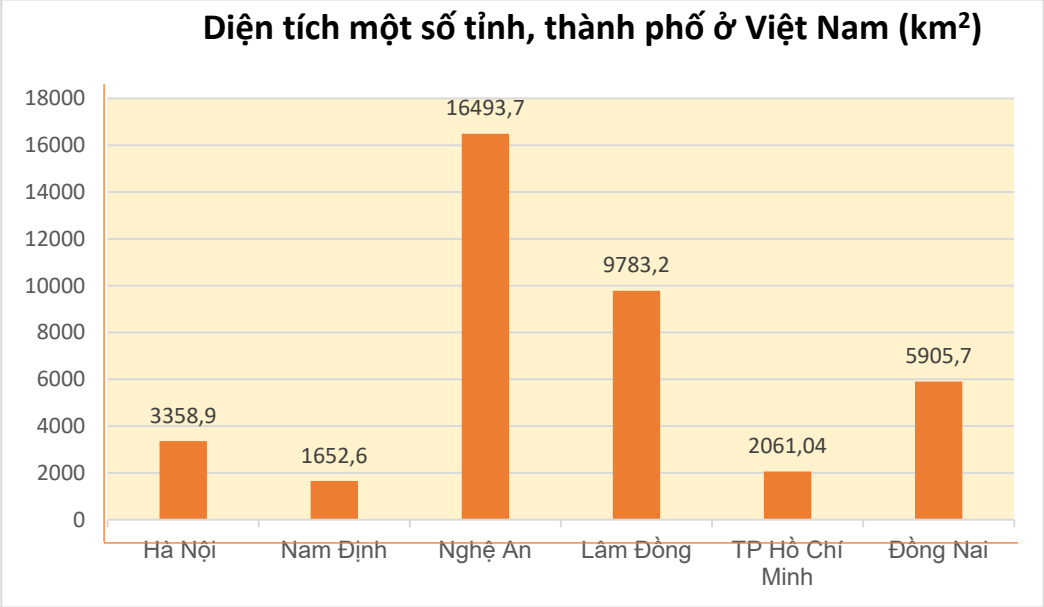

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?

b) Tỉnh, thành phố nào có diện tích lớn nhất? Tỉnh, thành phố nào có diện tích nhỏ nhất?

c) So sánh diện tích thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

So sánh diện tích tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đồng Nai

d) Từ biểu đồ trên, em hãy lập bảng thống kê diện tích của 6 tỉnh, thành phố ở Việt Nam

Đáp án

a) Biểu đồ trên cho biết những thông tin:

- Diện tích một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam (km²).
- Có 6 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định, Nghệ An, Lâm Đồng, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

b) Tỉnh Nghệ An có diện tích lớn nhất ($16493,7km^2$).

TP Nam Định có diện tích nhỏ nhất ($1652,6km^2$).

c) Diện tích TP Hà Nội lớn hơn diện tích TP Hồ Chí Minh ($3358,9 > 2061,04$).

Diện tích tỉnh Lâm Đồng lớn hơn diện tích tỉnh Đồng Nai ($9783,2 > 5905,7$).

d) Bảng thống kê diện tích của 6 tỉnh, thành phố trên:

Tỉnh, TP	Hà Nội	Nam Định	Nghệ An	Lâm Đồng	TP Hồ Chí Minh	Đồng Nai
Diện tích (km²)	3358,9	1652,6	16493,7	9783,2	2061,04	5905,7

Bài 20: Biểu đồ dưới đây cho biết dân số của một số nước trong khu vực Đông Nam Á (tính đến 21h ngày 29/1/2022)

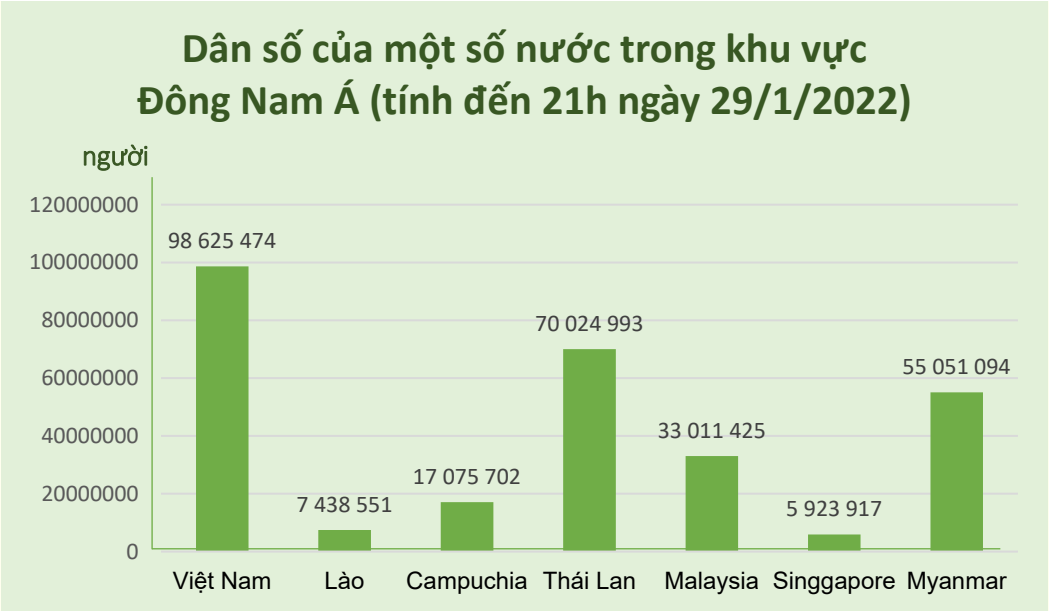

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?

b) Nước nào có dân số nhiều nhất? Nước nào có dân số ít nhất?

c) Tổng dân số của ba nước nước Lào, Campuchia và Thái Lan là bao nhiêu? Tổng dân số của hai nước Malaysia và Myanmar là bao nhiêu?

d) Từ biểu đồ trên, em hãy lập bảng thống kê dân số của 7 nước trong khu vực Đông Nam Á

Đáp án

a) Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin:

- Dân số của một số nước trong khu vực Đông Nam Á (tính đến 21h ngày 29/1/2022)
- Có 7 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Myanmar.
- Sự so sánh dân số ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

b) Nước có dân số nhiều nhất là Việt Nam (98625474 người). Nước có dân số ít nhất là: Singapore (5923917 người)

c) Tổng dân số của ba nước Lào, Campuchia, Thái Lan là: $7438551 + 17075702 + 70024993 = 94539246$ (người).

Tổng dân số của hai nước Malaysia và Myanmar là: $33011425 + 55051094 = 88062519$ (người)

d) Bảng thống kê dân số của 7 nước trên là:

Quốc gia	Việt Nam	Lào	Campuchia	Thái Lan	Malaysia	Singapore	Myanmar
Dân số	98625474	7438551	17075702	70024993	33011425	5923917	55051094

Dạng 2: Vẽ biểu đồ cột từ bảng dữ liệu

Phương pháp:

Bài 1: Trong đợt bình bầu hạnh kiểm cuối tháng vừa qua, các bạn lớp 6A đã bầu chọn cho các thành viên trong lớp được thống kê trong bảng sau.

Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	30	12	3	0

Các em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên:

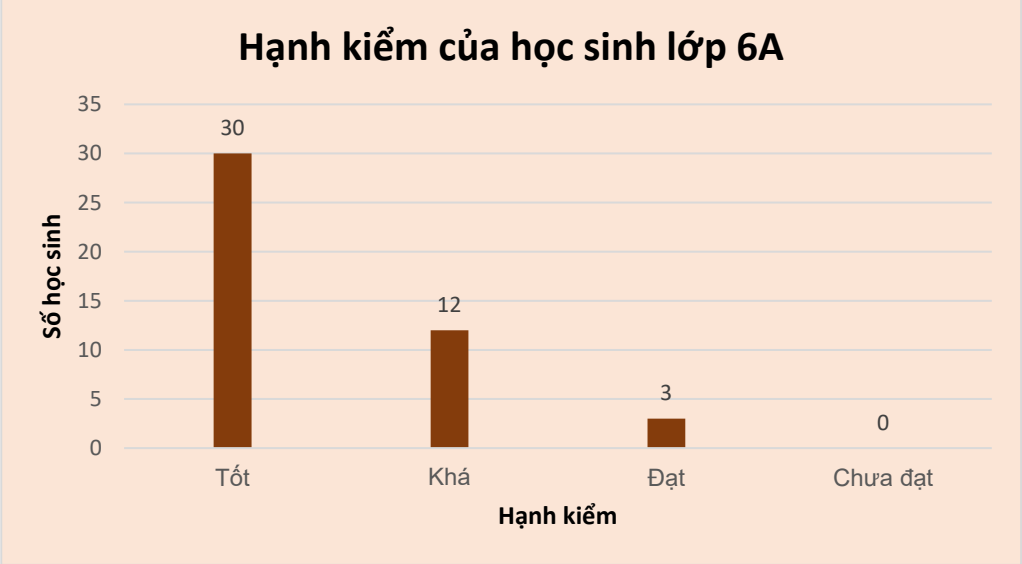

Bài 2: Trong 4 ngày, cửa hàng nhà bác Nụ đã bán được một số mét vải được thống kê trong bảng sau.

Ngày	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4
Số mét vải	10 mét	15 mét	9 mét	20 mét

Các em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số mét vải cửa hàng bác Nụ đã bán được trong 4 ngày:

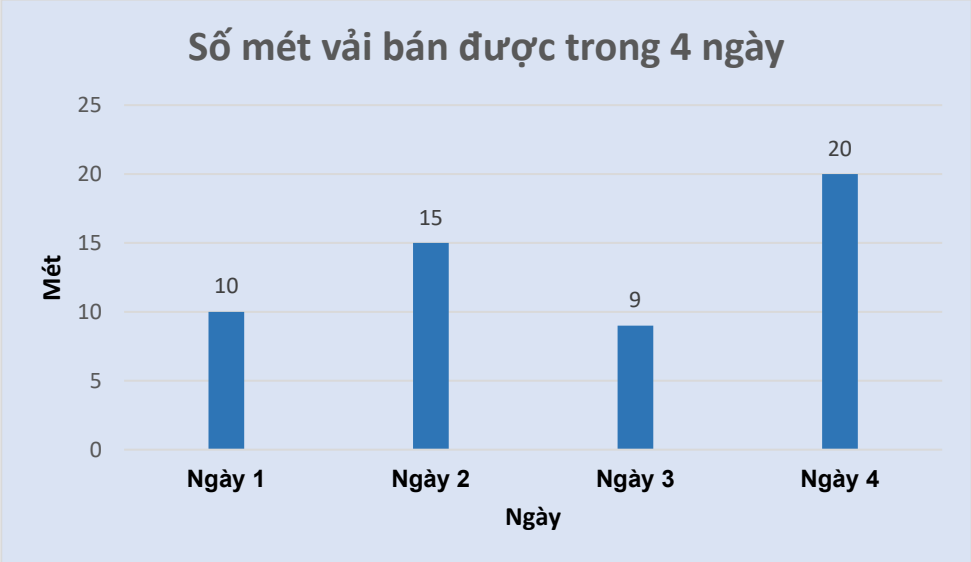

Bài 3: Các loại cây trồng trong vườn nhà Minh được thống kê trong bảng sau

Cây	Xoài	Bưởi	Mít	Ổi
Số lượng	2	8	3	4

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số lượng các loại cây được trồng trong vườn nhà Minh:

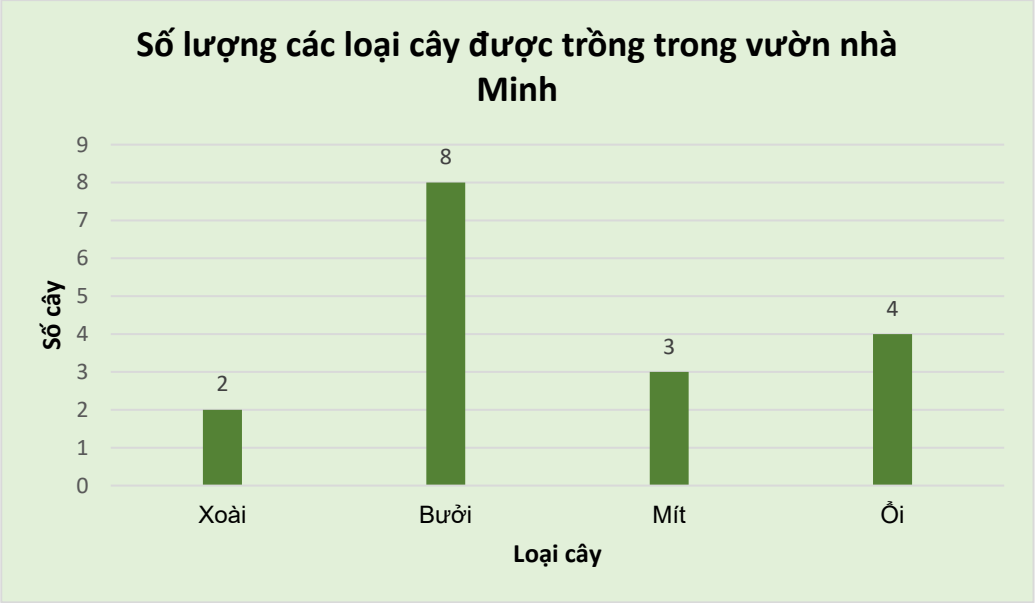

Bài 4: Số học sinh yêu thích các môn học của lớp 6B được thống kê trong bảng sau

Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vật lý
Số học sinh	15	9	13	7

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số học sinh yêu thích các môn học của lớp 6B

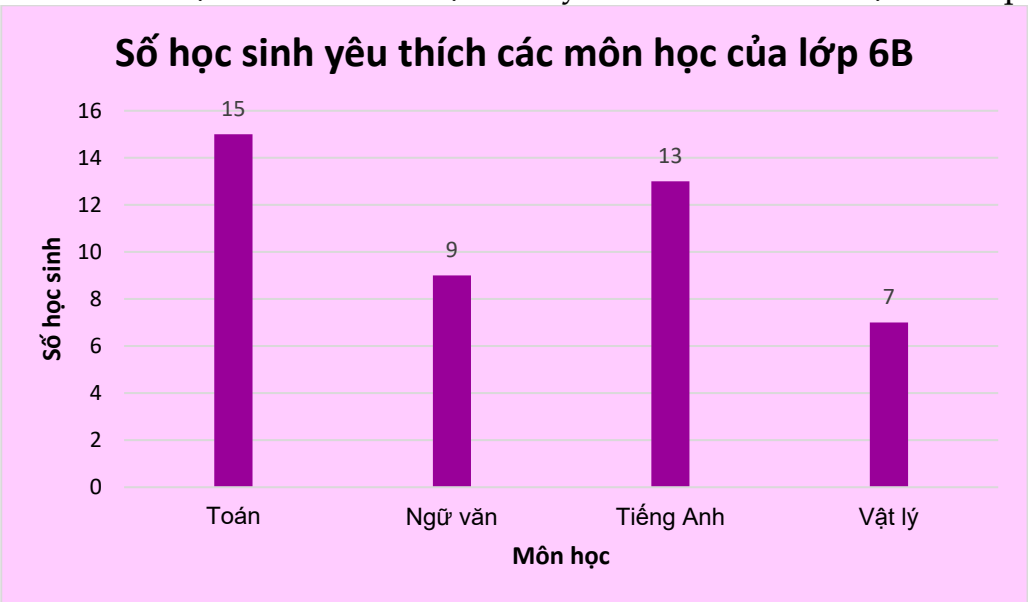

Bài 5: Dưới đây là bảng thống kê kết quả bình chọn các hoạt động trong buổi dã ngoại của học sinh lớp 6A

Hoạt động	Cắm trại	Đạp xe	Đạp vịt	Ca hát
Số học sinh	19	9	14	8

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn kết quả bình chọn các hoạt động trong buổi dã ngoại của học sinh lớp 6A

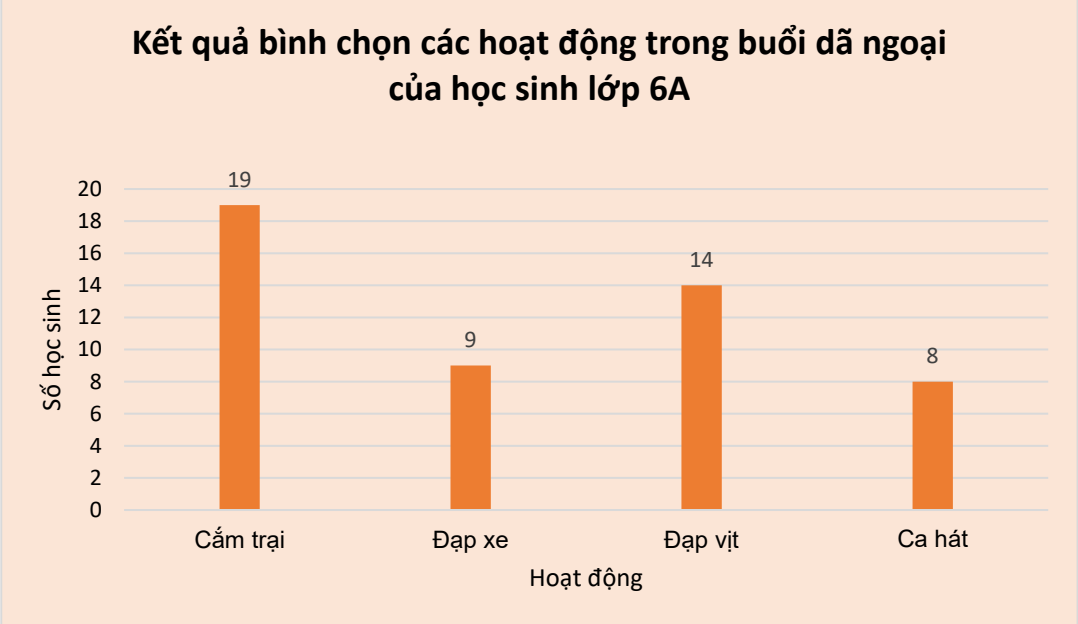

Bài 6: Điểm thi cuối kì môn Toán lớp 6C được thống kê trong bảng sau.

Điểm	Điểm 6	Điểm 7	Điểm 8	Điểm 9	Điểm 10
Số học sinh	3	10	7	18	5

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn điểm thi cuối kì môn Toán lớp 6C

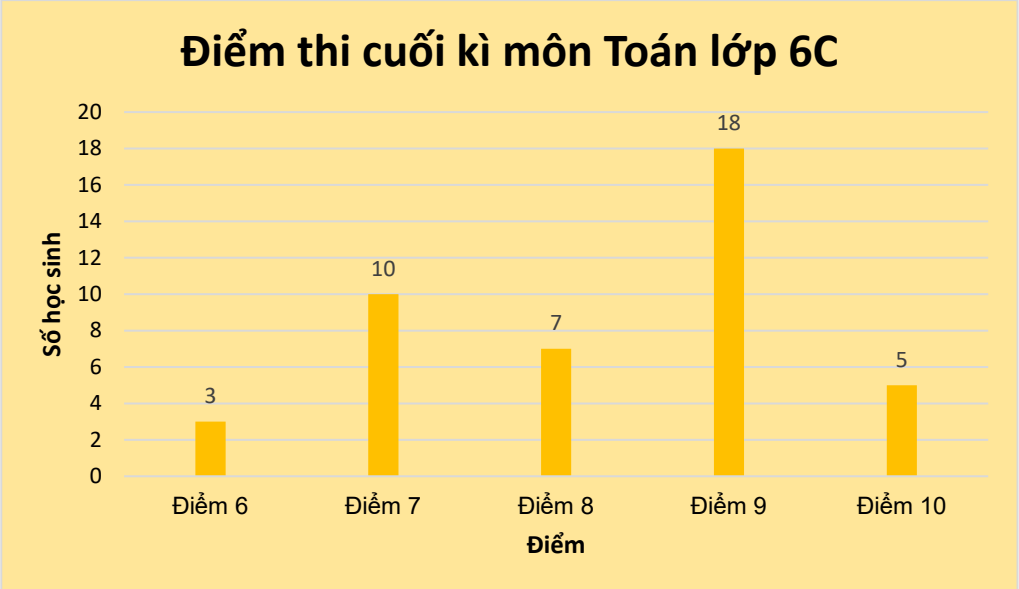

◎ Bài 7: Nam là một người rất thích thể thao. Hàng ngày Nam chạy bộ vào buổi chiều để nâng cao sức khỏe. Dưới đây là bảng thống kê quãng đường Nam đã chạy được trong 4 ngày liên tiếp

Ngày	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4
Quãng đường (km)	10	14	7	12

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê:

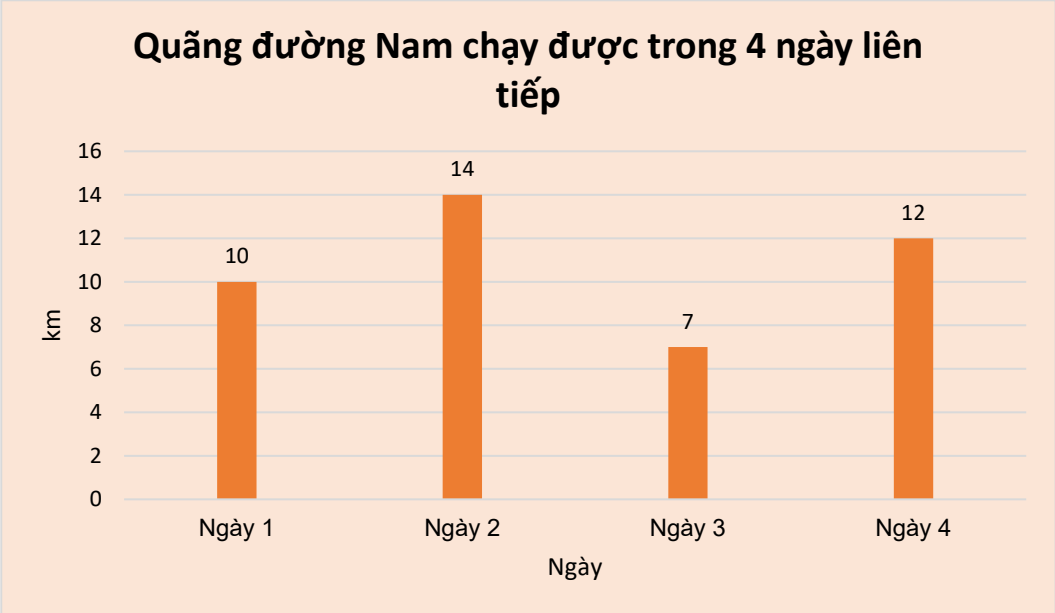

◎ Bài 8: Dưới đây là bảng thống kê cân nặng của 4 bạn Hoa, Mai, Tùng, Minh

Bạn	Hoa	Mai	Tùng	Minh
Cân nặng	42 kg	48 kg	57 kg	51 kg

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê:

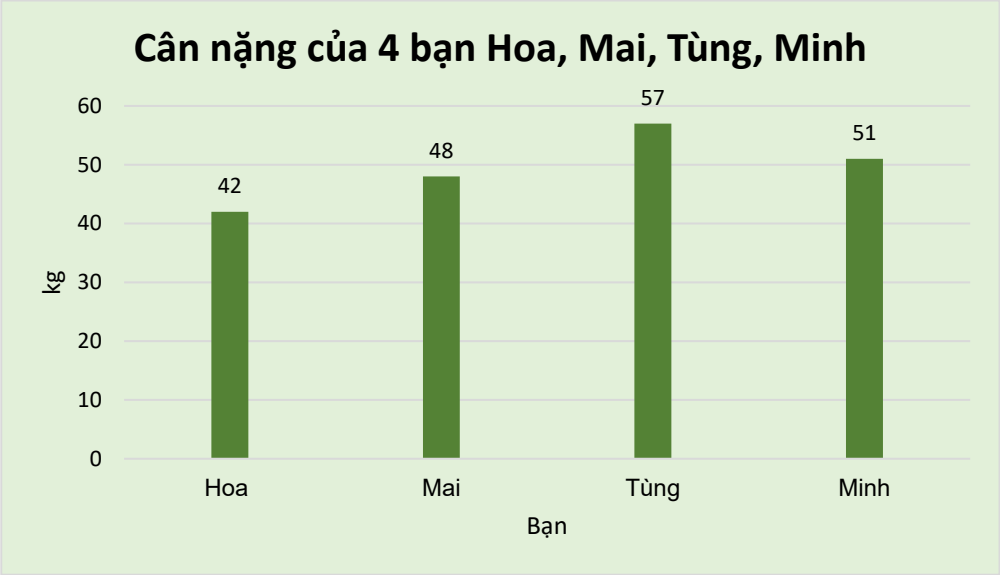

◎ Bài 9: Trang trại nhà mợ Liên nuôi một số loại gia súc, gia cầm được thống kê trong bảng sau

Gia súc, gia cầm	Lợn	Gà	Ngan	Vịt
Số lượng (con)	90	230	175	200

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

◎Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê:

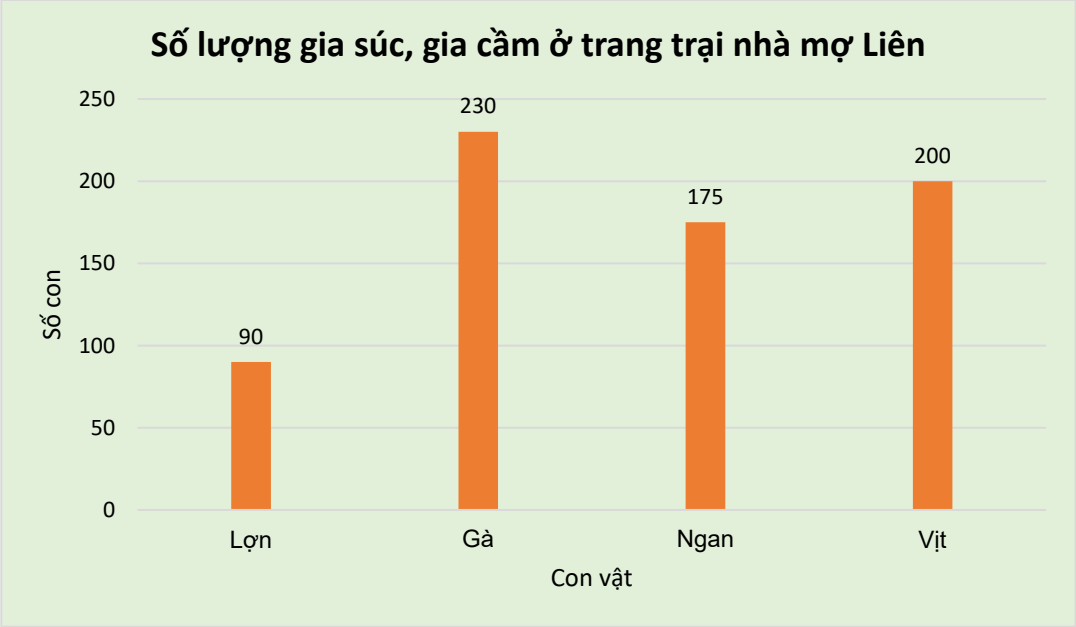

◎ Bài 10: Dưới đây là bảng thống kê chiều cao của 4 bạn Lan, Mạnh, Đức, Dung

Bạn	Lan	Mạnh	Đức	Dung
Chiều cao	157 cm	163 cm	170 cm	150 cm

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Đáp án

Vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê:

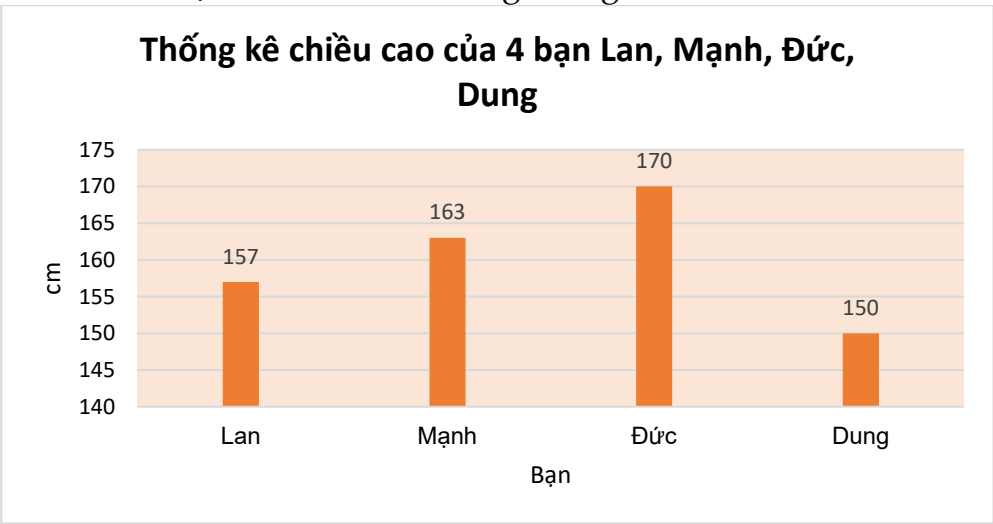

◎ Bài 11: Một nhân viên của một cửa hàng giày dép ghi lại cỡ giầy đã bán được của một mẫu giày mới nhập để theo dõi như sau:

36	37	35	35	40	37	37	36	38	38	37	37	37	38	40
40	37	38	37	39	36	37	36	39	39	38	38	39	36	39

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng giầy bán được tương ứng với mỗi cỡ giầy
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

◎Đáp án

a) Bảng thống kê biểu diễn số lượng giầy bán được tương ứng với mỗi cỡ giầy

Cỡ giầy	35	36	37	38	39	40
Số lượng	2	5	9	6	5	3

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số lượng giầy bán được tương ứng với mỗi cỡ giầy

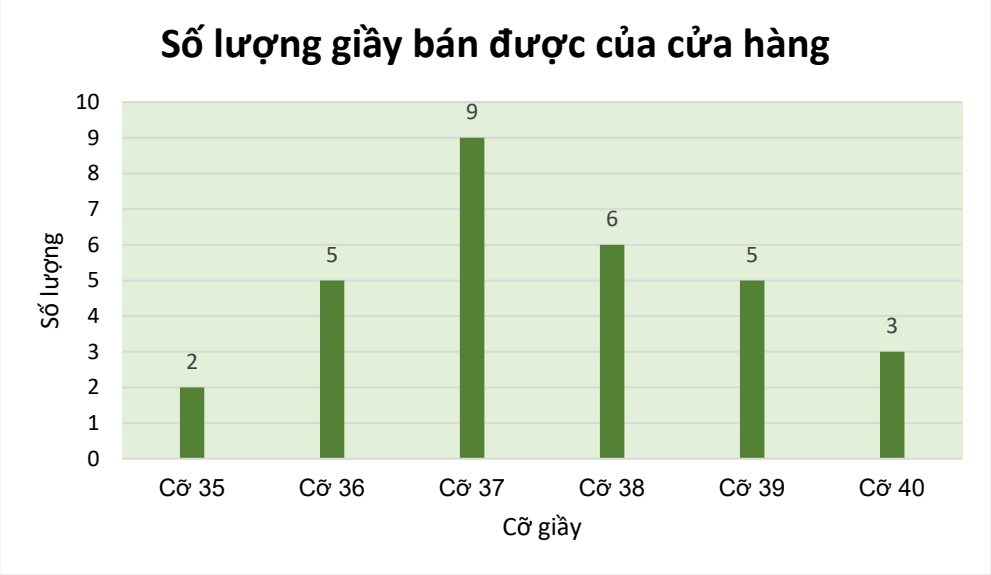

◎ Bài 12: Điểm thi cuối kì các môn học được An ghi chép lại như sau:

9	8	7	9	7	8	9	8	7	7	9	10	9

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng điểm ứng với mỗi điểm
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

◎Đáp án

a) Bảng thống kê biểu diễn số lượng điểm ứng với mỗi điểm

Điểm	7	8	9	10
Số lượng	4	3	5	1

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số lượng điểm ứng với mỗi điểm

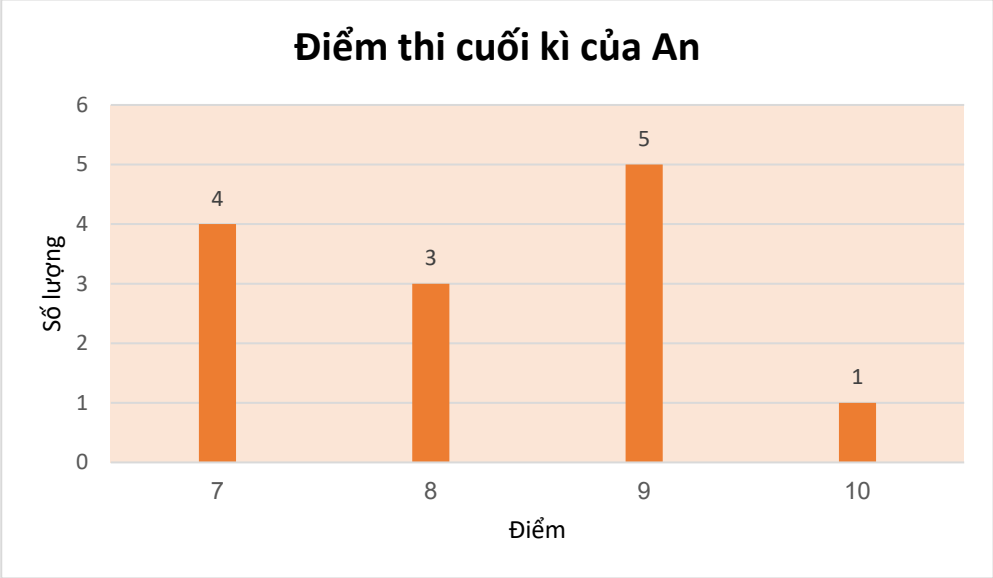

◎ Bài 13: Các loại váy Đỏ (Đ), Trắng (T), Vàng (V), Hồng (H) của một cửa hàng bán ra được ghi chép như sau:

V	Đ	H	H	T	T	T	Đ	T	T	H	Đ	T
Đ	T	T	T	Đ	H	Đ	T	H	Đ	T	V	T

a) Hãy lập bảng thống kê các loại váy bán được của cửa hàng từ bảng ghi chép trên
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

◎Đáp án

a) Bảng thống kê các loại váy bán được của cửa hàng từ bảng ghi chép trên

Loại váy	Đỏ	Trắng	Vàng	Hồng
Số lượng	7	12	2	5

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số lượng váy bán được của cửa hàng

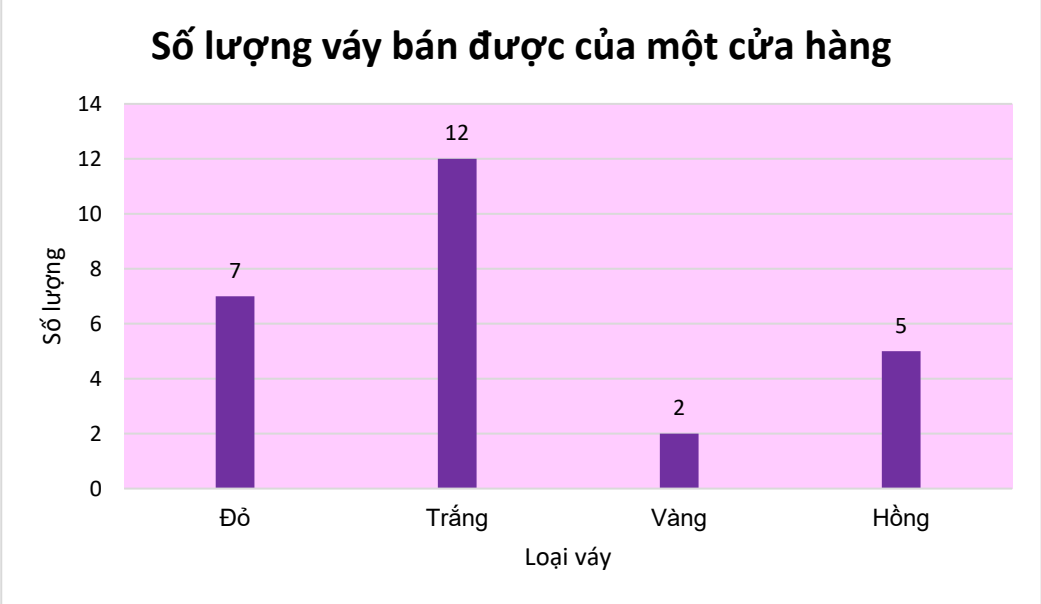

Bài 14: Dưới đây là bản ghi chép các món ăn trưa của các bạn học sinh tổ 1 lớp 6C

Cơm gà	Bánh mì	Cơm gà	Nem nướng	Phở bò
Bánh mì	Nem nướng	Bánh mì	Bánh mì	Nem nướng

a) Hãy lập bảng thống kê các món ăn trưa của các bạn học sinh tổ 1 lớp 6C

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Đáp án

a) Bảng thống kê các món ăn trưa của các bạn học sinh tổ 1 lớp 6C

Món ăn	Cơm gà	Bánh mì	Nem nướng	Phở bò
Số lượng	2	4	3	1

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số lượng các món ăn trưa của các bạn học sinh tổ 1 lớp 6C

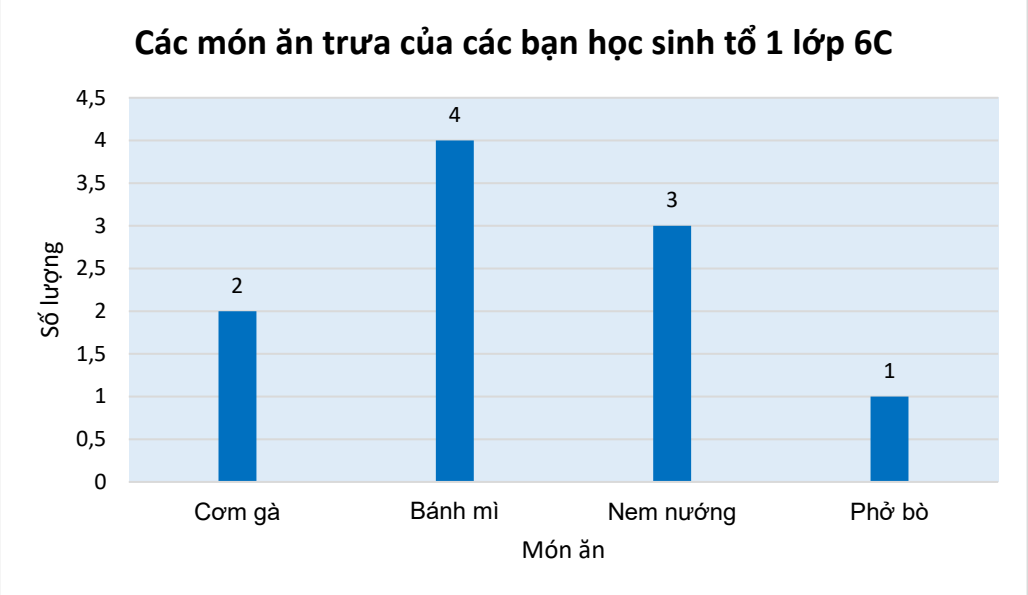

Bài 15: Số mét vải bán ra của một cửa hàng trong 30 ngày được nhân viên ghi chép lại như sau:

20	24	17	26	26	17	26	20	15	24	17	24	17	20	26
24	17	15	20	24	26	24	26	17	26	26	20	15	24	26

a) Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số ngày bán được lượng vải theo bảng ghi chép trên

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Đáp án

a) Bảng thống kê biểu diễn số ngày bán được lượng vải theo bảng ghi chép trên

Số mét vải	15	17	20	24	26
Số ngày	3	6	5	7	9

b) Vẽ biểu đồ cột cho câu a

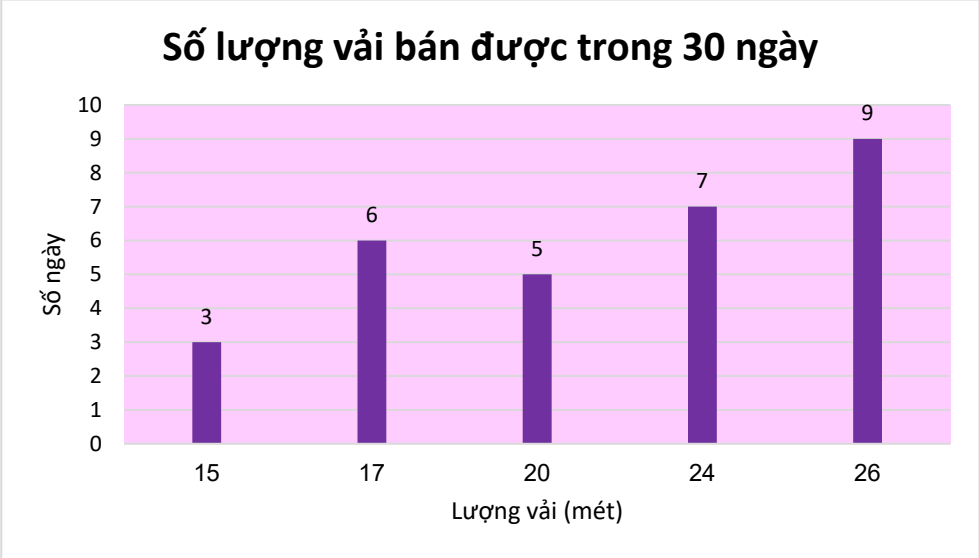

◎ Bài 16: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số áo mà một cửa hàng quần áo bán ra trong một tuần

Ngày	Số áo
Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	

: 5 cái áo : 1 cái áo

a) Lập bảng thống kê về số lượng áo bán ra của cửa hàng mỗi ngày trong tuần?

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

◎Đáp án

a) Bảng thống kê số lượng áo bán ra của cửa hàng mỗi ngày trong tuần

Thứ	hai	ba	tư	năm	sáu	bảy
Số lượng áo (cái)	15	22	26	20	11	41

b) Vẽ biểu đồ cột cho câu a

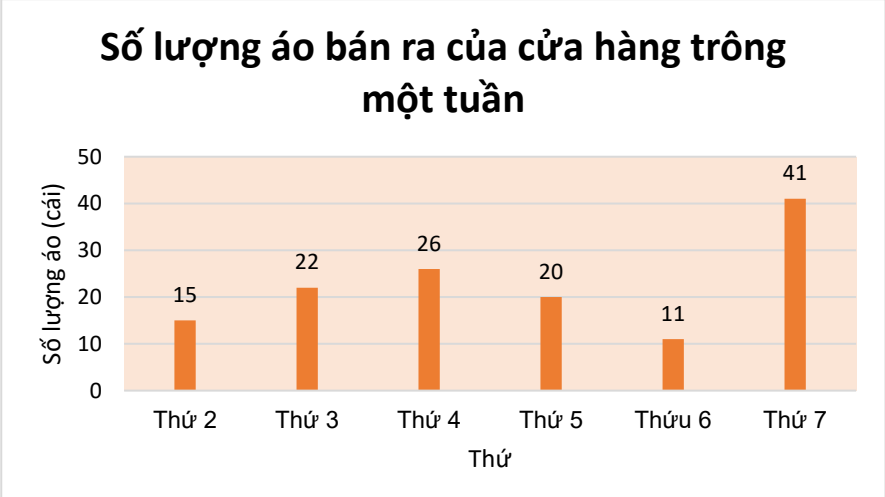

◎ Bài 17: Biểu đồ tranh dưới đây mô tả số huy chương vàng mà 4 khối 6, 7, 8, 9 giành được trong các cuộc thi thể thao chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam mà trường tổ chức

Khối	Số huy chương vàng
6	
7	
8	
9	

: 1 huy chương vàng

a) Lập bảng thống kê số huy chương vàng mỗi khối giành được

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

◎Đáp án

a) Bảng thống kê số huy chương vàng 4 khối 6, 7, 8, 9 giành được trong các cuộc thi thể thao chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam mà trường tổ chức

Khối	6	7	8	9
Số HCV	2	3	1	4

b) Vẽ biểu đồ cột cho câu a

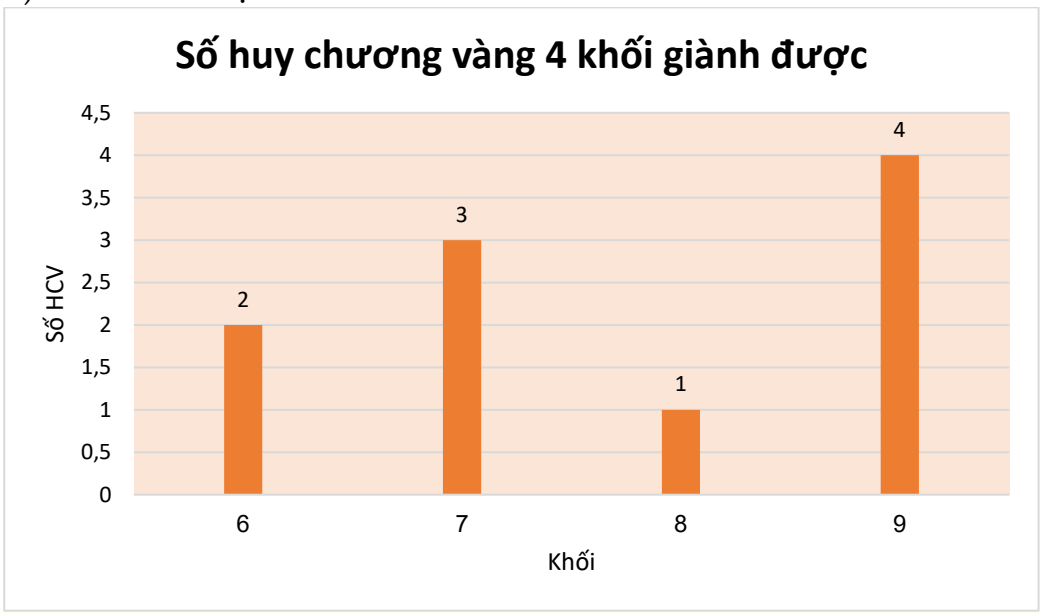

◎ Bài 18: Hoa dự định gấp 1000 ngôi sao giấy. Biểu đồ tranh dưới đây mổ tả số sao giấy mà Hoa gấp được trong 5 ngày đầu tiên

Ngày	Số sao giấy
1	
2	
3	
4	
5	

: 10 ngôi sao : 5 ngôi sao

a) Hãy lập bảng thống kê số sao giấy Hoa gấp được trong 5 ngày đầu tiên
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Đáp án

a) Bảng thống kê số sao giấy Hoa gấp được trong 5 ngày đầu tiên

Ngày	1	2	3	4	5
Số lượng sao giấy	65	50	70	45	85

b) Vẽ biểu đồ cột cho câu a

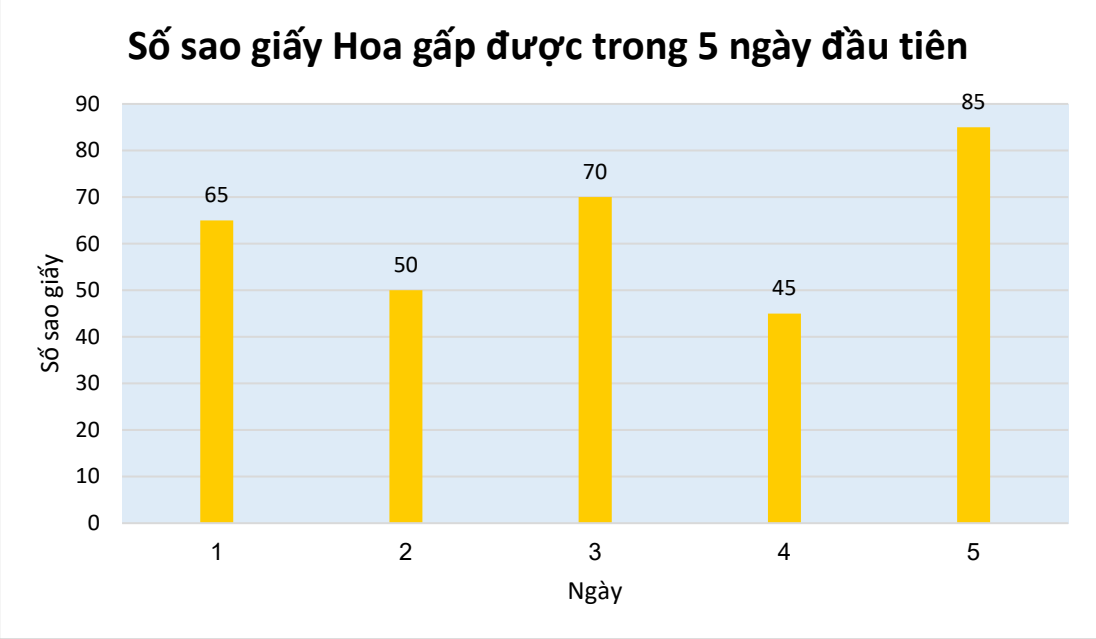

Bài 19: Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số lợn nhà bác Năm, bác Huệ, bác Hiệp và bác Hòa nuôi

Nhà	Số lợn
Bác Năm	
Bác Huệ	
Bác Hiệp	
Bác Hòa	

: 50 con lợn : 25 con lợn

a) Hãy lập bảng thống kê số lợn nhà bác Năm, bác Huệ, bác Hiệp và bác Hòa nuôi
b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

Đáp án

a) Bảng thống kê số lợn nhà bác Năm, bác Huệ, bác Hiệp và bác Hòa nuôi

Nhà	Bác Năm	Bác Huệ	Bác Hiệp	Bác Hòa
Số lợn (con)	225	300	175	150

b) Vẽ biểu đồ cột cho câu a

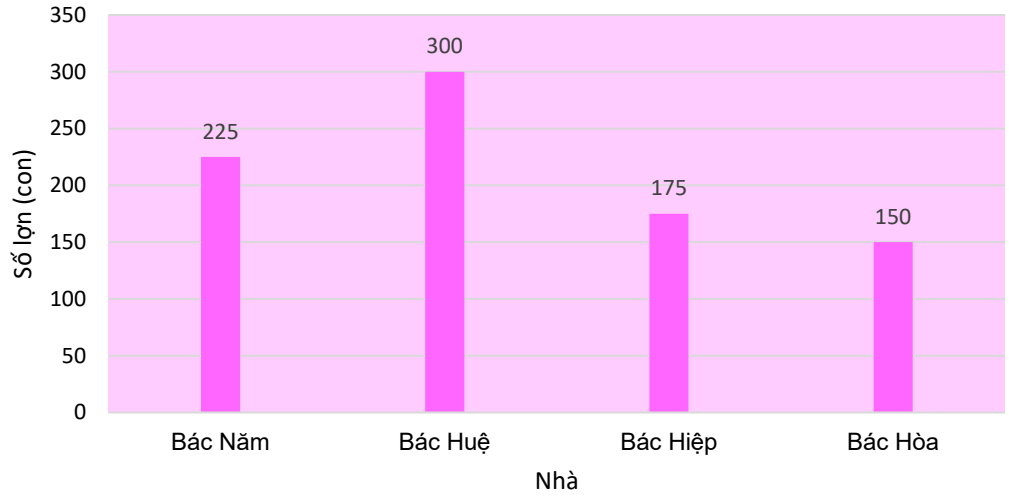

◎ Bài 20: Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số ô tô của một cửa hàng bán được trong 5 năm

Năm	Số ô tô
2017	
2018	
2019	
2020	
2021	

: 10 ô tô : 5 ô tô

a) Hãy lập bảng thống kê số lượng ô tô cửa hàng trên bán được qua các năm

b) Hãy vẽ biểu đồ cột cho câu a

◎Đáp án

a) Bảng thống kê số lượng ô tô một cửa hàng bán được qua các năm

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng ô tô (cái)	30	20	40	25	15

b) Vẽ biểu đồ cột cho câu a

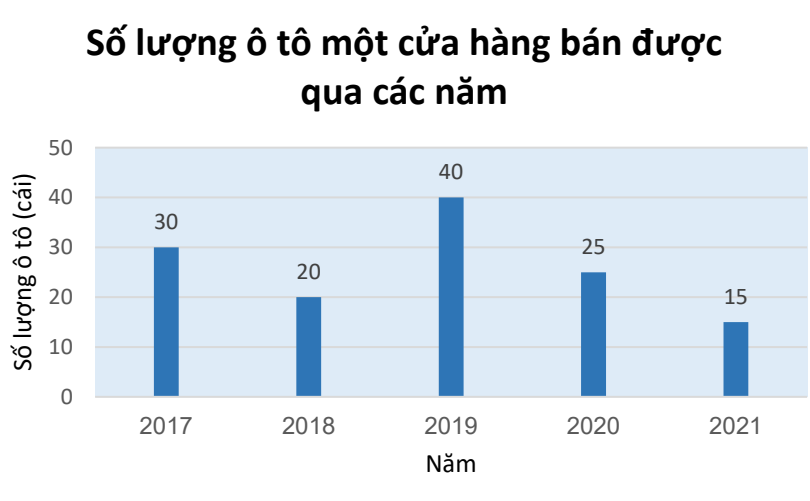

▷ Bài 41. BIỂU ĐỒ CỘT KÉP

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Vẽ biểu đồ cột kép:

✍ Để so sánh một cách trực quan từng cặp số liệu của hai bộ dữ liệu cùng loại, người ta thường ghép hai biểu đồ cột thành một biểu đồ cột kép.

✍ Để vẽ biểu đồ cột trong bảng số liệu ta thực hiện các bước sau:

✓ Bước 1: Vẽ hai trục ngang và dọc vuông góc với nhau

Trục ngang: ghi danh sách đối tượng thống kê

Trục dọc: Chọn khoảng cách chia thích hợp với dữ liệu và ghi số ở các vạch chia.

✓ Bước 2: Tại vị trí các đối tượng trên trục ngang, vẽ 2 cột hình chữ nhật cạnh nhau:

Có cùng chiều rộng;

Có chiều cao thể hiện số liệu của hai bộ dữ liệu của các đối tượng, tương ứng với khoảng chia trên trục dọc

✓ Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

Tô màu hoặc gạch chéo để phân biệt hai bộ dữ liệu

Ghi tên biểu đồ

Ghi tên các trục và ghi số liệu tương ứng trên mỗi cột (nếu cần)

❷ Phân tích số liệu với biểu đồ cột kép:

✍ Khi đọc biểu đồ cột kép, đọc tương tự như biểu đồ cột nhưng lưu ý với mỗi đối tượng thống kê, ta thường đọc một cặp số liệu để tiện so sánh sự hơn kém, tăng giảm.

✍ Dựa vào đọc biểu đồ ta có thể phân tích các số liệu và đưa ra nhận định phù hợp.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Đọc biểu đồ và lập bảng thống kê từ biểu đồ

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Quan sát biểu đồ sau và trả lời các câu hỏi sau:

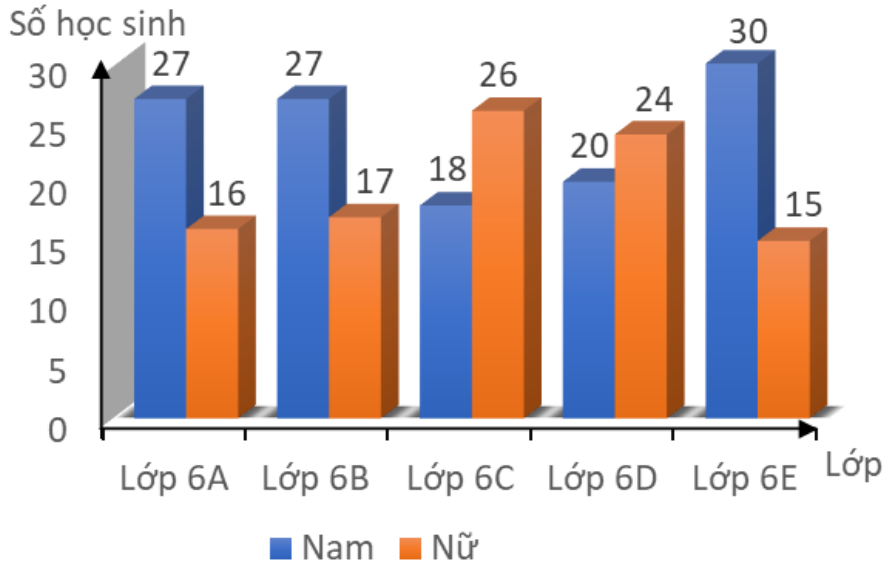

a) Lớp nào có số học sinh nam nhiều nhất? ít nhất?
b) Lớp nào có số học sinh nữ nhiều nhất? ít nhất?
c) Sự chênh lệch học sinh nam, học sinh nữ ở lớp nào lớn nhất?
d) Tổng số nam và nữ của khối 6 của trường là bao nhiêu? Số học sinh nam hay nữ nhiều hơn? Em có thể đưa ra một lời giải thích cho hiện tượng này được không? Hiện tượng này có ảnh hưởng như thế nào trong thực tế? Làm sao để cải thiện?

Hướng dẫn giải

a) Lớp có số học sinh nam nhiều nhất là lớp 6E. Lớp có số học sinh nam ít nhất là 6C.
b) Lớp có số học sinh nữ nhiều nhất là lớp 6C. Lớp có số học sinh nữ ít nhất là 6E.
c) Sự chênh lệch học sinh nam và học sinh nữ của lớp 6E là lớn nhất.
d) Tổng số học sinh nam và nữ của khối 6 là: 220 học sinh.
Số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ.
Gợi ý trả lời giải thích cho hiện tượng: Hiện tượng chênh lệch giới tính khi sinh. Một số nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này: do văn hóa trọng nam khinh nữ, hệ thống an sinh xã hội chưa phát triển, sự phát triển của khoa học công nghệ dẫn đến lựa chọn giới tính trước sinh,…
Mất cân bằng giới tính khi sinh dẫn đến tình trạng thừa nam, thiếu nữ trong tương lai không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của cá nhân, gia đình, dòng tộc mà còn để lại những hệ lụy không tốt, tác động trực tiếp đến đời sống, xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước cả trong hiện tại và tương lai.
Một số biện pháp để cải thiện: Chú trọng đến việc đẩy mạnh và duy trì các hoạt động tuyên truyền vận động đến các gia đình về bình đẳng giới, tuyên truyền về cấm lựa chọn giới tính khi sinh, hôn nhân tiến bộ, gia đình văn mình; nâng cao nhận thức để từ đó các gia đình có thể chuyển đổi quan niệm, hành vi về giới; trao thưởng cho những gia đình sinh được con gái,…

Bài 2: Biểu đồ dưới đây thống kê số lượng hoa bán được của 3 cửa hàng trong tháng 3 và tháng 4 của năm 2022

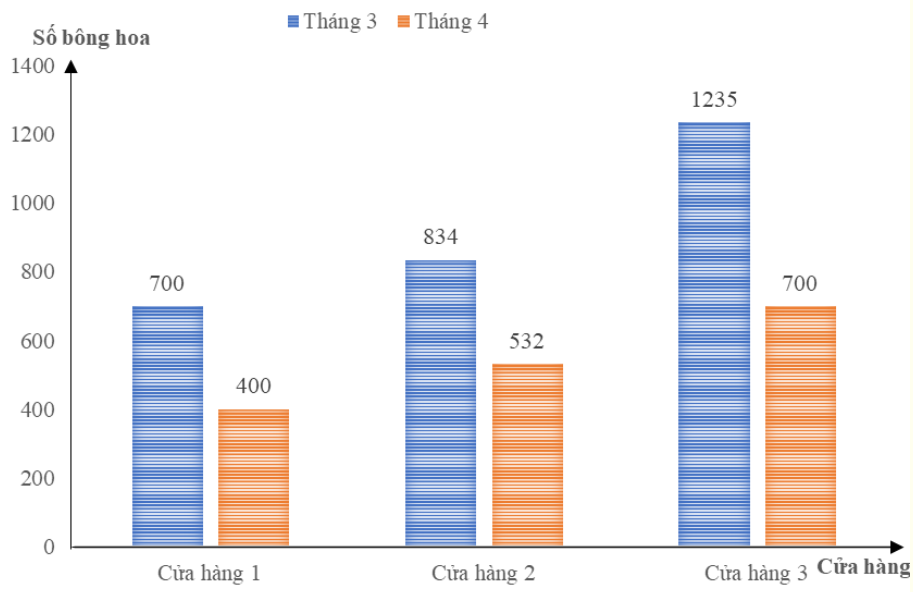

a) So sánh số lượng hoa bán được của mỗi cửa hàng trong tháng 3 và tháng 4.

b) Cửa hàng 3 bán được nhiều hoa nhất trong cả tháng 3 và tháng 4. Em có thể đưa ra một lí do phù hợp nhất để giải thích cho kết quả này được không? Em đồng ý với những nhận xét nào sau đây:

① Cửa hàng 3 bán hoa với giá rẻ nhất;

② Cửa hàng 3 có nhân viên chăm sóc khách hàng tốt nhất;

③ Cửa hàng 3 có nhiều loại hoa cho người mua hàng lựa chọn;

④ Cửa hàng 3 nằm ở vị trí thuận lợi cho việc đi lại mua bán của người mua hàng.

c) Số lượng hoa mà ba cửa hàng bán được trong tháng 3 nhiều hơn số lượng hoa mà ba cửa hàng bán được trong tháng 4 là bao nhiêu bông? Em có biết tháng 3 có ngày đặc biệt nào không? Ngày đó có liên quan gì đến việc mua bán hoa trong tháng 3 hay không?

d) Nếu 16 năm sau (tính từ năm 2022) em có điều kiện để mở một cửa hàng bán hoa thì em sẽ chọn thời gian nào để có thể bán được nhiều hoa hơn trong năm?

Hướng dẫn giải

a) Số lượng hoa bán được của mỗi cửa hàng ở tháng 3nhiều hơn số lượng hoa bán được ở tháng 4

b) Gợi ý trả lời: Cửa hàng 3 bán được nhiều hoa nhất vào tháng 3 và tháng 4 vì có thể giá bán hoa của cửa hàng 3 phù hợp với giá cả mà người mua hướng đến hoặc vị trí của cửa hàng 3 thuận tiện cho mọi người có thể nhìn thấy và tìm đến xem và mua hoa,… (HS tự tìm ra những lí do và chọn kết quả theo quan điểm của bản thân).

c) Số lượng hoa mà ba cửa hàng bán được trong tháng 3 nhiều hơn số lượng hoa mà ba cửa hàng bán được trong tháng 4 là: 1137 bông hoa. Vì tháng 3 có ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. Ngày 8/3 là ngày nam giới thể hiện sự chăm sóc, yêu thương cho người phụ nữ mà họ yêu quý, họ thường mua hoa và gửi những lời chúc tốt đẹp đến những người phụ nữ mà họ yêu quý.

d) Nếu 16 năm sau em có điều kiện để mở cửa hàng hoa em sẽ chọn thời gian bán vào tháng 3, tháng 10 hoặc tháng 11 để bán vì những ngày đó có nhiều ngày lễ kỉ niệm dành cho phụ nữ hoặc giáo viên nên sẽ có nhiều người mua hoa để làm quà tặng.

Bài 3: Mỗi tháng các bạn học sinh lớp 6 thường được phụ huynh và cô giáo tổ chức sinh nhật cùng với cả lớp. Biểu đồ cột kéo sau đây thống kê số miếng bánh ngọt trong 3 tháng liên tiếp của 2 lớp 6A và 6B đã dùng trong bữa tiệc sinh nhật

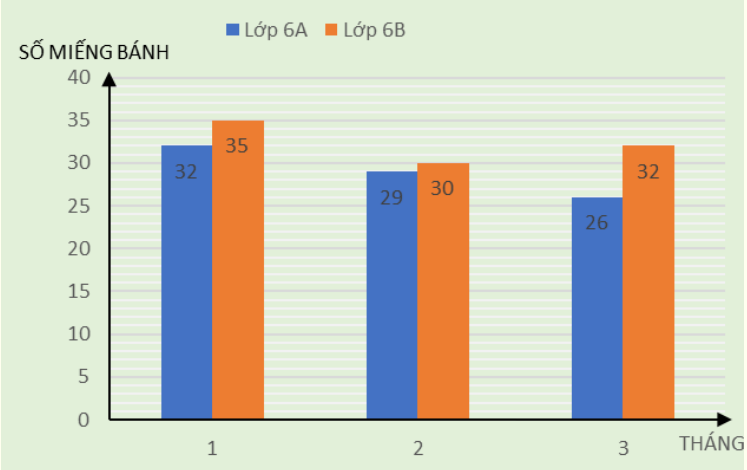

a) Trong ba tháng đầu tiên, số học sinh dùng hết số bánh ở mỗi buổi nhiều nhất là bao nhiêu? Ít nhất là bao nhiêu?
b) So sánh số học sinh dùng bánh ngọt trong mỗi bữa tiệc sinh nhật ở hai lớp. Em có thể đưa ra một giải thích hợp lí cho điều này được không?
c) Để tránh lãng phí trong những bữa tiệc tiếp theo, em hãy chọn phương án phù hợp nhất đối với việc chuẩn bị bánh cho học sinh của cả 2 lớp:
① 35 miếng bánh; ② 40 miếng bánh;
③ 45 miếng bánh; ④ 50 miếng bánh.

Hướng dẫn giải

a) Trong 3 tháng đầu tiên số học sinh dùng hết số bánh ở mỗi buổi nhiều nhất là 67 học sinh, ít nhất là 58 học sinh.
b) Gợi ý trả lời: Số học sinh dùng bánh ngọt trong mỗi bữa tiệc sinh nhật của lớp $6A$ luôn ít hơn lớp $6B$. Vì có thể số lượng học sinh của lớp $6A$ nhiều hơn số lượng học sinh của lớp $6B$ hoặc các bạn học sinh của lớp $6A$ thích ăn bánh ngọt hơn các bạn học sinh của lớp $6B$.
c) Chọn phương án 1: 35 miếng bánh.

Bài 4: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

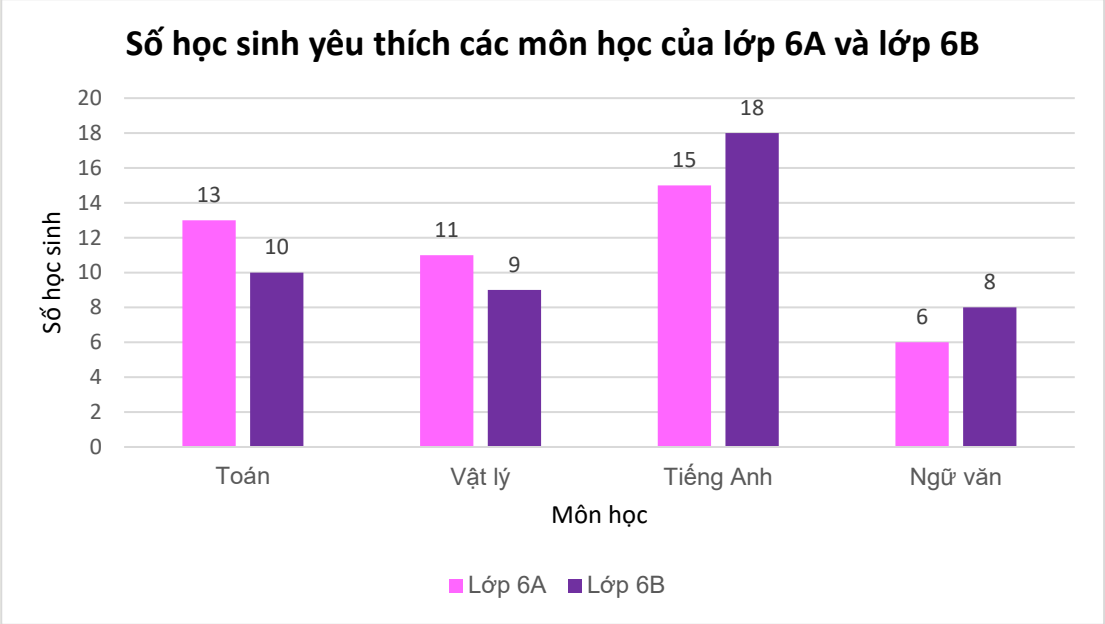

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Môn học nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất? Môn học nào ít học sinh lớp 6A yêu thích nhất?
Môn học nào được nhiều học sinh lớp 6B yêu thích nhất? Môn nào ít học sinh lớp 6B yêu thích nhất?
c) So sánh số lượng học sinh yêu thích môn Vật lý của lớp 6A và lớp 6B
So sánh số lượng học sinh yêu thích môn Toán của lớp 6A và lớp 6B

Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho biết những thông tin:
- Số học sinh yêu thích các môn học của lớp 6A và 6B.

- Tên các môn học mà học sinh lớp 6A và 6B yêu thích: Toán, Vật lý, Tiếng anh, Ngữ văn.
- Sự so sánh số lượng giữa số học sinh cùng yêu thích một môn học của 2 lớp, sự so sánh số lượng giữa số học sinh yêu thích các môn học của mỗi lớp,…

b) Môn học được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất là môn Tiếng Anh, môn học được ít học sinh lớp 6A yêu thích nhất là môn Ngữ Văn.
Môn học được nhiều học sinh lớp 6B yêu thích nhất là môn Tiếng Anh, môn học được ít học sinh lớp 6B yêu thích nhất là môn Ngữ Văn.
c) Số lượng học sinh thích môn Vật lý của lớp 6A nhiều hơn lớp 6B và nhiều hơn 2 học sinh.
Số lượng học sinh thích môn Toán của lớp 6A nhiều hơn lớp 6B và nhiều hơn 3 học sinh.

◎ Bài 5: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng huy chương của 2 quốc gia Nhật Bản và Vương quốc Anh giành được trong Olympic Tokyo 2020

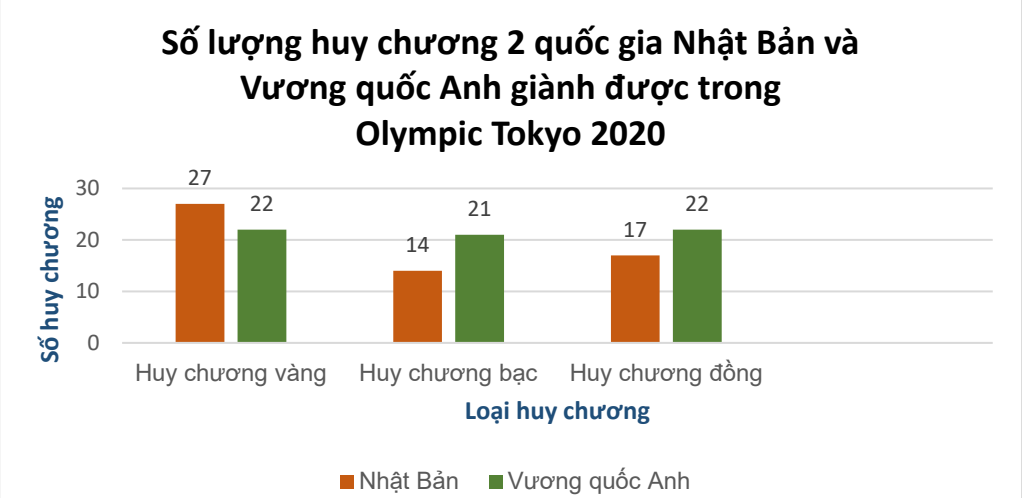

a) Quốc gia nào giành được nhiều huy chương vàng hơn?
Quốc gia nào giành được nhiều huy chương bạc hơn?
Quốc gia nào giành được nhiều huy chương đồng hơn?
b) Tổng số huy chương vàng cả 2 quốc gia giành được là bao nhiêu?
Tổng số huy chương bạc cả 2 quốc gia giành được là bao nhiêu?
Tổng số huy chương đồng cả 2 quốc gia giành được là bao nhiêu?
c) So sánh số huy chương vàng và số huy chương đồng mà Vương quốc Anh giành được
So sánh số huy chương bạc và huy chương đồng mà Nhật Bản giành được
d) Tính tổng số huy chương Nhật Bản giành được
Tính tổng số huy chương Vương quốc Anh giành được

◎Hướng dẫn giải

a) Quốc gia giành được nhiều huy chương vàng hơn là: Nhật Bản.
Quốc gia giành được nhiều huy chương bạc hơn là: Vương Quốc Anh.
Quốc gia giành được nhiều huy chương đồng hơn là: Vương Quốc Anh.
b) Tổng số huy chương vàng của cả 2quốc gia là: $27 + 22 = 49$ (huy chương)

Tổng số huy chương bạc của cả 2 quốc gia là: $14+21=35$ (huy chương)
Tổng số huy chương đồng của cả 2 quốc gia là: $17+22=39$ (huy chương)
c) Vương Quốc Anh giành được số huy chương vàng bằng số huy chương đồng (đều giành được 22 huy chương)
Nhật Bản giành được số huy chương vàng nhiều hơn số huy chương đồng và nhiều hơn 10 huy chương.
d) Tổng số huy chương Nhật Bản giành được là: $27+14+17=58$ (huy chương)
Tổng số huy chương Vương Quốc Anh giành được là: $22+21+22=65$ (huy chương)

◎ Bài 6: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

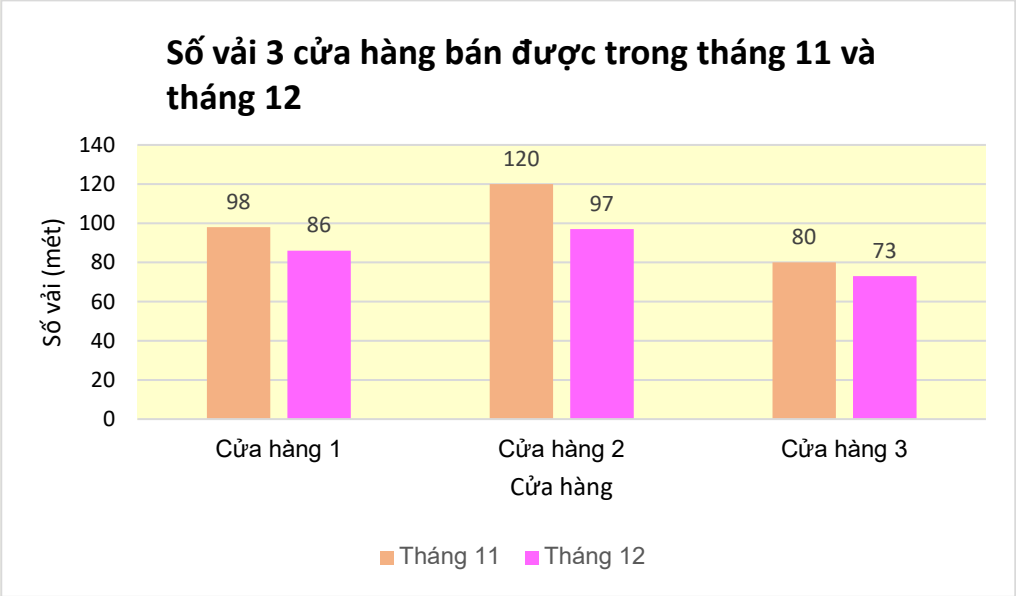

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) So sánh số vải mỗi cửa hàng bán được trong tháng 11 và tháng 12
c) Cửa hàng nào bán được nhiều vải nhất trong tháng 11? Cửa hàng nào bán được nhiều vải nhất trong tháng 12? Cửa hàng nào bán được tổng số vải nhiều nhất trong 2 tháng? Cửa hàng nào bán được ít vải nhất trong tháng 11? Cửa hàng nào bán được ít vải nhất trong tháng 12? Cửa hàng nào bán được tổng số vải ít nhất trong 2 tháng?
d) Cửa hàng 2 bán được nhiều vải nhất trong cả tháng 11 và tháng 12. Em có thể đưa ra một lí do phù hợp nhất để giải thích cho kết quả này được không? Em đồng ý với những nhận xét nào sau đây:
① Cửa hàng 2 bán vải với giá rẻ nhất;
② Cửa hàng 2 có nhân viên chăm sóc khách hàng tốt nhất;
③ Cửa hàng 2 có nhiều loại vải cho người mua hàng lựa chọn;
④ Cửa hàng 2 nằm ở vị trí thuận lợi cho việc đi lại mua bán của người mua hàng.

◎Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho biết những thông tin:
- Số vải 3 cửa hàng bán được trong tháng 11 và tháng 12.
- Sự so sánh số lượng số mét vải bán ra giữa các cửa hàng và sự so sánh số lượng số mét vải bán ra trong 2 tháng của cùng một cửa hàng,…
b) Theo biểu đồ ta thấy số mét vải bán được của 3 cửa hàng trong tháng 11 nhiều hơn số mét vải bán được trong tháng 12.

Cửa hàng 2 bán được nhiều vải nhất trong 2 tháng. Cửa hàng 3 bán được ít mét vải nhất trong tháng 11 và tháng 12.

c) Cửa hàng 2 bán được nhiều vải nhất trong tháng 11 và cũng bán được nhiều vải nhất trong tháng 12 nên cửa hàng 2 bán được tổng số vải nhiều nhất trong 2 tháng.

Cửa hàng 3 bán được ít vải nhất trong tháng 11 và cũng bán được ít vải nhất trong tháng 12 nên cửa hàng 3 bán được tổng số vải ít nhất trong 2 tháng.

d) Gợi ý trả lời: Cửa hàng 2 bán được nhiều vải nhất trong cả tháng 11 và tháng 12 có thể là do cửa hàng 2 có nhiều mẫu vải đẹp, phù hợp với thẩm mĩ của người mua hàng, cũng có thể là do vị trí của cửa hàng 2 rất thuận tiện cho việc đi lại mua bán của người mua hàng,…

(HS tự tìm ra những lí do và chọn kết quả theo quan điểm của bản thân).

◎ Bài 7: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

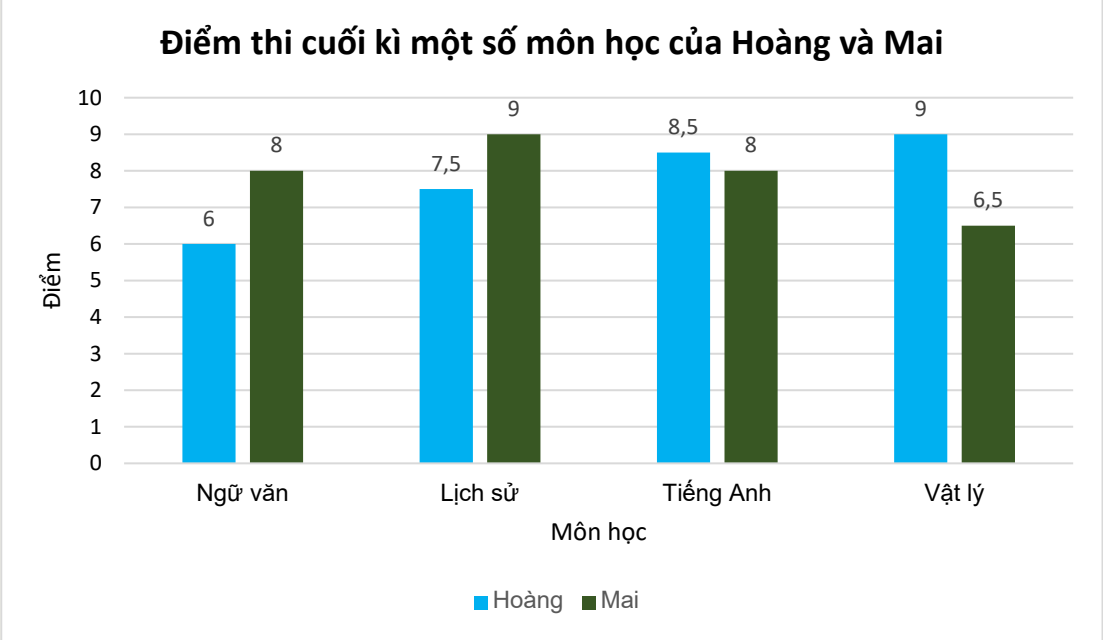

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Điểm số cao nhất mà Hoàng đạt được là bao nhiêu? Ở môn học nào?

Điểm số cao nhất mà Mai đạt được là bao nhiêu? Ở môn học nào?

Điểm số thấp nhất của Hoàng là bao nhiêu? Ở môn học nào?

Điểm số thấp nhất của Mai là bao nhiêu? Ở môn học nào?

c) So sánh điểm số của Hoàng và điểm số của Mai trong môn Ngữ văn

So sánh điểm số của Hoàng và điểm số của Mai trong môn Tiếng Anh

d) Tính điểm trung bình 4 môn học của Hoàng

Tính điểm trung bình 4 môn học của Mai

◎Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin:

- Điểm thi cuối kì một số môn học của Hoàng và Mai.
- Có 4 môn học được liệt kê: Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh, Vật lý.
- Sự so sánh điểm thi cuối kì các môn học giữa Hoàn và Mai, sự so sánh điểm thi cuối kì của mỗi bạn giữa các môn học,…

b) Điểm số cao nhất mà Hoàng đạt được là 9 điểm. Ở môn Vật Lý

Điểm số cao nhất mà Mai đạt được là 9 điểm. Ở môn Lịch Sử
Điểm số thấp nhất của Hoàng là 6 điểm. Ở môn Ngữ Văn
Điểm số thấp nhất của Mai là $6,5$ điểm. Ở môn Vật Lý
c) Ở môn Ngữ Văn, điểm của bạn Hoàng thấp hơn điểm của bạn Mai. Ở môn Tiếng Anh, điểm của bạn Hoàng cao hơn điểm của bạn Mai.
d) Điểm trung bình 4môn học của bạn Hoàng là: $\frac{6+7,5+8,5+9}{4}=7,75$
Điểm trung bình 4môn học của bạn Mai là: $\frac{8+9+8+6,5}{4}=7,875$

◎ Bài 8: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích các môn thể thao của lớp 6A

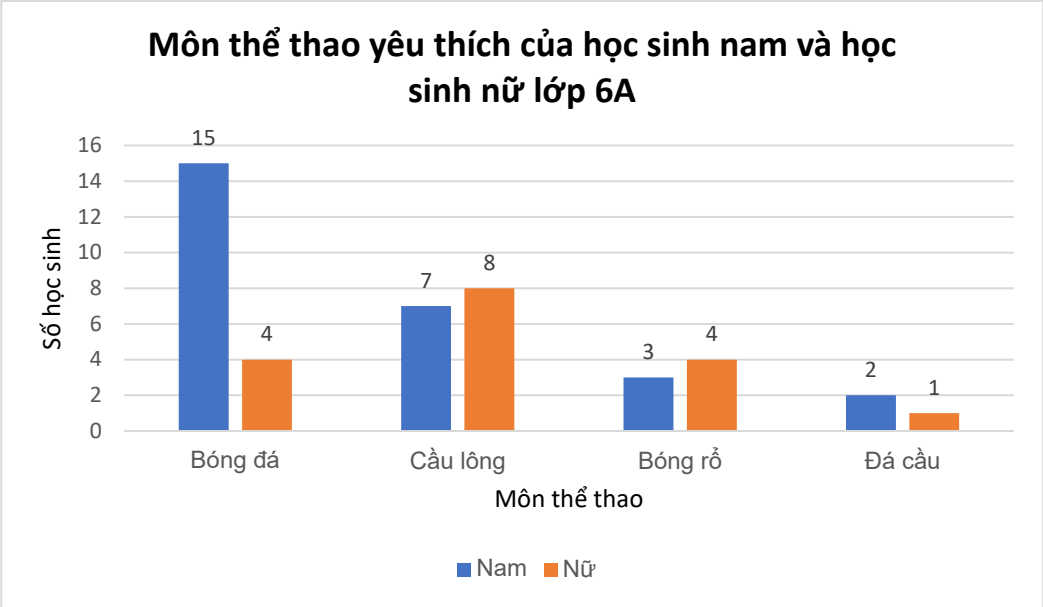

a) Môn thể thao nào có nhiều học sinh trong lớp yêu thích nhất? Môn thể thao nào có ít học sinh trong lớp yêu thích nhất?
b) Môn thể thao nào được nhiều học sinh nam yêu thích nhất? Môn thể thao nào được nhiều học sinh nữ yêu thích nhất?
c) So sánh số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích môn Cầu lông
So sánh số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích môn Bóng rổ
So sánh số học sinh nam yêu thích môn bóng đá với số học sinh nam yêu thích môn bóng rổ
So sánh số học sinh nữ yêu thích môn bóng đá và số học sinh nữ yêu thích môn cầu lông
d) Tính số học sinh của lớp 6A yêu thích môn cầu lông
Tính tổng số học sinh của lớp 6A yêu thích môn đá cầu

◎Hướng dẫn giải

a) Môn thể thao có nhiều học sinh yêu thích nhất là môn: Bóng đá
Môn thể thao có ít học sinh yêu thích nhất là môn: Đá cầu
b) Môn thể thao được nhiều học sinh nam yêu thích nhất là môn: Bóng đá
Môn thể thao được nhiều học sinh nữ yêu thích nhất là môn: Cầu lông

c) Số học sinh nam yêu thích môn Cầu lông ít hơn số học sinh nữ yêu thích môn Cầu lông.
Số học sinh nam yêu thích môn Bóng rổ ít hơn số học sinh nữ yêu thích môn Bóng rổ.
Số học sinh nam yêu thích môn Bóng đá nhiều hơn số học sinh nam yêu thích môn Bóng rổ.
Số học sinh nữ yêu thích môn Bóng đá ít hơn số học sinh nữ yêu thích môn Cầu lông.
d) Số học sinh lớp 6A yêu thích môn cầu lông là: $7+8=15$ (học sinh).
Số học sinh lớp 6A yêu thích môn Đá cầu là: $2+1=3$ (học sinh).

◎ Bài 9: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số lượng vật nuôi trong nhà của các học sinh tổ 1 và tổ 2 lớp 6A2

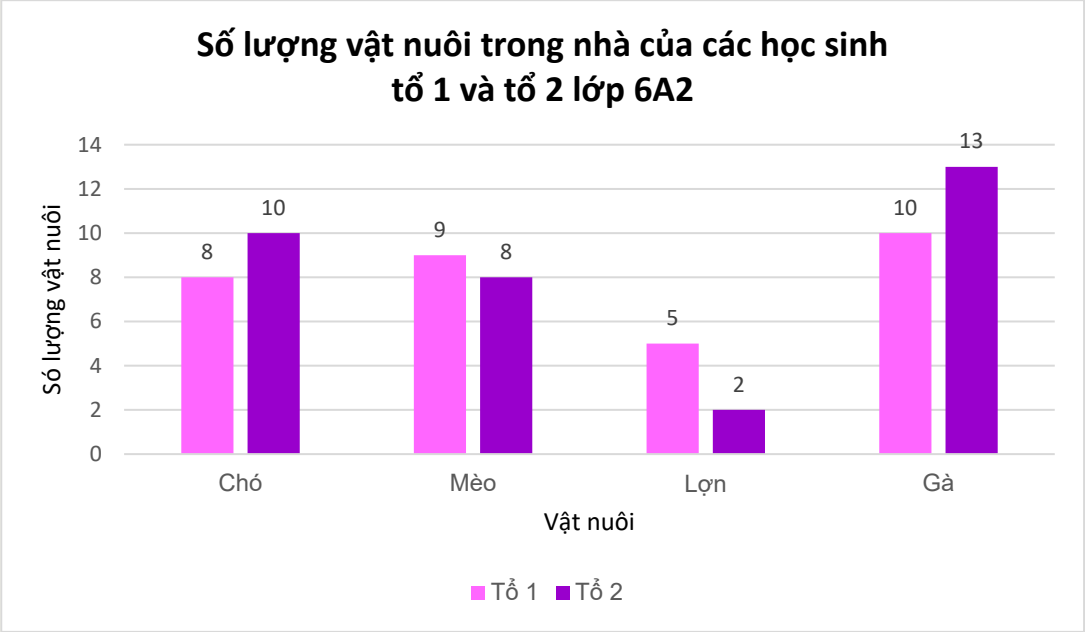

a) Vật nuôi nào được nhiều học sinh tổ 1 nuôi nhất? Vật nuôi nào được ít học sinh trong tổ 2 nuôi nhất?
b) So sánh số lượng học sinh nuôi chó của tổ 1 và tổ 2
So sánh số lượng học sinh nuôi mèo của tổ 1 và tổ 2
c) So sánh số học sinh tổ 1 nuôi mèo với số học sinh tổ 1 nuôi lợn
So sánh số học sinh tổ 2 nuôi chó với số học sinh tổ 2 nuôi gà
d) Tính tổng số học sinh trong 2 tổ nuôi gà
Tính tổng số học sinh trong 2 tổ nuôi mèo

◎Hướng dẫn giải

a) Vật nuôi được nhiều học sinh tổ 1 nuôi nhất là: Gà
Vật nuôi được ít học sinh tổ 2 nuôi nhất là: Lợn
b) Số lượng học sinh nuôi Chó của tổ 1 ít hơn số lượng học sinh nuôi Chó ở tổ 2
Số lượng học sinh nuôi Mèo của tổ 1 nhiều hơn số học sinh nuôi Mèo ở tổ 2
c) Số lượng học sinh nuôi Mèo của tổ 1 nhiều hơn số học sinh nuôi Lợn của tổ 1
Số lượng học sinh nuôi Chó của tổ 2 ít hơn số học sinh nuôi Gà ở tổ 2
d) Tổng số học sinh nuôi Gà ở 2tổ là: $10+13=23$ (học sinh).
Tổng số học sinh nuôi Mèo ở 2tổ là: $9+8=17$ (học sinh).

◎ Bài 10: Đọc biểu đồ cột kép dưới đây và trả lời các câu hỏi bên dưới

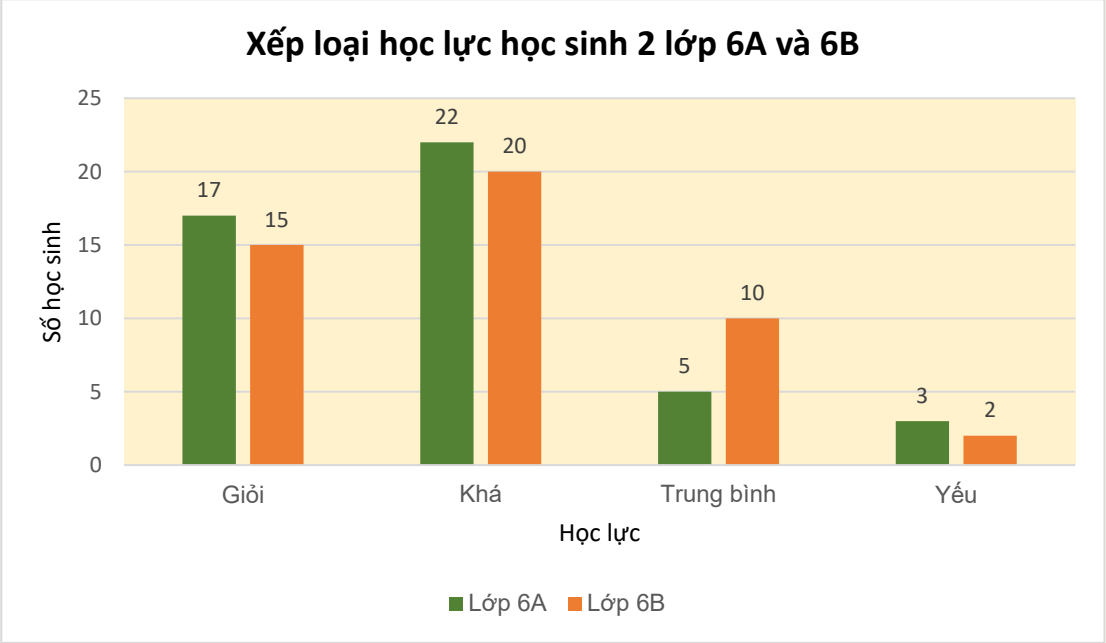

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Học sinh 2 lớp đạt học lực nào nhiều nhất? Học lực nào ít nhất?

c) So sánh số học sinh đạt học lực giỏi của lớp 6A và 6B

So sánh số học sinh đạt học lực trung bình của lớp 6A và 6B

d) Tính tổng số học sinh đạt học lực giỏi của cả 2 lớpPTHToan 6 - Vip

Tính tổng số học sinh đạt học lực khá của 2 cả lớp

Tính tổng số học sinh đạt học lực trung bình của cả 2 lớp

Tính tổng số học sinh đạt học lực yếu của cả 2 lớp

e) Tính tổng số học sinh lớp 6A

Tính tổng số học sinh lớp 6B

◎Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho biết những thông tin:

- Xếp loại học lực của học sinh 2 lớp 6A và 6B.
- Có các loại học lực: Giỏi, Khá, Trung bình và Yếu.
- Sự so sánh số lượng học sinh xếp loại học lực giữa 2 lớp, sự so sánh số lượng học sinh đạt các loại học lực ở mỗi lớp,…

b) Học sinh 2lớp đạt học lực Khá nhiều nhất và đạt học lực Yếu ít nhất.

c) Số học sinh đạt học lực Giỏi của lớp $6A$ nhiều hơn số học sinh đạt học lực Giỏi của lớp $6B$.

Số học sinh đạt học lực Trung bình của lớp $6A$ ít hơn số học sinh đạt học lực Trung bình của lớp $6B$.

d) Tổng số học sinh đạt học lực Giỏi của cả 2 lớp là: $17+15=32$ học sinh

Tổng số học sinh đạt học lực Khá của cả 2 lớp là: $20+22=42$ học sinh

Tổng số học sinh đạt học lực Trung bình của cả 2 lớp là: $5+10=15$ học sinh

Tổng số học sinh đạt học lực Yếu của cả 2 lớp là: $3+2=5$ học sinh

d) Tổng số học sinh của lớp $6A$ là: $17+22+5+3=47$ học sinh

Tổng số học sinh của lớp $6B$ là: $15+20+10+2=47$ học sinh

◎ Bài 11: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số hoa lớp 6B và lớp 6C trồng được

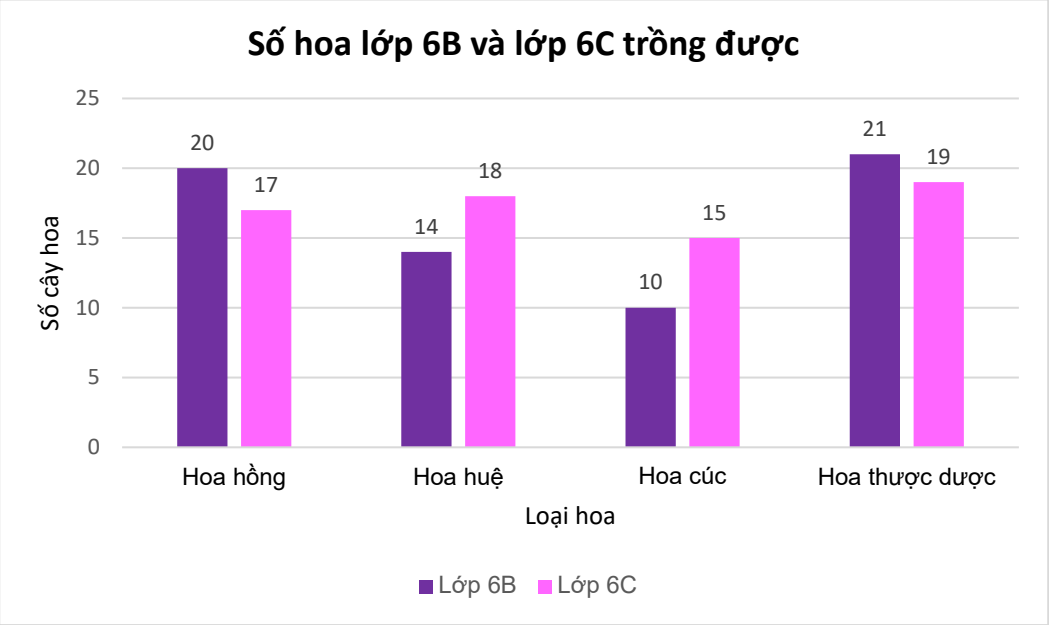

a) Hoa nào được học sinh cả 2 lớp trồng nhiều nhất? Ít nhất?
Hoa nào được học sinh lớp 6B trồng nhiều nhất? Ít nhất?
Hoa nào được học sinh lớp 6C trồng nhiều nhất? Ít nhất?
b) So sánh số lượng hoa hồng lớp 6B và lớp 6C đã trồng được
So sánh số lượng hoa huệ lớp 6B và lớp 6C đã trồng được
c) So sánh số lượng hoa huệ và số lượng hoa cúc mà học sinh lớp 6B đã trồng
So sánh số lượng hoa huệ và số lượng hoa cúc mà học sinh lớp 6C đã trồng
d) Tính tổng số hoa học sinh lớp 6B đã trồng
Tính tổng số hoa học sinh lớp 6C đã trồng

Hướng dẫn giải

a) Hoa được học sinh cả 2 lớp trồng nhiều nhất là hoa thược dược
Hoa được lớp $6B$ trồng nhiều nhất và ít nhất lần lượt là: hoa thược dược và hoa cúc
Hoa được lớp $6C$ trồng nhiều nhất và ít nhất lần lượt là: hoa thược dược và hoa cúc
b) Số lượng hoa hồng lớp $6B$ trồng được nhiều hơn số lượng hoa hồng lớp $6C$ trồng được và nhiều hơn 3 cây hoa.
Số lượng hoa huệ lớp $6B$ trồng được ít hơn số lượng hoa huệ lớp $6C$ trồng được và ít hơn 4 cây hoa.
c) Số lượng hoa huệ lớp $6B$ trồng được nhiều hơn số lượng hoa cúc lớp $6B$ trồng được và nhiều hơn là 4 cây hoa.
Số lượng hoa huệ lớp $6C$ trồng được nhiều hơn số lượng hoa cúc lớp $6C$ trồng được và nhiều hơn là 3 cây hoa.
d) Tổng số lượng hoa học sinh lớp $6B$ đã trồng là: $20+14+10+21=65$ cây hoa
Tổng số lượng hoa học sinh lớp $6C$ đã trồng là: $17+18+15+19=69$ cây hoa

Bài 12: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết điểm trung bình môn Toán trong kì thi tốt nghiệp THPT của một số tỉnh thành năm 2020 và năm 2021

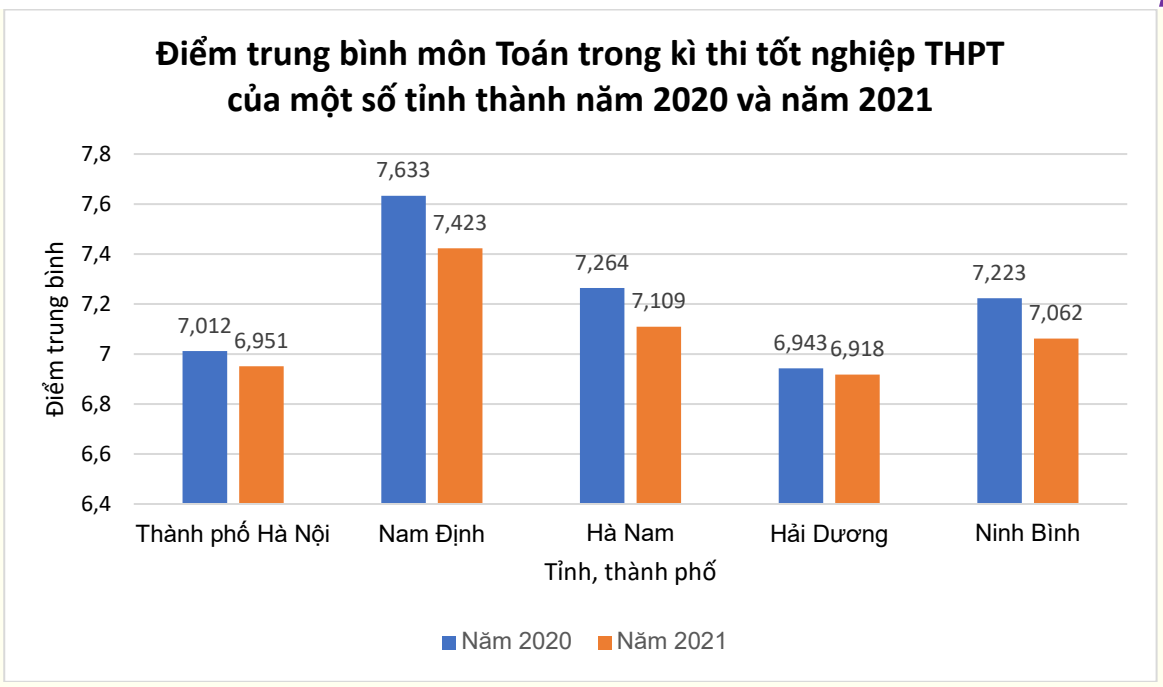

a) Nhận xét điểm trung bình môn Toán của các tỉnh thành năm 2020 và năm 2021

b) Tỉnh thành nào có điểm trung bình môn Toán cao nhất trong cả 2 năm? Tỉnh thành nào có điểm trung bình môn Toán thấp nhất trong cả 2 năm?

c) So sánh điểm trung bình môn Toán của Hà Nội với Ninh Bình năm 2020

So sánh điểm trung bình môn Toán của Nam Định với Hải Dương năm 2021

d) Sự chênh lệch điểm trung bình môn Toán của tỉnh thành nào nhiều nhất? Ít nhất?

Hướng dẫn giải

a) Điểm trung bình môn Toán của các tỉnh trong năm 2020 cao hơn năm 2021

b) Tỉnh thành có điểm trung bình môn Toán cao nhất trong cả 2 năm là: Nam Định

Tỉnh thành có điểm trung bình môn Toán thấp nhất trong cả 2 năm là: Hải Dương

c) Trong năm 2020 điểm trung bình môn Toán của Hà Nội thấp hơn Ninh Bình

Trong năm 2021 điểm trung bình môn Toán của Nam Định cao hơn Hải Dương

d) Sự chênh lệch điểm trung bình môn Toán của tỉnh Nam Định là nhiều nhất và Hải Dương là ít nhất.

Bài 13: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

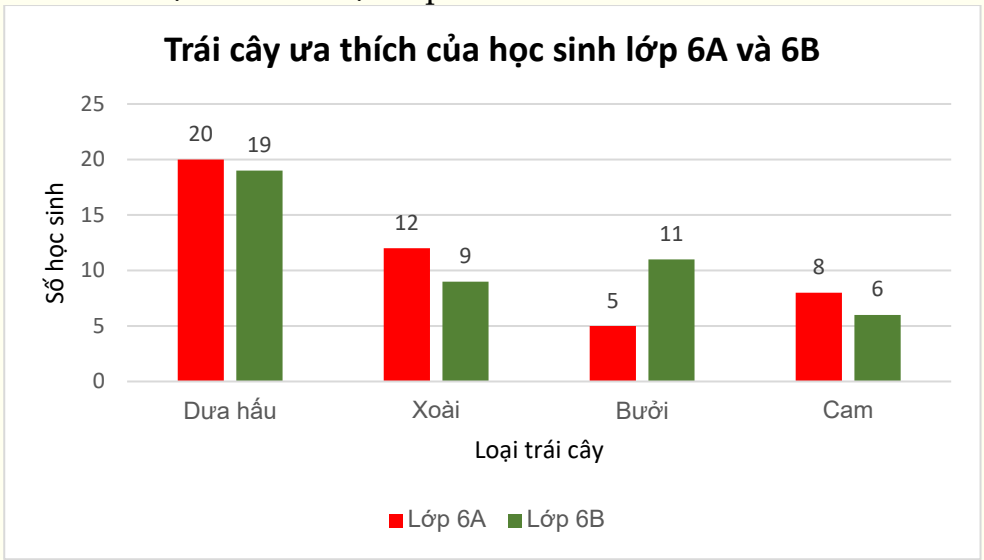

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Loại trái cây nào được nhiều học sinh 2 lớp yêu thích nhất? Ít nhất?
c) Loại trái cây nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất? Ít nhất?
Loại trái cây nào được nhiều học sinh lớp 6B yêu thích nhất? Ít nhất?
d) Tính tổng số học sinh yêu thích xoài của cả 2 lớp
Tính tổng số học sinh yêu thích cam của cả 2 lớp

Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho biết những thông tin:
- Trái cây ưa thích của học sinh lớp 6A và 6B.
- Có 4 loại trái cây: Dưa hấu, Xoài, Bưởi, Cam.
- Sự so sánh số lượng học sinh yêu thích các loại trái cây giữa 2 lớp, sự so sánh số lượng học sinh yêu thích các loại trái cây của mỗi lớp,…

b) Loại trái cây được nhiều học sinh 2lớp yêu thích nhất là: Dưa hấu
Loại trái cây được ít học sinh 2lớp yêu thích nhất là: Cam
c) Loại trái cây được nhiều học sinh lớp $6A$ yêu thích nhất là: Dưa hấu
Loại trái cây được ít học sinh lớp $6A$ yêu thích nhất là: Bưởi
Loại trái cây được nhiều học sinh lớp $6B$ yêu thích nhất là: Dưa hấu
Loại trái cây được ít học sinh lớp $6B$ yêu thích nhất là: Cam
d) Tổng số học sinh yêu thích Xoài của cả 2lớp là: $12+9=21$ học sinh
Tổng số học sinh yêu thích Cam của cả 2lớp là: $8+6=14$ học sinh

Bài 14: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

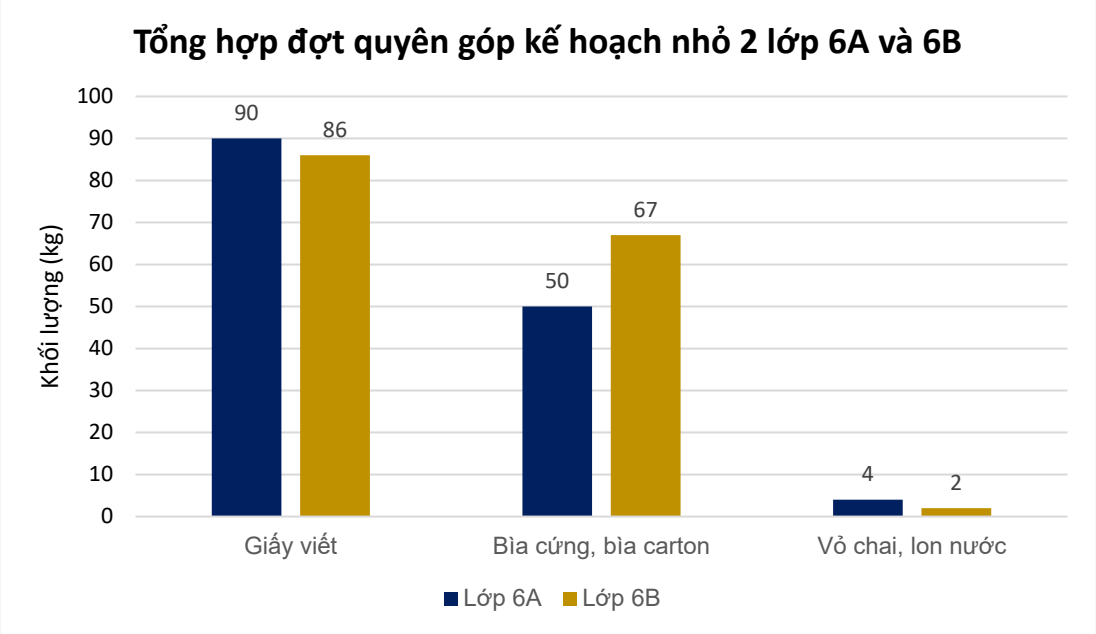

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?
b) Loại kế hoạch nhỏ nào được học sinh quyên góp nhiều nhất? Ít nhất?
c) So sánh lượng giấy viết lớp 6A và lớp 6B quyên góp
So sánh lượng bìa cứng, bìa carton lớp 6A và lớp 6B quyên góp
So sánh lượng vỏ chai, lon nước lớp 6A và lớp 6B quyên góp
d) Tính tổng lượng giấy viết cả 2 lớp quyên góp
Tính tổng lượng bìa cứng, bìa carton cả 2 lớp quyên góp

Tính tổng lượng vỏ chai, lon nước cả 2 lớp quyên góp

Hướng dẫn giải

a) Biểu đò cột kép trên cho biết những thông tin:
- Tổng hợp đợt quyên góp kế hoạch nhỏ 2 lớp 6A và 6B.
- Có các loại đồ vật được quyên góp là: giấy viết; bìa cứng, bìa carton; vỏ chai, lon nước.
- Sự so sánh số lượng học sinh quyên góp kế hoạch nhỏ giữa 2 lớp, sự so sánh số lượng học sinh quyên góp các loại đồ vật của mỗi lớp,…

b) Loại kế hoạch nhỏ được học sinh quyên góp nhiều nhất và ít nhất lần lượt là: Giấy việt và Vỏ chai, non nước.

c) Lượng giấy viết của lớp $6A$ quyên góp được nhiều hơn lượng giấy viết của lớp $6B$ quyên góp được.

Lượng bìa cứng, bìa carton của lớp $6A$ quyên góp được ít hơn lượng bìa cứng, bìa carton của lớp $6B$

Lượng vỏ chai, lon nước của lớp $6A$ quyên góp được nhiều hơn lượng vỏ chai, lon nước của lớp $6B$

d) Tổng lượng giấy viết cả 2 lớp quyên góp được là: $90+86=176\ kg$

Tổng lượng bìa cứng, bìa carton cả 2 lớp quyên góp được là: $50+67=117\ kg$

Tổng lượng vỏ chai, lon nước cả 2 lớp quyên góp được là: $4+2=6\ kg$

Bài 15: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết sản lượng thóc nhà bác Năm và bác Huệ thu hoạch được trong vụ Đông Xuân qua các năm

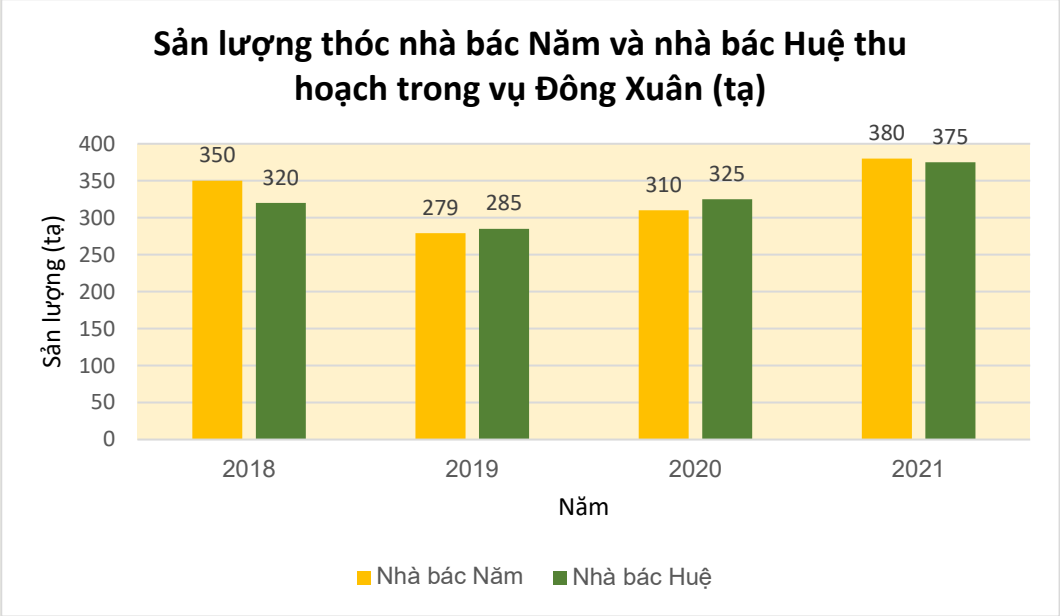

a) Tổng sản lượng thóc cả 2 nhà năm nào nhiều nhất? Ít nhất?

b) Năm nào nhà bác Năm thu hoạch được nhiều thóc nhất? Ít nhất?

Năm nào nhà bác Huệ thu hoạch được nhiều thóc nhất? Ít nhất?

c) So sánh sản lượng thóc nhà bác Năm và nhà bác Huệ trong năm 2018

So sánh sản lượng thóc nhà bác Năm và nhà bác huệ năm 2020

d) Tính tổng sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch trong 4 năm

Tính tổng sản lượng thóc nhà bác Huệ thu hoạch trong 4 năm

Hướng dẫn giải

a) Tổng sản lượng thóc của cả 2 nhà năm 2021 nhiều nhất, năm 2019 ít nhất.

b) Năm 2021 nhà bác Năm thu hoạch được nhiều thóc nhất, năm 2019 nhà bác Năm thu hoạch được ít thóc nhất.

Năm 2021 nhà bác Huệ thu hoạch được nhiều thóc nhất, năm 2019 nhà bác Huệ thu hoạch được ít thóc nhất.

c) Trong năm 2018, sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được nhiều hơn nhà bác Huệ thu hoạch được và nhiều hơn 30 tạ.

Trong năm 2019, sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được ít hơn nhà bác Huệ thu hoạch được và ít hơn 6 tạ.

d) Tổng sản lượng thóc nhà bác Năm thu hoạch được trong 4 năm là: $350+279+310+380=1319$ (tạ).

Tổng sản lượng thóc nhà bác Huệ thu hoạch được trong 4 năm là: $320+285+325+375=1305$ (tạ)

Bài 16: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số học sinh dự thi học sinh giỏi các môn khối 6 và khối 7

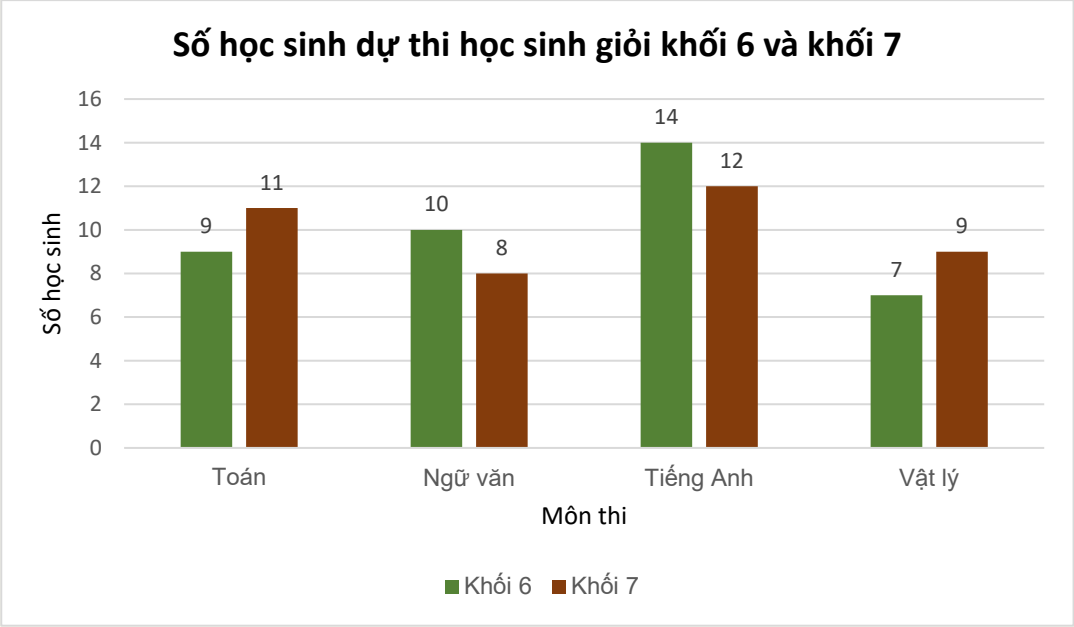

a) Môn học nào có số lượng học sinh 2 khối dự thi nhiều nhất? Ít nhất?

b) Môn học nào có số lượng học sinh khối 6 dự thi nhiều nhất? Ít nhất?

Môn học nào có số lượng học sinh khối 7 dự thi nhiều nhất? Ít nhất?

c) So sánh số lượng học sinh dự thi môn Ngữ văn của khối 6 và khối 7

So sánh số lượng học sinh dự thi môn Toán của khối 6 và khối 7

d) Tính tổng số lượng học sinh khối 6 dự thi các môn học

Tính tổng số lượng học sinh khối 7 dự thi các môn học

Hướng dẫn giải

a) Môn học có số lượng học sinh 2 khối dự thi nhiều nhất là: môn Tiếng Anh

Môn học có số lượng học sinh 2 khối dự thi ít nhất là: môn Vật Lý

b) Môn học có số lượng học sinh khối 6 dự thi nhiều nhất và ít nhất lần lượt là môn Tiếng Anh và môn Vật Lý.

Môn học có số lượng học sinh khối 7 dự thi nhiều nhất và ít nhất lần lượt là môn Tiếng Anh và Ngữ Văn.

c) Số lượng học sinh dự thi môn Ngữ văn của khối 6 nhiều khối 7 và nhiều hơn 2 học sinh.

Số lượng học sinh dự thi môn Toán của khối 6 ít hơn khối 7 và ít hơn 2 học sinh.

d) Tổng số lượng học sinh khối 6 dự thi các môn học là: $9+10+14+7=40$ (học sinh)

Tổng số lượng học sinh khối 7 dự thi các môn học là: $11+8+12+9=40$ (học sinh)

Bài 17: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

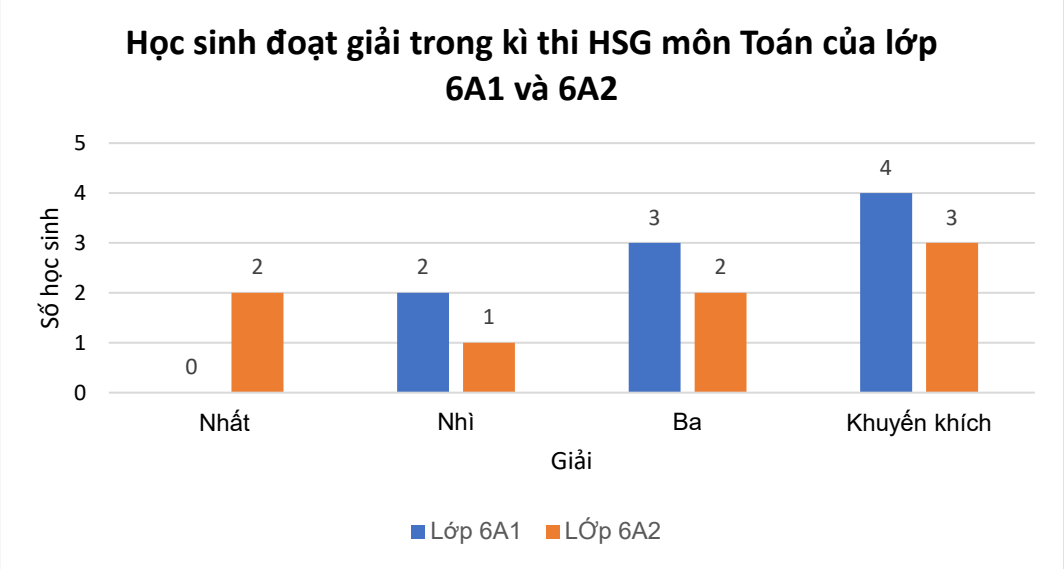

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Học sinh cả 2 lớp đạt giải nào nhiều nhất? Ít nhất?

c) So sánh số học sinh đạt giải nhất của lớp 6A1 và lớp 6A2

So sánh số học sinh đạt giải ba của lớp 6A1 và 6A2

d) Tính tổng số học sinh đạt giải nhất của cả 2 lớp

Tính tổng số học sinh đạt giải ba của cả 2 lớp

Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho biết những thông tin:

- Số học sinh đoạt giải trong kì thi HSG môn Toán của lớp 6A và 6B.
- Học sinh 2 lớp đoạt được các giải: nhất, nhì, ba và khuyến khích.
- Sự so sánh số lượng học sinh đoạt được các giải giữa 2 lớp, sự so sánh số lượng học sinh đoạt các giải khác nhau của mỗi lớp,…

b) Học sinh cả 2 lớp đạt giải khuyến khích nhiều nhất.

Học sinh cả 2 lớp đạt giải nhất ít nhất.

c) Số học sinh đạt giải nhất của lớp 6A1 ít hơn số học sinh đạt giải nhất của lớp 6A2.

Cụ thể, lớp 6A1 không có học sinh nào được giải nhất, lớp 6A2 có 2 học sinh được giải nhất.

Số học sinh đạt giải ba của lớp 6A1 nhiều hơn số học sinh đạt giải ba của lớp 6A2 và nhiều hơn 1 học sinh.

d) Tổng số học sinh đạt giải nhất của cả 2 lớp là: $0+2=2$ (học sinh)

Tổng số học sinh đạt giải ba của cả 2 lớp là: $3+2=5$ (học sinh)

Bài 17: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết tuổi thọ trung bình của nam giới và nữ giới ở một số quốc gia (số liệu năm 2017)

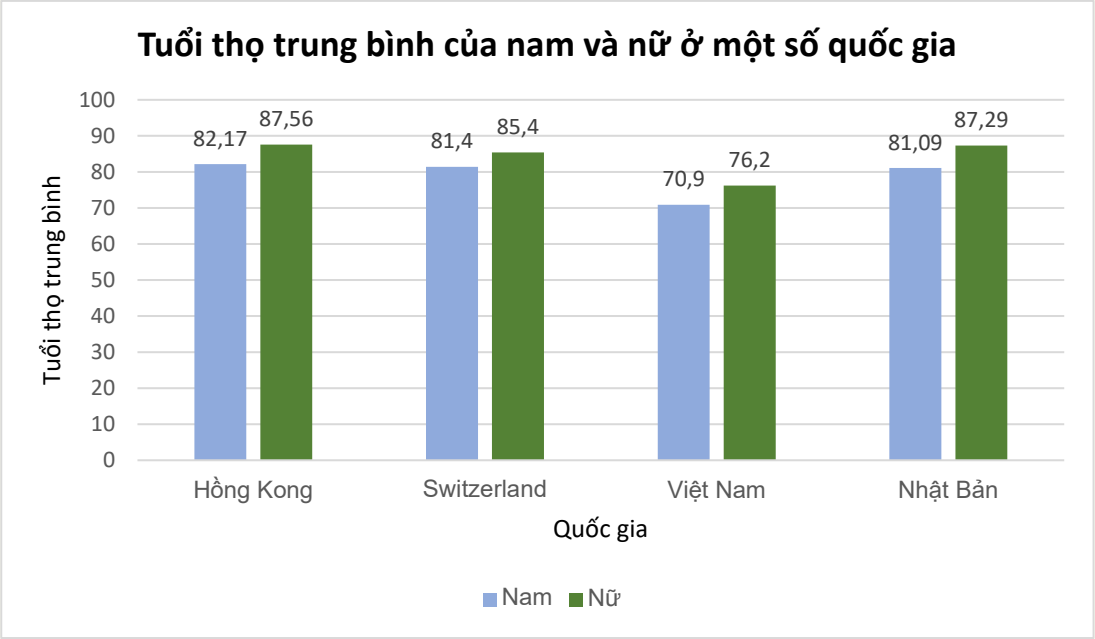

a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Nước nào có tuổi thọ trung bình của nữ giới cao nhất? Thấp nhất?

Nước nào có tuổi thọ trung bình của nam giới cao nhất? Thấp nhất?

c) Nước nào có độ chênh lệch về tuổi thọ trung bình giữa nam giới và nữ giới nhiều nhất? Ít nhất?

d) Từ biểu đồ trên em có nhận xét gì về tuổi thọ trung bình của nam giới và nữ giới ở các quốc gia? Theo em vì sao lại dẫn tới điều đó?

Hướng dẫn giải

a) Biểu đồ cột kép trên cho biết những thông tin:

- Tuổi thọ trung bình của nam và nữ ở một số quốc gia.
- Có 4 quốc gia: Hồng Kong, Switzerland, Việt Nam, Nhật Bản.
- Sự so sánh tuổi thọ trung bình giữa các quốc gia qua các năm, sự so sánh tuổi thọ trung bình giữa các năm của mỗi quốc gia,…

b) Nước có tuổi thọ trung bình của nữ giới cao nhất là: Hồng Kong. Nước có tuổi thọ trung bình của nữ giới thấp nhất là: Việt Nam.

Nước có tuổi thọ trung bình của nam giới cao nhất là: Hồng Kong. Nước có tuổi thọ trung bình của nam giới thấp nhất là: Việt Nam.

c) Nước có độ chênh lệch về tuổi thọ trung bình của nam giới và nữ giới nhiều nhất và ít nhất lần lượt là: Nhật Bản và Switzerland,

d) Từ biểu đồ trên, ta thấy tuổi thọ trung bình của nữ giới ở các quốc gia cao hơn tuổi thọ trung bình của nam giới ở chính các quốc gia đó. Nguyên nhân dẫ đến điều đó là do nam giới thường có xu hướng sử dụng các chất kích thích (rượu, bia, thuốc lá,…) nhiều hơn nữ giới nên các vấn đề về sức khỏe gặp phải do chất kích thích cũng nhiều hơn; ngoài ra, giới tính liên quan đến vấn đề sinh học mà sinh học có ảnh hưởng nhất định đến tuổi thọ của con người, và phụ nữ có những lợi thế về sinh học hơn nam giới; do xu hướng của xã hội, con đàn ông thường gánh vác các việc nặng nhọc nhiều hơn

phụ nữ nên áp lực trong cuộc sống của họ cũng nhiều hơn đồng nghĩa với việc học gặp các nguy cơ cao hơn về sức khỏe tinh thần cũng như thế chất;… (HS có thể nêu thêm các quan điểm khác của bản than).

◎ Bài 19: Biểu đồ dưới đây cho biết mật độ dân số một số tỉnh thành ở Việt Nam năm năm 2015 và năm 2019

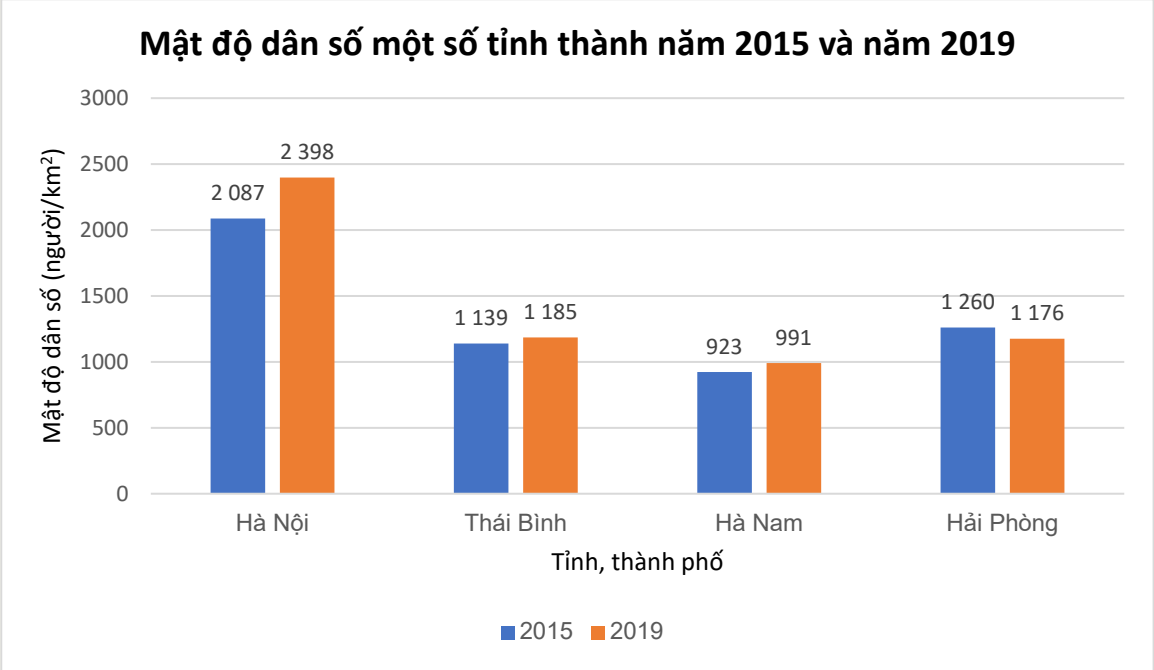

a) Tỉnh thành nào có mật độ dân số lớn nhất trong cả 2 năm? Ít nhất?

b) Nhận xét mật độ dân số của các tỉnh thành trong năm 2015 và năm 2019 và giải thích

c) So sánh mật độ dân số của Thái Bình trong năm 2015 và năm 2019

So sánh mật độ dân số của hải Phòng trong năm 2015 và năm 2019

d) Tỉnh thành nào có sự chệnh lệch mật độ dân số trong 2 năm nhiều nhất? Ít nhất?

◎Hướng dẫn giải

a) Tỉnh thành có mật độ dân số lớn nhất trong 2 năm là Hà Nội, tỉnh thành có mật độ dân số ít nhất trong 2 năm là Hà Nam.

b) Mật độ dân số của các tỉnh thành năm 2019 có xu hướng tang so với mật độ dân số các tỉnh thành năm 2015 vì dân số ngày càng tăng lên và diện tích đất ở không thay đổi nên dẫn đến sự gia tang về mật độ dân số.

Mật độ dân số ở Hà Nội cao nhất trong cả 2 năm vì Hà Nội là thủ đô của nước ta, là nơi tập trung nhiều hoạt động kinh tế xã hội, có nhiều mạng lưới các công ty, nhà máy, các trường đại học, các khu công nghiệp,…nên người dân sẽ di cứ, sinh sống ở đây rất nhiều để học tập và làm việc.

c) Mật độ dân số của Thái Bình năm 2015 ít hơn mật độ dân số của Thái Bình năm 2019 và ít hơn 46 (người/km²)

Mật độ dân số của Hải Phòng năm 2015 nhiều hơn mật độ dân số của Hải Phòng năm 2019 và nhiều hơn 84 (người/km²)

d) Tỉnh thành có sự chênh lệch dân số trong 2 năm nhiều nhất và ít nhất lần lượt là: Hà Nội và Thái Bình.

◎ Bài 20: Biểu đồ cột kép ở hình bên biểu diễn số tiền Việt Nam thu được khi xuất khẩu cà phê và xuất khẩu gạo trong ba năm 2019, 2020, 2021.

a) Tính tổng số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê trong ba năm 2019, 2020, 2021.

b) Số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê năm 2019 nhiều hơn số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê năm 2020 là bao nhiêu?

c) Tính tổng số tiền thu được khi xuất khẩu gạo trong ba năm 2019, 2020, 2021.

d) Số tiền thu được khi xuất khẩu gạo năm 2020 nhiều hơn số tiền thu được khi xuất khẩu gạo năm 2019 là bao nhiêu?

e) Trong ba năm 2019, 2020, 2021 năm nào số tiền thu được khi xuất khẩu gạo là nhiều nhất?

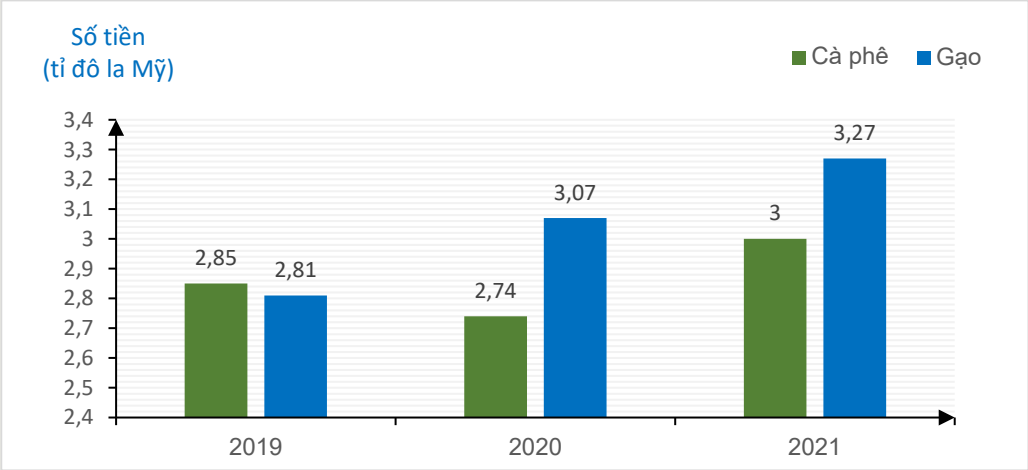

◎Hướng dẫn giải

a) Tổng số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê trong ba năm 2019, 2020, 2021 là: $2,85+2,74+3=8,59$ (tỷ đô la Mỹ)

b) Số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê năm 2019 nhiều hơn số tiền thu được khi xuất khẩu cà phê năm 2020 là: $2,85-2,74=0,11$ (tỷ đô la Mỹ)

c) Tổng số tiền thu được khi xuất khẩu gạo trong ba năm 2019, 2020, 2021 là: $2,81+3,07+3,27=9,15$ (tỷ đô la Mỹ)

d) Số tiền thu được khi xuất khẩu gạo năm 2020 nhiều hơn số tiền thu được khi xuất khẩu gạo năm 2019 là: $3,07-2,81=0,26$ (tỷ đô la Mỹ)

d) Trong ba năm 2019, 2020, 2021, năm 2021 thu được số tiền khi xuất khẩu gạo là nhiều nhất và cụ thể là thu được $3,27$ tỷ đô la Mỹ.

◎ Dạng 2: Vẽ biểu đồ cột kép từ bảng dữ liệu

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Tổng kết học kì 1 của lớp 6A, cả lớp đều đạt hạnh kiểm tốt và khá, không có hạnh kiểm đạt và chưa đạt. Sau đây là bảng thông tin của từng tổ

Hạnh kiểm	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Tốt	7	6	8	9
Khá	4	5	4	2

a) Các em hãy vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn cho bảng thống kê trên.

b) Quan sát biểu đồ và đưa ra lời nhận xét về hạnh kiểm của các tổ?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn cho bảng thống kê:

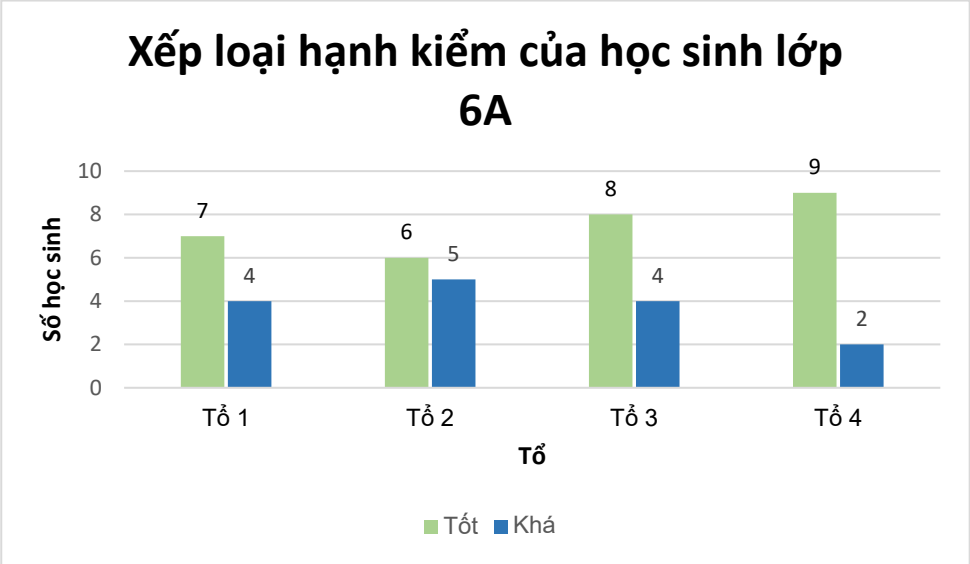

b) Nhận xét về hạnh kiểm các tổ:

- Tổ 4 có số học sinh đạt hạnh kiểm tốt nhiều nhất (9 học sinh). Tổ 2 có số học sinh đạt hạnh kiểm tốt ít nhất (6học sinh).
- Tổ 2 có số học sinh đạt hạnh kiểm khá nhiều nhất (5học sinh). Tổ 4 có số học sinh đạt hạnh kiểm khá ít nhất (2học sinh)

Bài 2: Một chuỗi siêu thị gồm 5 cửa hàng ở 5 quận huyện khác nhau. Bảng sau thống kê về số tiền lãi (triệu đồng) của các cửa hàng trong hai tháng 11 và 12 như sau:

	Cửa hàng 1	Cửa hàng 2	Cửa hàng 3	Cửa hàng 4	Cửa hàng 5
Tháng 11	60	25	50	65	70
Tháng 12	80	40	90	120	100

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.

b) Tính tổng số lãi mà 5 cửa hàng mang về trong tháng 11, trong tháng 12.

c) Do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty phải đóng cửa một cửa hàng. Dựa trên số lãi trong tháng 11 và 12, quản lí của công ty quyết định đóng cửa hàng 3. Em có đồng ý với quyết định của quản lí không? Hãy giải thích?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê:

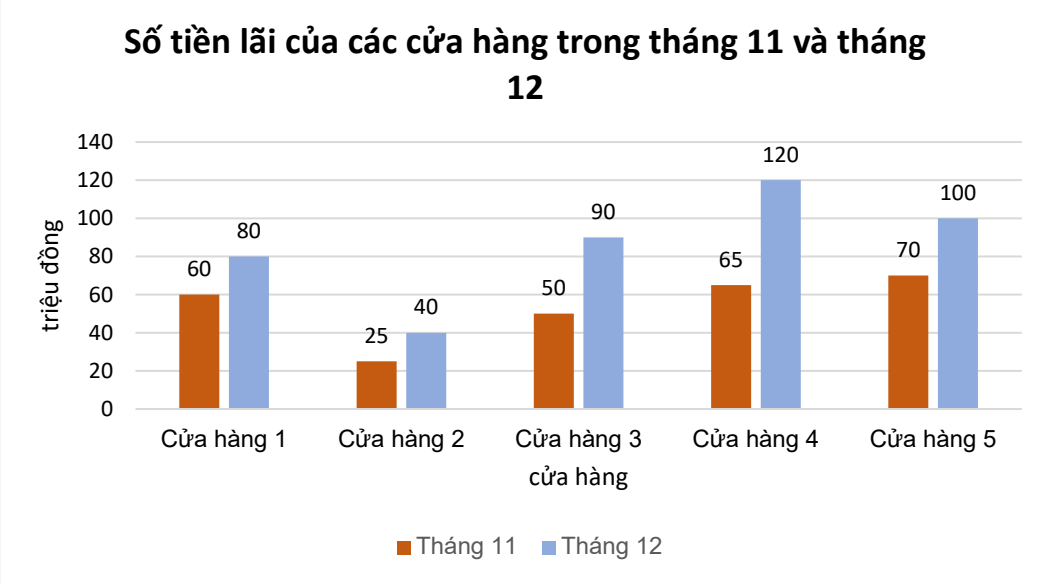

b) Tổng số lãi 5 cửa hàng thu được trong tháng 11 là: $60+25+50+65+70=270$ (triệu đồng)

Tổng số lãi 5 cửa hàng thu được trong tháng 12 là: $80+40+90+120+100=430$ (triệu đồng)

c) Không đồng ý với quyết định đóng cửa hàng 3 vì trung bình tiền lãi thu được của cửa hàng 3 vẫn cao hơn trung bình tiền lãi thu được của cửa hàng 2. Vì vậy công ty nên đóng cửa hàng 2 thay vì cửa hàng 3.

◎ Bài 3: Tập luyện thể thao rất tốt cho sức khỏe. Khi điều tra về môn thể thao ưa thích của học sinh trong lớp học, cô giáo thu được kết quả như sau:

	Bóng đá	Bóng rổ	Bóng bàn	Cầu lông	Bơi
Nam	30	25	15	20	30
Nữ	15	16	7	30	40

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.

b) Tính tổng số học sinh trong lớp yêu thích môn bóng đá?

c) Môn thể thao nào được học sinh trong lớp yêu thích nhất?

◎Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên:

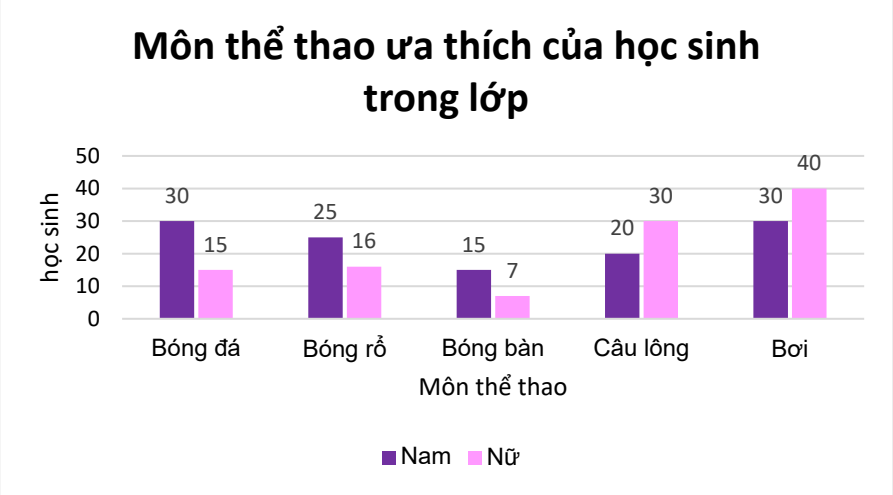

b) Tổng số học sinh trong lớp yêu thích môn bóng đá là: $30+15=45$ (học sinh)

c) Môn thể thao được học sinh trong lớp yêu thích nhất là bơi lội.

Bài 4: Để chuẩn bị cho chương trình 8/3, lớp 6A muốn tổ chức hoạt động tập thể để gửi lời cảm ơn tới những người phụ nữ yêu thương trong gia đình. Các bạn tổ chức bình chọn các hoạt động có thể tổ chức. Sau khi lớp trưởng thống kê kết quả bình chọn thì được bảng thống kê như sau:

	Làm thiệp	Làm hoa	Vẽ tranh
Nam	15	20	30
Nữ	32	25	35

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.

b) Có bao nhiêu bạn chọn vẽ tranh?

c) Nếu dựa trên việc hoạt động nào được bình chọn nhiều nhất sẽ là hoạt động được tổ chức thì lớp 6A sẽ tổ chức hoạt động nào?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên:

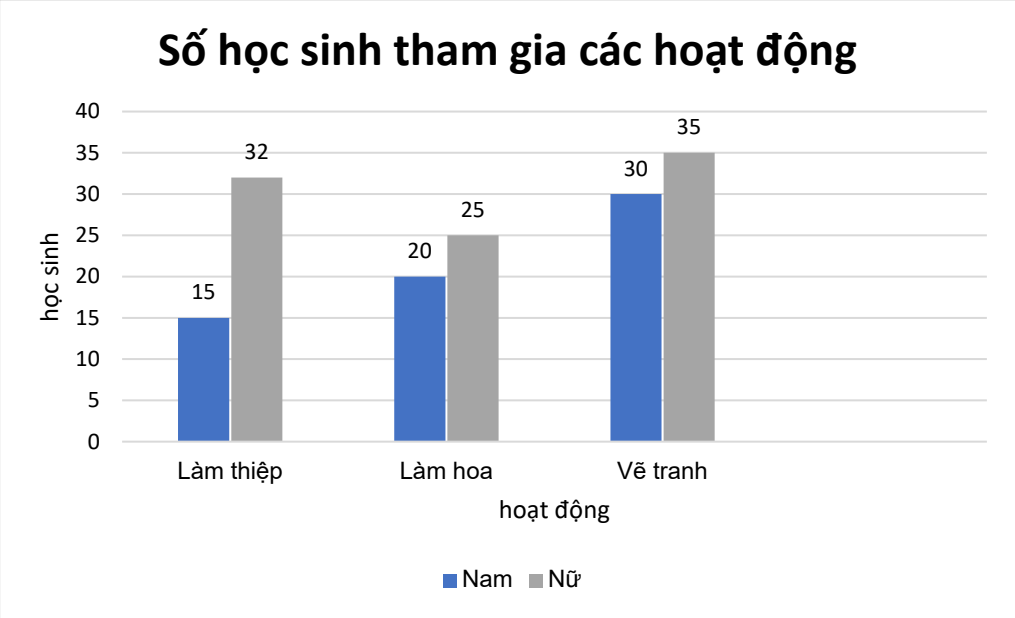

b) Có 65 bạn chọn vẽ tranh.

c) Nếu dựa trên việc hoạt động nào được bình chọn nhiều nhất sẽ là hoạt động được tổ chức thì lớp 6A sẽ tổ chức hoạt động vẽ tranh.

Bài 5: Nhiệt độ cao nhất trong ngày vào dịp Tết nguyên đán của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được cho trong bảng sau:

	Mùng 1	Mùng 2	Mùng 3
Hà Nội	15	15	14
Hồ Chí Minh	36	35	34

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.

b) Trong ngày mùng 1, nhiệt độ của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chênh nhau bao nhiêu độ?
c) Em có biết vì sao nhiệt độ ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội hay không?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ thể hiện bảng thống kê trên:

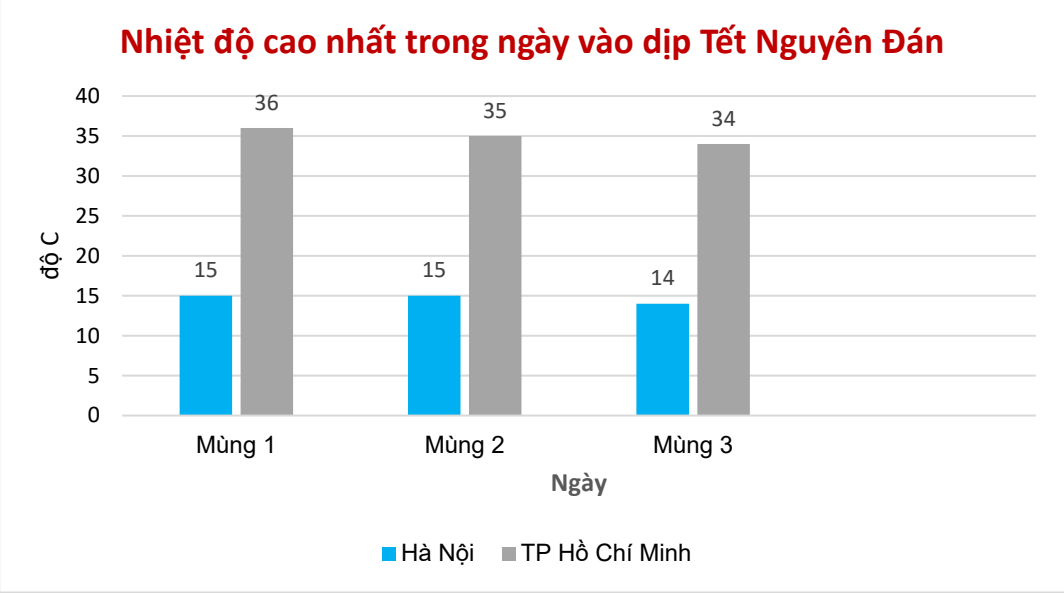

b) Trong ngày mùng 1, nhiệt độ của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh chênh nhau 21 độ C.
c) Nhiệt độ ở TP Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội vì miền Bắc chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc, nằm ở gần chí tuyến nên lượng nhiệt nhận được ít hơn. Miền Nam quanh năm chịu tác động của khối khí nóng lại nằm gần xích đạo hơn miền Bắc nên lượng nhiệt nhận được nhiều hơn. (HS nêu thêm quan điểm của mình theo hiểu biết của cá nhân)

Bài 6: Thống kê về dân số (triệu người) của 2 thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong 3 năm 2019, 2020 và 2021 được thể hiện trong bảng sau:

Năm	2019	2020	2021
Hà Nội	8,05	8,25	8,42
Hồ Chí Minh	9	9	8,84

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Thành phố nào có dân số đông hơn?
c) Em có thể giải thích vì sao dân số của thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 lại giảm đi không?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên:

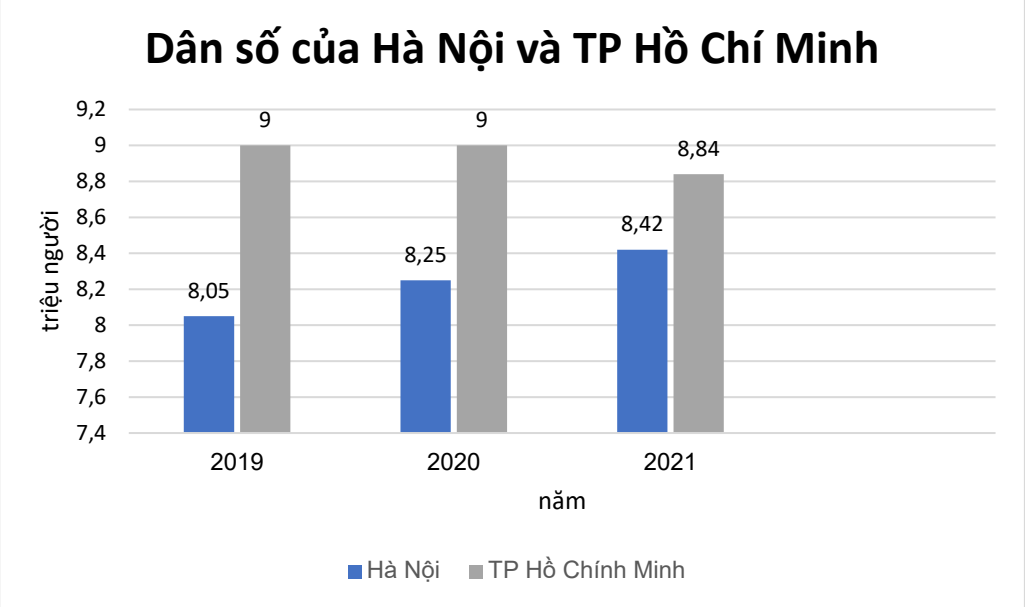

b) Thành phố Hồ Chí Minh có dân số đông hơn.

c) Gợi ý trả lời: Thành phố Hồ Chí Minh có lượng người nhập cư nơi khác đến để làm việc rất đông. Năm 2021 xuất hiện Virus Covid-19, hoạt động sản xuất và kinh doanh trì trệ, các nhà máy phải đóng cửa, người dân nhập cư không thể kiếm được việc làm nên họ đã về quê hoặc di cư đến địa bàn khác để làm việc nên dân số TP Hồ Chí Minh năm 2021 giảm đi. (HS nêu them quan điểm của cá nhân).

◎ Bài 7: Nhà Sơn có 2 anh em sinh đôi là Sơn và Nam cùng học chung lớp. Vì là 2 anh em sinh đôi nên từ nhỏ 2 bạn thường được phân vào chung 1 lớp. Và cũng vì lí do đó nên 2 bạn thường ganh đua nhau học hành để nhận phần thưởng của bố mẹ. Kết thúc học kì 1, 2 anh em mang về bảng điểm các môn như sau:

	Toán	Văn	Anh	LS &ĐL	Công nghệ	Tin học	GDCD	KHTN
Nam	8.5	7.3	6.7	7.2	7.8	8.0	8.5	8.8
Sơn	8.0	8.3	9.0	8.8	8.0	7.5	8.5	8.0

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.

b) Bạn nào học đều các môn hơn?

◎Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên:

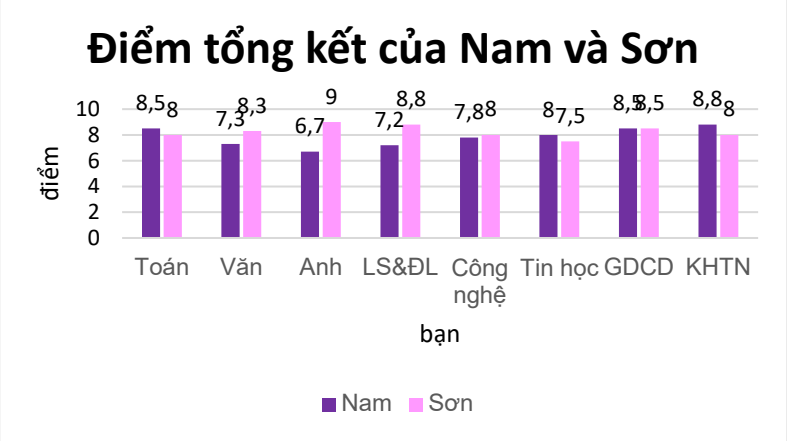

b) Quan sát biểu đồ cột kép ta thấy sự chênh lệch điểm số giữa các môn của Sơn ít hơn của Nam nên bạn Sơn học đều các môn hơn.

Bài 8: Trong bài thi giữa học kì 2, thống kê điểm giỏi môn Văn và Toán của các lớp 6 trong một trường THCS ta được bảng thống kê sau:

	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7	6A8
Văn	20	25	23	26	30	26	25	28
Toán	30	32	27	28	40	37	32	35

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên.
b) Lớp nào có tỉ lệ khá, giỏi nhiều nhất?
c) Lớp nào có nhiều bạn điểm giỏi môn Toán nhất?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép thể hiện bảng thống kê trên

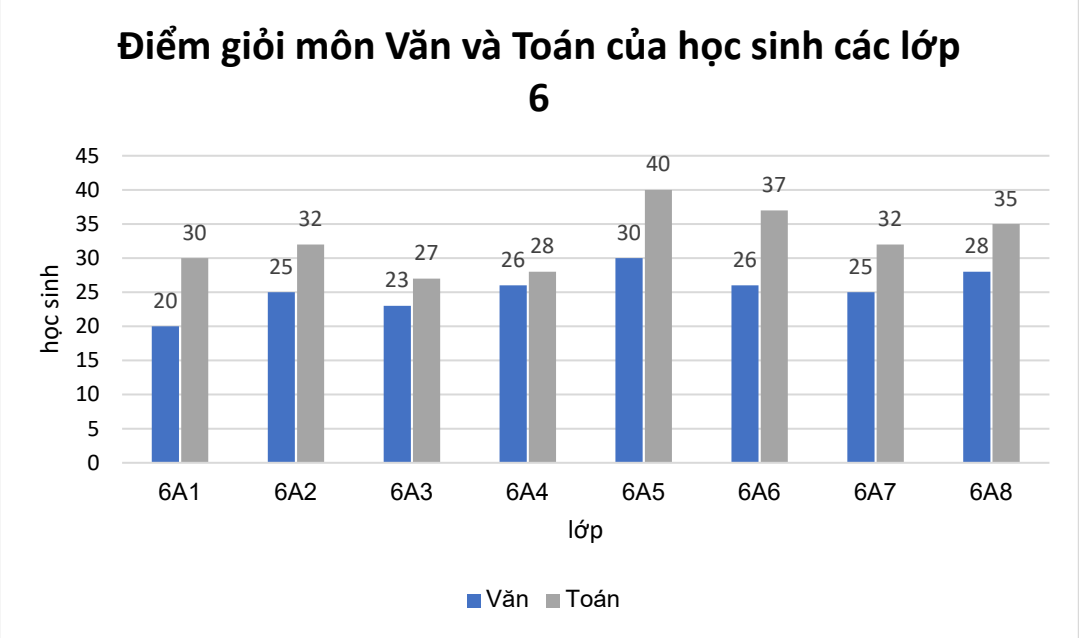

b) Lớp 6A5 có tỉ lệ khá, giỏi nhiều nhất.
c) Lớp 6A5 có nhiều bạn đạt điểm giỏi môn Toán nhất.

Bài 9: Một chuỗi quán cà phê Cộng gồm 5 quán cà phê ở 5 tuyến phố khác nhau. Bảng sau thống kê về số tiền lãi (triệu đồng) của các cửa hàng trong hai tháng 10 và 11 như sau:

	Cửa hàng 1	Cửa hàng 2	Cửa hàng 3	Cửa hàng 4	Cửa hàng 5
Tháng 10	30	20	15	20	17
Tháng 11	50	40	20	35	35

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tính tổng số lãi mà 5 cửa hàng mang về trong tháng 10, trong tháng 11.
c) Do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty phải đóng cửa một cửa hàng. Dựa trên số lãi trong tháng 10 và 11, ông chủ quyết định đóng cửa hàng 3. Em có đồng ý với quyết định của ông chủ không? Hãy giải thích?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

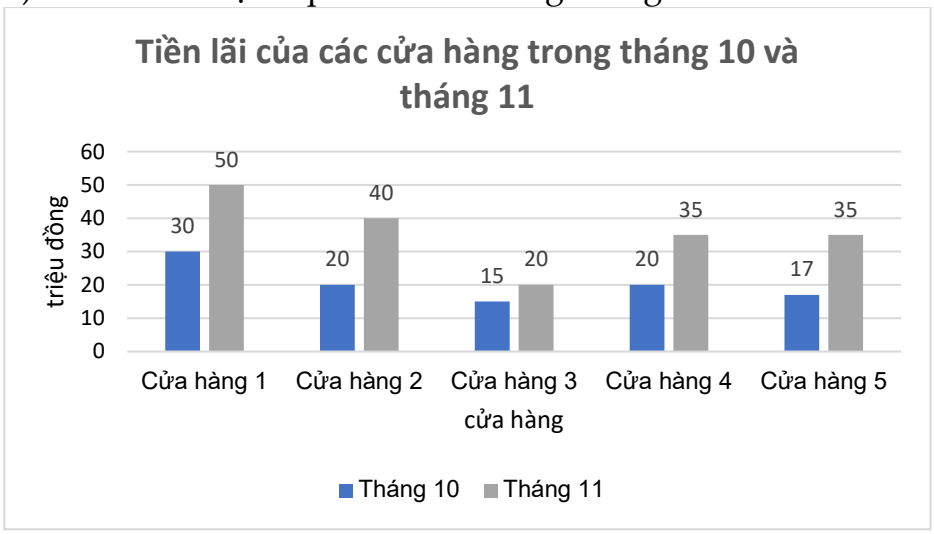

b) Tổng số lãi 5 cửa hàng thu về trong tháng 10 là: $30+20+15+20+17=102$ (triệu đồng)

Tổng số lãi 5 cửa hàng thu về trong tháng 11 là: $50+40+20+35+35=180$ (triệu đồng)

c) Đồng ý với quyết định của ông chủ vì trung bình số tiền lãi của cửa hàng 3 là ít nhất so với 4 cửa hàng còn lại.

Bài 10: Thống kê nhiệt độ cao nhất và thấp nhất trong một tuần của thành phố Hồ Chí Minh như sau:

	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Nhiệt độ cao nhất	35	36	35	35	36	37	36
Nhiệt độ thấp nhất	26	26	24	23	25	25	26

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.

b) Ngày nào là ngày nóng nhất trong tuần? Ngày nào mát nhất trong tuần?

c) Nếu em là khách du lịch vào thành phố Hồ Chí Minh trong 3 ngày, em sẽ lựa chọn đi vào thời điểm nào?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

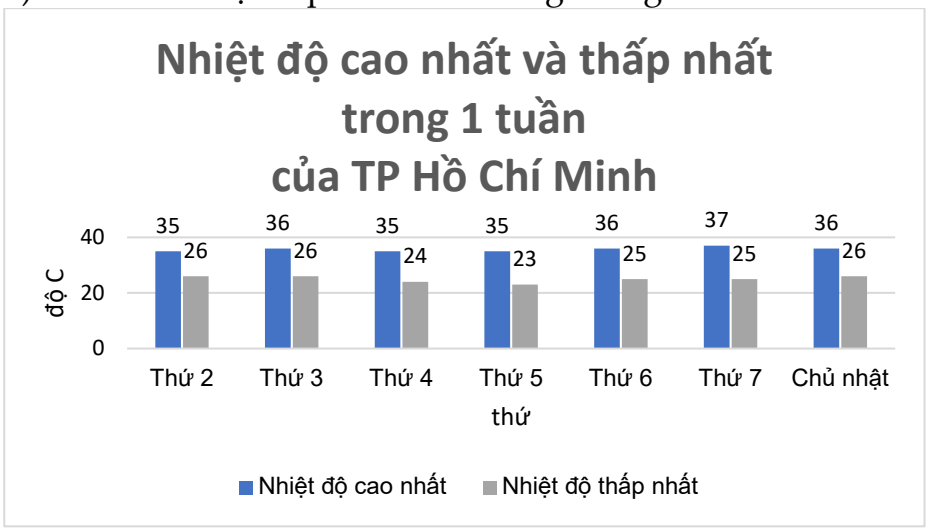

b) Thứ 7 là ngày nóng nhất trong tuần. Thứ 5 là ngày mát nhất trong tuần
c) Nếu em là khách du lịch vào thành phố Hồ Chí Minh trong 3 ngày, em sẽ lựa chọn đi vào ngày thứ 4, thứ 5 và thứ 6 (HS giải thích thêm lí do).

Bài 11: Thống kê sĩ số học sinh đầu năm và cuối năm của một số lớp trong 1 trường THCS như sau:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7
Sĩ số đầu năm	40	43	46	47	45	48	43
Sĩ số cuối năm	42	43	45	45	46	42	45

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Lớp nào có nhiều bạn chuyển đi nhất? nhiều bạn chuyển đến nhất?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

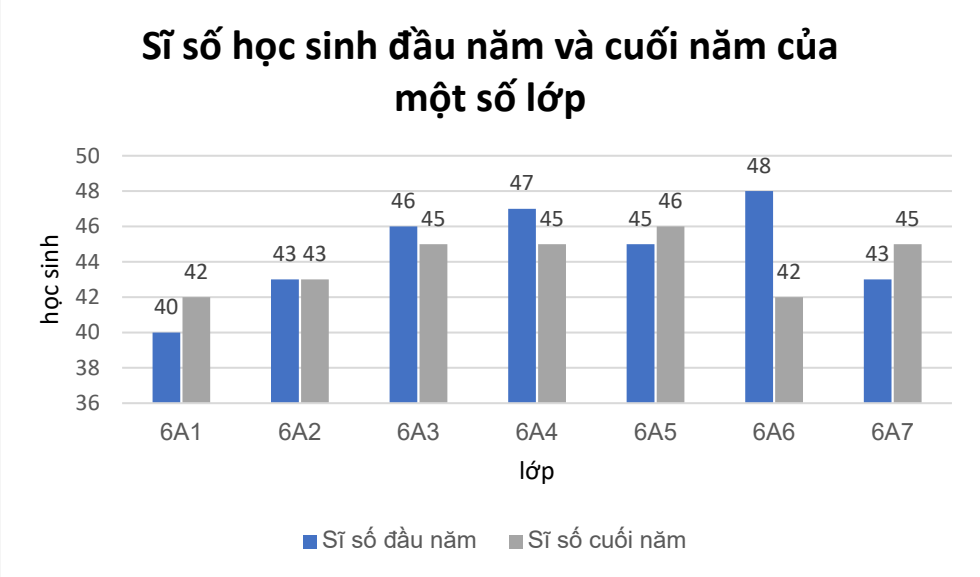

b) Lớp 6A6 có nhiều bạn chuyển đi nhất (6 bạn chuyển đi)
Lớp 6A1 và 6A7 có nhiều bạn chuyển đến nhất (2 bạn chuyển đến).

Bài 12: Thống kê số liệu về dân số Việt Nam và Thái Lan 10 năm 1 lần được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Năm	1979	1989	1999	2009	2019
Dân số Việt Nam (triệu người)	53	67	79	87	96
Dân số Thái Lan (triệu người)	47	56	62	67	69

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Dân số nước nào tăng nhanh hơn? Tính tỉ lệ phần trăm dân số năm 1979 và năm 2019 của 2 nước.

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

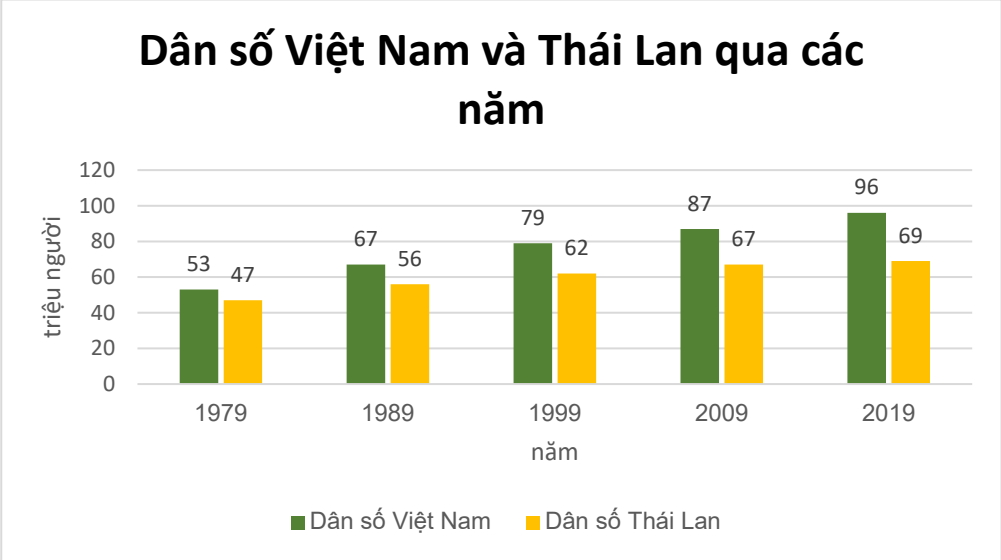

b) Dân số Việt Nam tăng nhanh hơn.

Tỷ lệ phần trăm dân số năm 1979 của Việt Nam so với Thái Lan là: $\frac{53}{47}\cdot 100 \approx 112,8\%$

Tỷ lệ phần trăm dân số năm 2019 của Việt Nam so với Thái Lan là: $\frac{96}{69}\cdot 100 \approx 139,1\%$

◎ Bài 13: Trong một bài thực hành KHTN, cô giáo giao nhiệm vụ cho học sinh của các tổ chuẩn bị khoai tây hoặc khoai lang. Thống kê số lượng khoai tây, khoai lang của các tổ mang đến như sau:

	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Khoai tây	4	5	3	5
Khoai lang	7	7	6	8

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tổ nào mang nhiều dụng cụ nhất? Tổ nào mang ít nhất?

◎Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

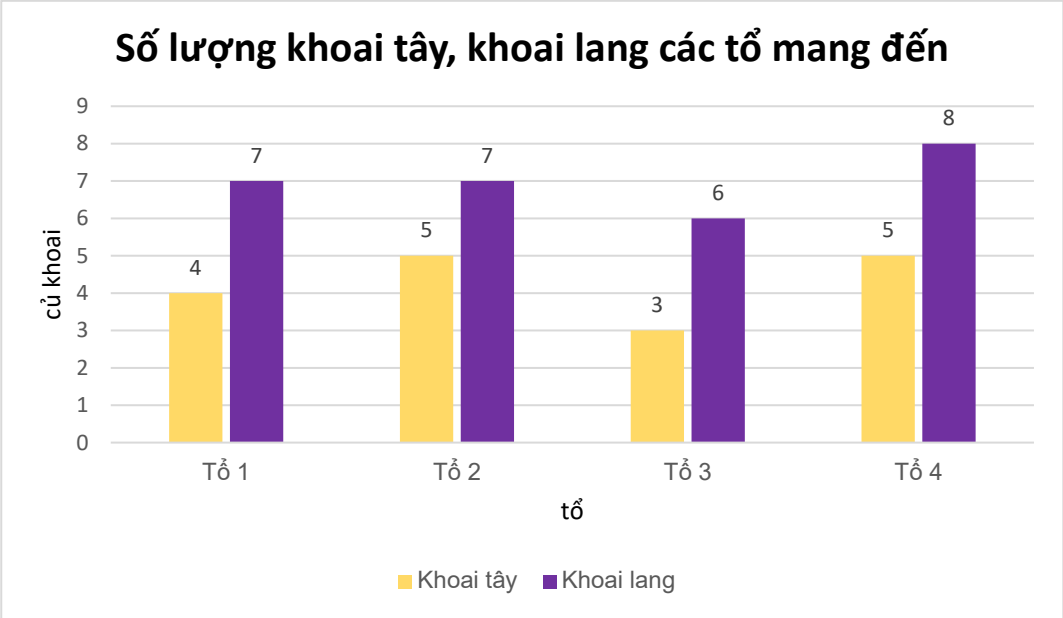

b) Tổ 4 mang nhiều khoai nhất (13 củ khoai). Tổ 3 mang ít khoai nhất 9 củ khoai).

Bài 14: Trong giờ thực hành môn Công nghệ, cô giáo yêu cầu HS về chuẩn bị món trộn su hào đu đủ hoặc dưa chuột. Học sinh các tổ chuẩn bị như sau:

	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Su hào, đu đủ	5	8	5	6
Dưa chuột	6	4	7	6

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Món nào là món được chuẩn bị nhiều nhất?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

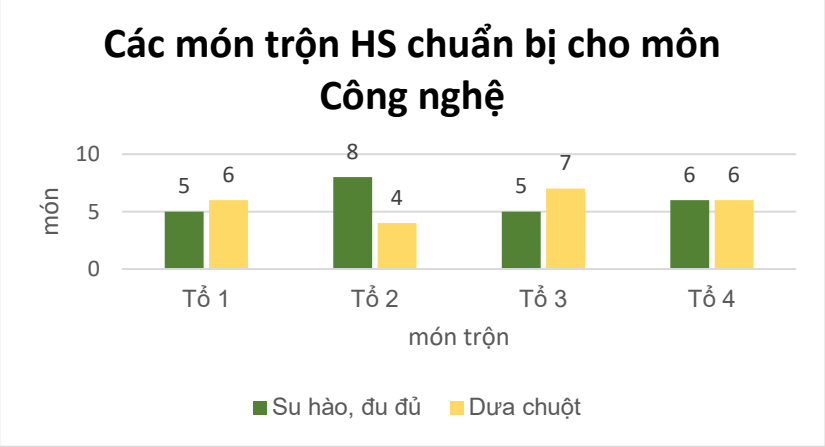

b) Món nộm su hào, đu đủ là món được chuẩn bị nhiều nhất (24 học sinh chuẩn bị).

Bài 15: Cửa hàng bán nem nướng có 2 cơ sở. Bảng sau thống kê số suất ăn bán ra của 2 cơ sở trong 3 ngày:

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3
Cơ sở 1	140	150	200
Cơ sở 2	120	170	150

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Cơ sở nào bán được nhiều nhất trong 3 ngày?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

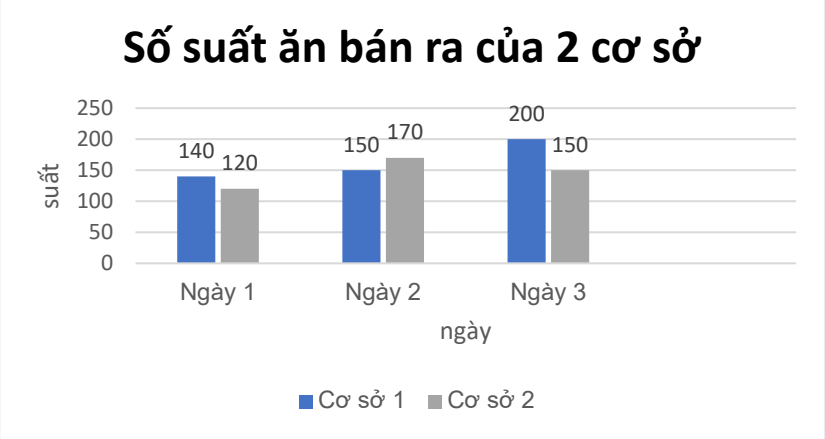

b) Cở sở 1 bán được nhiều suất ăn nhất trong cả 3 ngày (tổng cộng 490 suất).

◎ Bài 16: Thống kê lượt khách du lịch nội địa và quốc tế đến Hà Nội trong 3 năm 2016, 2017 và 2018 thể hiện trong bảng sau:

	2016	2017	2018
Khách quốc tế (triệu người)	4,02	5,27	6,0
Khách nội địa (triệu người)	17,8	18,7	20,3

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tính tổng số lượt khách du lịch đến Hà Nội trong 3 năm trên?
c) Tính tỉ số phần trăm khách quốc tế đến Hà Nội năm 2017 so với năm 2018?
d) Bạn An nói rằng năm 2018 có 28 triệu lượt khách du lịch đến Hà Nội. Bạn An nói đúng hay sai? Vì sao?

◎Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

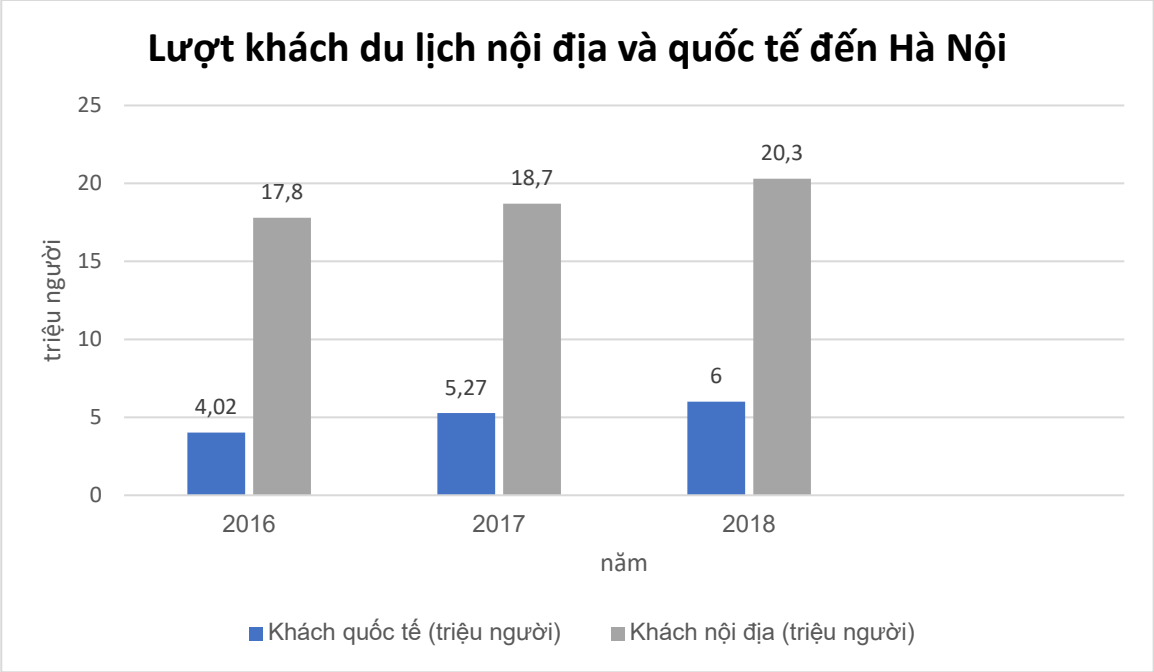

b) Tổng số lượt khách du lịch đến Hà Nội trong 3 năm:
$4.02+17.8+5.27+18.7+6+20.3=72.09$ (triệu người)
c) Tỷ số phần trăm khách quốc tế đến Hà Nội năm 2017 so với năm 2018 là:
$\frac{5,27}{6}\cdot 100\approx 87,83\%$
d) Bạn An nói sai. Vì theo thống kê trong bảng, ta thấy năm 2018, lượng khách quốc tế đến Hà Nội là 6 triệu người, lượng khách nội địa đến Hà Nội là 20,3 triệu người. Nên tổng lượng khách đến Hà Nội năm 2018 là 26,3 triệu người.

◎ Bài 17: Trong SEA Games 30, đoàn thể thao Việt Nam và Thái Lan đạt được một số huy chương vàng, bạc, đồng được thể hiện trong bảng sau:

	Vàng	Bạc	Đồng
Thái Lan	92	103	123
Việt Nam	98	85	105

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Tổng số huy chương của đoàn thể thao nào được nhiều hơn?

◎Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

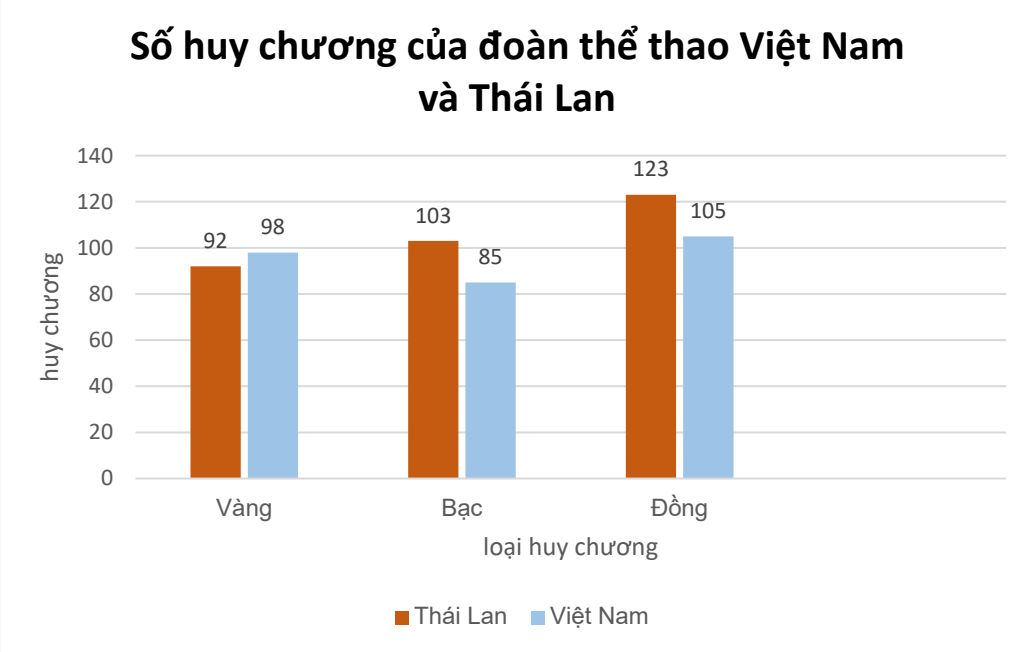

b) Tổng số huy chương của đoàn thể thao Thái Lan nhiều hơn tổng số huy chương của đoàn thể thao Việt Nam và nhiều hơn 30 huy chương.

◎ Bài 18: Số trường tiểu học và THCS của Hà Nội trong các năm học 2016 – 2017; 2017 – 2018; 2018 – 2019; 2019 – 2020 được thể hiện trong bảng sau :

	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 – 2020
Tiểu học	773	848	1 360	1 723
THCS	10 155	10 091	9 551	9 047

Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.

◎Hướng dẫn giải

Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

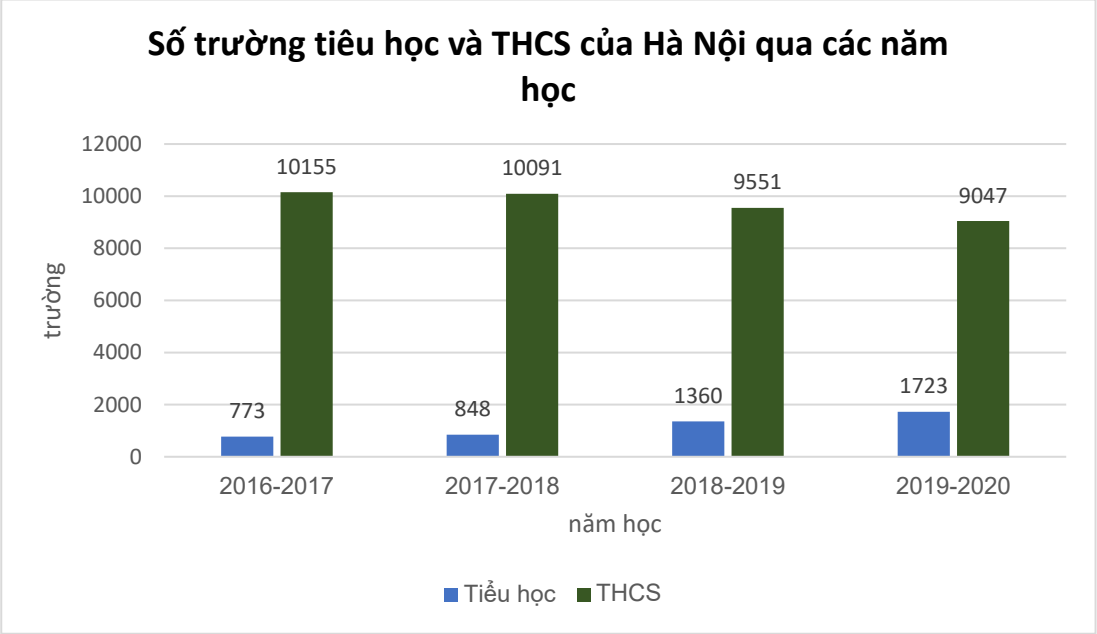

◎ Bài 19: Số lượng trường THCS của 5 tỉnh miền Trung trong năm 2005 và 2015 (theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2015) được cho trong bảng sau :

	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên – Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi
2005	143	100	100	180	140
2015	157	110	120	188	170

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) An nhận định như sau:
- Năm 2015, tỉnh Thừa Thiên – Huế có hơn 100 trường THCS.
- Năm 2005, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều trường THCS hơn tỉnh Quảng Bình.
- Năm 2015, số trường THCS của Quảng Nam nhiều hơn hai lần số trường THCS của tỉnh Quảng Trị.
- Số trường THCS của các tỉnh năm 2015 đều cao hơn 2005
Nhận định của An đúng hay sai?

◎Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

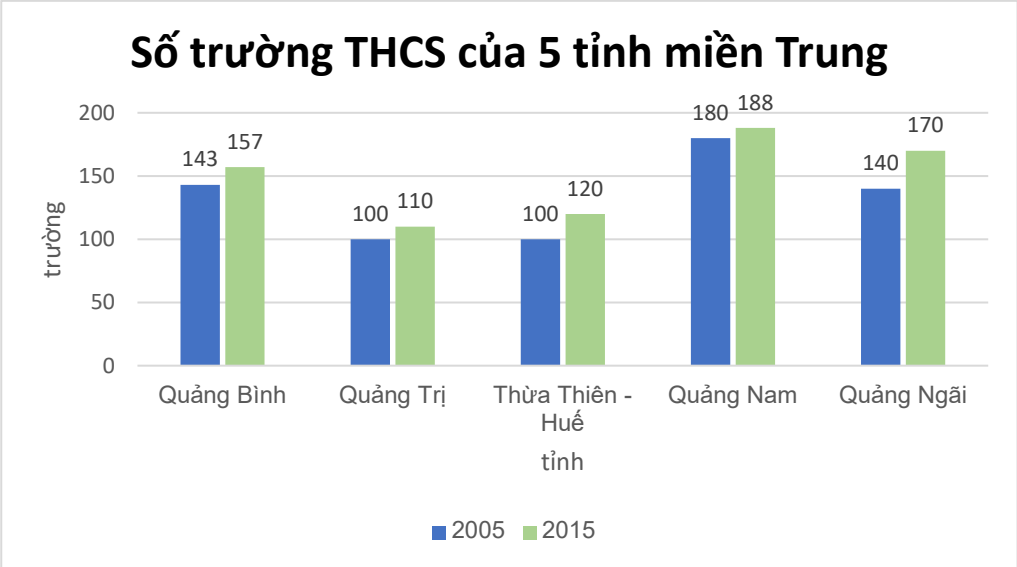

b) Nhận định của An có những nhận định đúng nhưng cũng có những nhận định sai:
- Những nhận định đúng:
+ Năm 2015, tỉnh Thừa Thiên – Huế có hơn 100 trường THCS.
+ Số trường THCS của các tỉnh năm 2015 đều cao hơn 2005.
- Những nhận định sai:
+ Năm 2005, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều trường THCS hơn tỉnh Quảng Bình.
+ Năm 2015, số trường THCS của Quảng Nam nhiều hơn hai lần số trường THCS của tỉnh Quảng Trị.

Bài 20: Điểm thi giữa học kì 1 và giữa học kì 2 của một số môn của bạn An được thể hiện trong bảng sau:

	Toán	Văn	Anh	GDCD	KHTN	LS&ĐL	Tin học	Công nghệ
Giữa kì 1	6	7	5.5	8	7	8	7	8
Giữa kì 2	9	8	7	8	7	7.5	8	8.5

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Môn học nào An đạt được tiến bộ nhiều nhất?
c) Môn học nào An đạt được tiến bộ ít nhất?
d) Có môn nào An có điểm thi giảm đi hay không?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

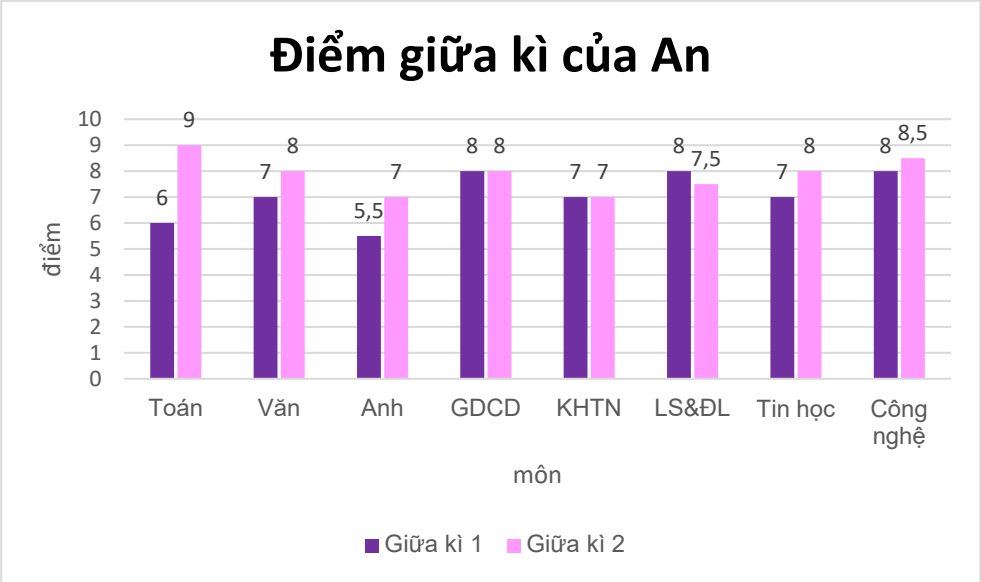

b) Môn học An học tiến bộ nhiều nhất là môn Toán
c) Môn học An tiến bộ ít nhất là môn Công nghệ
d) Môn Lịch sử và Địa lí bị giảm điểm đi so với kì 1

Bài 21: Mai, Chi, Quân là 3 bạn chơi thân, bảng thống kê chiều cao cân nặng của 3 bạn được thể hiện trong bảng sau:

	Mai	Chi	Quân
Chiều cao (cm)	136	143	142
Cân nặng (kg)	30	36	37

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên.
b) Em hãy tìm hiểu bảng chuẩn chiều cao cân nặng của trẻ em 12 tuổi và cho biết 3 bạn có đạt chuẩn không?

Hướng dẫn giải

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê trên

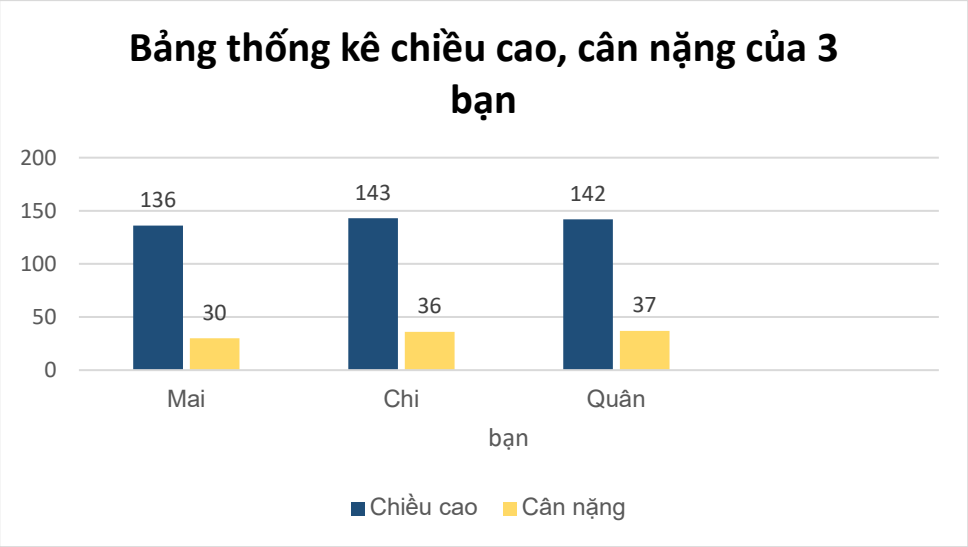

b) Theo bảng chuẩn chiều cao cân nặng thì 3 bạn chưa đạt chuẩn chiều cao cân nặng.

TRẺ NAM		TUỔI	TRẺ NỮ	
Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)		Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)
138.4	32	10	138.4	31.9
143.5	35.6	11	144	36.9
149.1	39.9	12	149.8	41.5
156.2	45.3	13	156.7	45.8
163.5	50.8	14	158.7	47.6
170.1	56.0	15	159.7	52.1
173.4	60.8	16	162.5	53.5
175.2	64.4	17	162.5	54.4
175.7	66.9	18	163	56.7

▷ Bài 42. KẾT QUẢ CÓ THỂ VÀ SỰ KIỆN TRONG TRÒ CHƠI, THÍ NGHIỆM

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Kết quả có thể:

✍ Các kết quả của trò chơi, thí nghiệm có thể xảy ra gọi là kết quả có thể.

❷ Sự kiện:

✍ Khi thực hiện trò chơi hoặc thí nghiệm, một sự kiện **có thể xảy ra** hoặc **không xảy ra** tùy thuộc vào kết quả của trò chơi, thí nghiệm đó.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Liệt kê các kết quả có thể của một trò chơi

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: An và Bình cùng chơi gieo đồng xu

a) Hãy nêu các kết quả có thể nếu đồng xu được gieo 1 lần

b) Hãy nêu các kết quả có thể nếu đồng xu được gieo 2 lần

c) Hãy nêu các kết quả có thể nếu đồng xu được gieo 3 lần

◎Hướng dẫn giải

Gieo đồng xu ngẫu nhiên nên ta không biết chắc chắn nó xuất hiện mặt nào, tuy nhiên các mặt đó chỉ có thể là mặt sấp hoặc mặt ngửa

Vậy có thể xảy ra:

a) gieo 1 lần : mặt sấp (S) hoặc mặt ngửa(N)

b) gieo 2 lần : SS hoặc SN hoặc NS hoặc NN

c) gieo 3 lần : SSS, SSN, SNS, SNN, NSS, NNS, NSN, NNN

◎ Bài 2: Trong trò chơi "hộp quà bí mật", cô giáo đặt 4 phần thưởng gồm "1 điểm 10", "1 cái bút", "1 bộ thước kẻ", "1 quyển vở" phía dưới hộp quà. Học sinh sẽ chọn ngẫu nhiên một hộp quà và nhận được phần thưởng dưới hộp quà đó.

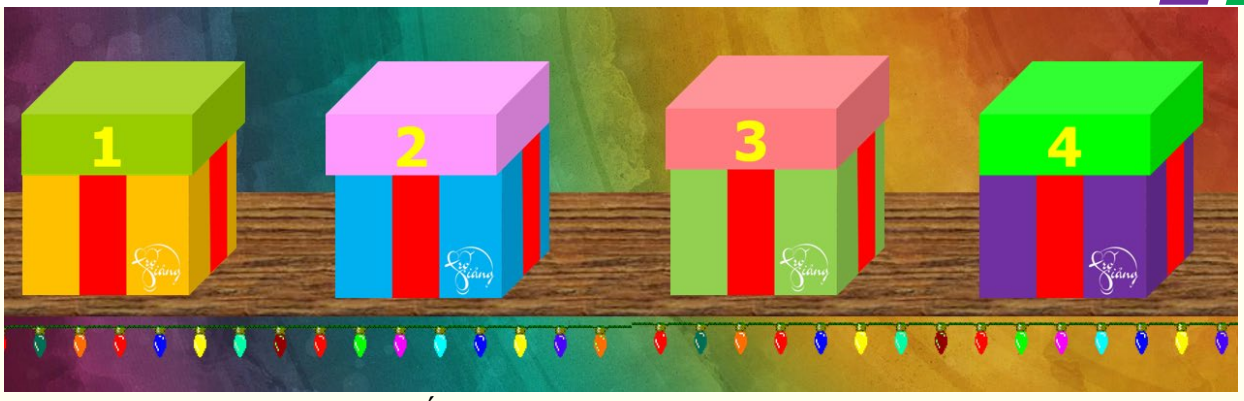

An và Bình là 2 bạn may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được nhận quà
a) An là người chọn đầu tiên. Liệu An có thể nhận được phần quà nào?
b) Giả sử An chọn được hộp quà là một quyển vở. Hỏi Bình có thể nhận được phần quà nào?

Hướng dẫn giải

An chọn đầu tiên nên các phần quà An có thể nhận là : "1 điểm 10", "1 cái bút", "1 bộ thước kẻ", "1 quyển vở"
Do An đã chọn hộp quà là "1 quyển vở" nên bình có thể nhận phần quà là: "1 điểm 10", "1 cái bút", "1 bộ thước kẻ"

Bài 3: Trong trò chơi quay số trúng thưởng. Nếu quay được bóng màu đỏ sẽ trúng 1 chú gấu bông, bóng màu xanh lá cây sẽ được một khẩu súng đồ chơi, màu xanh nước biển sẽ được 1 quyển vở và màu vàng sẽ được 1 chiếc bút

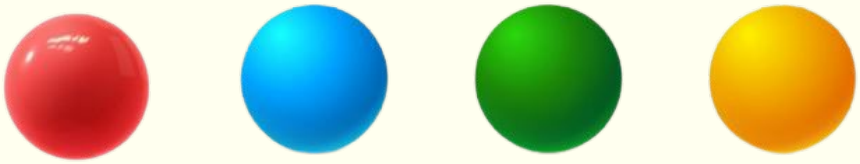

Hà và Uyên là 2 bạn may mắn được quay số
a) Hà là người quay đầu tiên. Liệu Hà có thể nhận được phần quà nào?
b) Giả sử Hà quay được bóng màu xanh nước biển. Hỏi Uyên có thể nhận được phần quà nào?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 2

Bài 4: Hai bạn Hà và Hương chơi trò gieo xúc xắc

Hãy nêu các kết quả có thể khi gieo xúc xắc

Hướng dẫn giải

Gieo xúc xắc ngẫu nhiên nên ta không biết chắc chắn nó xuất hiện mặt nào, tuy nhiên các mặt đó chỉ có thể là một trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6.
Vậy có thể xảy ra: mặt 1 chấm, hoặc mặt 2 chấm, hoặc mặt 3 chấm, hoặc mặt 4 chấm, hoặc mặt 5 chấm, hoặc mặt 6 chấm

◎ Bài 5: Một hộp bóng có 3 quả bóng vàng và 2 quả bóng xanh. Nêu các kết quả có thể khi bạn An lấy ra 2 quả bóng từ hộp

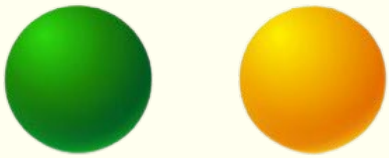

◎Hướng dẫn giải

Các trường hợp xảy ra khi An lấy bóng là : Lấy được 2 bóng vàng, Lây được 2 bóng xanh, lấy được 1 bóng vàng 1 bóng xanh

◎ Bài 6: Một hộp bóng có 1 quả bóng vàng và 3 quả bóng xanh. Nêu các kết quả có thể khi bạn Hà lấy ra 2 quả bóng từ hộp

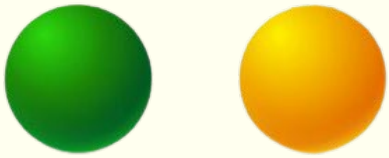

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 5

◎ Bài 7: Trong một trò chơi quay số có vòng quay như sau

Liệt kê các kết quả có thể xay ra khi bạn Dương chơi trò chơi trên

◎Hướng dẫn giải

Các kết quả mà bạn Dương có thể nhận là: 10, 20, 50, 100, thêm lượt, mất lượt

◎ Bài 8: Để tuyên dương các bạn có thành tích tốt trong lớp. Cô giáo cho các bạn chơi trò quay số để nhận thưởng biết rằng mỗi phần thưởng chỉ có thể nhận 1 lần

a) Bạn Long có thành tích tốt nhất nên được quay trước, liệt kê các phần thưởng mà bạn Long có thể nhận

b) Bạn Hương có kết quả xếp thứ 2 giả sử bạn Long quay được búp bê, liệt kê các phần thưởng mà bạn Hương có thể nhận

Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

Bài 9: Bạn A tham gia chơi trò ô cửa bí mật. có 3 ô cửa trong đó có 1 ô cửa phía sau là ô tô, 2 ô cửa phía sau là con dê. Liệt kê các kết quả mà bạn A nhận được khi tham gia trò chơi

Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

Bài 10: Ở gia đình người ta tiến hành dự đoán nghề nghiệp tương lai cho em bé bằng cách cho em bé chọn một trong các đồ đạc: kéo, tiền, áo , xe đồ chơi, đồ ăn. Liệt kê các kết quả có thể xảy ra khi em bé chọn đồ

Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

Bài 11: Có 5 bạn An, Hằng, Hà, Hương, Hồng chơi trốn tìm bạn Hà là người đi tìm người bị tìm thấy cuối cùng sẽ là người thắng cuộc. Liệu ai sẽ là người thắng cuộc

Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

Bài 12: Trong thùng có 7 quả bóng 2 bóng vàng, 3 bóng xanh và 2 bóng đỏ

a) Liệt kê các kết quả xảy ra khi Cường lấy 2 quả bóng từ trong thùng

b) Liệt kê các kết quả xảy ra khi Cường lấy 3 quả bóng từ trong thùng

Hướng dẫn giải

a) Các khả năng xảy ra khi bạn Cường lấy 2 quả bóng từ trong thùng là bạn Cường lấy được: 2 bóng vàng, 2 bóng xanh, 2 bóng đỏ, 1 bóng xanh 1 bóng vàng, 1 bóng vàng 1 bóng đỏ, 1 bóng vàng 1 bóng đỏ
b) Các khả năng xảy ra khi bạn Cường lấy 3 quả bóng từ trong thùng là bạn Cường lấy được: 3 bóng xanh, 2 bóng vàng 1 bóng đỏ, 2 bóng vàng 1 bóng xanh, 2 bóng xanh 1 bóng vàng, 2 bóng xanh 1 bóng đỏ, 2 bóng đỏ 1 bóng vàng, 2 bóng đỏ 1 bóng xanh, 1 bóng vàng 1 bóng đỏ, 1 bóng xanh

◎ Bài 13: Bạn Hương vào cửa hàng để lựa chọn quà sinh nhật cho Hà, trong cửa hàng có mũ, áo, son , túi xách, giày. Khi bạn hà mở quà sinh nhật Hà có thể nhận quà gì

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Bài 14: Có 2 loại phương tiện để sinh viên đi học: phương tiện cá nhân hoặc phương tiện công cộng
Phương tiện cá nhân: xe đạp, xe máy, ô tô
Phương tiện công cộng: bus, taxi, xe ôm
Sinh viên có bao nhiêu cách để đi học

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Bài 15: Vinh có cái áo 1 màu đỏ 1 màu xanh, 3 cái quần có màu lần lượt là trắng, xanh, đen. Vinh có những cách mặc như thế nào khi đi ra ngoài

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Bài 16: Tổ có 5 bạn Vương, Hùng, Cường, Khánh, Trang. Cô giáo chọn ra hai bạn đi chơi trò chơi. Nêu các kết quả nhận được khi cô giáo chọn

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Bài 17: Tổ có 5 bạn Vương, Hùng, Cường, Khánh, Trang. Cô giáo chọn ra hai bạn đi trực nhật biết rằng 2 bạn Cường Trang ghét nhau nên sẽ không chơi cùng nhau. Nêu các kết quả nhận được khi cô giáo chọn

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Bài 18: Bốn bạn : Dương, Hà, Uyên ,Hương chơi bài ngày tết , bạn Dương lỡ lấy được 4 con 2 nên phải đưa ra cho các bạn còn lại rút ngẫu nhiên mỗi người một con
a) Nêu các kết quả mà bạn Hà có thể rút được
b) Giả sử bạn Hà rút được 2 cơ. Nêu các kết quả mà bạn Dương có thể có được sau khi 2 bạn Hương và Uyên rút

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Bài 19: Cô giáo có 3 bức thư của 3 bạn : Dương , Hương , Uyên và 3 phong bì thư màu hồng , màu vàng và màu xanh .
a) Hãy nêu các kết quả có thể xảy ra khi ghép ngẫu nhiên thư vào các phong bì
b) Bạn Dương không thích màu hồng nên bạn Dương không thích để thư trong phong bì màu hồng. Hãy nêu các kết quả có thể xảy ra khi ghép thư.

◎Hướng dẫn giải

a) Khi ghép ngẫu nhiên thư vào các phong bì các kết quả có thể xảy ra là: Thư của Dương nhét vào phong bì hồng, thư của Dương nhét vào phong bì vàng, thư của Dương nhét vào phong bì xanh, thư của Hương nhét vào phong bì hồng, thư của Hương nhét vào phong bì vàng, thư của Hương nhét vào phong bì xanh, thư của Uyên nhét vào phong bì hồng, thư của Uyên nhét vào phong bì vàng, thư của Uyên nhét vào phong bì xanh
b) Khi ghép ngẫu nhiên thư vào các phong bì các kết quả có thể xảy ra là: Thư của Dương nhét vào phong bì vàng, thư của Dương nhét vào phong bì xanh, thư của Hương nhét vào phong bì hồng, thư của Hương nhét vào phong bì vàng, thư của Hương nhét vào phong bì xanh, thư của Uyên nhét vào phong bì hồng, thư của Uyên nhét vào phong bì vàng, thư của Uyên nhét vào phong bì xanh

◎ Bài 20: Cô giáo trả bài kiểm tra cho các bạn , Thảo được 8 , Vân 7 , Nguyệt 9 , Hân 10 , những bạn có điểm từ 9 trở lên sẽ được cô giáo thưởng cho một trong những phần quà sau đây : 1 chiếc bút, 1 quyển vở , 1 bộ thước kẻ.
a) Nếu Hân lấy được tặng đầu tiên thì Vân có thể nhận được món quà nào?
b) Nếu Hân nhận được quyển vở thì Nguyệt còn có thể nhận được món nào?

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài các bài trên

◎ Dạng 2: Sự kiện xảy ra hay không xảy ra

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: Trong trò chơi vòng xoay may mắn, An đã may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được xoay vòng xoay.

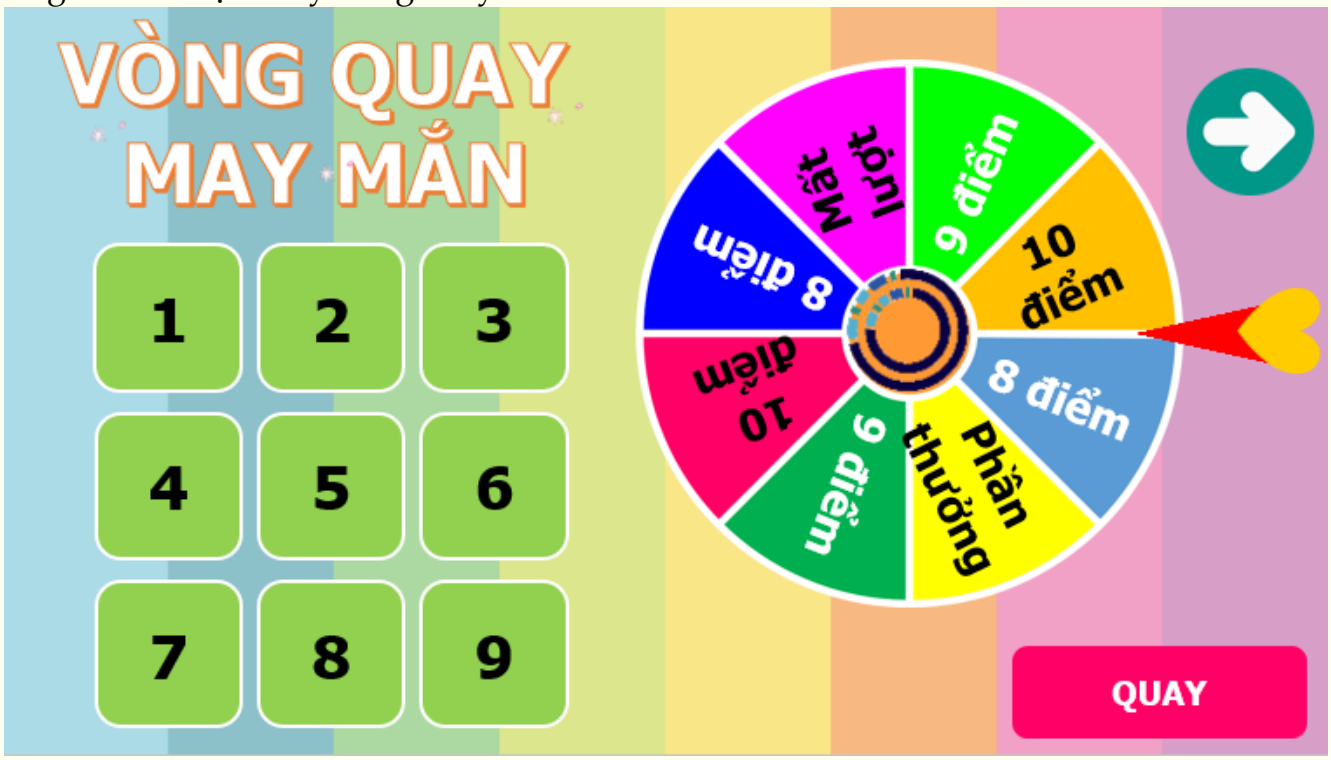

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

① An xoay vào 1 số chẵn

② An xoay vào 1 số nguyên tố

③ An xoay vào 1 số có 2 chữ số

④ An xoay vào ô mất điểm

◎Hướng dẫn giải

Sự kiện An xoay vào 1 số nguyên tố là sự kiện không thể xảy ra. Vì trong các ô của vòng quay may mắn không có ô nào có chứa số nguyên tố

◎ Bài 2: An chơi trò gieo xúc xắc

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) An gieo được số lẻ

b) An gieo được số lơn hơn 7

◎Hướng dẫn giải

Xúc xắc có các mặt có số chấm là: {1, 2, 3, 4, 5, 6} nên sự kiện An gieo được số lẻ là có thể xay ra, sự kiện An gieo được số lớn hơn 7 là không thể xảy ra

◎ Bài 3: Bình tham gia một trò chơi quay số

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bình quay vào ô mất lượt
b) Bình quay vào ô 60 điểm

◎Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

◎ Bài 4: Trong thùng có 7 quả bóng 2 bóng vàng, 3 bóng xanh và 2 bóng đỏ. Tú lấy 3 quả bóng từ trong thùng ra
Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) Tú lấy được mỗi quả bóng một màu
b) Tú lấy được 3 quả bóng màu đỏ

◎Hướng dẫn giải

Các trường hợp có thể xảy ra khi Tú lấy 3 quả bóng là :

- 2 bóng vàng, 1 bóng đỏ
- 2 bóng vàng, 1 bóng xanh
- 1 bóng vàng, 2 bóng xanh
- 1 bóng vàng, 2 bóng đỏ
- 1 bóng vàng, 1 bóng xanh, 1 bóng đỏ
- 3 bóng xanh
- 2 bóng xanh, 1 bóng đỏ

Nên sự kiện Tú lấy được mỗi bóng một màu là có thể xảy ra, sự kiện Tú lấy được 3 bóng màu đỏ là không thể xảy ra

◎ Bài 5: An và Tùng chơi trò gieo xúc xắc mỗi người gieo hai lần

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) An gieo hai lần 1 chấm
b) Tùng gieo được số chấm nhiều hơn An 11 chấm

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 2

Bài 6: An và Bình cùng chơi gieo đồng xu

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bạn An gieo được mặt sấp
b) Cả Bình và An đều gieo được mặt ngửa

Hướng dẫn giải

Khi gieo đồng xu có hai trường hợp xảy ra là gieo được mặt sấp và gieo được mặt ngửa. Nên cả hai sự kiện bạn An gieo được mặt sấp và sự kiện cả Bình và An đều gieo được mặt ngửa đều có thể xảy ra

Bài 7: Trong hộp có 10 tấm thẻ ghi các số 2,3,3,5,5,7,7,7,9,9. Yêu cầu 5 bạn lần lượt rút ngẫu nhiên 1 thẻ, quan sát số ghi trên thẻ rồi trả lại hộp. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Rút được thẻ số 4
b) Không rút được thẻ số 2

Hướng dẫn giải

Sự kiện rút được thẻ số 4 không thể xảy ra vì trong 10 tấm thẻ không có thẻ nào ghi số 4

Sự kiện không rút được thẻ số 2 là sự kiện có thể xảy ra vì có thể 5 người đều rút thẻ khác số 2

Bài 8: Bạn Hằng tham gia trò chơi chiếc nón kì diệu

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích

a) Bạn Hằng không quay được ô 100 điểm

b) Bạn Hằng quay vào ô cơ hội

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

PTHToan 6 - Vip

Bài 9: Bạn Hà và Hương chơi tung đồng xu mỗi bạn tung 5 lượt ai được số mặt ngửa nhiều hơn là người thắng. Kết quả tung hai bạn được ghi vào bảng sau

Hà	Sấp	Ngửa	Ngửa	Sấp	Sấp
Hương	Ngửa	Sấp	Ngửa	Ngửa	Sấp

Trong hai sự kiện: Hà thắng và Hương thắng, sự kiện nào xảy ra? Sự kiện nào không xảy ra

Hướng dẫn giải

Hương tung được mặt ngửa nhiều hơn nên sự kiện Hương thắng là sự kiện có thể xảy ra, sự kiện Hà thắng không thể xảy ra

Bài 10: Cô giáo có 3 bức thư của 3 bạn : Dương , Hương , Uyên và 3 phong bì thư màu hồng , màu vàng và màu xanh

Trong sự kiện: bức thư của bạn Hương được bỏ vào phong bì màu tím và sự kiện bức thư bạn Uyên bỏ vào phong bì màu hồng? Sự kiện nào không xảy ra

Hướng dẫn giải

Sự kiện bức thư của bạn Hương được bỏ vào phong bì màu tím không thể xảy ra vì trong số các phong bì không có màu tím

Sự kiện bức thư bạn Uyên bỏ vào phong bì màu hồng có thể xảy ra vì các bức thư được bỏ vào các phong bì 1 cách ngẫu nhiên nên sư kiện có thể xảy ra

Bài 11: Thảo quay tấm bìa và thấy mũi tên chỉ vào số 2 như hình

Hãy cho biết sự kiện nào có thể xảy ra, Vì sao ?
a) Mũi tên chỉ vào ô 3 hoặc 5
b) Mũi tên chỉ vào ô 4
c) Mũi tên chỉ vào ô nhỏ hơn 7

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 1

Bài 12: Một hộp đựng 4 viên bi xanh 3 viên bi đỏ và 4 viên bi vàng. Mỗi lượt chơi Hà và Hương lần lượt lấy ra một viên bi từ hộp quan sát rồi bỏ lại hộp. Kết quả đc ghi lại bên dưới

Hà	X	X	Đ	V	Đ	Đ	V
Hương	Đ	X	V	Đ	Đ	V	V

Người thắng là người lấy được nhiều bi đỏ hơn sau 7 lượt chơi. Sự kiên Hà thua có xảy ra không ?

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 9

Bài 13: Thu và Trang chơi tung đồng xu kết quả được ghi lại như sau

Thu	S	N	N	S	N	S	N	N	S	S
Trang	N	N	S	N	N	S	S	S	N	S

Người chơi tung 2 lần mặt ngửa liên tục thì được 1 điểm, người nào nhiều điểm hơn sẽ thắng. Hỏi sự kiện Thu thắng có xảy ra hay không

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 9

Bài 14: Gieo đồng thời 2 con xúc xắc. Quan sát số chấm xuất hiện. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Tổng số chấm xuất hiện là số lẻ
b) Tổng số chấm xuất hiện bằng 13

Hướng dẫn giải

Khi gieo xúc xắc số chấm có thể xuất hiện là từ 1 đến 6. Nên sự kiện tổng số chấm xuất hiện là số lẻ có thể xảy ra
Sự kiện tổng số chấm xuất hiện bằng 13 không thể xảy ra vì tối đa chỉ có thể xuất hiện 2 mặt 6

Bài 15: Trong 1 trò chơi bạn An tiến hành rút 1 lá bài trong bộ 52 lá. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Rút được lá màu đen
b) Rút được 2 lá 3 bích

Hướng dẫn giải

Trong 1 bộ bài có 4 chất jo, cơ, bích, tép mỗi chất có 13 lá A, 2, 3, .. 10, J, Q, K. Jo, cơ màu đỏ bích, tép màu đen
Sự kiện rút được lá màu đen là có thể xảy ra
Sự kiện rút được 2 lá 3 bích là không thể xảy ra vì chỉ rút 1 là và bộ bài cũng chỉ có 1 lá 3 bích

Bài 16: Bạn A tham gia chơi trò ô cửa bí mật. có 3 ô cửa trong đó có 1 ô cửa phía sau là ô tô, 2 ô cửa phía sau là con dê. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Bạn A không đi vào ô có con dê
b) Bạn A đi vào ô có xe máy

Hướng dẫn giải

Sự kiện Bạn A không đi vào ô có con dê là sự kiện có thể xảy ra vì bạn A có thể đi vào 1 trong 3 ô
Sự kiện Bạn A đi vào ô có xe máy là không thể xảy ra vì trong 3 ô không có ô nào chứa xe máy

Bài 17: Tại 1 trận đấu hai đội A và B hòa nhau tiến hành sút luân lưu. Mỗi đội sút 5 quả (sau 5 lượt sút sẽ có đội thắng). Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra. Giải thích
a) Đội A sút vào 3 quả
b) Đội B sút vào 6 quả

Hướng dẫn giải

Tương tự

Bài 18: Có 3 bó hoa. Bó thứ nhất có 8 hoa hồng, bó thứ hai có 7 bông hoa ly, bó thứ ba có 6 bông hoa huệ. Chọn ngẫu nhiên 7 hoa từ ba bó hoa trên để cắm vào lọ hoa. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra.
a) Số hoa hồng bằng số hoa ly
b) Số hoa hồng gấp đôi số hoa ly và hoa huệ

Hướng dẫn giải

Tương tự bài 4

◎ Bài 19: Người ta dùng 18 cuốn sách bao gồm 7 cuốn sách Toán, 6 cuốn sách Lý và 5 cuốn sách Hóa (các cuốn sách cùng loại thì giống nhau) để làm phần thưởng cho 9 học sinh A, B, C, D, E, F, G, H, I, mỗi học sinh nhận được 2 cuốn sách khác thể loại (không tính thứ tự các cuốn sách). Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra

a) Hai học sinh A, B nhận được phần thưởng giống nhau

b) 5 học sinh nhận được phần thưởng như nhau

◎Hướng dẫn giải

Sự kiện A,B nhận được phần thưởng giống nhau là có thể xảy ra vì có thể A,B đều nhận 1 cuốn Toán 1 cuốn Lý

Sự kiện 5 học sinh nhận được phần thưởng như nhau không thể xảy ra vì số sách không thể chia cho các b mà mỗi bạn nhận như nhau được

◎ Bài 20: Một ban đại diện gồm 5 người được thành lập từ 10 người có tên sau đây: Lan, Mai, Minh, Thu, Miên, An, Hà, Thanh, Mơ, Nga. Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra

a) 3 người trong ban đại diện có tên bắt đầu bằng chữ M

b) 3 người trong ban đại diện có tên bắt đầu bằng chữ T

◎Hướng dẫn giải

Trong 10 bạn có 4 bạn bắt đầu bằng chữ M lên sự kiện 3 người trong ban đại diện có tên bắt đầu bằng chữ M có thể xảy ra

Trong 10 bạn có 2 bạn bắt đầu bằng chữ T lên sự kiện 3 người trong ban đại diện có tên bắt đầu bằng chữ T không thể xảy ra

▷ Bài 43. XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

❶ Khả năng xảy ra của một sự kiện:

✍ Khả năng bằng 0 (hay 0%) có nghĩa sự kiện đó không bao giờ xảy ra.

✍ Khả năng bằng 1 (hay 100%) có nghĩa sự kiện đó chắc chắn xảy ra.

✍ Khả năng xảy ra của một sự kiện được thể hiện bằng một con số từ 0 đến 1.

❷ Xác suất thực nghiệm:

✍ Xác xuất thực nghiệm của một sự kiện được tính bằng tỉ số của số lần xảy ra sự kiện đó và tổng số lần thực hiện hoạt động.

$$\frac{\text{Số lần sự kiện xảy ra}}{\text{Tổng số lần thực hiện hoạt động}}$$

Nhận xét: Xác suất thực nghiệm phụ thuộc vào người thực hiện thí nghiệm, trò chơi và số lần người đó thực hiện thí nghiệm, trò chơi.

B. CÁC DẠNG TOÁN THƯỜNG GẶP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

◎ Dạng 1: Tính xác suất thực nghiệm

◎ Phương pháp:

◎ Bài 1: An và Bình cùng làm thí nghiệm với việc tung đồng xu. Kết quả như sau:

	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8	Lần 9	Lần 10
An	S	S	N	S	N	S	N	N	N	S
Bình	N	N	N	S	S	N	S	S	S	N

a) An và Bình đã tung đồng xu tất cả bao nhiêu lần?

b) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của An

c) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của Bình.

d) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" dựa trên kết quả tổng hợp của thí nghiệm của cả hai bạn.

◎Hướng dẫn giải

a) An và Bình đã tung đồng xu tất cả 20 lần

b) Trong 10 lần tung đồng xu, An tung được mặt sấp 5 lần.

Xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của An là: $\frac{5}{10}=\frac{1}{2}$

c) Trong 10 lần tung đồng xu, Bình tung được mặt sấp 5 lần.

Xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của Bình là: $\frac{5}{10}=\frac{1}{2}$

d) Trong 20 lần tung đồng xu, An và Bình tung được mặt sấp 10 lần.

Xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của 2 bạn là: $\frac{10}{20}=\frac{1}{2}$

◎ Bài 2: An và Bình cùng làm thí nghiệm với việc tung đồng xu. Kết quả như sau:

	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8	Lần 9	Lần 10
An	N	S	S	N	N	S	S	S	N	S
Bình	N	N	N	N	S	N	S	S	S	N

a) An và Bình đã tung đồng xu tất cả bao nhiêu lần?
b) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của An
c) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của Bình.
d) Tính xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" dựa trên kết quả tổng hợp của thí nghiệm của cả hai bạn.

◎Hướng dẫn giải

a) An và Bình đã tung đồng xu tất cả 20 lần
b) Trong 10 lần tung đồng xu, An tung được mặt sấp 6 lần.

Xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của An là: $\frac{6}{10}=\frac{3}{5}$

c) Trong 10 lần tung đồng xu, Bình tung được mặt sấp 4 lần.

Xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của Bình là: $\frac{4}{10}=\frac{2}{5}$

d) Trong 20 lần tung đồng xu, An và Bình tung được mặt sấp 10 lần.

Xác suất của sự kiện "Xuất hiện mặt sấp" trong thí nghiệm của 2 bạn là: $\frac{10}{20}=\frac{1}{2}$

◎ Bài 3: An thực hiện tung 2 đồng xu cùng lúc trong 50 lần được kết quả như sau:

	Hai đồng sấp	Hai đồng ngửa	1 đồng sấp, 1 đồng ngửa
Số lần	15	12	23

Tính xác suất của sự kiện:
a) An tung được hai đồng sấp? b) An tung được 2 đồng khác mặt?

◎Hướng dẫn giải

a) Xác suất của sự kiện "An tung được hai đồng sấp" là: $\frac{15}{50}=\frac{3}{10}$

b) Xác suất của sự kiện "An tung được hai đồng khác mặt" là: $\frac{23}{50}$

Bài 4: An thực hiện tung 2 đồng xu cùng lúc trong 60 lần được kết quả như sau:

	Hai đồng sấp	Hai đồng ngửa	1 đồng sấp, 1 đồng ngửa
Số lần	17	15	28

Tính xác suất của sự kiện:

a) An tung được hai đồng ngửa? b) An tung được ít nhất 1 đồng ngửa?

Hướng dẫn giải

a) Xác suất của sự kiện "An tung được hai đồng ngửa" là: $\frac{15}{60}=\frac{1}{4}$

b) An tung ít nhất 1 đồng ngửa tức là An có thể tung được 2 đồng ngửa hoặc 1 đồng sấp, 1 đồng ngửa

Xác suất của sự kiện "An tung được ít nhất 1 đồng ngửa" là: $\frac{28+15}{60}=\frac{43}{60}$

Bài 5: Trong trò chơi "hộp quà bí mật", cô giáo đặt 4 phần thưởng gồm "1 điểm 10", "1 cái bút", "1 tràng pháo tay", "1 quyển vở" phía dưới hộp quà. Học sinh sẽ chọn ngẫu nhiên một hộp quà và nhận được phần thưởng dưới hộp quà đó.

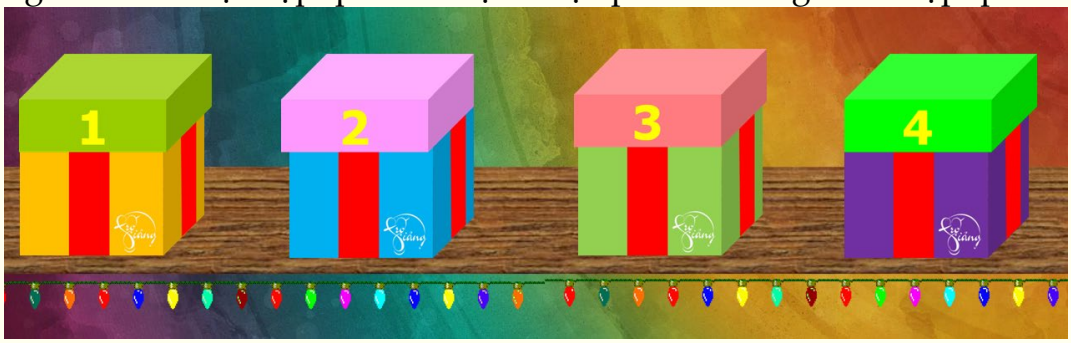

An và Bình là 2 bạn may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được nhận quà

a) An là người chọn đầu tiên. Tính xác suất của sự kiện "An được điểm 10".

b) Giả sử An chọn được hộp quà là một quyển vở. Hỏi xác suất của sự kiện "Bình được điểm 10" là bao nhiêu?

Hướng dẫn giải

a) Xác suất của sự kiện "An được điểm 10" là: $\frac{1}{4}$

b) Xác suất của sự kiện "Bình được điểm 10" là: $\frac{1}{3}$

◎ Bài 6: Trong hộp có 1 viên bi vàng, 1 viên bi xanh lá, 1 viên bi đỏ và 1 viên bi màu xanh da trời. An thực hiện lấy 1 viên bi trong hộp rồi ghi lại màu sắc rồi lại bỏ vào.

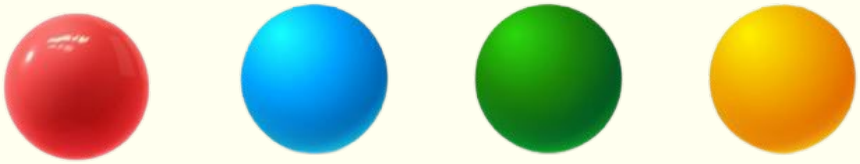

Sau khi thực hiện việc đó khoảng 10 lần, An thu được kết quả như sau:

XL V XL Đ XT Đ Đ V XT XT

Trong đó: V: bi màu vàng; Đ: bi màu đỏ; XL: bi màu xanh lá; XT: bi màu xanh da trời

a) Hãy cho biết kết quả của lần lấy bóng thứ 5 và lần lấy bóng thứ 7.

b) Tính xác xuất của sự kiện An lấy được bi màu vàng

c) Tính xác suất của sự kiện An lấy được bi màu xanh

◎Hướng dẫn giải

a) Kết quả của lần lấy bóng thứ 5 là xanh da trời

Kết quả của lần lấy bóng thứ 7 là đỏ

b) Xác suất của sự kiện "An lấy được bi vàng" là: $\frac{2}{10}=\frac{1}{5}$

c) Xác suất của sự kiện "An lấy được bi màu xanh" là: $\frac{5}{10}=\frac{1}{2}$

◎ Bài 7: Trong hộp có 2 viên bi vàng, 3 viên bi xanh lá, 2 viên bi đỏ và 3 viên bi màu xanh da trời. An thực hiện lấy 1 viên bi trong hộp rồi ghi lại màu sắc rồi lại bỏ vào.

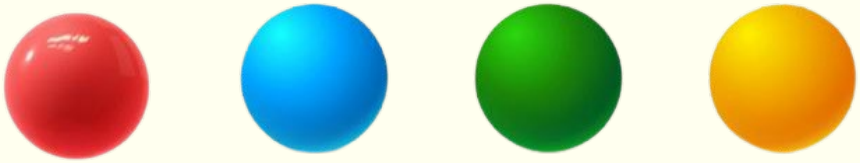

Sau khi thực hiện việc đó khoảng 60 lần, An được 1 bảng như sau:

XL	V	XL	Đ	XT	Đ	Đ	V	XT	XT	XL	Đ
V	XT	XT	XL	Đ	V	V	XL	V	XT	Đ	XL
XT	XT	Đ	V	Đ	XL	Đ	V	V	XT	XL	XL
V	Đ	XL	XL	Đ	V	XT	XT	XL	V	V	Đ
Đ	V	V	V	XL	XT	XT	V	Đ	Đ	XT	XT

Trong đó: V: bi màu vàng; Đ: bi màu đỏ; XL: bi màu xanh lá; XT: bi màu xanh da trời

a) Tính xác suất của sự kiên An lấy được bi màu xanh lá.

b) Tính xác xuất của sự kiện An lấy được bi không phải màu xanh

◎Hướng dẫn giải

a) Xác suất của sự kiện "An lấy được bi màu xanh lá" là: $\frac{13}{60}$

b) Xác suất của sự kiện "An lấy được bi không phải màu xanh" là: $\frac{32}{60}=\frac{8}{15}$

◎ Bài 8: Trong một hộp có chứa nhiều bút bi xanh (X), đen (Đ), và tím (T). An nhắm mặt trộn đều hộp rồi chọn từ đó một cái bút, ghi lại màu bút, rồi trả lại hộp. Lặp lại các bước trên 30 lần, An được bảng kết quả sau:

Đ	Đ	T	X	X	Đ	X	T	T	X
X	Đ	X	Đ	Đ	X	Đ	Đ	X	T
Đ	X	T	X	X	Đ	T	X	X	X

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) An lấy được bút màu xanh.

b) An lấy được bút màu đen.

c) An lấy được bút màu tím.

◎Hướng dẫn giải

a) Xác suất của sự kiện "An lấy được bút màu xanh" là: $\frac{14}{30}=\frac{7}{15}$

b) Xác suất của sự kiện "An lấy được bút màu đen" là: $\frac{10}{30}=\frac{1}{3}$

c) Xác suất của sự kiện "An lấy được bút màu tím" là: $\frac{6}{30}=\frac{1}{5}$

◎ Bài 9: An thực hiện thí nghiệm như sau: Lật một trang trong sách bài tập Toán 6 tập hai, xem số trang và ghi chữ số hàng đơn vị của trang đó. An đã thực hiện thí nghiệm đó 20 lần và thu được kết quả như sau: 9, 3, 7, 5, 7, 7, 5, 5, 5, 3, 5, 1, 9, 3, 7, 3, 5, 1, 1, 3

a) Hãy lập bảng thống kê cho số liệu trên.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Chữ số hàng đơn vị là 5"

c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "chữ số hàng đơn vị nhỏ hơn 5"

◎Đáp số

a) Bảng thống kê cho số liệu trên là:

Số	1	3	5	7	9
Số lần	3	5	6	4	2

b) $\frac{6}{20}=\frac{3}{10}$

c) $\frac{8}{20}=\frac{2}{5}$

◎ Bài 10: An thực hiện thí nghiệm như sau: Lật một trang trong sách bài tập Toán 6 tập hai, xem số trang và ghi chữ số hàng đơn vị của trang đó. An đã thực hiện thí nghiệm đó 20 lần và thu được kết quả như sau: 0, 0, 4, 2, 0, 0, 4, 6, 0, 2, 6, 6, 4, 4, 2, 2, 6, 0, 2, 2

a) Hãy lập bảng thống kê cho số liệu trên.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Chữ số hàng đơn vị là 0"

c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "chữ số hàng đơn vị lớn hơn 4"

◎Đáp số

a) Bảng thống kê cho số liệu trên là:

Số	0	2	4	6
Số lần	6	6	4	4

b) $\frac{6}{20}=\frac{3}{10}$ c) $\frac{4}{20}=\frac{1}{5}$

Bài 11: Trong trò chơi vòng xoay may mắn, An đã may mắn trả lời đúng câu hỏi của cô giáo và được xoay vòng xoay.

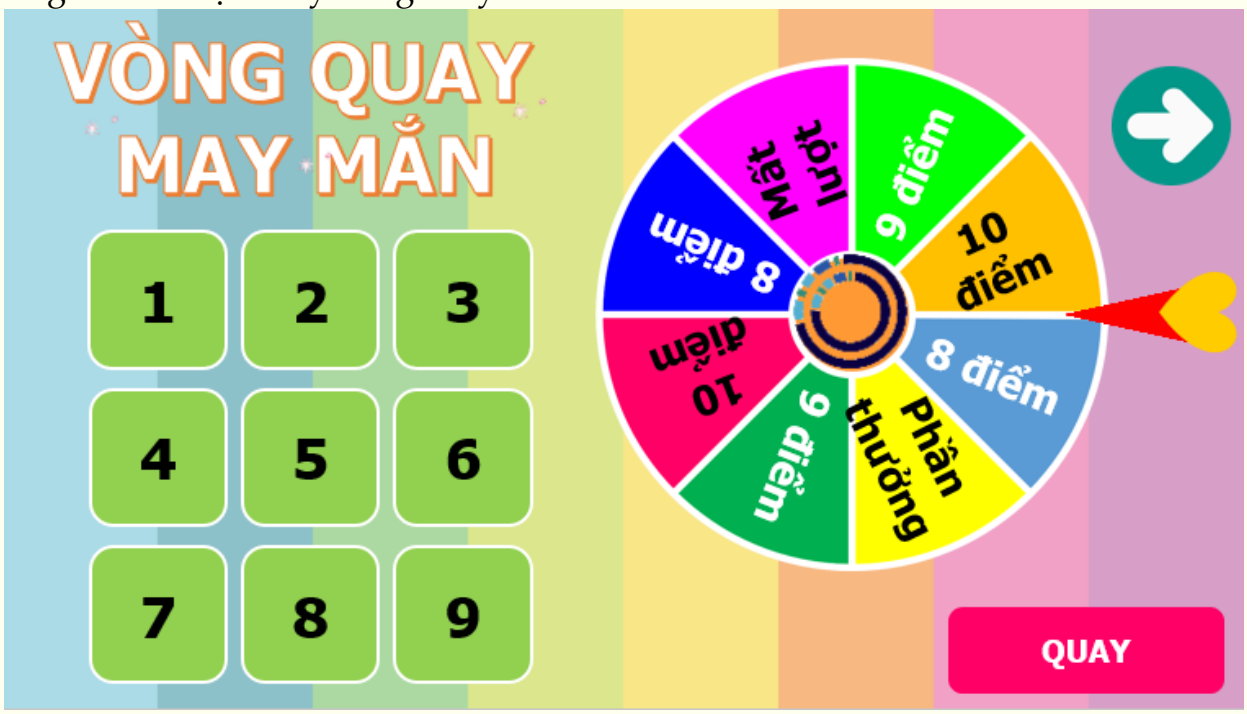

Hỏi sự kiện nào sau đây có thể xảy ra, tính xác suất của các sự kiện sau:

① An xoay vào 1 số chẵn ② An xoay vào 1 số nguyên tố

③ An xoay vào 1 số có 2 chữ số ④ An xoay vào ô mất điểm

Đáp số

Sự kiện 1 và 3 có thể xảy ra

Xác suất xảy ra của các sự kiện 1, 2, 3, 4 lần lượt là: $\frac{1}{2};0;\frac{1}{4};0$

Bài 12: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 100 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	14	20	15	15	17	19

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện

a) Gieo được mặt có 2 chấm.

b) Gieo được mặt có số lẻ chấm.

c) Gieo được mặt có số chấm không vượt quá 3.

d) Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố.

Đáp số

a) $\frac{1}{5}$ b) $\frac{23}{50}$ c) $\frac{49}{100}$ d) $\frac{13}{25}$

Bài 13: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 80 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	10	18	8	12	15	17

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện
a) Gieo được mặt có 3 chấm.
b) Gieo được mặt có số chẵn chấm.
c) Gieo được mặt có số chấm nhỏ hơn 3.
d) Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố.

Đáp số

a) $\frac{1}{10}$ b) $\frac{47}{80}$ c) $\frac{7}{20}$ d) $\frac{41}{80}$

Bài 14: Gieo hai con xúc xắc 6 mặt 10 lần ta được kết quả như sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Súc sắc 1	6	5	4	6	4	2	2	1	5	4
Súc sắc 2	5	5	5	6	3	3	1	4	4	5

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện
a) Số chấm của 2 súc sắc là như nhau.
b) Số chấm ở hai súc sắc hơn kém nhau 1 đơn vị.
c) Tổng số chấm ở 2 súc sắc không vượt quá 7.
d) Tổng số chấm ở hai súc sắc là một số nguyên tố.

Đáp số

a) $\frac{1}{5}$ b) $\frac{7}{10}$ c) $\frac{2}{5}$ d) $\frac{1}{2}$

Bài 15: An và Bình cùng chơi trò cá ngựa:

Biết rằng để được cắm ngựa và di chuyển thì phải đổ súc sắc được số chấm là 6. Bảng sau ghi lại số chấm trên mặt súc sắc mà các bạn đổ được 10 lần liên tiếp:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
An	4	6	4	6	4	2	2	1	5	4
Bình	5	5	5	6	3	3	1	4	4	5

a) Bạn nào được cắm ngựa đi trước?
b) Tính xác suất của sự kiện 2 bạn cùng cắm ngựa đi cùng lúc?
c) Tính xác suất của sự kiện số chấm trên súc sắc của Bình hơn của An 1 đơn vị?

Đáp số

a) An b) $\frac{1}{10}$ c) $\frac{2}{5}$

Bài 16: An rút lá bài 40 lần và 5 lần trúng lá 3 cơ. Tính xác suất của sự kiện:

a) An rút trúng lá 3 cơ b) An không rút trúng lá 3 cơ

Đáp số

a) $\frac{1}{8}$ b) $\frac{7}{8}$

Bài 17: An rút lá bài 40 lần và kết quả của 40 lần rút đó như sau:

8	10	A	5	6	A	3	J	A	Q
6	10	K	Q	A	6	7	9	K	5
Q	K	7	10	6	8	5	A	Q	3
4	6	9	10	6	J	10	A	Q	8

Tính xác suất của sự kiện

a) An rút cây Át

b) An rút trúng lá mặt người

c) An rút trúng lá bài là số nguyên tố

Đáp số

a) $\frac{3}{20}$ b) $\frac{1}{4}$ c) $\frac{7}{40}$

Bài 18: Một xạ thủ bắn 20 mũi tên vào một tấm bia. Điểm số của các lần bắn cho ở bảng sau

8	7	9	10	7	6	8	9	10	10
8	8	9	9	10	10	6	9	9	8

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi lần bắn:

a) Xạ thủ bắn được 10 điểm.

b) Xạ thủ bắn được ít nhất 9 điểm.

Đáp số

a) $\frac{1}{4}$ b) $\frac{11}{20}$

Bài 19: Một xạ thủ bắn 30 mũi tên vào một tấm bia. Điểm số của các lần bắn cho ở bảng sau

8	7	9	10	7	6	8	9	10	10
8	8	9	9	10	10	6	9	9	8
9	10	8	7	9	10	8	8	9	9

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi lần bắn:

a) Xạ thủ bắn được 10 điểm.

b) Xạ thủ bắn được ít nhất 8 điểm.

Đáp số

a) $\frac{7}{30}$ b) $\frac{5}{6}$

Bài 20: Gieo một con xúc xắc 4 mặt 50 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Số xuất hiện	1	2	3	4
Số lần	12	14	15	9

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Gieo được đỉnh số 4.
b) Gieo được đỉnh có số chẵn.

Đáp số

a) $\frac{9}{50}$ b) $\frac{23}{50}$

Bài 21: Gieo một con xúc xắc 4 mặt 40 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Số xuất hiện	1	2	3	4
Số lần	10	15	8	7

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Gieo được đỉnh số 2.
b) Gieo được đỉnh có số lẻ.
c) Gieo được đỉnh là số nguyên tố

Đáp số

a) $\frac{3}{8}$ b) $\frac{9}{20}$ c) $\frac{23}{40}$

Bài 22: Gieo hai con xúc xắc 4 mặt 10 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Xúc xắc 1	1	4	3	3	2	4	2	1	4	3
Xúc xắc 2	1	2	2	4	1	2	3	4	3	3

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Hai xúc sắc có đỉnh giống nhau.
b) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 1 đơn vị.
c) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 2 đơn vị
d) Hai xúc sắc có tổng ở đỉnh không vượt quá 5
e) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số lẻ
f) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số chẵn

Đáp số

a) $\frac{1}{5}$ b) $\frac{1}{2}$ c) $\frac{1}{5}$ d) $\frac{1}{2}$ e) $\frac{3}{5}$ f) $\frac{2}{5}$

Bài 23: Gieo hai con xúc xắc 4 mặt 10 lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như bảng sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Xúc xắc 1	3	2	1	2	3	1	4	2	2	3
Xúc xắc 2	1	2	1	1	3	4	3	4	2	2

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:
a) Hai xúc sắc có đỉnh giống nhau.
b) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 1 đơn vị.
c) Hai xúc sắc có đỉnh hơn kém nhau 2 đơn vị
d) Hai xúc sắc có tổng số chấm không vượt quá 5
e) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số lẻ
f) Hai xúc sắc có tổng số ở đỉnh là số chẵn

Đáp số

a) $\frac{2}{5}$ b) $\frac{3}{10}$ c) $\frac{1}{5}$ d) $\frac{7}{10}$ e) $\frac{2}{5}$ f) $\frac{3}{5}$

Bài 24: Xoay một con quay 100 lần rồi ghi lại thời gian con quay quay được ở bảng sau:

Thời gian (Giây)	< 10	10 – 19	20 – 29	30 – 39	40 – 49	50 – 59	> 59
Số lần	14	8	19	26	12	14	7

Hãy tính xác suất của sự kiện:
a) Thời gian xoay của con quay từ 20 đến 29 giây
b) Thời gian xoay của con quay không vượt quá 20 giây

Đáp số

a) $\frac{19}{100}$ b) $\frac{11}{50}$

Bài 25: Xoay một con quay 100 lần rồi ghi lại thời gian con quay quay được ở bảng sau:

Thời gian (Giây)	< 10	10 – 19	20 – 29	30 – 39	40 – 49	50 – 59	> 59
Số lần	10	11	20	26	15	13	5

Hãy tính xác suất của sự kiện:
a) Thời gian xoay của con quay dưới 30 giây
b) Thời gian xoay của con quay trên 40 giây

Đáp số

a) $\frac{41}{100}$ b) $\frac{33}{100}$

◎ Bài 26: Thầy giáo thống kê thời gian làm bài của 45 học sinh trong lớp, kết quả thu được trong bảng sau:

Thời gian (phút)	<3	$3-5$	$6-8$	$9-10$	>10
Số học sinh	3	18	14	8	2

Hãy tính xác suất của sự kiện:
a) Học sinh trong lớp làm bài từ 3 đến 5 phút
b) Học sinh trong lớp làm bài dưới 6 phút
c) Học sinh trong lớp làm bài từ 9 phút trở lên

◎Đáp số

a) $\frac{2}{5}$ b) $\frac{7}{15}$ c) $\frac{2}{9}$

◎ Bài 27: Tỉ số 20 trận thi đấu gần đây nhất giữa hai đội bóng **A** và **B** được cho ở bảng sau:

Trận	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**
1	1–2	5	2–2	9	2–2	13	1–1	17	3–2
2	1–3	6	3–1	10	0–2	14	0–1	18	0–2
3	2–1	7	2–3	11	3–1	15	1–3	19	2–4
4	0–4	8	3–4	12	2–3	16	2–1	20	2–2

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi trận đấu:
a) Đội **A** thắng đội **B.** b) Hai đội hòa nhau.
c) Đội **B** ghi được hơn A 1 bàn thắng. d) Tổng số bàn thắng hai đội ghi lớn hơn 4.

◎Đáp số

a) $\frac{1}{4}$ b) $\frac{1}{5}$ c) $\frac{1}{4}$ d) $\frac{1}{4}$

◎ Bài 28: Tỉ số 20 trận thi đấu gần đây nhất giữa hai đội bóng **A** và **B** được cho ở bảng sau:

Trận	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**	**Trận**	**Tỉ số (A-B)**
1	2–1	5	0–4	9	2–2	13	2–4	17	1–1
2	1–3	6	3–2	10	1–2	14	2–3	18	0–2
3	2–2	7	0–1	11	3–1	15	3–1	19	1–3
4	2–3	8	3–4	12	1–1	16	2–1	20	2–2

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi trận đấu:
a) Đội **A** thắng đội **B.** b) Hai đội hòa nhau.

c) Đội **B** ghi được hơn **A** 1 bàn thắng. d) Tổng số bàn thắng hai đội ghi lớn hơn 4.

Đáp số

a) $\frac{1}{4}$ b) $\frac{1}{4}$ c) $\frac{1}{5}$ d) $\frac{1}{4}$

Bài 29: An thực hiện một điều tra về mối liên quan giữa thuốc lá và bệnh đường hô hấp. Em đã hỏi ngẫu nhiên 20 nam giới ở độ tuổi từ 40 đến 50 và được bảng kết quả sau

STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không
1	Có	Có	**8**	Có	Có	**15**	Có	Không
2	Không	Có	**9**	Không	Không	**16**	Không	Không
3	Không	Không	**10**	Có	Không	**17**	Có	Có
4	Không	Không	**11**	Không	Không	**18**	Không	Không
5	Có	Có	**12**	Không	Không	**19**	Có	Có
6	Không	Không	**13**	Có	Có	**20**	Không	Có
7	Không	Có	**14**	Không	Có			

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện:
a) Người được hỏi có hút thuốc.
b) Người được hỏi không mắc bệnh đường hô hấp.
c) Người được hỏi có hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.
d) Người được hỏi không hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.

Đáp số

a) $\frac{2}{5}$ b) $\frac{1}{2}$ c) $\frac{3}{20}$ d) $\frac{1}{5}$

Bài 30: An thực hiện một điều tra về mối liên quan giữa thuốc lá và bệnh đường hô hấp. Em đã hỏi ngẫu nhiên 30 nam giới ở độ tuổi từ 40 đến 50 và được bảng kết quả sau

STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không	STT	Có hút thuốc hay không	Có mắc bệnh đường hô hấp không
1	Có	Có	**11**	Có	Có	**21**	Có	Không
2	Không	Có	**12**	Không	Không	**22**	Không	Không
3	Không	Không	**13**	Có	Không	**23**	Có	Có
4	Không	Không	**14**	Không	Không	**24**	Không	Không
5	Có	Có	**15**	Không	Không	**25**	Có	Có
6	Không	Không	**16**	Có	Có	**26**	Không	Có
7	Không	Có	**17**	Không	Có	**27**	Không	Không
8	Có	Có	**18**	Không	Không	**28**	Không	Không
9	Không	Có	**19**	Có	Có	**29**	Có	Không
10	Không	Không	**20**	Có	Có	**30**	Không	Có

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện:
a) Người được hỏi có hút thuốc.
b) Người được hỏi không mắc bệnh đường hô hấp.
c) Người được hỏi có hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.
d) Người được hỏi không hút thuốc và bị mắc bệnh đường hô hấp.

Đáp số

a) $\frac{3}{5}$ b) $\frac{3}{4}$ c) $\frac{9}{20}$ d) $\frac{3}{10}$

Bài 31: An quay tấm bìa như hình dưới đây một số lần và ghi kết quả dưới dạng bảng như sau:

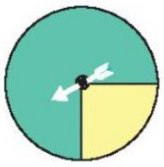

Xanh	Vàng
𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 |	𝍸 𝍸 ||||

a) An đã quay tấm bìa bao nhiêu lần?
b) Có bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu xanh, bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu vàng?
c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Mũi tên chỉ vào ô màu xanh"

Đáp số

a) 35 lần b) xanh: 21 lần, vàng 14 lần c) $\frac{3}{5}$

Bài 32: An quay tấm bìa như hình dưới đây một số lần và ghi kết quả dưới dạng bảng như sau:

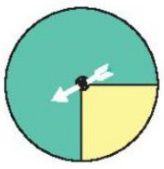

Xanh	Vàng
𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 III	𝍸 𝍸 𝍸 II

a) An đã quay tấm bìa bao nhiêu lần?
b) Có bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu xanh, bao nhiêu lần mũi tên chỉ vào ô màu vàng?
c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Mũi tên chỉ vào ô màu xanh"

Đáp số

a) 45 lần b) xanh: 28 lần, vàng 17 lần c) $\frac{28}{45}$

Bài 33: Trong một hộp đựng 2 quả bóng xanh, 3 quả bóng vàng và 1 quả bóng đỏ (có cùng kích thước). An lấy bóng mà không nhìn vào túi.

a) Quả bóng An lấy ra có thể có màu gì?
b) Em hãy lấy một quả bóng từ hộp đó 20 lần, sau mỗi lần ghi lại xem quả bóng có màu gì rồi trả bóng lại hộp trước khi lấy lần sau và hoàn thiện bảng sau:

Màu bóng	Xanh	Vàng	Đỏ
Số lần			

c) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu trên.
d) Quả bóng lấy ra màu gì là hay gặp nhất? Ít gặp nhất?
e) Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện "quả bóng lấy ra có màu xanh"; "quả bóng lấy ra có màu vàng", "quả bóng lấy ra có màu đỏ"

Đáp số

a) Xanh, đỏ, vàng
b) HS tự thí nghiệm và rút ra kết quả

Bài 34: An và bình cùng chơi một trò chơi như sau

An và Bình cùng quay một tấm bìa như hình bên. Nếu mũi tên chỉ vào số chẵn thì An thắng, nếu mũi tên chỉ vào số lẻ thì Bình thắng. Hai bạn cùng quay 30 lượt và số điểm mỗi lần được thể hiện trong bảng sau:

8	8	4	6	3	7	1	7	5	6
6	1	3	3	5	6	3	1	4	5
8	6	8	5	4	6	3	7	8	3

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "An thắng"; "Bình thắng"
b)Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số ván thắng của An, Bình

Đáp số

a) $\frac{7}{15}$; $\frac{8}{15}$

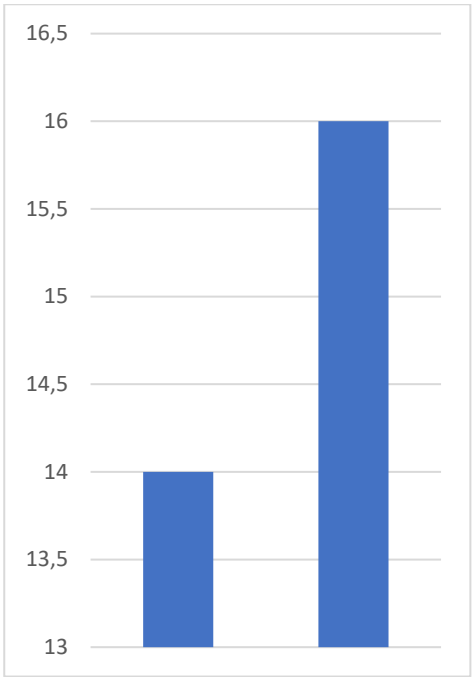

Bài 35: Tổng hợp kết quả test nhanh Covid ở một bệnh viện trong 1 tuần của tháng 11 năm 2021 ta được bảng sau:

Thứ	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ nhật
Số ca xét nghiệm	250	200	245	280	354	300	180
Số ca dương tính	18	45	23	35	50	45	20

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện một ca xét nghiệm có kết quả dương tính:
a) Theo từng ngày trong tuần đó. b) Trong 1 tuần đó

Đáp số

a) Thứ hai: $\frac{9}{125}$ Thứ ba: $\frac{9}{40}$ Thứ tư: $\frac{23}{245}$

Thứ năm: $\frac{1}{8}$ Thứ sáu: $\frac{25}{177}$ Thứ bảy: $\frac{3}{20}$

Chủ nhật: $\frac{1}{9}$

b) $\frac{236}{1809}$

Bài 36: Kiểm tra thị lực của học sinh ở một trường THCS ta thu được bảng kết quả như sau:

Khối	6	7	8	9
Số HS được kiểm tra	430	450	430	550
Số HS bị tật về mắt (cận, viễn, loạn)	70	75	90	110

a) Hãy tính và so sánh xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật về mắt" theo từng khối lớp.
b) Hãy tính xác suất thực nghiệm "học sinh bị tật về mắt" của toàn trường

Đáp số

a) Xác suất của sự kiện "Học sinh bị tật về mắt" theo từng khối lớp là:

Khối 6: $\frac{7}{43}$ Khối 7: $\frac{1}{6}$ Khối 8: $\frac{9}{43}$ Khối 9: $\frac{1}{5}$

$\frac{7}{43} < \frac{1}{6} < \frac{1}{5} < \frac{9}{43}$

Khối 6 < Khối 7 < khối 9 < khối 8

b) $\frac{23}{124}$

Bài 37: Kết quả kiểm tra môn Toán và Ngữ văn học kì 1 của một lớp được cho ở bảng sau:

Toán \ Văn	Giỏi	Khá	Trung bình
Giỏi	15	8	1
Khá	3	8	4
Trung bình	1	3	2

(Ví dụ: số học sinh có kết quả Toán giỏi, Văn khá là 8, Toán khá, Văn giỏi là 3)
Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện một học sinh được chọn ra một cách ngẫu nhiên có kết quả:
a) Môn Toán đạt loại giỏi; b) Loại khá trở lên ở cả hai môn;
c) Loại trung bình ở ít nhất một môn

Đáp số

a) $\frac{24}{45} = \frac{8}{15}$ b) $\frac{34}{45}$ c) $\frac{8}{45}$

Bài 38: An và Bình cùng chơi oẳn tù tì

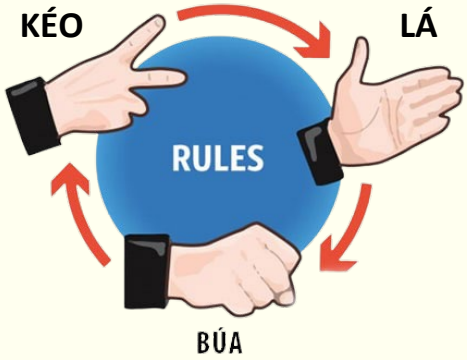

Các bạn chơi 1 ván gồm 10 lần theo luật chơi: búa (B) thắng kéo (K); kéo (K) thắng lá (L), lá (L) thắng búa (B) và hòa nếu cùng loại. Sau đây là kết quả của 1 ván chơi:

Lần thứ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
An	B	L	K	K	L	B	K	B	K	L
Bình	K	B	K	L	B	L	L	K	B	B

a) Tính xác suất của sự kiện "An ra búa"
b) Tính xác suất của sự kiện "An thắng"

Đáp số

a) $\frac{3}{10}$ b) $\frac{7}{10}$

Bài 39: Trước khi đóng gói hàng đem đi bán, các nhà sản xuất cần phải kiểm tra lại chất lượng. Trong một xưởng sản xuất bình sứ cũng như vậy. Trước khi giao 500 bình hoa cho người bán, nhà sản xuất kiểm tra thấy có 6 bình không đảm bảo chất lượng. Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện "Bình hoa kiểm tra đảm bảo chất lượng"

Đáp số

$\frac{6}{500} = \frac{3}{250}$

◎ Bài 40: Thống kê trong sáng nay tại một quán trà sữa, trong 115 khách đến mua đồ uống có tới 80 khách dùng trà sữa nướng

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện: "Khách dùng trà sữa nướng"

b) Với tỉ lệ như vậy, hãy ước tính xem quán sẽ bán được bao nhiêu cốc trà sữa nướng nếu có 200 khách đến mua vào sáng hôm sau.

◎Đáp số

a) $\frac{16}{23}$ b) 139